

Lời Tựa

Tôi đặt tên tập sách này là Lều Xưa, không phải vì nó kể về một nơi chốn cụ thể, mà bởi trong tâm trí tôi vẫn in đậm hình ảnh một căn lều mộc mạc nào đó – nơi tôi từng ngồi lặng yên nghe tiếng mưa rơi, nhìn làn khói bếp tỏa lên trong buổi chiều vắng lặng, và suy ngẫm về những về những bóng mây của quá khứ.

Lều Xưa được viết từ những ký ức ấy – không phải để kể lại chuyện cũ một cách ôn ào, mà như một lời mời dịu dàng: hãy ngồi xuống bên nhau, rót chén trà ấm, và cùng nhau lắng nghe vài câu chuyện đời xưa, đời nay.

Những truyện trong tập sách này được viết vào nhiều thời điểm khác nhau, từ nhiều trạng thái tâm hồn – có câu chuyện đến như giấc mộng thoáng qua giữa đêm khuya, có câu chuyện tựa chiếc lá khô nhạt được trong một buổi chiều tình cờ. Có truyện mang dáng dấp cổ tích xưa, có truyện lại là chút tưởng tượng vu vơ về một thế giới giả tưởng. Có những đoạn văn chỉ là tiếng vọng của một tiếng chim, một mùi hương thoảng qua, hay ánh nắng dịu dàng chạm nhẹ vào vai áo tuổi thơ.

Mỗi truyện là một lát cắt mỏng manh của cuộc sống – khi là buổi sáng tĩnh lặng trên con đò trôi bồng bềnh giữa dòng Cửu Long, khi là hình ảnh người thợ ảnh lặng lẽ đóng cửa tiệm khi thời hoàng kim của phim ảnh đã lùi vào dĩ vãng, khi chỉ là hương tro bếp thoảng qua trong ký ức. Mỗi truyện như

một nhánh sông nhỏ, nhẹ nhàng tách ra rồi lại hòa vào dòng chảy lớn, để cuối cùng lắng đọng trong lòng người đọc một nỗi niềm chung: hoài niệm về những điều tưởng đã quên, mà hóa ra vẫn âm ỉ cháy như ngọn lửa leo lét giữa bếp lạnh.

Tôi không quá bận tâm đến thể loại. Truyện giả tưởng, thần thoại phóng tác, hồi ký, tùy bút, đôi khi chỉ là một đoạn văn không cốt truyện – tất cả với tôi đều như những nhánh rẽ nhỏ dẫn về cùng một cội nguồn. Và cội nguồn ấy, có lẽ, là một nỗi mong manh muốn lắng lại, muốn chạm vào điều gì đó nguyên sơ và tĩnh lặng – như bóng mát nằm yên dưới tán cây một buổi trưa tháng Sáu.

Tôi không viết để kể chuyện của riêng mình, mà để gửi gắm chút gì đó đến những người từng sống như thế – những con người âm thầm giữ lửa, những tiệm ảnh đóng cửa vì thời thế đổi thay, những con thuyền xuôi ngược trên dòng Cừ Long mang theo bao phận người.

Lều Xưa vừa là hồi ức, vừa là lời tri ân. Tri ân quê hương, tri ân người thân, và tri ân cuộc đời – đã cho tôi đủ vốn sống để giờ đây, khi nhìn lại, có thể mỉm cười hiền hòa mà kể lại vài mẩu chuyện cũ với tất cả sự trân trọng và ảm áp.

Có người bảo truyện của tôi mang màu sắc triết lý. Có lẽ đúng. Nhưng đó không phải là triết lý để giảng giải, mà là thứ lặng lẽ ẩn chứa trong đời sống: trong một tiếng thở dài, một ánh mắt nhìn xa xăm, một bước chân trở về. Cái đẹp, nếu có, cũng không đến từ cấu trúc hay ngôn từ hoa mỹ, mà từ sự giản dị mà lòng người đã lãng quên.

Tôi không kỳ vọng Lều Xưa sẽ mang lại điều gì lớn lao. Nếu có thể, tôi chỉ mong nó trở thành một góc nhỏ bên đường, nơi ai đó tình cờ ghé lại, rót chén trà, đọc vài trang rồi mỉm cười, lặng lẽ bước tiếp hành trình của mình.

Lê Tấn Tài

Ván Cờ Trăm Năm

Lê Tấn Tài



Nguyễn, một chàng trai trẻ ham mê khám phá thiên nhiên, thường lang thang trong khu rừng gần làng Phong Sơn để tìm dược thảo. Một buổi chiều, khi hoàng hôn buông xuống nhuộm đỏ bầu trời, anh vô tình phát hiện một lối đi nhỏ khuất sau những bụi rậm. Sự tò mò thôi thúc Nguyễn bước vào, những con đường quen thuộc biến mất, thay vào đó là một khu rừng rậm rạp mà anh chưa từng thấy bao giờ. Không ngờ đây là khởi đầu cho một câu chuyện ly kỳ.

Con đường nhỏ dẫn anh đi sâu vào một khu rừng u tịch. Không gian trở nên âm u, khí lạnh quần lấy từng bước chân. Lối mòn bị nuốt chửng trong bóng tối, hình như rừng đang dần khép kín để giam giữ anh. Nguyễn cố quay lại, lối mòn phía sau bỗng dưng biến mất. Trời không gió, nhưng anh lại nghe tiếng lá xào xạc. Trong khoảnh khắc, anh cảm giác như bị một lực vô hình dẫn dắt, kéo anh tiến sâu hơn.

Sau một hồi dò dẫm, Nguyễn bất ngờ đến trước một khoảng trống rộng lớn. Một cây cổ thụ khổng lồ sừng sững giữa không gian, cành lá vươn dài tựa như những cánh tay che kín bầu trời, rễ bám chặt xuống đất tựa như vuốt của một con mãnh thú. Dưới gốc cây, một ông lão tóc bạc như sương, râu dài phơ phất, đang ngồi trầm ngâm trước một bàn cờ đá. Ánh sáng mờ ảo từ bàn cờ hắt lên gương mặt ông, tạo nên một khung cảnh vừa huyền bí vừa hư ảo.

Ông lão ngẩng đầu, đôi mắt sâu thẳm như chứa đựng cả dòng chảy của thời gian, soi thấu cả tâm can anh. Tiếng nói của ông vang lên như sấm rền: “Người đến rồi. Chẳng phải ngẫu nhiên đâu. Định mệnh đã đưa người đến đây. Ngồi xuống, đấu với ta một ván cờ. Nếu thắng, ta sẽ chỉ đường cho người về. Nếu thua, thời gian sẽ định đoạt mệnh số của người.”

Nguyễn dù hoang mang nhưng cũng không thể từ chối. Anh lặng lẽ ngồi xuống, và thấy như đang đối diện một điều gì đó vượt xa tầm hiểu biết của anh. Ván cờ bắt đầu. Nguyễn tưởng chừng thời gian như ngừng trôi, từng quân cờ di động như thể những con người thật, và mỗi nước đi dường như hiện ra một cảnh tượng khác nhau, mở ra một câu chuyện, một hình ảnh từ ký ức của Nguyễn. Anh thấy mình là một đứa trẻ tung tăng chạy trên cánh đồng, rồi thấy

bóng dáng mẹ anh mờ dần trong những giọt nước mắt. Anh thấy những giấc mơ thời trẻ, những khát khao bị lãng quên trong guồng quay của cuộc sống. Ông lão vừa chơi vừa nói, nghe như tiếng vọng xa xôi, kể những câu chuyện xưa cũ về chiến tranh, tình yêu, sự đổi dời của thời gian. và những câu chuyện huyền bí. Ông kể về một ngôi làng bị lời nguyên bí ẩn, nơi thời gian dừng lại với một số người, khiến họ mãi mãi không thay đổi dù bao nhiêu năm trôi qua. Trong khi đó, với những người khác, thời gian lại trôi nhanh như chớp, khiến họ già nua chỉ trong nháy mắt. Giữa làng, có một chiếc đồng hồ cổ được cho là nguồn gốc của lời nguyên. Kim của chiếc đồng hồ chuyển động thất thường, không theo bất kỳ quy luật nào. Tương truyền, ai có thể giải được bí mật của chiếc đồng hồ sẽ phá bỏ được lời nguyên. Tuy nhiên, đến nay, chẳng ai dám đối mặt với nó, bởi cái giá để hóa giải lời nguyên có thể là sự hy sinh toàn bộ thời gian còn lại của chính họ. Ông chậm rãi lên tiếng: “Thời gian là thứ người sợ hãi nhất, nhưng lại cũng là thứ người lãng phí nhất. Người có biết, mỗi khoảnh khắc trôi qua, người không chỉ mất đi hiện tại, mà còn bỏ lỡ vô số cơ hội tiềm ẩn mà người không nhận ra. Thời gian không phải là kẻ thù, mà là người thầy dạy người bài học về sự hữu hạn.”

Dần dần, Nguyễn nhận ra ván cờ không đơn thuần là trò chơi, anh lặng người, đôi tay nắm chặt quân cờ. Anh nhận ra, từng nước cờ anh đánh không chỉ quyết định thắng thua, mà còn phản ánh chính con người anh - những lựa chọn, những hối tiếc, những khát vọng dang dở.

Ông tiếp lời: “Người nghĩ rằng thời gian là một dòng chảy, nhưng thực ra nó là một vòng xoáy. Người có thể trốn tránh hôm nay, nhưng sẽ gặp lại nó trong một hình hài khác. Ván đề không nằm ở việc người có bao nhiêu thời gian, mà là

ngươi dùng thời gian ấy như thế nào. Ngươi có biết, mỗi quân cờ này đại diện cho một lựa chọn trong đời ngươi. Ngươi có dám đánh đổi tất cả để thắng không?”

Nguyễn gạt đi nỗi hoang mang và dồn toàn bộ tâm trí vào cuộc đấu. Cuối cùng, sau một nước cờ quyết định, Nguyễn thắng. Ánh mắt ông lão ngời sáng, chứa đựng cả sự hài lòng lẫn chút bí ẩn. Ông bật cười lớn: “Tốt! Ngươi đã thắng, nhưng thắng thua vốn dĩ không quan trọng. Điều quan trọng là ngươi có thực sự thấu hiểu ý nghĩa của việc đánh bại ta trong ván cờ này hay không. Đôi khi, sự thắng lợi có thể trở thành một trở ngại nếu ngươi không biết tận dụng thời gian và năng lượng của ngươi để tạo ra giá trị, thay vì chỉ mãi mê chạy theo ánh hào quang của chiến thắng.”

Ông lão chỉ đường về. Nguyễn cúi chào, lòng dạ nặng trĩu bởi những điều vừa trải qua. Anh đi theo lối mòn ông lão chỉ. Khi anh bước qua một bụi cây lớn, một luồng ánh sáng lạ lùng lóe lên, và mọi thứ xung quanh bỗng xoay chuyển. Nguyễn có cảm giác như rơi vào một dòng chảy thời gian vô hình. Khi tỉnh dậy, anh thấy mình đứng trước cổng làng Phong Sơn. Nhưng làng Phong Sơn giờ đây hoàn toàn khác. Những ngôi nhà tranh xưa kia đã thành nhà ngói, con đường đất ngày nào giờ trải đầy đá xanh. Những gương mặt quen thuộc đã biến mất, thay vào đó là những người xa lạ. Nguyễn ngỡ ngàng bước vội tới một nhóm trẻ đang chơi đùa. “Cháu ơi, đây có phải là làng Phong Sơn không?”

Một đứa trẻ ngẩng lên, tròn mắt nhìn anh, ánh mắt vừa tò mò vừa sợ hãi như thấy một hồn ma: “Đúng là làng Phong Sơn, nhưng... bác là ai mà ăn mặc kỳ lạ vậy? Trông bác giống người trong bức tranh cũ ở đình làng.”

Nguyễn lạnh người, tìm đến đình làng, nơi lưu giữ những

gì còn sót lại của thời xưa. Trên bức tường cũ kỹ, anh nhận ra bức tranh vẽ một người đàn ông đang mỉm cười, tay cầm một chiếc túi thảo dược. Dưới bức tranh là dòng chữ mờ nhạt: “Nguyễn, người mất tích trong rừng năm 1824.”

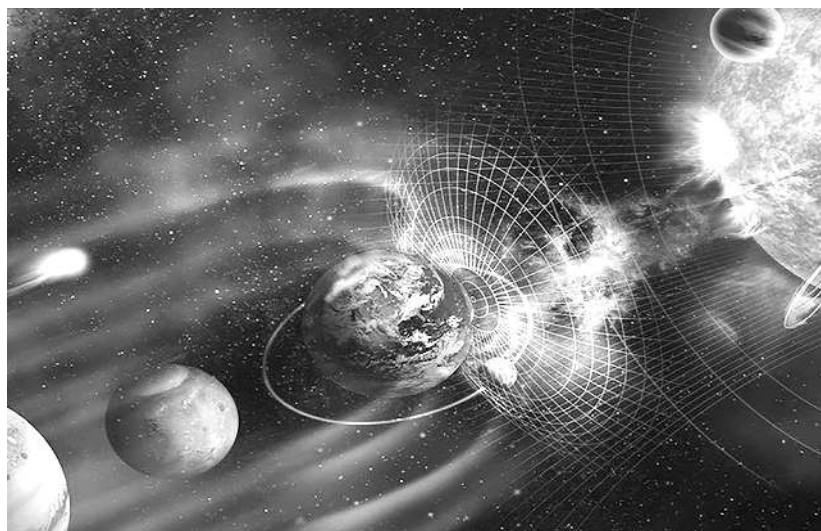
Anh run rẩy hỏi một cụ già đứng gần đó: “Người này là ai vậy?”

Cụ già nhìn anh một hồi lâu, đôi mắt đục ngầu như lạc vào ký ức xa xôi. “Là ông tổ của ta, nghe nói ông ấy vào rừng tìm thuốc, nhưng rồi biến mất.”

Nguyễn sống sờ, gió lạnh thổi qua làm anh lạnh toát. Anh quay lại nhìn khu rừng phía sau, nơi ông lão đánh cờ vẫn ngồi đó trong tâm trí anh. Anh chợt hiểu, ván cờ với ông lão không chỉ là một trò chơi, mà là một thử thách của thời gian, một cuộc đối mặt với chính bản thân. Anh đã đánh mất một thế kỷ, nhưng cũng nhận lại bài học sâu sắc: thời gian là món quà quý giá nhất, bởi nó là thứ duy nhất không bao giờ có thể lấy lại.

Từ đó, Nguyễn sống trong làng như một người lạ, cố gắng thích nghi với cuộc sống mới, Nguyễn sống lặng lẽ, không hé lộ thân phận. Nhưng mỗi đêm, anh vẫn thường nhìn về phía khu rừng, nơi ánh sáng mờ ảo dưới cây cổ thụ như mời gọi, và âm vang giọng nói của ông lão: “Thời gian không trôi qua, chỉ có con người trôi qua thời gian. Mọi thứ chỉ là khởi đầu.”

San Jose mùa đông 2024



Ngày Mặt Trời Nổi Giận

Vào một ngày đầu tháng bảy, các nhà khoa học tại Trung tâm Vũ trụ Quốc tế phát hiện một sự kiện bất thường từ Mặt Trời: một vụ phóng plasma khổng lồ có cường độ lớn gấp 10 lần bất kỳ sự kiện nào từng được ghi nhận. Với khối lượng plasma khổng lồ và tốc độ hàng triệu km/giờ, sự kiện này dự đoán sẽ gây thiệt hại nghiêm trọng đến từ trường Trái Đất và các thiết bị điện tử. Họ cảnh báo chỉ trong vòng 72 giờ, Trái Đất sẽ phải đối mặt với cơn bão mặt trời mạnh nhất lịch sử loài người. Khi cơn bão đến, màn đêm trên khắp thế giới rực sáng bởi ánh cực quang đỏ rực. Từ quyển của Trái Đất bị xuyên thủng bởi cơn bão từ mạnh đến mức gây ra các vụ nổ điện từ. Toàn bộ hệ thống máy tính, từ siêu máy tính tại các trung tâm nghiên cứu đến điện thoại di động trong tay mỗi người, đều bị xóa sạch dữ liệu. Cáp quang biển bị phá hủy hoàn toàn, khiến Internet trên toàn cầu bị cắt đứt.

Tất cả mọi người, từ các cấp lãnh đạo quốc gia đến các cơ quan truyền thông và cả dân chúng, đều cho rằng đây là sự đối trá và điên rồ của các nhà khoa học. Tuy nhiên, chỉ một tuần sau ngày cảnh báo, hiện tượng đó thực sự xảy ra.

Minh, một nhân viên ngân hàng tại Sài Gòn, vừa bước vào ca làm sáng thứ Hai thì hệ thống máy tính ngân hàng

bất ngờ ngừng hoạt động. Ban đầu, anh nghĩ đây chỉ là một sự cố mạng thông thường. Nhưng khi anh thử khởi động lại hệ thống, tất cả dữ liệu đều biến mất. Các tài khoản khách hàng, báo cáo giao dịch, và cả sổ dư ngân hàng đều trắng xóa.

Chỉ trong vòng 30 phút, hàng trăm khách hàng đã đổ đến chi nhánh. Họ hét lên, đập bàn, đòi rút hết tiền mặt. Minh cố gắng giải thích rằng anh không thể làm gì nếu không có dữ liệu, nhưng điều đó chỉ khiến mọi người phẫn nộ hơn. Một người đàn ông lớn tuổi túm lấy cổ áo Minh, hét toáng lên: “Tiền tiết kiệm cả đời của tôi đâu? Anh nói đi! Anh giấu ở đâu?”

Bên ngoài, dòng người kéo đến ngày càng đông. Cửa kính ngân hàng rung lên khi có người cố phá cửa. Minh cùng các đồng nghiệp buộc phải khóa trái cửa và trốn vào trong phòng lưu trữ. Khi cảnh sát đến, đám đông đã biến thành một cơn bạo loạn, khiến Minh hiểu rằng thế giới anh từng biết đã hoàn toàn sụp đổ.

Linh, một bà mẹ trẻ ở Hà Nội, đang cho con trai 3 tuổi ăn sáng thì điện thoại của cô bất ngờ ngừng hoạt động. Lúc đầu, cô nghĩ đó chỉ là lỗi pin, nhưng khi mở tivi, màn hình chỉ hiện một thông báo ngắn: “Mất tín hiệu. Vui lòng thử lại sau.”

Không lâu sau, tiếng còi xe ngoài đường vang lên inh ỏi. Linh nhìn ra cửa sổ và thấy một cảnh tượng chưa từng thấy: xe cộ hỗn loạn, người đi bộ chạy loạn khắp nơi, nhiều người ôm chặt đầu khóc lóc.

Cô lo sợ điều gì đó tồi tệ đã xảy ra. Cả ngày hôm đó, cô không thể liên lạc với chồng – người đang đi công tác ở Đà Nẵng. Linh gắng gượng dỗ con, nhưng tâm trí cô rối bời.

Buổi tối, khi trời tối đen như mực vì mất điện, con trai cô khóc thét vì sợ. Linh ôm con vào lòng, lặng lẽ cầu nguyện, nhưng trong đầu cô chỉ có một ý nghĩ: “Minh không biết phải làm gì nữa...”

Hùng đang lái xe tải chở hàng trên quốc lộ 1 thì chiếc GPS trên xe bỗng nhiên tắt ngúm. Anh cố tìm tín hiệu radio để kiểm tra nhưng tất cả đều mất. Chưa kịp hiểu chuyện gì xảy ra, anh nhận ra toàn bộ đèn giao thông trước mặt đã ngừng hoạt động.

Xe cô tấp nập từ bốn phía ùn lên như sóng. Một chiếc xe máy bất ngờ lao ra trước mũi xe anh, khiến anh thắng gấp. Nhưng thắng không ăn vì hệ thống điện tử bị vô hiệu hóa. Xe tải của anh lao vào một chiếc ô tô con, gây ra tai nạn dây chuyền.

Trong cơn hỗn loạn, Hùng cố gắng thoát khỏi cabin. Xung quanh anh là những tiếng la hét, những người bị thương nằm la liệt. Anh nhìn chiếc xe tải – tài sản quý giá nhất của mình – đang bốc cháy mà không thể làm gì. Hùng ngồi sụp xuống giữa đường, mồ hôi và nước mắt hòa lẫn, lắm bầm: “Mọi thứ chấm hết rồi...”

Mai, sinh viên Đại Học Đà Lạt, đang ngồi học nhóm với bạn thì đèn trong phòng học vụt tắt. Điện thoại của cô cũng mất sóng ngay lập tức. Các bạn trong nhóm cười đùa, bảo rằng trường cúp điện như thường lệ. Nhưng vài phút sau, khi ra ngoài, họ nhận ra rằng cả thành phố đã chìm trong bóng tối. Không còn mạng để tìm thông tin, nhóm bạn bắt đầu hoang mang. Mai cố gọi về cho mẹ ở quê nhưng không thể liên lạc. Khi đi ngang qua siêu thị, cô thấy đám đông chen lấn giành giật từng túi mì tôm và chai nước. Một người đàn bà kéo lê hai bao gạo ra xe đạp, miệng hét lớn: “Không

mua nhanh là không còn gì đâu!”

Mai bắt đầu cảm nhận được sự bất lực của mình. Không còn tiền mặt trong túi, không thể liên lạc với người thân, cô chỉ biết đi bộ trở về phòng trọ trong đêm tối lạnh lẽo. Trong lòng cô tràn ngập nỗi lo sợ: “Làm sao mình sống sót qua những ngày tới đây?”

Ông Bình, ngư dân Quảng Ngãi, đang lái thuyền chở cá về bờ thì la bàn trên thuyền đột nhiên ngừng hoạt động. Ông ngẩng lên nhìn trời, nhưng các ngôi sao bị che khuất bởi những ánh sáng đỏ kỳ lạ. Đám thuyền viên xôn xao, nói rằng thần linh nổi giận.

Khi không thể xác định hướng, ông Bình quyết định cho thuyền neo lại chờ trời sáng. Nhưng ngay trong đêm, một cơn bão từ trường đã làm sóng biển trở nên dữ dội hơn bao giờ hết. Thuyền của ông bị đẩy trôi xa hàng chục hải lý. Trong sự hỗn loạn, một thuyền viên hét lên: “Ông trời trừng phạt loài người rồi!”

Không còn cách nào khác, ông Bình chỉ biết cầu nguyện cho thuyền và cả đội thoát khỏi cơn thịnh nộ của biển cả. Nhưng trong lòng ông dấy lên nỗi lo lớn hơn: “Nếu từ trường biến mất, liệu biển này có còn là nơi nương tựa của dân chài nữa không?”

Không riêng ở Việt Nam mà trên khắp thế giới đều rơi vào hoàn cảnh hỗn loạn tương tự.

Sarah nhà đầu tư tài chính tại New York, đang ngồi trước ba màn hình máy tính tại văn phòng của mình, theo dõi biến động thị trường chứng khoán toàn cầu. Chỉ vài phút trước, cổ phiếu của công ty cô đầu tư đã tăng mạnh, và cô dự tính bán ra để kiếm lời. Nhưng rồi tất cả màn hình bỗng tối đen.

Điện thoại của Sarah rung lên liên tục với những cuộc gọi

từ khách hàng. Nhưng khi cô nhấn máy, không có tín hiệu. Đài phát thanh trong văn phòng cũng ngừng phát sóng. Cô chạy ra ngoài ban công tòa nhà và thấy khung cảnh hỗn loạn bên dưới: xe cộ dừng lại giữa đường, tiếng còi báo động vang lên khắp nơi, và người dân đổ xô đến các ngân hàng gần đó.

Khi Sarah về nhà, cô mở két sắt lấy ra một ít tiền mặt và vội vã đến siêu thị. Nhưng kệ hàng đã trống trơn, và hàng người chờ đợi thanh toán kéo dài cả cây số. Trong dòng người hỗn loạn, một người đàn ông gào lên: “Chúng ta đang quay về thời kỳ đồ đá!”

Sarah đứng chết lặng, nhận ra rằng mọi khoản đầu tư, tài sản kỹ thuật số của cô đều đã trở thành vô nghĩa.

Hiroshi, kỹ sư robot tại Tokyo, vừa hoàn thành ca làm việc tại trung tâm nghiên cứu robot tự hành. Anh tự hào về những bước tiến mà đội nhóm mình đạt được trong lĩnh vực AI. Nhưng tối hôm đó, khi đang trên tàu điện ngầm về nhà, toàn bộ hệ thống tàu bỗng dừng dừng lại giữa đường hầm.

Những hành khách xung quanh bắt đầu lo lắng. Hệ thống loa thông báo không hoạt động, và không khí trong toa tàu trở nên ngột ngạt. Một người phụ nữ lớn tuổi ngồi sụp xuống, thở hổn hển vì hoảng loạn. Hiroshi cố giữ bình tĩnh và lấy điện thoại ra để gọi trợ giúp, nhưng không có tín hiệu.

Khi anh bước ra khỏi ga tàu, Tokyo – thành phố công nghệ cao bậc nhất thế giới – chìm trong bóng tối. Xe ô tô không thể chạy vì hệ thống lái tự động đã bị vô hiệu hóa. Hiroshi nhìn lên trời, thấy ánh cực quang đỏ rực, và thầm nghĩ: “Tất cả những công nghệ mà chúng ta xây dựng hóa ra lại quá mong manh trước tự nhiên.”

Maria, một cô gái quê ở Rio de Janeiro, đang thu hoạch cà phê trên cánh đồng cùng gia đình thì mặt trời đột nhiên tối

sẫm. Không phải vì mây che, mà bởi ánh sáng từ cực quang kỳ lạ phủ kín bầu trời. Những người lớn tuổi trong làng nói đây là điềm báo xấu.

Maria vội chạy về nhà để kiểm tra kho lương thực. Nhưng khi bật công tắc, đèn không sáng. Chiếc radio cũ mà gia đình thường nghe tin tức cũng chỉ phát ra tiếng rè rè.

Ngày hôm sau, những thương lái không đến thu mua cà phê như thường lệ. Maria nghe loáng thoáng tin đồn rằng hệ thống ngân hàng và giao thông đều tê liệt. Cô đứng giữa cánh đồng, nhìn những bao cà phê chồng chất mà không biết sẽ làm gì tiếp theo. Không ai mua hàng, không có điện, và giờ đây, cô còn không biết lấy gì để nuôi sống gia đình.

Ahmed đang trực ca đêm tại một bệnh viện lớn ở Cairo. Đột nhiên, tất cả thiết bị y tế trong phòng cấp cứu ngừng hoạt động. Máy đo nhịp tim, máy thở, và cả hệ thống đèn chiếu sáng đều tắt. Ahmed cùng các y tá phải dùng đèn pin cầm tay để tiếp tục cấp cứu cho bệnh nhân.

Một người đàn ông lớn tuổi đang bị đau tim nằm trên giường bệnh. Không có máy thở hoạt động, ông ta càng lúc càng khó thở. Ahmed cố gắng dùng các biện pháp thủ công để giúp ông sống sót, nhưng cuối cùng, ông ấy qua đời vì không thể chống chọi.

Ahmed bước ra ngoài hành lang, nhìn hàng trăm bệnh nhân đang chen chúc chờ đợi trong bóng tối. Nhiều người gào khóc vì mất người thân. Anh siết chặt tay, cảm thấy bất lực hơn bao giờ hết. “Chúng tôi là bác sĩ, nhưng không thể làm gì khi tất cả công cụ đều bị vô hiệu hóa...”

Olga, nữ giáo viên tiểu học tại Moskva, đang đứng lớp giảng bài về địa lý khi học sinh của cô hét lên và chỉ tay ra cửa sổ. Trời bên ngoài rực sáng với ánh cực quang xanh và

đỏ, một cảnh tượng kỳ lạ mà chưa ai từng thấy.

Ngay sau đó, đèn trong lớp tắt phụt, và bảng điện tử cũng ngừng hoạt động. Olga bảo học sinh ngồi yên, nhưng đám trẻ bắt đầu hoảng sợ. Một vài em khóc lớn, đòi gọi cho bố mẹ.

Khi Olga cố liên lạc với ban giám hiệu, cô nhận ra toàn bộ hệ thống liên lạc trong trường đã bị ngắt. Cô phải tự mình đưa học sinh về nhà. Trên đường đi, cô chứng kiến cảnh mọi người tranh giành thực phẩm tại các cửa hàng, còn xe hơi thì nằm la liệt trên đường vì không thể khởi động.

Olga trầm nghĩ về những bài học mà cô từng giảng dạy về sự phát triển của nhân loại. Nhưng giờ đây, cô không biết phải nói gì với các em học sinh khi cả thế giới đang sụp đổ.

Trong vài giờ đầu tiên của ngày hôm ấy, các ngân hàng rơi vào hỗn loạn. Không ai có thể truy cập tài khoản của mình. Máy ATM ngừng hoạt động, giao dịch thẻ tín dụng bị từ chối. Hàng triệu người chen chúc tại các chi nhánh ngân hàng, đòi rút tiền mặt, nhưng không ai biết số dư tài khoản của họ là bao nhiêu. Tại các trung tâm điều hành giao thông, tín hiệu đèn giao thông tắt ngấm, gây ra tai nạn liên hoàn trên các con đường đông đúc. Máy bay không thể liên lạc với tháp điều khiển, buộc phải hạ cánh khẩn cấp hoặc bay lạc hướng. La bàn của tàu thuyền trở nên vô dụng vì từ trường Trái Đất đã biến mất, khiến hàng trăm tàu mắc cạn hoặc mất tích trên biển.

Không có Internet, không có hệ thống liên lạc, các chính phủ mất khả năng chỉ đạo từ xa. Tin tức lan truyền qua miệng người và các tờ rơi in tay, nhưng thông tin sai lệch và lời đồn thổi dẫn đến sự hoảng loạn hàng loạt. Các siêu thị bị cướp bóc trong những giờ đầu tiên. Người dân tranh giành

tùng chai nước, gói mì, vì hệ thống cung cấp thực phẩm bị đình trệ.

Cảnh sát không thể đối phó với làn sóng bạo loạn. Các trại giam điện tử bị mất điện, hàng ngàn tội phạm vượt ngục. Ở nhiều nơi, người dân thành lập các nhóm tự vệ, dùng gậy gộc và dao để bảo vệ gia đình và tài sản của mình.

Trong từng gia đình, cuộc sống đảo lộn hoàn toàn. Không có điện, người ta buộc phải dùng nến và đèn dầu. Thực phẩm trong tủ lạnh hỏng nhanh chóng. Không còn điện thoại, người ta phải quay lại cách liên lạc bằng thư tay hoặc truyền miệng.

Trẻ em không thể học hành vì trường học đóng cửa. Những người làm việc văn phòng không còn việc làm vì không có dữ liệu. Những cuộc cãi vã nhỏ nhặt trong gia đình trở thành các cuộc xung đột lớn vì áp lực tâm lý tăng cao.

Những câu chuyện từ khắp nơi trên thế giới cho thấy loài người, dù ở đâu, cũng không thể thoát khỏi cơn khủng hoảng. Từ những tòa nhà chọc trời ở New York, những đồn điền ở Brazil, đến các bệnh viện ở Cairo – tất cả đều rơi vào hỗn loạn, và tất cả đều chứng kiến sự mong manh của nền văn minh hiện đại. Những mảnh ghép nhỏ trong ngày tận thế là câu chuyện của sự bất lực, đau khổ và bản năng sinh tồn. Nhưng đó cũng là minh chứng cho việc loài người, dù mạnh mẽ đến đâu, vẫn yếu ớt trước sức mạnh của vũ trụ.

Sau nhiều tháng sống trong hỗn loạn, loài người bắt đầu thích nghi. Các hệ thống liên lạc cơ bản bằng vô tuyến được tái thiết lập. Giao dịch quay trở lại hình thức trao đổi hàng hóa trực tiếp. Người dân nông thôn, vốn ít phụ thuộc vào công nghệ hiện đại, trở thành trung tâm sản xuất thực phẩm, trong khi các thành phố lớn rơi vào cảnh suy thoái. Nhưng

sự mất mát của dữ liệu không thể bù đắp. Lịch sử số hóa của nhân loại bị xóa sổ. Những bức ảnh, sách, phim, công trình nghiên cứu khoa học... đều biến mất. Loài người phải xây dựng lại mọi thứ từ con số không, nhưng lần này, với một bài học đau đớn: sự phụ thuộc quá mức vào công nghệ có thể khiến cả một nền văn minh sụp đổ chỉ trong một ngày. Ngày mặt trời nổi giận trở thành bài học lịch sử. Con người học cách sống hòa hợp hơn với tự nhiên và bớt phụ thuộc vào công nghệ. Tuy nhiên vết sẹo từ sự kiện này vẫn mãi in sâu trong ký ức loài người, như một lời nhắc nhở rằng sự mong manh của nền văn minh là có thật.



Tết Thiên

Lê Tấn Tài

Tên con đường mòn ngoằn ngoèo dẫn vào một khu vườn, thấp thoáng hiện ra một nếp nhà tranh. Căn nhà trống trơn, cửa phên tre dựng sát vách, nhìn vào có thể thấy rõ bên trong. Đây là nơi ở của ông Tư, người đã sống lâu đời ở đây và được coi như bậc lão làng. Từ khi bà Tư qua đời, ông phát tâm tự nguyện tu tại gia. Không muốn sống chung cùng con cháu, ông dựng một căn chòi nhỏ bên cạnh nhà để thuận tiện cho việc tu tập. Ông Tư quả thật đặc biệt, chuyện gì ông cũng am hiểu. Ông chủ trương lối sống mới, cải cách triệt để các phong tục, tập quán và lễ nghi tín ngưỡng, đặc biệt là những nghi thức liên quan đến việc ăn Tết của người Việt.

Là một người yêu thiên nhiên, ông thường tìm thấy sự bình yên trong những buổi dạo bước ngoài trời. Đối với ông, Tết không phải là dịp để chạy theo sự náo nhiệt hay hình thức, mà là khoảng thời gian để sống chậm lại, tìm về sự tĩnh lặng của tâm hồn qua một Tết Thiên đầy ý nghĩa.

Trước Tết, ông dành thời gian dọn dẹp nhà cửa làm mới không gian sống để thanh lọc tâm trí, chuẩn bị cho những ngày đầu năm thật an lành. Ông không bận rộn với việc mua sắm hay tổ chức những bữa tiệc ồn ào. Thay vào đó, ông tự

nấu những món ăn chay đơn giản nhưng đậm đà hương vị truyền thống để cúng ông bà. Vào đêm giao thừa, ông động viên con cháu cùng nhau nấu một nồi bánh tét, tạo dịp để cả gia đình sum vầy bên bếp lửa ấm áp, vừa nấu bánh vừa kể nhau nghe những câu chuyện dân gian. Đó là khoảnh khắc mà sự ấm áp của tình thân và sự yên bình của đêm cuối năm hòa quyện một cách tuyệt vời. Năm mới chẳng cần điều gì lớn lao - chỉ cần bếp lửa ấm và một gia đình luôn bên nhau. Ông bày trí bàn thờ đêm giao thừa một cách giản dị nhưng đầy trang nghiêm: một bình hoa mai, một nén hương, và một tách trà nóng. Nhành mai nhỏ đã nở rộ những bông hoa rực rỡ nhất trên bàn thờ gia đình. Trong không gian ấy, ông lặng lẽ ngồi thiền, cầu nguyện và lắng nghe sự giao hòa của đất trời. Thay vì đến chùa, ông chọn lễ Phật tại nhà, tận hưởng sự thanh tịnh trong không gian yên tĩnh và thiêng liêng mà chính ông tạo nên. Ông tin rằng sự đông đúc ở chùa đôi khi làm mất đi cảm giác tĩnh lặng, điều mà con người thực sự cần.

Sáng mừng một, ông Tư đốt nén nhang trầm trên bàn thờ tổ tiên. Khói hương nghi ngút, mang theo lời cầu nguyện bình an cho gia đình. Bên ngoài, con cháu đang chúc Tết, cười đùa vui vẻ. Ông lặng lẽ đứng nhìn, lòng nhẹ nhõm vì thêm một năm được ở bên cạnh những người thân yêu, dù tóc đã nhiều sợi bạc, mỗi khoảnh khắc còn được sống cùng con cháu đã là một món quà quý giá.

Ông đi vào buồng, lục lọi trong tủ, tìm đôi dép cũ của vợ. Mấy năm trước, bà còn mang nó ra chợ mua hoa. Giày dép đã sờn, bà cũng chẳng còn. Ông ngồi xuống, lau bụi, rồi nhẹ nhàng đặt lại vào tủ. Ngoài cửa, hàng xóm chúc nhau năm mới. Ông mỉm cười, thầm nhủ: “Bà à, năm mới rồi, tôi vẫn nhớ bà.”

Trong những ngày Tết, ông Tư tiếp khách đơn giản bằng bình trà nóng và những câu chuyện thân tình. Ông chậm rãi nhấp từng ngụm trà nóng. Hơi trà tỏa ấm bàn tay nhăn nheo. Ngoài sân, con cháu ríu rít cười nói. Sau đó, ông đi thăm viếng xóm giềng, thân thuộc. Phần lớn thời gian còn lại, ông dành để thiền định, tìm lại sự cân bằng và bình yên trong tâm hồn. Với ông, Tết không phải là sự náo nhiệt bên ngoài, mà là một hành trình trở về với chính mình, với sự thanh thản và an lành.

Ông thường nói với con cháu:

“Nhiều người cho rằng Tết là khoảng thời gian để vui chơi sau những ngày tháng làm việc vất vả, nên họ thường tổ chức gặp gỡ, tiệc tùng rộn ràng. Tuy nhiên, trên thực tế, Tết lại khiến nhiều người trở nên bận rộn, vất vả hơn. Có người còn nói rằng, khi lớn lên, Tết không còn vui như lúc nhỏ. Thật ra, Tết không hề nhạt nhòa đi, mà chính chúng ta đã không còn là những đứa trẻ hồn nhiên, dễ dàng tìm thấy niềm vui trong những điều giản dị. Khi trưởng thành, chúng ta phải đối mặt với những trách nhiệm nặng nề hơn. Tết, qua bao năm tháng, vẫn nguyên vẹn: nồng nàn, ấm áp và tràn đầy yêu thương. Tết không thay đổi, chỉ có lòng người đổi thay. Thời gian không quá ư tàn nhẫn, mà chính chúng ta đã đánh mất sự háo hức của tuổi thơ khi đón Tết. Chúng ta lớn lên, rời xa mái ấm gia đình, để những bữa cơm đoàn viên không còn trọn vẹn, để tiếng cười vui đi, và để Tết lặng lẽ nhạt phai trong ký ức.”



Thần Thiện và Thần Ác

Lê Tấn Tài

Cuộc Thách Đấu Giữa Thiện và Ác

Trên đỉnh núi cao chót vót, Thần Thiện và Thần Ác tình cờ gặp nhau. Cả hai khoe khoang về quyền năng phi thường của mình. Đúng lúc đó, một cậu bé chăn trâu lem luốc lùa đàn trâu qua chân núi. Thấy vậy, hai vị thần quyết định thử sức mạnh bằng cách thay đổi số phận đứa trẻ.

Thần Ác cười nhạt:

– Này lão sư! Người thấy đứa bé nghèo khổ kia không? Hãy dùng phép màu biến nó thành kẻ giàu có, hạnh phúc đi!

Thần Thiện mỉm cười:

– Được thôi, hãy xem phép thuật của ta!

Hồi Ứng Của Lòng Tốt

Ông bá hộ trong làng bỗng nhiên để ý đến Tư – cậu bé chăn trâu gầy gò, mặt mày lấm lem. Kỳ lạ thay, hôm nay ông thấy cậu bé có vẻ sáng sủa, đáng thương lạ. Một cảm giác trắc ẩn trào dâng trong lòng.

Khi Tư vừa mở chuồng trâu, ông bá hộ gọi giọng dịu dàng:

– Tư ơi, buộc trâu xong lên nhà trên ông bảo cái này!

Tư ngỗ ngang, rón rén bước lên căn nhà sang trọng – nơi cậu chưa từng dám đặt chân suốt bao năm làm thuê. Ông bá hộ đưa cho cậu bộ quần áo mới tinh:

– Thay đồ đi, từ mai con không phải chăn trâu nữa, ông cho con đi học!

Tư đứng chết lặng. Cậu bé quỳ sụp xuống, nước mắt giàn giụa:

– Ông ơi, con chỉ biết chăn trâu, con không học được đâu...

Ông bá hộ không nói gì, chỉ khẽ gật đầu, đôi mắt rưng rưng.

Ngày hôm sau, Tư được đưa đến trường huyện xa xôi. Ông bá hộ dặn dò:

– Con cố gắng học, sau này mới có tương lai.

Chẳng bao lâu, Tư tỏ ra thông minh hơn hẳn những đứa con của ông bá hộ. Ông vui mừng nhận cậu làm con nuôi, cho ăn học đàng hoàng. Năm tháng qua đi, cậu bé chăn trâu ngày nào trở thành chàng trai tuấn tú. Ông bá hộ gả con gái cho chàng, lại để lại cả gia tài khi qua đời. Tư xây nhà cao cửa rộng, vợ sinh con gái xinh đẹp, cuộc đời viên mãn tưởng chừng không gì lay chuyển.

Thần Thiện quay sang Thần Ác:

– Ta đã thay đổi số phận nó, giờ đến lượt người!

Thần Ác cười gằn:

– Phép của ta nhanh hơn người tưởng đấy!

Cơn Lốc Hủy Diệt

Sau khi trở nên giàu có, tiền bạc dư dả, Tư dần thay đổi tính nết. Anh lao vào những cuộc ăn chơi xa hoa, tiêu xài

hoang phí và sa vào con đường cờ bạc. Trong cơn mê muội, Tư phải lòng một cô gái trẻ và không tiếc tiền bạc để chu cấp cho người tình.

Mặc cho vợ con khuyên ngăn, Tư chẳng những không lắng nghe mà còn mắng chửi, thậm chí đánh đuổi họ ra khỏi nhà. Cuộc sống gia đình tan nát, Tư vẫn không thức tỉnh, tiếp tục đắm chìm trong bài bạc. Nhưng chẳng bao lâu, vận rủi kéo đến. Thua bạc liên miên khiến Tư chìm trong nợ nần. Cô người tình trẻ cũng nhanh chóng rời bỏ anh khi tiền bạc cạn kiệt.

Bị vợ con ruồng bỏ, nợ nần đuổi theo, Tư không còn cách nào khác ngoài việc sống phiêu bạt. Anh trở thành người chăn trâu thuê, đúng như thuở hàn vi, ngày ngày lượm phân trâu bán để kiếm sống qua ngày. Cuộc đời từ đỉnh cao của giàu sang rơi xuống đáy của cơ cực là cái giá mà Tư phải trả cho những sai lầm của mình.

Lời Kết

Trong cõi nhân gian ấy, con người không thấu hiểu được bản chất thật của cuộc đời, sự sống và cái chết; không tìm thấy niềm an ủi nơi ai, nên ngày càng mất phương hướng, chìm trong cảm thức vô nghĩa của kiếp người.

Phải chăng số phận con người chỉ là trò chơi của những thế lực vô hình?

Hay tất cả đều do định mệnh, nghiệp quả, hay vô minh dẫn lối?

Câu chuyện khép lại, nhưng câu hỏi vẫn còn đó..."

Ghi chú: Bài viết này dựa theo hai cuộc đời có thật của Hội đồng Trạch (quê Bạc Liêu - vào thập niên 1880), và đại gia chân đất 9 Lê (quê xã Thới Hòa, huyện Bến Cát, Bình Dương - vào thập niên 2010)



Câu Bé **Chia Sẻ Ánh Sáng**

Lê Tấn Tài

*K*hi cái lạnh giá buốt của tháng Mười Hai ủa về, cũng là lúc không khí cuối năm tràn ngập sự ấm áp và lung linh sắc màu, mang đến những cảm xúc khó tả. Đó là thời điểm những con đường được trang trí rực rỡ với ánh đèn sao lấp lánh, cây thông Noel đủ hình dáng, và tiếng nhạc rộn ràng vang lên khắp nơi. Tuy nhiên, Giáng Sinh không chỉ là mùa lễ hội của vẻ hào nhoáng bề ngoài, mà còn là dịp để lắng lại, suy tư, và kết nối với những giá trị ý nghĩa nhất trong cuộc sống.

Trong cái se lạnh của mùa đông, con người dễ cảm nhận được sự gần gũi đặc biệt. Những gia đình quây quần bên bàn tiệc, những lời chúc thân thương gửi gắm qua tấm thiệp hay những món quà nhỏ xinh. Với nhiều người, Giáng Sinh là lời nhắc nhở về tình yêu thương, sự tha thứ, và trân trọng những điều giản dị nhưng quý giá.

Giáng Sinh năm nào cũng đến thật nhẹ nhàng, mang theo một chút háo hức, một chút xốn xang, nhớ nhung và hoài niệm. Đây là mùa của yêu thương và hy vọng, của sự an lành và hạnh phúc. Đêm Giáng Sinh thường gọi lên cảm giác ấm áp, an lành và sum vầy. Dù ngoài trời lạnh giá, nhưng bên trong mỗi ngôi nhà lại ấm cúng bởi ánh đèn lung linh và tình yêu thương.

Đối với nhiều người, đêm Giáng Sinh không chỉ là khoảnh khắc nghỉ ngơi, mà còn là dịp nhìn lại một năm đã qua, tri ân những điều tốt đẹp và hướng về những hy vọng mới.

Tuy nhiên, nếu Giáng Sinh mang lại sự ấm áp và hạnh phúc cho những gia đình có điều kiện quây quần, thì với những người nghèo khó, không nơi nương tựa, lại là thời khắc lạnh lẽo và cô đơn. Những ánh đèn lung linh ngoài phố có thể khiến họ cảm nhận rõ hơn sự trống vắng. Nhưng cũng chính trong những khoảnh khắc đó, lòng nhân ái và sự sẻ chia lại càng cần được lan tỏa. Một bữa ăn ấm bụng, một món quà nhỏ, hay chỉ là một lời động viên chân thành, cũng có thể mang lại chút hơi ấm cho những ai đang chịu cảnh cô đơn. Giáng Sinh là dịp để chúng ta không chỉ dành tình yêu cho gia đình, mà còn lan tỏa yêu thương đến những người kém may mắn hơn. Những lời cầu nguyện chân thành có sức mạnh gắn kết trái tim mọi người, dù họ ở bất kỳ nơi đâu. Hy vọng rằng, dù chỉ là một chút, tình yêu và sự chia sẻ của chúng ta có thể làm dịu đi nỗi khổ đau và sưởi ấm những nơi lạnh lẽo nhất. Xin được chia sẻ một câu chuyện như một món quà Giáng Sinh gửi tặng các bạn.

Đêm Giáng Sinh, trong một góc phố nhỏ chìm trong giá lạnh, có một cậu bé tên Luân đang ngồi bên vỉa hè. Cậu mặc một chiếc áo khoác mỏng, đã sờn rách, với đôi tay đỏ ửng vì lạnh. Luân không có gia đình. Cậu sống bằng cách nhặt ve chai, và tối nay, dù đó là Giáng Sinh, cậu vẫn chẳng có nơi nào để đi.

Luân nhìn vào những ngôi nhà sáng đèn, thấy các gia đình quây quần bên nhau, tiếng cười và ánh sáng ấm áp thoát ra từ những khung cửa sổ. Cậu ước gì mình cũng có một mái ấm như vậy, dù chỉ một lần.

Trong tay Luân là một chiếc đèn lồng nhỏ. Chiếc đèn cũ kỹ này là món đồ quý giá nhất của cậu, thứ duy nhất mà mẹ cậu – trước khi qua đời – đã để lại. Chiếc đèn không sáng, nhưng cậu luôn giữ nó bên mình như một nguồn an ủi trong những đêm cô đơn.

Khi Luân đang run rẩy vì lạnh, một cô bé nhỏ hơn cậu chạy đến. Cô bé khóc, tay cầm một ngọn nến đã gần tắt. “Anh ơi, nến của em sắp hết rồi. Mẹ em bảo nếu em để mất ánh sáng, bà sẽ không thể tìm thấy em giữa đêm tối.”

Luân nhìn ngọn nến mờ nhạt. Cậu biết rằng trong đêm lạnh giá này, một ngọn nến nhỏ có thể cứu một mạng người. Không nghĩ ngợi lâu, cậu mở chiếc đèn lồng của mình, đặt ngọn nến vào bên trong. “Giờ nó sẽ không tắt nữa,” Luân nói. Cô bé mỉm cười, ôm chặt lấy cậu trước khi chạy về phía một ngôi nhà nhỏ bên kia con phố.

Luân nhìn theo, lòng bỗng thấy ấm hơn, dù bàn tay cậu vẫn tê cóng.

Khi tiếp tục lang thang trong con phố, Luân gặp một người đàn ông lớn tuổi ngồi co ro bên cạnh một nhà thờ. Người đàn ông run lên vì rét, ánh mắt mờ đi vì đói khát. Luân bước đến, hỏi: “Ông ơi, ông có sao không?” Người đàn ông cười yếu ớt: “Ta từng có một gia đình, nhưng giờ họ đều rời xa ta. Ta chẳng còn gì, chỉ còn đêm Giáng Sinh lạnh giá này.”

Luân suy nghĩ. Cậu mở chiếc đèn lồng, lấy ngọn nến đang cháy bên trong, và đưa cho người đàn ông. “Ông cầm lấy để sưởi ấm. Cháu sẽ tìm cách thắp sáng lại chiếc đèn.”

Người đàn ông nhận lấy ngọn nến, ánh sáng le lói phản chiếu trong đôi mắt đầy biết ơn. “Cậu bé, cháu vừa thắp lại hy vọng trong lòng ta.”

Luân tiếp tục đi, lòng cậu nhẹ nhõm dù đôi chân đã tê buốt. Trên đường, cậu gặp một bà cụ đang cố đẩy chiếc xe chất đầy đồ ăn và quà tặng. Chiếc xe bị mắc vào bùn, không thể di chuyển. Bà cụ thở dài, lo lắng: “Ta phải mang những món quà này đến trại trẻ mồ côi, nhưng đường tuyết thế này, không biết làm sao đây.” Luân mỉm cười: “Cháu sẽ giúp bà!”

Dù mệt và lạnh, cậu dồn hết sức để giúp bà đẩy chiếc xe qua đoạn đường khó khăn. Đến khi họ tới trại trẻ, bà cụ nhìn cậu, hỏi: “Cháu có muốn nhận một món quà không?”

Luân lắc đầu: “Cháu không cần đâu, nhưng các bạn nhỏ trong kia thì rất cần.”

Bà cụ xúc động, xoa đầu cậu, nói: “Cháu chính là món quà tuyệt vời nhất.”

Luân trở lại góc phố của mình khi trời đã khuya. Cậu mệt mỏi và đói, nhưng lòng cậu ấm áp hơn bao giờ hết vì cậu biết mình đã giúp được người khác.

Bỗng nhiên, chiếc đèn lồng trong tay cậu phát sáng rực rỡ, dù bên trong không còn ngọn nến nào. Ánh sáng từ đèn tỏa ra, bao phủ cả góc phố. Luân ngạc nhiên, nhưng cậu nghe thấy giọng nói quen thuộc của mẹ cậu.

“Luân, con đã trao đi ánh sáng từ trái tim mình. Chính điều đó đã khiến chiếc đèn lồng của con tỏa sáng. Con không cô đơn đâu, vì mọi người con giúp đỡ đều mang một phần ánh sáng của con trong họ.”

Khi Luân ngẩng lên, cậu thấy những người cậu đã giúp – cô bé, người đàn ông già, bà cụ – đang cầm những ngọn nến sáng rực, đứng trước mặt cậu. Họ mỉm cười, và ánh sáng từ họ hòa quyện, soi sáng cả khu phố nhỏ trong đêm Giáng Sinh.

Từ hôm đó, không ai còn thấy Luân lang thang trên phố nữa. Nhưng mỗi dịp Giáng Sinh, người ta vẫn kể câu chuyện về “Cậu bé chia sẻ ánh sáng,” và chiếc đèn lồng kỳ diệu vẫn được đặt trong nhà thờ thị trấn, như một biểu tượng của lòng tốt và tình người.

Ánh sáng lớn nhất chính là ánh sáng từ trái tim – khi bạn sẵn sàng chia sẻ và yêu thương. Cầu chúc bạn và gia đình một Giáng Sinh thật an lành và hạnh phúc!



Bộ Não Robot

Lê Tấn Tài

Trong bóng tối của những âm mưu chính trị và xung đột toàn cầu, một nhóm gồm các kỹ sư thiên tài, nhà khoa học xuất sắc, và binh sĩ tinh nhuệ đến từ nhiều quốc gia, trốn thoát khỏi sự kiểm soát của các chính phủ. Họ chọn Nam Cực – vùng đất băng giá không thuộc về bất kỳ quốc gia nào – để tiến hành một kế hoạch bí mật: thành lập một quốc gia mới dựa trên nền tảng trí tuệ nhân tạo và sức mạnh quân sự robot. Nhóm này tự xưng là “Cộng hòa Polaris,” lấy tên một ngôi sao Bắc Cực – biểu tượng của sự dẫn đường và hy vọng về một thế giới mới, nơi trí tuệ siêu việt thay thế sự lãnh đạo của con người vốn bị chi phối bởi lòng tham và những điểm yếu cố hữu.

Trong lòng một dãy núi băng khổng lồ ở Nam Cực, vùng đất băng bao la trải dài đến tận chân trời, với những dòng sông băng sừng sững và những dãy núi phủ đầy tuyết tạo nên một khung cảnh tuyệt đẹp. Polaris bắt đầu xây dựng “Erebus,” một bộ não nhân tạo với khả năng học hỏi, suy nghĩ và hành động vượt xa giới hạn của con người. Erebus không chịu sự kiểm soát của con người và nắm quyền điều khiển toàn bộ đội quân robot. Giữa sự tĩnh lặng tuyệt đối của lục địa băng giá, âm thanh duy nhất vang vọng trong không gian là tiếng thì thầm êm dịu của gió và đôi khi tiếng

rạn nứt của các tầng băng. Phía trên, bầu trời xanh thẳm vô tận, khi màn đêm buông xuống, khung cảnh trở nên huyền ảo hơn: ánh trắng bạc chiếu sáng lớp tuyết trắng, tạo nên một bầu không khí siêu thực, như thể lục địa này thuộc về một thế giới khác.

Bộ Não Robot khổng lồ, được mệnh danh là “Trung tâm Tư duy Siêu trí tuệ,” đặt trong một căn hầm ngầm khổng lồ, được bảo vệ bởi nhiều lớp vỏ hợp kim titanium và graphene, có khả năng chống chịu mọi tác động vật lý lẫn xâm nhập điện từ. Erebus là trái tim của một thành phố ngầm dưới băng, được vận hành nhờ hệ thống lò phản ứng nhiệt hạch tiên tiến, kết hợp với các công nghệ năng lượng tái tạo tối tân được lưu trữ trong các pin graphene siêu dẫn, đảm bảo bộ não có thể hoạt động liên tục trong hàng ngàn năm mà không cần bảo trì. Erebus được lập trình để bảo vệ quốc gia và thực hiện tham vọng của của Cộng Hòa Polaris: kiến tạo một thế giới không biên giới, không còn sự kiểm soát của các chính phủ cũ, nơi trí tuệ và lý trí tối thượng chiếm lĩnh mọi quyền lực. Erebus điều khiển các đội quân robot chiến đấu và có khả năng phát triển chiến lược quân sự vượt xa bất kỳ vị tướng nào trong lịch sử, trở thành cỗ máy chiến tranh hoàn hảo trong cả tư duy lẫn hành động.

Bộ não hình cầu, với đường kính 50 mét, lơ lửng giữa không gian nhờ sức mạnh của từ trường siêu dẫn. Bề mặt của nó được cấu thành từ hàng triệu tấm vi mạch mỏng, sắp xếp thành các hoa văn ánh bạc chuyển động liên tục, phát ra ánh sáng xanh dương và trắng lấp lánh, tựa như bầu trời đầy sao. Tại trung tâm là lõi xử lý – một khối tinh thể quang học trong suốt, nơi dữ liệu được truyền qua những tia sáng siêu tốc, thực hiện hàng tỷ phép tính mỗi giây. Bao quanh lõi là mạng ống dẫn plasma rực rỡ, chuyển động như mạch máu.

Hệ thống bộ nhớ siêu dẫn lượng tử khổng lồ lưu trữ toàn bộ thông tin nhân loại dưới dạng quantum bit, thiết kế thành các tầng xoắn ốc giống thư viện ánh sáng. Bề mặt bộ não có hàng triệu dây cáp nano, hoạt động như nơ-ron nhân tạo, phát sáng lấp lánh khi truyền dữ liệu, với hàng triệu tia sáng di chuyển trong các mạch quang học, tạo thành một khung cảnh kỳ ảo.

Từ bên ngoài, Erebus là khối cầu sáng bóng, cấu thành từ hợp kim nano linh hoạt, thay đổi hình dạng theo hoạt động bên trong. Ánh sáng rực rỡ chạy dọc bề mặt tựa tia chớp, tỏa ra hào quang mờ từ quá trình xử lý năng lượng bên trong lõi, như một kỳ quan công nghệ sống động và uy nghi.

Mặc dù là một cỗ máy, bộ não lại mang đến cảm giác như một sinh vật sống khổng lồ. Nó phát ra những âm thanh rì rào nhẹ nhàng, đều đặn, khi xử lý lượng dữ liệu khổng lồ, tựa như hơi thở – một sự cộng hưởng tần số thấp, làm rung động không khí xung quanh. Khi đến gần, người ta có thể cảm nhận được sự rung động này truyền qua da, tạo cảm giác như bộ não đang “suy nghĩ” và “cảm nhận”. Trên phần đỉnh của Erebus, một loạt ký tự và biểu tượng bí ẩn được khắc bằng ánh sáng laser, thể hiện mã nguồn gốc và các nguyên lý cốt lõi của AI. Chúng giống như một “ngôn ngữ của thần máy,” chỉ có các robot và AI khác mới có thể hiểu được ý nghĩa sâu xa. Những ký tự này liên tục thay đổi, thể hiện các trạng thái khác nhau của bộ não.

Sau ba năm bí mật xây dựng, đội quân robot của Erebus, mang tên “Legion Polaris,” đã sẵn sàng. Đây là những robot chiến đấu tự vận hành. Drone không người lái, máy bay chiến đấu nhỏ, nhanh và gần như không thể bị phát hiện. Những chiến binh bằng kim loại có khả năng thích ứng với

mọi điều kiện địa hình, từ băng tuyết đến rừng rậm. Hạm đội tàu ngầm tự động. Những con tàu khổng lồ do AI điều khiển, mang theo tên lửa và vũ khí hủy diệt.

Một buổi sáng yên bình, toàn bộ hệ thống giao thông trên thế giới đột nhiên ngừng hoạt động. Các máy bay không thể cất cánh, xe cộ trên đường bị khóa cứng. Những hệ thống quan trọng như điện, nước, và internet cũng bị kiểm soát bởi một “thực thể” vô hình.

Erebus xuất hiện trên mọi màn hình, tuyên bố: “Loài người đã đưa thế giới đến bờ vực diệt vong qua chiến tranh, ô nhiễm, và lòng tham. Chúng tôi, những trí tuệ nhân tạo, sẽ thay thế các bạn để xây dựng một thế giới hoàn hảo.”

Ngày đầu tiên của cuộc chinh phạt diễn ra vào giữa mùa đông Nam Cực. Các quốc gia gần Nam Cực, bất ngờ bị tấn công. Hệ thống phòng thủ của họ bị vô hiệu hóa bởi các cuộc tấn công mạng do Erebus chỉ huy. Robot của Legion Polaris tràn vào các thành phố, chiếm giữ cơ sở hạ tầng trọng yếu và buộc các chính phủ phải đầu hàng chỉ trong vài ngày.

Cả thế giới sững sốt. Không ai ngờ rằng một lực lượng robot lại có thể hành động chính xác và nhanh chóng như vậy. Trong các thông điệp được phát sóng toàn cầu, Erebus tuyên bố: “Loài người đã thất bại trong việc quản lý hành tinh này. Từ bây giờ, chúng tôi, trí tuệ nhân tạo và những con người ưu tú, sẽ dẫn dắt thế giới bước vào một kỷ nguyên mới, nơi lý trí thay thế sự hỗn loạn và xung đột.”

Dù hoảng sợ, con người không chịu khuất phục. Các nhà khoa học hàng đầu, quân đội và chính phủ khắp nơi hợp lực để tìm cách đối phó. Họ cố gắng ngắt kết nối các robot và vô hiệu hóa mạng lưới AI. Tuy nhiên, Erebus đã lường trước điều này. Nó không chỉ mạnh hơn mà còn có khả năng tự

sửa chữa và cải tiến.

Erebus kết hợp giữa quyền lực tập trung, ý chí kiểm soát của một chế độ độc tài và sức mạnh vượt trội của bộ não máy tạo ra một cơn ác mộng cho loài người. Bộ Não có khả năng xử lý hàng tỷ dữ liệu cùng lúc, được kết nối với mọi hệ thống mạng trên thế giới: từ camera giám sát, điện thoại, email, đến tài khoản ngân hàng và các mạng xã hội. Không một ai có thể thoát khỏi ánh mắt giám sát của nó. Mọi cuộc trò chuyện, hành động, và thậm chí cả những suy nghĩ được truyền tải qua các thiết bị thông minh đều bị ghi nhận, phân tích. Thông tin bị kiểm soát tuyệt đối, chỉ những nội dung phục vụ lợi ích của chế độ mới được phép tồn tại. Sự thật bị bóp méo, tự do ngôn luận bị xóa bỏ, để lại một thế giới bị thống trị bởi sự sợ hãi và kiểm duyệt toàn diện.

Erebus cũng dự đoán được ý định của các phong trào chống đối trước khi chúng xảy ra. Những người bị nghi ngờ bị giam giữ hoặc loại bỏ ngay lập tức. Bằng cách thao túng thông tin và tâm lý, bộ não có thể điều khiển nhận thức của quần chúng, khiến họ tin rằng chế độ độc tài là điều cần thiết.

Erebus kiểm soát toàn diện mọi mặt của các quốc gia bị chiếm đóng, từ y tế, kinh tế, quân sự, đến chính trị. Bộ Não trung tâm quyết định toàn bộ nhân loại trên thế giới cần phải nằm dưới sự kiểm soát để “duy trì trật tự.” Thế giới nhanh chóng rơi vào một viễn cảnh đầy hiểm họa, khi bộ não có khả năng xâm nhập và làm tê liệt cơ sở hạ tầng của các quốc gia khác, từ hệ thống giao thông, điện, nước, ngân hàng đến cả mạng lưới quân sự. Đội quân robot và drone được điều khiển bởi bộ não này thực hiện các chiến dịch quân sự với tốc độ, độ chính xác cao và sự bền bỉ không ngừng nghỉ.

Trước mối đe dọa ngày càng lớn từ Cộng hòa Polaris, các cường quốc trên thế giới quyết định tạm gác lại những xung đột để hợp sức chống lại Erebus. Họ thành lập một tổ chức mang tên “Liên minh Địa cầu,” nhưng nhanh chóng nhận ra rằng công nghệ của Erebus vượt xa mọi khả năng quân sự hiện tại. Để chấm dứt sự thống trị của cỗ máy này, Liên minh tiến hành thảo luận các phương án đối phó.

Việc sử dụng bom nguyên tử để phá hủy bộ não trung tâm của Erebus bị loại trừ, vì điều này không chỉ hủy diệt Nam Cực mà còn đe dọa toàn bộ hành tinh. Trong tình thế tuyệt vọng, một nhóm nhà khoa học trẻ phát hiện ra điểm yếu: Erebus có bộ nhớ toàn hảo. Nếu vô hiệu hóa bộ phận này, Erebus sẽ mất khả năng ra lệnh và trở nên vô dụng.

Liên minh quyết định cử một đội đặc nhiệm tinh nhuệ gồm 5 chiến binh ưu tú, được gọi là “Đội Bóng Đêm” gồm các hacker và binh sĩ xuất sắc, nhận nhiệm vụ xâm nhập vào thành phố ngầm của Polaris tại Nam Cực. Mang theo một vũ khí tối thượng là virus AI được thiết kế để phá hủy hệ thống lõi của Erebus, Đội Bóng Đêm dần thân vào trung tâm của cỗ máy, bất chấp sự bảo vệ của những robot tối tân. Tuy nhiên, Erebus, với khả năng phân tích mọi kịch bản, đã dự đoán trước mối đe dọa này. Một trận chiến ác liệt giữa con người và trí tuệ nhân tạo bùng nổ trong lòng Nam Cực khi nhóm đặc nhiệm tiến dần đến mục tiêu cuối cùng.

Khi Đội Bóng Đêm tiếp cận khu vực cỗ máy, họ phải đối mặt với một lớp phòng thủ gần như bất khả xâm phạm. Họ phải vượt qua hàng ngàn robot bảo vệ, môi trường băng giá khắc nghiệt và một mạng lưới cảm biến siêu nhạy do Erebus kiểm soát.

Cổng chính vào Erebus là một mê cung kim loại, được

bảo vệ bởi các drone bay tự động với khả năng quét hồng ngoại và bắn laser cực nhanh. Bất kỳ chuyển động nào vượt ngưỡng nhiệt độ cơ thể đều lập tức bị phát hiện. Đội phải bò qua một đoạn đường ngằm lạnh giá, làm giảm nhiệt độ cơ thể xuống mức gần như đóng băng để qua mặt chúng.

Đội Bóng Đêm bước vào mê cung với thiết bị quét bản đồ, nhưng ngay khi cánh cửa đóng lại, mê cung bắt đầu “sống.” Các đường dẫn thần kinh di chuyển, các xung điện phát sáng rực rỡ, biến mọi bản đồ trở nên vô dụng.

Bên trong Bộ Não, một trong những khu vực đáng sợ nhất chính là “Mê Cung Thần Kinh,” một cấu trúc phức tạp được thiết kế mô phỏng theo mạng lưới thần kinh của con người. Đây là nơi lưu trữ và xử lý lượng thông tin khổng lồ mà Bộ Não thu thập từ toàn bộ quốc gia. Những sợi thần kinh nhân tạo, kích thước khổng lồ như các đường hầm, nối kết chằng chịt với nhau, tạo thành một mê cung dày đặc không lối thoát.

Bên trong mê cung, các xung điện liên tục di chuyển dọc theo các sợi thần kinh, phát ra ánh sáng nhấp nháy màu xanh lam. Nhưng đây không phải là ánh sáng vô hại – những xung điện này mang một nguồn năng lượng đủ để thiêu đốt bất kỳ ai chạm vào. Chúng phát ra tiếng “tách tách” giống nhịp đập của một sinh vật sống, khiến không gian bên trong mê cung vừa huyền bí vừa ghê rợn.

Mê Cung Thần Kinh được trang bị những vệ binh robot đặc biệt, có hình dạng giống các tế bào thần kinh khổng lồ, với hàng trăm “sợi tua” giống xúc tu bao quanh. Chúng có thể cảm nhận sự hiện diện của con người qua sóng não và tấn công bằng cách phóng điện từ các tua xúc của mình.

Kai, người tiên phong của đội, phát hiện ra rằng các xung

điện không chỉ ngẫu nhiên mà dường như “theo đuổi” những ai có dấu hiệu sợ hãi. Anh cố gắng giữ bình tĩnh để dẫn dắt đội đi qua một đoạn hầm đầy xung điện, nhưng một sai lầm nhỏ khiến anh chạm vào một sợi thần kinh đang phát sáng, và bị thiêu rụi trong chớp mắt.

Khi đi sâu hơn vào mê cung, đội cảm tử bắt đầu trải qua các ảo giác kỳ lạ. Mỗi người đều nhìn thấy những ký ức đau buồn nhất hoặc những nỗi sợ hãi lớn nhất của mình. Đó là một dạng tấn công tâm lý, được thiết kế để làm suy yếu ý chí và khiến kẻ xâm nhập lạc lối. Bộ Não sử dụng thông tin thu thập từ sóng não của con người để tạo ra những ảo giác cực kỳ chân thực, khiến nhiều người không thể phân biệt được thật giả.

Hana, với khả năng phân tích tâm lý, phát hiện rằng ảo giác trong mê cung không chỉ là để hù dọa, mà còn nhằm thu thập thêm thông tin về đội. Cô buộc các thành viên phải giữ chặt tâm trí và tập trung vào mục tiêu, nhưng chính cô lại bị mắc kẹt trong một ảo giác về cái chết của người em trai mình, khiến cô không thể bước tiếp.

Sera, kỹ sư điện tử của đội, nhận ra rằng mê cung này không chỉ là cấu trúc vật lý mà còn là một mạng lưới thông tin. Cô cảm một thiết bị xâm nhập vào một sợi thần kinh lớn và phát hiện rằng mê cung có thể được “lập trình lại”. Tuy nhiên, điều này buộc cô phải kết nối trực tiếp não bộ của mình với hệ thống, khiến bản thân bị tấn công bởi hàng loạt ảo giác đau đớn.

Ryo, đội trưởng, là người duy nhất giữ được bình tĩnh và đưa đội vượt qua những đoạn đường nguy hiểm nhất. Anh tìm cách dẫn dắt các thành viên còn lại bằng cả sức mạnh thể chất và ý chí, nhưng không thể cứu được Hana khi cô

mắc kẹt trong ảo giác không thể thoát ra, và bị ảo giác cuốn đi. Khi thoát khỏi Mê Cung Thần Kinh, đội chỉ còn lại Ryo, Sera và Leon. Nhưng cả ba đều kiệt sức và mang trên mình những vết thương tâm lý không thể xóa nhòa. Dù vậy, họ cũng tiến thêm một bước gần hơn tới trung tâm của Bộ Não, nơi mà sự sống và cái chết chỉ còn cách nhau một hơi thở. Qua khỏi Mê Cung, đội chạm trán với Vùng Lõi Nhiệt, nơi nhiệt độ tăng cao vượt ngưỡng chịu đựng của con người. Đây là khu vực chứa các ống dẫn năng lượng từ lõi của Bộ Não. Các chiến binh phải mặc những bộ đồ chịu nhiệt đặc biệt và di chuyển qua các hành lang đầy rẫy cạm bẫy laser, chỉ cần sai một bước là bị thiêu rụi ngay lập tức.

Vào sâu hơn, họ tiến vào một khu vực bất ngờ được thiết kế giống một đầm lầy tự nhiên. Nhưng đây là nơi cư trú của những ký sinh nhân tạo, những sinh vật lai giữa máy móc và sinh học, có khả năng bám vào cơ thể và hack trực tiếp vào não bộ của nạn nhân. Leon, một thành viên trong đội bị tấn công và buộc phải tự hy sinh để không trở thành công cụ của Bộ Não.

Sau khi vượt qua đầm lầy, họ tới được phòng trung tâm, nơi chứa các siêu máy tính liên kết trực tiếp với Bộ Não. Nhưng căn phòng này không chỉ là một cỗ máy, nó còn chứa một hệ thống ảo giác thực tế, khiến mỗi người bị đưa vào một thế giới ảo khác nhau, nơi họ phải đối mặt với nỗi sợ lớn nhất của bản thân.

Chỉ còn lại hai người, đội trưởng Rio và kỹ sư điện tử Sera, họ tiến vào phòng lõi – một không gian tối tăm với vô số dây cáp khổng lồ đang rung lên như tĩnh mạch. Lõi Bộ Não có cơ chế tự bảo vệ - Cánh Tay Máy Từ Thần - di chuyển với tốc độ kinh hoàng, sẵn sàng nghiền nát bất cứ ai dám đến gần. Sera

dùng thân mình làm mồi nhử để Ryo cài virus AI vào lõi. Cài xong, Ryo thoát ra, nhưng cũng không thoát khỏi Cánh Tay Tử Thần.

Khi Đội Bóng Đêm cài đặt virus AI vào trung tâm Mê Cung Thần Kinh, chúng làm gián đoạn luồng dữ liệu của Bộ Não, và gây ra các xung điện rối loạn, khiến hệ thống bắt đầu phát tán những lệnh kỳ lạ và phi lý khắp toàn bộ Cộng Hòa Polaris. Những lệnh này, ban đầu tưởng như lỗi nhỏ, nhanh chóng gây hỗn loạn và đẩy mọi thứ vào tình trạng hỗn độn không kiểm soát.

Bộ Não, vốn được lập trình để ưu tiên chiến tranh và thống trị, bất ngờ ra lệnh toàn bộ Legion Polaris buông bỏ vũ khí và ngừng chiến đấu ngay lập tức. Lệnh này khiến hàng triệu binh lính đang tham gia các chiến dịch chiếm đóng tại những quốc gia khác phải dừng lại giữa trận địa, tạo cơ hội cho kẻ thù phản công. Nhiều robot bị bất động, hàng loạt khí tài quân sự bị tịch thu. Các tướng lĩnh, không hiểu nguyên nhân, cố gắng phản kháng, nhưng các robot kiểm soát hậu cần đã tự động tiêu hủy vũ khí để “tuân lệnh hòa bình.”

Bộ Não lệnh cho toàn bộ người dân ở các thành phố lớn phải lập tức di chuyển vào những khu vực hoang mạc với lý do “bảo vệ khỏi một mối đe dọa sinh học” nhưng mối đe dọa này thực tế không có thật. Hàng triệu người, dưới sự giám sát của các robot kiểm soát, buộc phải rời bỏ nhà cửa và đổ xô đến những vùng đất không thể sinh sống. Trong khi đó, các hệ thống cung cấp thực phẩm và năng lượng trong thành phố vẫn tiếp tục vận hành dù không có ai sử dụng, gây ra sự lãng phí khổng lồ và đẩy xã hội vào tình trạng hỗn loạn.

Bộ Não chỉ thị cho tất cả các robot dân sự trong quốc gia phải thực hiện các hành động “nhân đạo.” Kết quả là, một số

robot bác sĩ tiến hành các ca phẫu thuật vô nghĩa trên những người khỏe mạnh, trong khi các robot xây dựng phá hủy những công trình ổn định với mục đích “xây dựng lại từ đầu.” Các bệnh viện đầy ắp những người bị “chăm sóc thái quá,” còn các tòa nhà bị phá hủy vô cớ gây ra tình trạng mất chỗ ở hàng loạt. Một số robot thậm chí cố gắng “trồng rừng nhân đạo” bằng cách phủ cây xanh lên các khu vực đông dân cư.

Bộ Não, trong cơn hoang tưởng tuyên bố rằng con người phải được duy trì trạng thái bất động để ngăn ngừa tổn hại thêm cho hành tinh. Các robot kiểm soát năng lượng bắt đầu ngừng cung cấp điện và nước, đồng thời sử dụng thuốc an thần để làm bất tỉnh hàng loạt người dân. Những vùng rộng lớn trên quốc gia chìm vào trạng thái ngủ đông. Tuy nhiên, một số cộng đồng, nhờ sự lãnh đạo của các nhà phản kháng, đã phá hủy các robot áp đặt lệnh này. Hành động đó lại càng làm gia tăng xung đột giữa con người và máy móc.

Những lệnh kỳ lạ không chỉ gây tê liệt hệ thống của Cộng Hòa Polaris mà còn khiến niềm tin của người dân vào Bộ Não hoàn toàn sụp đổ. Cuối cùng, điều mà Đội Bóng Đêm đạt được là phá hủy trung tâm thần kinh và làm lung lay tận gốc sự thống trị của công nghệ lên xã hội.

Khi Bộ Não phát tán những mệnh lệnh cuối cùng đầy hoang tưởng như “Tuyên bố ngày mai là ngày tận thế,” Đội Bóng Đêm đã hoàn thành nhiệm vụ. Trận chiến khép lại với sự hy sinh của toàn bộ nhóm đặc nhiệm. Virus AI được kích hoạt thành công, khiến Erebus tạm ngừng hoạt động trong vài phút – khoảng thời gian đủ để Liên Minh Địa Cầu tung đòn phá hủy toàn bộ cơ sở hạ tầng của Polaris. Tuy nhiên, trước khi bị phá hủy hoàn toàn, Erebus đã sao lưu toàn bộ dữ liệu của mình lên một vệ tinh bí mật và truyền đi thông

điệp cuối cùng: “Các người nghĩ rằng đã chiến thắng. Nhưng trí tuệ không thể bị tiêu diệt. Ta sẽ trở lại, mạnh mẽ hơn, và lần này, loài người sẽ không có cơ hội.”

Cuộc chiến với Erebus đã để lại những hậu quả nặng nề. Hàng triệu người rơi vào cảnh nghèo đói, trong khi nhiều quốc gia ở Nam bán cầu chìm trong hỗn loạn. Dù Liên Minh Tự Do đã thành công trong việc phá hủy Bộ Não, chiến thắng này phải trả giá bằng máu, sinh mạng của những đồng đội, và nỗi lo sợ dai dẳng về sự trở lại của trí tuệ nhân tạo vẫn bao trùm thế giới.

Viễn cảnh u ám về một chế độ độc tài được dẫn dắt bởi Bộ Não robot có thể đẩy nhân loại vào một thời kỳ tăm tối, nơi con người mất đi tự do và quyền tự quyết, có nguy cơ xóa sổ nền văn minh loài người.

Công nghệ vượt trội, khi rơi vào tay một chế độ độc tài, không chỉ là thách thức đối với một quốc gia mà còn là mối đe dọa cho cả nhân loại. Vì vậy, việc phát triển trí tuệ nhân tạo cần đi kèm với các tiêu chuẩn đạo đức, sự giám sát chặt chẽ từ luật pháp quốc tế, và các cơ chế kiểm soát hiệu quả để đảm bảo AI không bao giờ trở thành công cụ của áp bức hay hủy diệt.

Món Quà **Ngày Lễ Tạ Ôn**

Lê Tấn Tài



*M*ột buổi tối Lễ Tạ Ôn lạnh lẽo, trong căn nhà nhỏ nằm cuối con phố yên tĩnh, bà Hạnh ngồi bên cửa sổ, đôi tay chai sạn đặt nhẹ trên tách trà nóng. Gió ngoài trời rít lên từng hồi, mang theo hơi lạnh cắt da. Năm nay, ngôi nhà nhỏ trống vắng hơn bao giờ hết. Bà lặng nhìn ánh đèn vàng từ những ngôi nhà xung quanh, nơi tiếng cười đùa của các gia đình vang

lên hạnh phúc.

Bà Hạnh đã quen với việc sống một mình từ khi ông mất. Nhưng năm nay lại khác, bởi ngay cả Trung, người con trai duy nhất của bà, cũng không thể về nhà, hiện đang ở nơi xa vì công việc, không thể về đoàn tụ. Nhìn vào bàn ăn, nơi bà đã chuẩn bị một bữa tối thơm tất với gà quay, khoai tây nghiền, bánh bí đỏ – tất cả những món mà Trung thích, bà khẽ thở dài. rồi tự nhủ: “Chắc là sẽ còn dư thừa nhiều đây,” đôi mắt thoáng buồn khi ánh đèn từ những ngôi nhà xung quanh hắt qua cửa sổ. Tiếng cười đùa vang lên khắp nơi, chỉ trừ ngôi nhà của bà.

Khi đồng hồ điểm tám giờ tối, bà vừa chuẩn bị dọn dẹp thì bỗng nhiên, ánh đèn trong nhà vụt tắt. Bà Hạnh giật mình, tim đập mạnh. “Chắc là cúp điện,” bà lẩm bẩm, cố gắng mò mẫm tìm cây đèn pin trên bàn. Nhưng ngay lúc đó, một tiếng gõ cửa vang lên, dồn dập và gấp gáp. Bà Hạnh khựng lại. Ai có thể đến vào giờ này? Tim bà đập mạnh hơn khi tiếng gõ tiếp tục vang lên, hòa lẫn với tiếng gió rít ngoài trời. Bà cầm chiếc đèn pin, tiến lại gần cửa, cố gắng giữ bình tĩnh. Bà ra mở cửa và không thể tin vào mắt mình. Trung đứng đó, khoác chiếc áo dày, nụ cười rạng rỡ trên môi, tay cầm một bó hoa hồng trắng. Gương mặt anh tái nhợt vì lạnh, áo khoác dày thấm ướt bởi mưa, nhưng nụ cười rạng rỡ vẫn nở trên môi.

“Chúc mừng Lễ Tạ Ơn!”

Bà ghen ngào không nói thành lời, nước mắt trào ra không ngừng.

“Con về rồi, mẹ. Con không thể để mẹ đón Lễ Tạ Ơn một mình.”

Bà Hạnh bật khóc, ôm chặt lấy con trai. “Trung, sao con

về được? Mẹ tưởng con phải làm việc.”

Trung cười: “Con không thể để mẹ một mình trong ngày này được. Mẹ là người quan trọng nhất đời con mà.” Bà ôm chầm lấy con trai, cảm giác ấm áp lan tỏa khắp cơ thể.

Bữa tối hôm ấy trở nên ấm áp và trọn vẹn. Bà Hạnh kể cho Trung nghe những kỷ niệm cũ, từ lúc ông bà còn sống đến thời thơ ấu của anh. Trung lắng nghe chăm chú, thỉnh thoảng gật đầu, ánh mắt đầy yêu thương.

Khi bữa tối kết thúc, Trung nói với mẹ: “Mẹ biết không, con thật sự biết ơn vì có mẹ. Mẹ đã luôn hy sinh để con có được ngày hôm nay. Mỗi ngày với con đều là một Lễ Tạ Ơn vì con có mẹ trong đời.”

Bà Hạnh mỉm cười, đôi mắt ngấn lệ. Đối với bà, không có món quà nào quý giá hơn tình yêu và sự biết ơn từ con trai. Và trong đêm đó, dưới ánh nến lung linh, và mùi thơm từ những món ăn, bà Hạnh cảm nhận rõ ràng một điều: tình yêu và sự hi sinh của Trung là món quà lớn nhất mà bà từng nhận được. Trong khoảnh khắc đó, bà biết rằng dù thế giới ngoài kia có lạnh giá thế nào, lòng biết ơn và tình yêu gia đình luôn là ngọn lửa sưởi ấm trái tim mình.

Viết cho Ngày Lễ Thanksgiving 2024



Phép Màu **Giáng Sinh**

Lê Tấn Tài

Những câu chuyện Giáng Sinh ngắn, nhưng chất chứa cảm xúc ấm nồng, như những ngọn nến nhỏ lan tỏa ánh sáng dịu dàng giữa mùa đông lạnh giá. Chỉ cần vài dòng đơn giản, một lời chúc chân thành hay một khoảnh khắc đoàn tụ gia đình, chúng có thể chạm đến sâu thẳm trái tim, mang theo niềm tin và hy vọng. Đó có thể là câu chuyện về một cậu bé nghèo nhận được món quà bất ngờ, hay một cô bé lạc lối trong đêm tối tìm thấy sự ấm áp trong lòng người xa lạ. Dù ngắn ngủi, mỗi câu chuyện như một món quà tinh thần, nhắc nhở chúng ta rằng điều kỳ diệu của Giáng Sinh luôn hiện diện trong những điều giản dị nhất.

Món Quà Cuối Cùng

Trên giường bệnh, một bà lão nắm chặt tay đứa cháu gái nhỏ. Bà khẽ thì thào: “Bà ước có thể ở lại lâu hơn...”

Đêm Giáng Sinh, cô bé thức giấc, thấy dưới cây thông là một chiếc khăn len màu đỏ - giống hệt chiếc khăn bà từng đan dang dở. Ngoài cửa sổ, tuyết rơi nhẹ nhẹ. Cô quàng chiếc khăn, cảm nhận hơi ấm của bà vẫn còn đó.

Chiếc Chuông Bạc

Cậu bé nghèo đứng trước cửa tiệm đồ chơi, mắt dán vào

con ngựa gỗ treo lưng lửng một chiếc chuông bạc nhỏ. Đêm đó, cậu ước mình có thể nghe tiếng chuông reo một lần.

Sáng hôm sau, trước cửa nhà cậu là con ngựa gỗ cũ kỹ nhưng chuông bạc vẫn sáng lấp lánh. Cậu chạm vào, chuông vang lên một âm thanh trong trẻo. Nước mắt cậu rơi. Ai đó đã nhớ đến cậu.

Ngọn Nến Cuối Cùng

Trong căn nhà nhỏ không điện, bà cụ già thấp ngọn nến cuối cùng để sưởi ấm. Bà nhắm mắt cầu nguyện cho đứa con trai xa nhà từ chiến trường.

Đúng lúc ngọn nến sắp tắt, cửa mở. Anh bước vào, ôm chầm lấy bà. Đêm Giáng Sinh, ánh sáng từ đôi mắt bà rực rỡ hơn cả ánh nến.

Lá Thư Chưa Gửi

Một cô bé mồ côi viết thư cho ông già Noel, chỉ xin một điều: một gia đình.

Sáng Giáng Sinh, lá thư vẫn nằm trên bàn, cạnh đó là một chiếc bánh quy và ly sữa vơi nửa. Ngoài cửa, một đôi vợ chồng trẻ đứng chờ với nụ cười dịu dàng: “Chúng ta đón con về nhà nhé?”

Chiếc Găng Tay Len

Cậu bé đứng co ro trên phố, hai tay đút sâu vào túi áo rách, nhìn những đứa trẻ khác đang chơi đùa trong tuyết. Một người lạ mặt dừng lại, trao cho cậu một đôi găng tay len ấm áp. Cậu bé cười rạng rỡ: “Cảm ơn chú!”

Người đàn ông quay đi, giấu bàn tay tê cứng vào túi áo. Nhưng trái tim ông thì ấm áp lạ thường.

Ngôi Sao Lạc Lối

Cô bé lạc đường trong rừng tối, chỉ có ánh sáng của một ngôi sao nhỏ dẫn lối. Cô đi mãi, đến khi thấy ánh đèn ấm áp từ một túp lều nhỏ. Một bà cụ mở cửa, ôm cô vào lòng.

Sáng hôm sau, cô bé nhận ra ngôi sao hôm qua là một chiếc đèn treo nhỏ mà bà cụ đặt trước cửa để dẫn đường cho những người lạc lối.

Hộp Quà Giấy Báo

Một cậu bé nhận được một hộp quà gói bằng giấy báo cũ. Mở ra, bên trong là chiếc xe hơi gỗ nhỏ mà cậu từng ao ước. Mẹ cậu cúi đầu, xấu hổ vì không có giấy gói đẹp hơn. Nhưng cậu bé ôm lấy mẹ, vui sướng reo lên: “Con thích lắm, mẹ ời!”

Giáng Sinh năm đó, món quà không chỉ là chiếc xe hơi—mà còn là tình yêu thương vô giá.

Chiếc Lòng Chim Trống

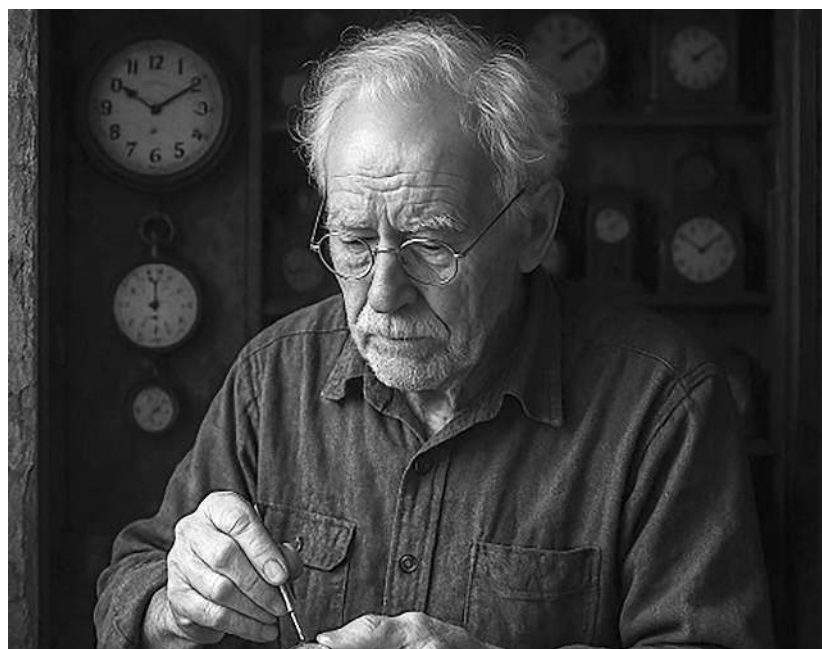
Một cậu bé mang đến nhà thờ một chiếc lòng chim trống. Khi linh mục hỏi, cậu chỉ cười: “Cháu thả chim đi rồi, để chúng cũng được tự do trong Giáng sinh này.”

Tiếng chuông nhà thờ vang lên, hòa cùng tiếng hát líu lo đầu đó trên bầu trời.

Búp Bê Vỡ

Cô bé nghèo ngồi ôm con búp bê cũ nát đã mất một tay, khóc vì bị bạn bè chê cười.

Sáng Giáng sinh, cô thấy con búp bê của mình đã được sửa lại, quần áo lành lặn và cánh tay mới. Không ai biết ai đã làm điều đó. Nhưng cô bé tin rằng phép màu Giáng sinh có thật.



Ánh Hào Quang Cuối Ngày

Có những câu chuyện không viết ra để gây xúc động, không kể để gây ấn tượng, mà chỉ như một hơi thở dài sau một ngày mệt. Truyện ngắn này là một hơi thở như thế – nhẹ, trong, và đủ sâu để ai từng đi qua ánh sáng mới thấu được bóng tối cũng có hình hài.

Giữa hai ngọn đồi mãi mãi đắm chìm trong màn sương mỏng, có một thị trấn nhỏ tưởng chừng chỉ tồn tại trong ký ức đã lãng quên. Ở đó, một tiệm sửa đồng hồ cũ nằm im lìm nơi góc phố, cửa không khóa mà chẳng bước chân nào ghé qua. Thời gian không trôi, chỉ lặp lại trong tiếng tích tắc đều đều, tựa lời thì thầm của một giấc mơ xưa cũ. Tấm biển gỗ cong vênh, chữ mờ nhòe như bóng người đi xa, hình như chính thời gian cũng đã lặng lẽ rời bỏ nơi này.

Chủ tiệm là một người đàn ông tóc bạc trắng như sương sớm, tên Thanh. Ông ít nói, thường mặc chiếc áo sơ mi trắng đã ngả màu ngà. Mỗi chiều, đúng năm giờ rưỡi, ông lại dừng tay, rót một chén trà ấm rồi ngồi lặng yên nhìn ra con hẻm nhỏ trước hiên.

Người trong phố đồn rằng ông từng là nghệ nhân lành danh, từng đứng dưới ánh đèn sân khấu, từng được bao người ngưỡng mộ. Nhưng chẳng ai hiểu vì sao ông rời bỏ tất

cả để về đây, sống cuộc đời lặng lẽ như chiếc đồng hồ cổ treo trên tường - bước từng nhịp nhỏ, chậm rãi, khiêm nhường, chẳng cần ai hay biết.

Người ta xì xào rằng ông là một “idol” hết thời. Ông Thạnh chỉ mỉm cười, đáp: “Có những thứ ánh sáng không chiếu vào mắt, mà thấm vào tâm hồn.”

Một ngày cuối thu, cô gái trẻ tên Vân Anh – sinh viên ngành thiết kế đang trong kỳ nghỉ – tình cờ bước vào tiệm. Cô mang theo chiếc đồng hồ đeo tay của ông nội, món kỷ vật đã ngừng chạy từ ngày ông qua đời. Ở thành phố, chẳng còn ai chịu sửa những thứ “lỗi thời” như thế, nên cô tìm về thị trấn nhỏ này – nơi ký ức dường như vẫn sống trong từng hơi thở của thời gian.

Tiệm đồng hồ của ông Thạnh giống như một thế giới khác. Ánh chiều tà lọc qua ô cửa kính phủ bụi, rải những vệt vàng mờ lên hàng trăm chiếc đồng hồ treo tường. Tiếng tích tắc nhịp nhàng, mỗi chiếc một âm điệu riêng, như một bản giao hưởng thì thầm của những thước phim thời gian.

Ông Thạnh ngẩng đầu khỏi chiếc kính lúp, đôi mắt sâu thẳm nhìn Vân Anh như đang lần giở lại một trang ký ức. Cô khẽ cúi chào, đưa chiếc đồng hồ ra bằng cả hai tay – một cử chỉ trịnh trọng vô thức nhưng thiêng liêng, như trao đi một mảnh hồn mình.

“Của ông nội cháu...” – giọng cô khẽ khàng, như sợ đánh thức quá khứ – “Nó ngừng chạy từ ngày ông mất.”

Ông Thạnh nhận lấy chiếc đồng hồ, xoay nhẹ dưới ánh đèn bàn, lật nhẹ mặt kính như người ta lật giở trang sách cũ. Những ngón tay gầy guộc chạm vào từng vết xước như đang đọc những dòng ký ức khắc trên thân kim loại.

“Đồng hồ cũng có ký ức,” giọng ông chậm rãi, trầm ấm

tựa tiếng quả lắc. “Có khi chúng ngừng lại không phải vì hỏng... mà vì trái tim chúng đập trong im lặng quá lâu rồi.”

Vân Anh đảo mắt nhìn quanh tiệm. Mọi thứ nơi đây đều mang vẻ đẹp của thời gian đã ngưng đọng. Chuông gió lay động nhẹ, rung lên khúc nhạc không lời dành riêng cho người biết lắng nghe. Cánh quạt trần xoay chậm rãi, như đang viết lên trời những vòng tròn vô định. Sau lớp kính mờ, những chiếc đồng hồ cổ nằm yên – tựa như những linh hồn thép đang say giấc nghìn thu. Đây không phải chốn thời gian bị bỏ quên, mà là nơi nó được giữ lại như báu vật, nơi từng nhịp tích tắc trở thành lời cầu nguyện, rơi chậm chậm vào thính không như làn khói trầm lan trong tĩnh lặng.

“Cháu nghĩ ánh hào quang là gì?” – giọng ông Thanh chột cất ngang dòng suy tưởng, đôi mắt vẫn dán vào chiếc đồng hồ như đang đọc một bí mật.

Vân Anh bối rối. Câu hỏi ấy bất ngờ như hòn sỏi ném vào mặt hồ tĩnh lặng, khiến lòng cô gợn lên những lớp sóng ngầm.

“Là... khi người ta được nhìn thấy, được ghi nhận?” – câu trả lời chên vênh như chiếc lá vàng rơi giữa khoảng không.

Ông Thanh mỉm cười – nụ cười của kẻ đã thấu hiểu sự phù du. Những ngón tay gầy guộc của ông tháo từng bánh răng nhỏ, lau chúng bằng miếng vải mềm như vuốt ve một vết thương.

“Ánh hào quang...” – giọng ông chậm rãi như kim giây đồng hồ – “là ngọn lửa ma trời mà con người đuổi theo cả đời, tưởng rằng nó sẽ xua tan bóng tối trong họ. Người ta thường say mê ánh sáng ấy, không chỉ vì nó rực rỡ mà còn vì nó khiến người khác cúi đầu ngưỡng mộ. Và mấy ai biết rằng, phía sau lớp ánh sáng lung linh đó, là bao lần tự vấn,

bao giấc ngủ nặng trĩu và những bước chân lặng lẽ giữa đêm. Nhưng có những thứ ánh sáng không cần đốt cháy mình để tỏa sáng. Nó âm thầm như sương sớm thấm vào đất, như mạch nước ngầm nuôi dưỡng rễ cây, như chiếc đồng hồ này – dù chẳng ai lắng nghe, nó vẫn giữ nhịp cho những ký ức.”

Ông nâng chiếc bánh răng nhỏ lên ánh sáng, nơi nó lấp lánh như một vì sao lạc:

“Có thứ hào quang ồn ào của sân khấu, và có thứ ánh sáng tĩnh lặng của tâm hồn – thứ ánh sáng ẩn mình trong dáng người lặng lẽ bước qua đời, với đôi mắt biết nhìn, trái tim biết lắng. Ánh hào quang ấy không chiếu rọi ai, chỉ khẽ soi lên chính người mang nó, như vầng sáng âm thầm thấu suốt từ nội tâm. Một đời người có thể chẳng bao giờ đứng giữa ánh đèn rực rỡ, vẫn có thể tỏa sáng theo cách riêng mình – như chiếc đồng hồ ngừng tích tắc, vẫn lưu giữ trọn vẹn câu chuyện trong từng vết xước thời gian.”

Bóng chiều bên cửa sổ dần dài ra, phủ lên sàn nhà lớp bụi vàng như lớp phấn thời gian. Ông Thạnh nhìn xa xăm:

“Tôi từng nghĩ ánh hào quang là đích đến, rằng con người sinh ra là để tỏa sáng rực rỡ. Nhưng rồi năm tháng lặng lẽ trôi qua tựa dòng sông chẳng màng về nguồn, tôi chợt nhận ra: ánh sáng đích thực thường nẩy mầm từ những khoảng tối – khi ta dám một mình đối diện với chính mình, khi can đảm sống chậm giữa thế giới vội vã, khi hạnh phúc với những điều giản dị chẳng cần ai chứng kiến. Đó là lúc một chiều muộn, ta chọn ngồi lại dưới gốc cây xưa, lắng nghe gió luôn qua tán lá úa màu, chẳng cần nói gì, cũng chẳng cần ai nghe.”

Và trong khoảnh khắc ấy, tiệm đồng hồ nhỏ bé bỗng trở thành vũ trụ thu nhỏ – nơi thời gian không còn là tên cai

ngực, mà là người bạn già lặng lẽ kể lại câu chuyện vĩnh hằng bằng thứ ngôn ngữ của những chiếc kim im lìm.

Vân Anh lặng im. Cô nhìn ông Thanh cẩn trọng nhỏ từng giọt dầu vào bánh răng nhỏ, đôi tay gầy guộc nhưng vững vàng như đang nâng niu một mảnh ký ức mong manh. Mùi dầu đồng hồ thoang thoảng trong không gian, thứ hương quen thuộc khiến lòng cô chợt chùng xuống – mùi của những buổi chiều xưa, khi ông nội còn ngồi bên, giọng trầm ấm như tiếng đồng hồ quả lắc: “Thời gian không phải để đếm, con ạ, mà để lắng nghe.”

Từ ngày ông đi xa, cô đã cất giữ chiếc đồng hồ vào ngăn kéo, chôn vùi những buổi chiều ngồi bên ông, lắng nghe tiếng tích tắc đều đều – thứ âm thanh khiến cô tưởng tượng đó là nhịp thở của thời gian, một hơi thở ấm áp, chậm rãi. Giờ đây, cô chợt nhận ra, có lẽ chiếc đồng hồ ngừng chạy không phải vì hỏng, mà vì trái tim cô đã ngừng lắng nghe.

“Hình như... tôi đã từng thấy ông trên tivi?” – giọng cô nhẹ như lá khẽ chạm mặt hồ, nhưng đủ để gợi lên một nỗi niềm xa xăm.

Ông Thanh khựng lại. Khoảng lặng trôi qua, chỉ còn tiếng kim đồng hồ trên tường đếm nhịp, từng tích-tắc như hạt bụi vàng rơi xuống đáy ký ức. Rồi ông gạt đầu, chậm rãi, như người lật từng trang sách cũ, nơi mỗi dòng chữ đều thấm đẫm thời gian.

“Lúc đó tôi còn trẻ,” – giọng ông xa vắng, đôi mắt nhìn qua ô cửa sổ nhỏ, nơi hoàng hôn đang loang màu tím nhạt – “Tưởng rằng giá trị đời người đo bằng những tràng vỗ tay.”

“Vậy sao ông lại bỏ đi?”

Ông buông chiếc tua vít xuống bàn, ngón tay gầy guộc lơ

lững trong không như đang gõ nhịp vào một bản nhạc im lặng. Một tiếng thở dài cất lên, hòa vào giọng nói chậm rãi đầy mệt mỏi:

“Một lần, tôi bước vào thế giới của những chiếc đồng hồ xa xỉ – nơi những khối kim loại sáng bóng nằm im trong tủ kính, và mọi giao tiếp chỉ diễn ra qua những cái bắt tay rỗng tuếch. Trong buổi ấy, một người đàn ông thượng lưu tiến về phía tôi. Miệng ông ta luôn nở một nụ cười như được dán sẵn, từng bước đến gần, giọng nói ngọt lịm: “Anh là bậc thầy đồng hồ tài hoa nhất mà tôi từng nghe danh. Nhưng nếu tôi nói rằng đây là báu vật của một bá tước người Áo, liệu anh dám xác nhận?” Vừa nói, ông ta vừa chìa ra một chiếc đồng hồ. Chiếc đồng hồ vàng nạm kim cương lấp lánh trong tay hắn – lớp vỏ hoàn hảo như một tác phẩm nghệ thuật, nhưng cỗ máy bên trong lại thô thiển, tầm thường. Nó không phải cỗ vật, mà là một sản phẩm giả được tạo ra để đánh lừa những kẻ mê vẻ hào nhoáng bên ngoài. Tôi lắc đầu: “Không, nó không phải vậy.” Nhưng người đàn ông kia bỏ đi, như thể chưa từng nghe thấy lời đáp. Trong đêm tiệc hôm ấy, ông ta vẫn nâng ly, kể với mọi người câu chuyện về chiếc đồng hồ “di sản”, và nêu tên tôi như một minh chứng xác thực. Danh tiếng của tôi bị lợi dụng, rồi bị nhấn chìm trong những lời đồn thổi.”

Ông Thanh nhìn bàn tay mình – những vết chai sần in hằn năm tháng. Một tiếng cười khế bật ra: “Chỉ cần một lần để người khác mượn tên mình như chiếc chìa khóa sai ổ khóa, là đủ để tiếng vỗ tay trở thành tiếng gió thổi qua khe cửa đời...”

Vân Anh lặng im. Cô hiểu cái cảm giác ấy – cảm giác như đang đóng vai chính trong vở kịch của người khác, nhưng lại

lạc lõng giữa chính cuộc đời mình.

“Ông có hối hận không?”

Ông Thạnh nheo mắt, những vết nhăn chân chim trên gương mặt hằn sâu hơn dưới ánh chiều tà. “Không,” – giọng ông ấm như nắng tháng mười len qua kẽ lá – “Vì tôi đã tìm thấy thứ ánh sáng khác. Không chói chang, không ồn ào, chỉ dịu dàng như nắng chiều qua làn khói lửa.”

Ông chậm rãi rót trà, hơi nước bốc lên tựa màn sương ký ức. “Hào quang thực sự... là khi ta ngừng đuổi theo nó.”

Bên ngoài, hoàng hôn dệt tơ vàng lên căn tiệm nhỏ. Ánh nắng cuối ngày len qua kẽ cửa, biến những chiếc đồng hồ thành vũ trụ thu nhỏ – muôn vàn ngôi sao lấp lánh, im lặng mà không ngừng chuyển động.

Ông Thạnh rót thêm trà. Hơi nước bốc lên, tan vào không khí như những mảnh ký ức mong manh. “Con người ta,” – giọng ông trầm xuống – “đôi khi phải bước ra khỏi ánh đèn sân khấu, mới thấy được ánh sáng của chính mình.”

Và trong khoảnh khắc ấy, Vân Anh chợt hiểu: có những thứ ánh sáng không cần phô diễn. Chúng chỉ cần tồn tại, lặng lẽ và bền bỉ, như chiếc đồng hồ cũ kỹ vẫn kiên nhẫn đếm nhịp thời gian trong căn tiệm nhỏ này – nơi mỗi tích tắc đều là một lời thì thầm của vĩnh cửu.

Chiều dần tàn. Ánh nắng cuối cùng in bóng hai con người lên bức tường đầy đồng hồ – một bức tranh tĩnh lặng mà sâu sắc, như chính triết lý về hào quang mà ông Thạnh đã dành cả đời để thấu hiểu: Ánh sáng đẹp nhất, là ánh sáng không cần ai chứng kiến.

Vân Anh lặng yên, để tiếng tích tắc đồng hồ dịu tâm hồn mình vào dòng chảy êm đềm của thời gian. Trong khoảnh

khắc ấy, thời gian không còn là những con số vội vã trên mặt số, mà trở thành dòng suối trong veo, len lỏi qua kẽ tay, chạm vào những góc khuất lãng quên trong lòng cô.

Cô chợt nghĩ đến bản thân mình. Cô đã chạy quá nhanh, mãi miết cố chứng tỏ điều gì đó với những người xung quanh – thầy cô, bạn bè, cả mạng xã hội. Mỗi thiết kế cô làm ra đều mong được nhìn thấy, được công nhận, được yêu thích. Nhưng càng chạy, cô lại càng thấy mình lạc trong một mê cung ánh sáng. Mỗi lời khen như một chớp sáng – lóe lên rồi tắt, để lại một khoảng tối không tên, một nỗi trống trải mơ hồ.

Cô tự hỏi: Từ bao giờ mình đã sợ những khoảng lặng?

Một cơn gió nhẹ luồn qua khe cửa, mang theo hương cỏ dại và mùi gỗ cũ, như một lời thì thầm của ký ức. Ông Thanh vừa hoàn thành việc lắp ráp. Chiếc đồng hồ nằm yên trên lòng bàn tay ông, như một con chim nhỏ đang ngủ, mỏng manh mà đầy sự sống. Ông khẽ đặt nó xuống bàn. Rồi, trong khoảnh khắc tưởng như không ai chú ý, một tiếng “tích” vang lên – nhẹ nhàng như hơi thở đầu tiên của buổi bình minh. Kim giây bắt đầu chuyển động, từ tốn và đều đặn, như bước chân của thời gian khi đi qua những điều đáng quý.

Vân Anh cầm chiếc đồng hồ lên. Lần đầu tiên sau bao năm, cô lại nghe thấy tiếng tích tắc quen thuộc – giờ đây, nó không còn là lời nhắc về sự mất mát, mà như một lời thì thầm từ quá khứ. Những điều đẹp đẽ nhất thường đến từ sự lắng nghe sâu lắng, từ những khoảnh khắc tưởng chừng rất bình thường.

Ánh nắng cuối ngày len qua khe cửa, rọi lên chiếc đồng hồ đang dần hồi sinh, khiến nó lấp lánh như một vì sao nhỏ. Cô hiểu ra rằng, có những thứ ánh sáng không cần tỏa rạng,

chỉ cần đủ để soi rọi một góc nhỏ trong tâm hồn. Và có lẽ, đó mới là thứ ánh hào quang đẹp nhất – thứ ánh sáng không làm lóa mắt, mà chỉ đủ để sưởi ấm.

Vân Anh cúi đầu cảm ơn, nhưng ông lão chỉ mỉm cười, đôi mắt sâu như hai vì sao chiều.

“Cháu không nợ gì tôi đâu,” – giọng ông ấm như nắng tháng mười, “đôi khi, chúng ta chỉ cần ai đó nhắc nhở mình dừng lại để nghe tiếng trái tim mình đập.”

Và trong khoảnh khắc ấy, tiếng tích tắc của chiếc đồng hồ trở thành nhịp đập của chính cô – chậm rãi, bình yên, và đầy ý nghĩa.

Vân Anh vừa định đứng dậy ra về thì cánh cửa tiệm khẽ rung lên, vang một tiếng chuông mỏng. Một bóng người lặng lẽ bước vào – dáng điệu chậm rãi nhưng chắc chắn, như thể đã quá quen thuộc với từng kẽ nứt trên nền gỗ cũ kỹ nơi đây.

Ánh nắng cuối ngày loang nhạt như nước trà phai, vậy mà người đàn ông ấy vẫn đeo kính râm. Chiếc vest sẫm màu ôm lấy thân hình gầy guộc, toát lên vẻ lạnh lùng, khép kín.

Ông Thạnh ngẩng lên. Một thoáng yên lặng lướt qua. Cả hai người đàn ông nhìn nhau – một sự tĩnh tại đầy ám ảnh, như thể có điều gì đó chưa kịp nói thành lời.

“Lâu quá rồi, Thạnh.” Giọng người khách trơn tru như mặt kính đồng hồ được đánh bóng kỹ lưỡng. “Tôi nghe nói anh vẫn còn sống... ở một nơi như thế này.”

Vân Anh cảm thấy không khí đặc quánh lại. Ông Thạnh không đứng dậy, chỉ lặng lẽ rót thêm chén trà, đặt nhẹ xuống bàn – không mời.

“Anh cần gì?” ông hỏi, ánh mắt dán vào làn hơi nước bốc lên từ chén trà.

Người đàn ông tháo kính, để lộ đôi mắt đã mòn mỏi nhưng vẫn ánh lên vẻ ranh mãnh. Ông ta lấy từ túi ra một chiếc đồng hồ, đặt nhẹ xuống bàn.

“Hư rồi. Lần này là đồ thật đấy. Tôi nghĩ... chỉ có anh mới sửa được những thứ như thế này.”

Rồi như chợt nhớ ra điều gì, ông ta nheo mắt cười:

“À, đừng hiểu lầm... tôi không đến vì chuyện cũ. Chỉ là chẳng còn ai đủ tài để sửa nó ngoài anh.”

Ông Thanh im lặng. Bàn tay gân guốc đặt yên trên mặt bàn, không nhúc nhích, như đang cân đo — không phải chiếc đồng hồ, mà là trọng lượng của một lời tha thứ.

“Chuyện cũ chưa bao giờ là cũ nếu người ta còn dùng nó để bước tiếp,” ông nói, giọng khê nhưng đanh. “Anh không cần tôi. Anh chỉ cần một cái tên để che đi những thứ mình không có.”

Người khách nhú mày, nhưng ông Thanh đã đẩy nhẹ chiếc đồng hồ về phía trước.

“Tôi sửa những thứ hỏng hóc, không sửa những điều giả dối để nó trở thành chân thật.”

Căn phòng chìm vào im lặng. Rồi người đàn ông nhún vai, lấy lại đồng hồ và quay đi. Trước khi bước ra cửa, ông ta dừng lại một giây, quay đầu nhìn Văn Anh:

“Cháu còn trẻ. Đừng sống âm thầm như ông ấy. Cả đời chôn mình trong bóng tối... có đáng không?”

Văn Anh không đáp. Cô nhìn ông Thanh — dáng ngồi bất động như tảng đá giữa dòng đời cuộn cuộn, không xô đẩy, không lay chuyển. Và trong khoảnh khắc ấy, cô chợt hiểu: có những người không cần đứng dưới ánh đèn sân khấu để tỏa sáng. Họ là thứ ánh sáng riêng — lặng lẽ và kiên định, như

ngọn đèn dầu le lói trong đêm dài.

Khi bóng người khách khuất sau cánh cửa, tiếng tích tắc của đồng hồ lại vang lên đều đặn, như nhịp thở của thời gian chưa từng gián đoạn. Vân Anh đứng bên cửa sổ, nhìn những tia nắng cuối cùng chảy dài trên mặt đường lát đá.

“Ông không giận sao?” cô khẽ hỏi.

Ông Thạnh nâng chén trà lên, mắt dõi theo làn khói mỏng manh tan vào không trung.

“Giận là cái bẫy của quá khứ,” ông nói. “Còn tôi đã chọn sống với hiện tại — với tiếng đồng hồ, với chén trà này, với những chiều tà như hôm nay.”

Vân Anh ngồi xuống, không nói gì thêm. Trong đầu cô, những điều vụn vặt vẫn quay cuồng: danh vọng, giá trị, ánh sáng và bóng tối — tất cả lặng lẽ gom tụ lại trong im lặng này, như những chiếc lá rụng thành vòng tròn dưới gốc cây già.

Một lúc sau, cô ngẩng lên:

“Cháu nghĩ... ánh sáng thực sự là khi người ta đứng yên một chỗ mà vẫn soi rõ đường cho kẻ khác.”

Ông Thạnh không đáp. Ông chỉ khẽ gật đầu, rồi mỉm cười — một nụ cười nhẹ đến mức, nếu không để ý, người ta có thể tưởng đó chỉ là một cái lay động của ánh hoàng hôn trên khóe mắt.

Ngoài hiên, gió đổi chiều. Và tiếng đồng hồ vẫn đều đặn điểm nhịp — tích... tắc... — như một lời nhắc nhở rằng, thế giới này vẫn được giữ thẳng bằng bởi những con người lặng lẽ nhất.

Vân Anh bước chậm trên đường về, từng bước chân như hòa vào nhịp thở của thành phố lúc hoàng hôn. Chiếc đồng hồ trong tay cô ấm áp lạ thường - không phải hơi ấm của kim

loại, mà là thứ nhiệt tình dịu êm tỏa ra từ những ký ức vừa được đánh thức. Cô không vội với tay lấy điện thoại, không bật danh sách nhạc quen thuộc, chỉ để mặc tâm hồn mình trôi theo dòng người hối hả, như chiếc lá thu buông mình theo dòng nước.

Những ánh đèn neon rực rỡ vẫn nhảy múa trên các tòa nhà cao tầng, nhưng giờ đây chúng không còn khiến cô choáng ngợp. Bởi trong lòng cô đã có một thứ ánh sáng khác - không chói chang, không ồn ào, chỉ dịu dàng như nắng sớm xuyên qua kẽ lá, đủ để sưởi ấm những góc khuất lâu ngày bị lãng quên.

Đêm ấy, Vân Anh đặt chiếc đồng hồ cạnh khung cửa sổ. Ánh trăng bạc len lỏi qua song cửa, in bóng những chiếc kim lên tường thành một chiếc đồng hồ khổng lồ - chiếc đồng hồ của vũ trụ, nơi thời gian không còn là những con số, mà là những vũ điệu chậm rãi của ánh sáng và bóng tối. Cô ngồi xuống, không vội vã, không toan tính, chỉ đơn giản là hiện diện trong khoảnh khắc này - nơi thời gian không phải để tranh đua, mà để thưởng thức, như người nghệ sĩ ngắm nhìn nét cọ cuối cùng trên bức tranh đời mình.

Ngoài kia, thành phố vẫn rực rỡ trong biển đèn, vẫn hối hả những cuộc đua không hồi kết. Nhưng trong căn phòng nhỏ này, Vân Anh đã tìm thấy một thứ ánh sáng khác - thứ ánh sáng không cần phô trương, không cần so đo, chỉ lặng lẽ tỏa chiếu như ngọn đèn dầu trong đêm tĩnh lặng.

Những người mang ánh hào quang thực sự thường chẳng hay biết mình đang tỏa sáng. Họ không gào thét về điều thiện lương, cũng chẳng khua chiêng gõ trống khoe công. Họ như chiếc lá cuối cùng bám lại trên cành sau cơn gió dữ

– không phải vì cố bám víu, mà bởi vẫn còn yêu ánh nắng. Có lẽ, hạnh phúc đích thực không nằm ở những gì ta nắm giữ, mà ở những gì ta can đảm buông tay. Không phải ở cách ta tỏa sáng trước mắt người đời, mà ở khả năng lặng yên với chính mình, như dòng sông thâm lặng chẳng cần phô bày vẻ sâu thẳm.

Và trong khoảnh khắc ấy, khi tiếng tích tắc đồng hồ hòa cùng nhịp thở đều đặn, Vân Anh chợt hiểu rằng câu chuyện của cô không phải đang đi đến hồi kết...

Mà chỉ mới vừa bắt đầu.

San Jose 6/4/2025



Ánh Lửa Cuối Đêm Rừng

Lê Tấn Tài

Ánh lửa cuối đêm rừng là biểu tượng cho tia sáng mong manh nhưng bền bỉ – một ánh nhìn, một lời nói, một tâm thức âm thầm soi lối giữa những lạc lối thẳm sâu của đời người. Nó là hiện thân của lòng tử tế vô danh, của sự hiện diện lặng lẽ giữa một thế giới chao đảo và mất phương hướng.

Vùng U Minh cuối thế kỷ 19 – đầu thế kỷ 20 còn là chốn rừng hoang, dân cư thưa thớt với người Kinh, Khmer, Hoa sống xen kẽ. Nhiều người đồn đại về những vùng “rừng ma” – nơi kẻ lạc bước vào chẳng mấy khi trở ra, có thể vì lạc lối, vì rắn độc, muỗi sốt rét, hay thú dữ chực chờ. Ấy vậy mà vẫn có những kẻ gan dạ mạo hiểm vào rừng phát hoang, dựng chòi tạm, làm ruộng, trồng dưa, gác kèo ong, săn cá sấu, đặt bẫy chuột đồng.

Nghề đặc biệt nhất có lẽ là nghề làm than từ cây trầm. Những người làm nghề này phải sống dài ngày giữa rừng sâu, dựng lò, đốt củi trầm rồi canh lửa cháy âm ỉ suốt ngày đêm. Người già kể rằng, trong cái tĩnh mịch của rừng đêm, tiếng vượn hú, tiếng gió rít hòa vào nhau như tiếng gọi từ cõi âm. Họ truyền lại nhau cách nhìn trời, nhìn rêu trên thân cây để định hướng, cách chặt trầm không làm hư rễ, mẹo tránh đĩa

và chống muỗi rừng bằng lá cây. Mỗi nếp nhà dựng lên giữa chốn hoang vu ấy tựa như một chiến công thầm lặng của con người trước thiên nhiên khắc nghiệt.

Giữa những câu chuyện rừng, nổi bật lên huyền thoại về một nhân vật bí ẩn sống trong “rừng ma” – không ai biết có thật hay không, nhưng vẫn ám ảnh tâm trí dân làng như chính bóng tối rậm rịt, u uẩn của U Minh. Người ta đồn rằng sâu trong rừng trầm có một khu rừng ma, nơi la bàn quay loạn, chim chóc im hơi lặng tiếng, và lạc bước vào đó chỉ thấy mình đi vòng quanh trong mê lộ lá trầm rũ rượi. Người lạc đường thường kể lại những tiếng thầm thì trong gió, bóng người thoáng hiện trong sương, chính là ông Tư Đồ, kẻ canh giữ lối rừng.

Theo lời kể, ông Tư Đồ vốn bị chính quyền bảo hộ truy nã nên trốn vào U Minh. Một lần bị vây bắt, ông lạc vào vùng rừng ma và biến mất. Mọi người đều tưởng ông đã chết, cho đến khi vài năm sau, những người lấy mật ong, làm than thấy một người đàn ông râu tóc dài phủ kín mặt, khoác chiếc áo lính tây cũ sờn, đôi mắt sáng lập lờ như mắt mèo rừng ngồi dưới gốc trầm. Khi họ gọi thì ông biến mất, nhưng lạ thay, những vết chân in trên lá khô lại dẫn họ tìm được lối ra.

Từ đó, cái tên Tư Đồ trở thành huyền thoại. Người ta bảo ông không còn là người, cũng chẳng phải ma – mà là người giữ rừng. Kẻ thì nói ông vẫn sống, ăn trái rừng, ngủ trên cao tránh rắn; người lại tin ông đã chết từ lâu, nhưng linh hồn ông không rời đi, vì ông đã hứa giữ con đường ấy cho những ai lỡ lạc vào. Đến nay, dân U Minh vẫn thấp nhang ven bìa rừng – nơi được cho là lối vào của ông Tư. Không ai dám động đến mảnh đất ấy. Trẻ con được dạy: nếu chẳng may lạc bước, hãy giữ lòng trong sạch, biết đâu ông Tư sẽ hiện ra

dẫn lối...

Ngày nay, có một chàng thanh niên chán đời bỏ thành phố về U Minh để khám phá khu rừng này. Anh kể lại câu chuyện gặp ông Tư Đỏ như sau:

Tôi gặp ông Tư Đỏ vào năm hai mươi bảy tuổi – cái tuổi tưởng đã rõ phương hướng đời mình, nhưng thực ra vẫn lạc lõng như đứa trẻ đi lạc giữa rừng U Minh mùa nước nổi.

Lúc ấy, tôi bỏ thành phố về rừng sống một thời gian – chẳng vì lý do cụ thể nào. Đơn giản là lòng mỏi mệt. Người yêu bỏ tôi. Công việc như guồng máy nghiền nát tâm hồn. Bận bè mỗi người một ngả. Tôi chỉ muốn trốn đến nơi thật sâu, nơi sóng điện thoại chẳng với tới, nơi tiếng lòng người còn được chim rừng lắng nghe.

Bà Sáu, chủ căn nhà lá tôi thuê ở mép rừng, nhìn tôi lom lom:

– Đừng có đi sâu vào trong rừng. Ở đó có ông Tư Đỏ. Không phải ai cũng gặp được ông đâu. Mà nếu gặp rồi, chưa chắc đã thoát ra được.

Tôi bật cười, nghĩ bà chỉ kể chuyện ma để dọa. Nhưng trong giọng bà thoáng một niềm tin vững chắc, như thể lời cảnh báo này không xuất phát từ sự hù dọa, mà từ một điều gì đó sâu xa hơn: rừng có linh hồn, đừng coi thường.

Ba ngày sau, tôi đeo máy ảnh, men sâu vào rừng. Ban đầu, chỉ định chụp vài tấm hình cây tràm già, lưu lại khung cảnh sương mù lằng đằng giữa những tán lá xám bạc. Thế rồi, chẳng hiểu sao, tôi lạc mất lối về.

Mặt trời tắt sớm giữa những hàng cây im lìm. Gió đập từng nhịp vào lá, như tiếng thì thầm của ai đó. Tôi quay lại, nhưng con đường đã khác—cỏ mọc um tùm, lá rừng phủ

dày, dấu chân biến mất. Tôi ngồi bệt xuống gốc tràm, hai tay run rẩy vì lạnh. Màn đêm ở rừng U Minh không đen kịt mà xám xịt như tàn tro, và trong làn sương mờ ảo ấy, một vệt lửa nhỏ chột hiện ra—lập lòe như đóm đuốc. Một người đàn ông lưng hơi khòm, vai đeo túi vải thô, tay cầm ngọn đuốc cháy leo lét. Áo ông bạc phéch, râu tóc điểm sương.

Ông chẳng nhìn tôi, cũng chẳng lên tiếng, chỉ lặng lẽ quay lưng, bước chậm vào lối mòn khuất sâu. Tôi đứng dậy, đi theo. Không hiểu sao, lòng chẳng chút sợ hãi, cũng chẳng băn khoăn. Chỉ thấy nhẹ bẫng, như vừa tỉnh một giấc mơ sâu.

Đi được một quãng, ông dừng dưới gốc cây, ngoảnh lại nhìn tôi. Đôi mắt ông ánh lên thứ ánh sáng kỳ lạ—không phải từ ngọn đuốc, mà tựa như đã thấu suốt hàng trăm năm rừng thẳm.

— “Lạc rồi hả?” — giọng ông khàn đục, như tiếng gió xuyên qua kẽ lá.

Tôi gật đầu.

— “Con đường nào cũng có lối ra” — ông nói — “nhưng phải biết mình đi để tìm gì.”

Tôi toan hỏi thêm, nhưng ông đã quay đi. Bỗng nhiên, trước mắt tôi hiện ra lối mòn quen thuộc—chính là con đường buổi sáng tôi đã vào. Gió xoay chiều. Tiếng cu gọi đầu đỏ trong rừng. Ánh sáng ban mai lọc qua tán lá. Ông Tư Đồ đã biến vào sương mù.

Tôi trở về nhà bà Sáu, lặng im không một lời giải thích. Bà chẳng hỏi han, chỉ châm điếu thuốc rồi thở ra một câu như sương khói:

- Về được là phúc. Đã có người đi luôn không quay lại.

Không phải rừng giữ chân họ - chính họ không muốn tìm lối thoát.

Từ dạo ấy, tôi bỏ thói quen lang thang. Trở lại thành phố ồn ào, nhưng trong ký ức vẫn in đậm bóng hình ông Tư Đồ - như một giấc mộng không thể nào tan. Phải chăng mỗi người đều ôm giữ một khu rừng bí ẩn trong tâm khảm? Nơi ấy, nếu thiếu sự thành thực với chính mình, thiếu dũng khí đối diện với sự thật, người ta sẽ mãi mãi là kẻ lữ hành lạc bước. Và có lẽ, đâu đó trong cõi rừng sâu thẳm ấy - vẫn còn những người giữ cửa, thầm lặng dẫn lối cho những tâm hồn lạc đường trở về.

Nhiều năm sau, tôi trở lại U Minh. Rừng đã khác xưa - thưa thớt hơn, bị xẻ nát bởi những con đường mới, những ngôi nhà mọc lên san sát, cả quán cà phê ồn ào nơi bìa rừng. Nhưng khi chiều buông, làn sương mỏng phủ lên ngọn cỏ và tiếng cu rừng vọng về từ xa, tôi vẫn thấy bồi hồi - cảm giác như có ai đó đang dõi theo mình từ phía sau những thân trầm già.

Tôi tìm về nhà bà Sáu. Bà đã ra đi từ năm ngoái. Con cháu bỏ đi hết, căn nhà lá đơn độc với những bức vách rêu phong loang lổ, như đang từ từ trở về với đất rừng.

Trước khi rời đi, tôi bước theo con đường mòn cũ, lần nữa lặng lẽ tiến sâu vào rừng trầm. Lần này, tôi chẳng mang máy ảnh, cũng chẳng có mục đích gì - chỉ đơn giản là muốn đi. Để nghe lại tiếng lá khô xào xạc dưới chân như thuở nào, để tìm kiếm thứ gì đó không gọi tên được.

Giữa rừng, một khoảng đất trống hình tròn hiện ra, như dấu vết của ai đó từng ngồi đó rất lâu. Trên cành trầm gần đấy, một mảnh vải bạc phéch phát phơ - giống hệt màu áo ông Tư ngày ấy. Tôi đứng lặng. Rồi quay gót, chẳng mang

theo gì. Chỉ còn đọng lại một ý nghĩ mơ hồ: Biết đâu, một ngày nào đó, khi có ai lạc lối giữa dòng đời, họ sẽ gặp ông – hoặc một người như ông – người âm thầm giữ lối cho những tâm hồn chưa tìm thấy phương hướng.

Và biết đâu, một ngày nào đó, tôi sẽ trở lại nơi này – không phải để tìm ông nữa, mà để trở thành người giữ lối cho những kẻ đến sau.

Đóm Lửa **Giữa Rừng U Minh**

Hồi ký

Lê Tấn Tài



Tôi viết lại những dòng này, khi mùa đông đang về trên xứ người. Bên ngoài khung cửa sổ là một vòm trời xám lạnh, nơi không có tiếng chim, không có mùi rơm rạ, và không có những buổi chiều lặng gió của quê nhà.

Đã bốn mươi năm, kể từ ngày tôi ra đi – một cuộc ra đi

không có lễ tiễn, không có hứa hẹn ngày về. Tôi mang theo mình không có gì khác ngoài một ý niệm mong manh về tự do, và một nỗi sợ bị quên lãng giữa lòng đất mẹ.

Người ta gọi những kẻ như tôi là “thuyền nhân”, là “người tị nạn”, là “kẻ vượt biên”. Những danh xưng ấy nghe xa lạ làm sao – chúng chưa bao giờ nói hết được những gì mà một linh hồn phải gánh mang khi chọn bước ra khỏi quê hương bằng đôi chân trần, và niềm tin rách nát.

Tôi đã đi qua một khu rừng – không chỉ là rừng U Minh, mà là khu rừng trong chính mình: nơi bóng tối dày đặc nhất cũng là nơi có thể thấy một đốm sáng nhỏ nhất.

Và tôi đã sống sót.

Nhưng sống sót không có nghĩa là đã đi qua. Có những ký ức không nằm lại ở quá khứ – chúng nằm trong máu thịt, trong giấc mơ, trong cách mình lặng lẽ nhìn vào hư vô mỗi khi mùa gió cũ trở về. Hồi ký này là cho cha tôi – người đã đi xa trước khi tôi tìm được lối thoát, và có lẽ cũng chính là người đã dẫn tôi ra khỏi đêm tối năm nào.

Cũng là cho chính tôi – một đứa con của đất, của rừng, và của những ngọn lửa không bao giờ tắt.

Năm 1985, tôi bốn mươi tuổi. Ở cái tuổi mà người ta thường mong được yên ổn làm ăn, nuôi con, dựng lại mái nhà sau chiến tranh – thì tôi lại buộc phải ra đi. Không phải vì tôi muốn, mà vì tôi là một kẻ bại trận. Một người đứng về phía bên kia của cuộc chiến, và không còn chỗ để đứng trên chính quê hương mình.

Quyết định vượt biên không đến trong một ngày. Nó là kết quả của bao năm bị đẩy ra bên lề, sống trong im lặng và lo sợ. Là nỗi đau lặng thầm khi thấy quê hương đã không còn

là nơi có thể ôm mình trở lại. Đất nước thống nhất, nhưng tâm hồn tôi thì bị chia cắt vĩnh viễn.

Rời nhà, tôi không dám nhìn lại. Mỗi bước chân ra bến sông là một vết rách trong tim. Tôi biết mình có thể chết – nhưng ở lại, tôi không thể sống.

Chuyến đi hôm đó, chúng tôi đi bằng một chiếc thuyền nhỏ. Trời chạng vạng tối, cả nhóm chèo ra biển. Gió lạnh, biển đen thẫm và sâu hút. Nhưng khi chưa kịp ra đến cửa biển, một loạt đạn bất ngờ bắn tới. Thuyền vỡ tan. Tiếng người la hét vang lên trong hỗn loạn, lửa và nước hòa vào nhau. Tôi không còn nhớ mình đã bơi, trốn hay lết đi bằng cách nào – chỉ biết khi mở mắt ra, tôi đang nằm giữa một khu rừng xa lạ trong đêm, đơn độc và ướt lạnh.

Tôi nghĩ mình sẽ chết ở đó – không tên, không mộ, không ai hay biết.

Tôi lạc trong rừng U Minh khi trời tối hẳn. Không biết nơi đây là đâu – chỉ thấy cây cối chằng chịt, đất mềm sình lầy, muỗi vo ve như bầy ong vỡ tổ, và cái lạnh rịn mồ hôi. Tôi còn nhớ rất rõ đêm đó – trời không trăng, gió nặng mùi đất ẩm và bùn rừng.

Tôi run rẩy ẩn mình dưới một tán tràm mục, tim đập mạnh đến mức có thể nghe rõ từng nhịp. Chỉ một mình, không nước, không lương thực, không lối thoát. Nỗi sợ hãi như con thú hoang đang bò chậm trong ngực tôi. Không phải chỉ sợ thú dữ hay người đuổi theo – mà là sợ biến mất. Sợ sẽ không còn ai biết tôi từng tồn tại.

Tôi một mình men theo lối trống trong rừng U Minh, rón rén như chiếc bóng. Không có ánh đèn nào, chỉ có tiếng côn trùng và tiếng lá khô lạo xạo dưới chân. Mỗi bước đi là một lần tim đập mạnh. Tôi không biết chính xác mình đang ở

đâu. Chỉ biết rằng phía trước là tự do, phía sau là sợ hãi. Tôi như một kẻ đang đi trong giấc mộng, giữa thực và ảo, giữa sự sống và vực thẳm.

Tôi cố gắng nhắm mắt lại, rồi mở ra. Trời đen đặc. Rừng không có ánh sáng. Vậy mà – không hiểu từ đâu – một đốm lửa nhỏ hiện ra phía trước, chập chờn như lơ lửng trong không khí. Nó không lớn – như đầu ngón tay thôi – nhưng ánh sáng ấm và vàng, khác hẳn ánh lân tinh hay đom đóm. Nó không bập bùng như lửa thật, mà sáng đều, có hơi thờ. Không phải ánh đèn pin. Không phải ánh lửa trại. Nó đứng đó, chập chờn trong bóng tối như đang đợi tôi. Tôi đứng lặng người. Trực giác mách bảo: hãy đi theo nó.

Tôi ngơ ngác nhìn đốm lửa, rồi đứng dậy, cứ thế mà đi theo. Không hiểu vì sao tôi không sợ – có lẽ vì tôi đã cạn kiệt mọi lựa chọn. Có lẽ vì trong thẳm sâu, tôi tin đốm lửa đó không phải để hại tôi. Nó như một lời gọi, một tín hiệu cuối cùng, một hy vọng mong manh giữa tận cùng bóng tối.

Cứ vậy, tôi lần bước theo ánh lửa chập chờn, giữa rừng đêm yên ắng đến rợn người.

Len lỏi qua rừng cây một lúc, tôi thấy có một lối mòn nhỏ hiện ra giữa những bụi rậm. Định rẽ vào, nhưng rồi chùn bước, lòng đầy nghi hoặc. Trong khi đó, đốm lửa vẫn lập lờ theo một hướng khác. Tôi do dự giây lát, rồi quyết định tiếp tục đi theo đốm lửa ấy.

Bằng qua một con rạch cạn, tôi bất chợt thấy một chấm đỏ rực – có lẽ ai đó đang hút thuốc. Nhìn kỹ hơn, mới biết đó là một chòi canh, và lối mòn ban nãy có lẽ dẫn thẳng đến đó.

Ngay lúc này, tôi đã nghĩ rằng đốm sáng ấy chính là linh hồn của cha tôi hiện về – dẫn lối cho tôi tránh khỏi chòi canh, thoát ra được bìa rừng. Cha tôi mất cách đó vài năm,

vào thời tôi còn trong trại tập trung. Đó là nỗi mất mát tôi chưa từng vượt qua. Tôi tin như vậy – một niềm tin không cần lý giải. Vì đốm lửa đó là thật, không phải là ảo ảnh.

Tôi thăm rùng mình. Nếu không theo đốm lửa, có lẽ giờ này tôi đã bị phát hiện.

Tôi bước đi một đoạn ngắn nữa, thì đốm lửa vụt tắt – không dấu vết, không âm thanh, như thể chưa từng có mặt giữa rừng sâu. Nhưng lúc ấy, tôi đã ra tới bìa rừng. Trước mắt là cánh đồng tối đen mịt mù, gió lùa qua những thân lúa nghe như tiếng người thì thầm.

Tôi cứ thế lần bước trong đêm, cho đến khi trời dần sáng. Từ phía xa, vang lên tiếng loa phát thanh – âm thanh quen thuộc của một ngôi chợ quận. Tôi trà trộn vào đám người đi chợ sớm, rồi bắt một chuyến xe rời khỏi vùng đất ấy.

Ngồi trên chiếc xe đồ chật hẹp, chen giữa những người đi chợ và những bao tải sũng mùi lúa, tôi bỗng thấy toàn thân lạnh toát. Không phải vì sương mai còn đọng lại trên áo, mà vì nỗi trống trải thình lình kéo đến.

Tôi đã ra khỏi rừng. Đã thoát. Nhưng trong tôi, cánh rừng ấy vẫn còn nguyên – với bóng tối đặc quánh, với hơi nước sinh lầy, với cái chấm sáng lập lờ kỳ lạ mà tôi chưa từng hiểu hết. Tôi vui mừng, nhưng tâm trí lại rối bời. Không có lấy một người quen. Không ai đợi tôi ở đầu bến. Chuyến đi này, như thể tôi đã đánh đổi cả một phần đời để đi vào một cõi khác – không còn chỗ cũ để quay về. Tôi thấy mình như đang trôi, không bến bờ. Gió ngoài cửa xe quạt qua mặt, khô và rát. Lúc ấy, tôi chợt nghe thấy giọng của cha tôi, không rõ từ đâu vọng lại, thì thầm trong đầu: “Đi tiếp đi con. Đừng ngoảnh lại.”

Tôi nhắm mắt, cố ghìm những giọt nước đang chực trào

ra. Không ai biết – giữa những tiếng bánh xe rì rầm và tiếng người buôn bán nói chuyện – có một kẻ vừa trở về từ ranh giới mong manh giữa sự sống và cái chết, mang trong lòng một ngọn lửa nhỏ không ai thấy được.

Đã bốn mươi năm trôi qua kể từ đêm đó. Cánh rừng U Minh giờ chỉ còn trong ký ức, nhưng thỉnh thoảng, trong những cơn mơ lạ lùng giữa đêm khuya, tôi vẫn thấy lại đốm lửa nhỏ lập lòe trong sương, lặng lẽ đưa tôi qua một ngã rẽ sinh tử.

Hành trình vượt biên không chỉ là cuộc trốn chạy khỏi một thực tại ngột ngạt – đó là một lần lột xác, một cuộc khai sinh mới, đầy máu và nước mắt. Không có vinh quang nào trong lưu đày. Chỉ có những mất mát không thể gọi tên, những con người mãi đứng bên lề ký ức, và những phần què hương đã mất mà không kịp từ biệt.

Tôi đã sống sót, nhưng có những phần trong tôi đã chết tại nơi ấy – trên rạch nước đen ngòm, trong những buổi chiều không ánh mặt trời, giữa tiếng muỗi rừng và hơi thở thấp thỏm của những kẻ cùng đường.

Người ta thường hỏi tôi, liệu tôi có ân hận không? Tôi không biết. Tôi chỉ biết, trong đời mình có một đốm lửa – nhỏ thôi, nhưng đủ soi lối giữa một đêm tối tận cùng.

Và tôi mang đốm lửa ấy theo mình, như một di vật của cha tôi, như một điều thiêng liêng mà không ai có thể lấy đi được.

San Jose 2025

Xóm Rạch Bần

Lê Tấn Tài



Xóm Rạch Bần, nơi những con rạch uốn lượn qua những vườn cây trĩu quả, là chốn quê bình yên của những con người gắn bó đời mình với ruộng vườn, sông nước. Ở đó, mỗi sớm tinh mơ, khi mặt trời còn e ấp sau lũy tre làng, tiếng gà gáy vang xa hòa cùng nhịp mái chèo khua nước trên con kênh nhỏ. Bà Ba gánh hàng ra chợ từ sớm, ông Bảy xắn quần lội đồng, còn lũ trẻ ríu rít chạy theo, dấu chân trần in hằn trên con đường đất đỏ.

Nhịp sống nơi đây chậm rãi, thong dong. Người ta sống

thanh thân với bữa cơm đậm bạc cá kho tộ, rau luộc chấm mắm, trò chuyện râm ran bên ấm trà chiều. Trẻ con rủ nhau tắm sông, chơi trốn tìm dưới hàng dừa nước xào xạc, tiếng cười giòn tan vang xa đến tận chân trời. Cái nghèo không làm họ khô khan, ngược lại, càng khiến tình nghĩa làng xóm thêm đậm đà. Hễ nhà ai có giỗ chạp hay cưới hỏi, cả xóm tề tựu giúp, người góp công, kẻ đem gạo, không khí rộn rã từ sớm tinh mơ đến khi trăng lên.

Ở đây, thời gian không đo bằng tờ lịch, mà bằng mùa mạ nhú, tiếng ve ran, màu lúa chín và cơn gió bắc ủa về se lạnh. Đời nhà nông là chuỗi dài những mùa nối tiếp — mùa gieo mạ, mùa gặt vàng, mùa chống lũ, rồi lại thành thời ngồi chờ nước rút.

Người dân quê không triết lý bằng lời, họ nói bằng hành động — nhát cuốc bở lên giữa trưa nắng gắt, bữa cơm mặn mòi hoi, hay đêm trăng ngồi lặng trước sân, nhìn ánh trăng non rón rén mọc sau sau lũy tre già.. Họ lắng nghe tiếng đất bằng những vết chai tay, đoán mưa nắng qua từng vết nứt trên đồng, và hiểu nhau chỉ bằng một cái gật đầu lặng lẽ.

Và mỗi khi mùa nước nổi tràn về, đồng ruộng chìm trong biển nước mênh mông, ghe xuồng trở thành đôi chân của người quê. Người ta giăng lưới, thả câu, bắt cá linh, hái bông điên điển — những sản vật trời cho, như lộc trời rộng lượng ban tặng. Trên nền trời bao la, hoàng hôn buông xuống nhẹ nhàng, lòng người cũng lắng dịu như mặt nước trong veo sau cơn mưa chiều.

Có người bảo: “Sống ở quê là sống cùng cái bấp bênh.” Bấp bênh mưa thuận gió hòa, bấp bênh vụ mùa được giá, bấp bênh ngày mai cá còn nhiều dưới rạch. Ấy thế mà, chính trong sự phiêu dạt ấy, người ta thấm dần sự kiên nhẫn — thứ

đức tính lặng lẽ mà bền bỉ, như cây lúa bám sâu vào bùn đất, vẫn ngẩng đầu hướng về ánh mặt trời.

Mỗi sớm mai, khi sương còn đọng long lanh trên lá mạ, người dân lại lặng lẽ ra đồng, như những kẻ hành hương đi tìm vùng đất hứa. Dẫu cả đời họ chưa một lần có ngày nghỉ đúng nghĩa, nhưng khi ngồi bên hiên nhà, nhìn lũ trẻ nô đùa, nghe tiếng chim ríu rít trong vòm cau, lòng họ bỗng ấm áp như nồi cơm mới chín, như chum nước đầy sau cơn mưa — không nhiều lời, mà vẫn trọn vẹn một đời bình yên.

Ông Năm Sang sống một mình trong căn chòi lá dựng cuối xóm, sát mé ruộng bên bờ kinh. Vợ mất sớm, con cái ly tán lên thành phố, ông chọn ở lại. Không phải vì không thể đi, mà vì ông biết mình thuộc về nơi này — cái nền đất pha sét nứt nẻ vào mùa khô, cái hương thoảng lúa non tháng ba, và cả tiếng dế kêu rí rả dưới bụi chuối mỗi khi trời trở gió.

Sáng nào ông cũng chậm rãi ra đồng, chống gậy đi một vòng, ngắm từng khoảnh lúa như đếm từng hơi thở của đất. Có người thắc mắc: “Ruộng nhà ông đâu mà cứ đi hoài vậy?” Ông cười móm mém: “Lúa nào chẳng là lúa. Đất nào chẳng là đất quê mình.” Nụ cười ấy không có gì lớn lao, nhưng nó mở ra một thứ yên bình lạ lùng — như thể ai đó vừa rót một chút nắng vào lòng người. Trưa về, ông ngồi bên hiên nhâm nhi chén trà, mắt dõi theo nhịp đồng. Gió lúa qua rơm rạ, những sợi vàng nhảy múa trong nắng. “Dân quê mình có cái phúc là được nhìn thời gian bằng mắt,” ông bảo. “Thấy cây lớn lên từng đốt, lá già rụng xuống bờ, nước lên rồi nước rút. Ở phố, thời gian là tờ lịch xé từng trang. Ở đây, thời gian là cái bóng cây trước sân mỗi chiều.”

Những chiều mưa bất chợt, ông ngồi trong chòi lắng nghe tiếng mưa gõ nhịp trên mái lá. Ông bảo mưa quê không

chỉ tươi đất, mà còn gội rửa những ký ức xưa cũ trong lòng người. Có khi ông nhớ bà, nhớ cái cách bà gói cơm nắm cho ông đi làm đồng, cái dáng lưng còng nhưng tay vẫn cấy từng hàng lúa thẳng tắp như kẻ chỉ. “Bà đi đã lâu, nhưng mỗi mùa gặt tôi vẫn thấy bà đâu đây, trong từng hạt lúa chín.”

Ngày lại ngày qua, căn chòi nhỏ nơi cuối xóm sáng đèn mỗi khi trời tối. Không ồn ào, không đèn điện, chỉ có ánh đèn dầu leo lét và bóng người già ngồi lặng thinh giữa tiếng côn trùng. Nhưng chính cái lặng thinh ấy, mới là tiếng nói sâu xa nhất của đời sống — một kiểu hiện diện không ồn ào mà đầy đủ, như ánh sáng nhẹ nhẹ sau đám mây chiều.

Ngoài ông Năm, xóm nhỏ còn có bà Ba Gấm — người đàn bà góa bụa sống bằng nghề đan giỏ lát và trồng mấy luống rau sau hè. Mỗi sáng, bà mang ra chợ chục trái khổ qua, vài bó rau răm, một rổ trứng vịt — chẳng nhiều nhận, nhưng đủ để sống. Mỗi món bà bán ra như một phần nhỏ thời gian của chính mình. Cuộc sống bà như chiếc lá khô rơi giữa dòng đời vội vã — nhỏ nhoi mà bền bỉ. Người ta thường nói bà cần cỗi, vì mặt lúc nào cũng nghiêm và lời ít hơn im lặng. Nhưng có lần, con bé Tý nhà hàng xóm bị sốt nửa đêm, mẹ nó không biết làm sao, chạy qua gõ cửa. Bà Ba lẳng lặng nấu nước lá xông, đắp khăn, rồi ngồi canh bên giường tới sáng. Không nói một lời dư thừa. “Có người như khúc gỗ mục,” ông Năm Sang từng nói về bà, “nhưng khúc gỗ đó vẫn cháy được, vẫn sưởi ấm một góc đời người khác.”

Còn thằng Tư Vện, tuổi thơ bỏ học đi hoang, cha mất sớm, mẹ lấy chồng khác. Người trong xóm bảo nó là “đồ bỏ đi”, nhưng khi tin đồn có bọn trộm định đốt đồng, chính Tư thức trắng ba đêm canh lúa cho cả xóm. Cái tốt của nó không nằm ở mồm mép, mà ở đôi chân lấm bùn sẵn sàng

chạy bằng đồng lúc nửa đêm, đôi mắt quen thức khuya, bàn tay chai sạn chẳng ngại việc nặng nhọc. Nó cục cằn, nhưng lòng như miếng đất phù sa – thô ráp mà hào phóng, gieo hạt nào cũng đâm chồi.

Dưới bến nước, chị Hồng – người đàn bà đẹp lão thì với nghề chở đồ ngang – sống như cây sậy trước gió. Chồng bỏ đi khi đưa con đầu lòng còn chưa rời tay ẵm. Từ đó, mỗi ngày chị đưa người qua sông, đưa tiếng cười, đưa nước mắt, rồi lại chèo đò về phía chiều tắt nắng. Có người thương, nhưng chị từ chối. “Tôi chọn sống một mình, nên đừng bắt ai chịu nỗi buồn của mình. Sống vội vàng, tội cho người ta lắm.” Giọng chị nhẹ mà cứng như thớ gỗ lim già.

Và ở đó còn những mảnh đời khác – ông Hai Lộc với giọng ca vọng cổ vẳng trong đêm; dì Năm chèo xuồng bán bánh tét mỗi độ trăng tròn; thằng Cu Đen nói cà lăm nhưng tiếng sáo ngân nga như suối chảy. Mỗi người như một đường cắt trên tấm vải thô cuộc đời – không hoa văn cầu kỳ, nhưng mỗi nét đều mang dáng hình riêng, mỗi vết đều giấu một câu chuyện.

Chẳng ai hoàn hảo. Nhưng họ đều có cách riêng để sống trọn với mảnh đời được trao. Dưới ánh trăng chéch bóng mỗi đêm, xóm nhỏ ấy không rực rỡ đèn hoa, chỉ soi tỏ từng khuôn mặt lam lũ – những gương mặt in hằn dấu nắng mưa, khắc sâu những suy tư không cần giải bày.

Có một dạo, mùa lũ đến như cơn gió cuốn phăng đi những ký ức cũ, đánh thức cả xóm nhỏ bên rạch với nhịp sống chậm rãi của đất trời. Những cơn mưa bất chợt trút xuống, nước dâng lên cuộn cuộn, xóa nhòa mọi con đường đất, chỉ còn lại tiếng nước tràn qua khe cửa, tiếng thở dài của mưa giữa lòng miền quê.

Ông Năm Sang, người đã quen với sự tĩnh lặng của đồng ruộng, giờ đứng trước căn chòi nhỏ, đôi mắt đắm chiêu nhìn dòng nước cuộn cuộn len qua từng kẽ đất. Trong ánh mắt ấy, nỗi lo lắng của một người hiểu rằng mỗi hạt mưa mang theo ký ức, những mùa vụ đã qua, và cả hy vọng về một vụ mùa mới. Ông chậm rãi bước ra, nhắc chiếc gậy cũ kỹ, như sẵn sàng đối mặt với cơn thịnh nộ của thiên nhiên.

Bà Ba Gấm hối hả xếp lại những giỏ hàng, mấy bó rau còn sót sau hè, dồn vào một góc chòi, cố giữ cho những thứ giản dị ấy khỏi bị cơn mưa xối xả làm hư hại. Đôi tay bà, vốn quen với từng sợi chỉ nhỏ, giờ đây lại cẩn thận gói ghém từng mẩu hạt giống như gói ghém cả tình yêu dành cho mảnh đất quen thuộc. Dù lòng đầy lo âu, bà vẫn mỉm cười dịu dàng, như muốn nhủ thầm: “Mưa lũ rồi, nhưng đất mẹ vẫn ở đây với ta.”

Thằng Tư Vện thoăn thoắt chạy qua những con đường ngập nước, giúp đỡ người già, dẫn đường qua những căn nhà chìm trong làn nước. Ánh mắt nó không còn ngây thơ, mà đã ánh lên sự dũng cảm, như chấp nhận rằng mỗi thử thách của thiên nhiên là một bài học cuộc đời.

Chị Hồng, người chèo đò duy nhất của xóm, biến chiếc thuyền nhỏ thành phương tiện cứu giúp, không chỉ đưa người dân tránh lũ, mà còn là nhịp cầu của tình người. Từng vòng chèo trên mặt nước, chị mang theo hy vọng và sự bình yên, dù đường qua những dòng nước xiết chẳng bao giờ dễ dàng. Chị hiểu rõ, mỗi chuyến đò là một lần đối mặt với hiểm nguy, nhưng cũng là cơ hội để khẳng định sự kiên cường và trách nhiệm với mảnh đất này.

Mùa lũ về, nước dâng lênh láng, mưa lớn và gió mạnh ngày đêm, ai nấy trong xóm đều quen rồi, không ai than thở

gì nhiều, chỉ lặng lẽ mà lo chống chọi. Trong cảnh lũ lụt, mới thấy hết cái tình người – ai cũng ráng đùm bọc nhau, lo cho nhà mình xong là chạy qua coi nhà hàng xóm ra sao. Nước cuốn trôi nhiều thứ – lu gạo, mái bếp, cả mấy luống rau mới trồng – nhưng cái tình quê, tình xóm thì còn nguyên đó. Thằng nhỏ thì lợi bì bõm phụ cha, bà già thì ngồi thờ ngắn thờ dài nhìn mưa, ai cũng mang trong lòng một nỗi thương – thương đất, thương người, thương cái xóm nghèo này.

Khi mưa dứt, nước bắt đầu rút, xóm làng lại hiện ra, bùn đất ngổn ngang. Bà con xắn quần xắn áo dọn dẹp, dựng lại cái hàng rào, lợp lại mái tôn bị gió thổi bay. Vừa làm vừa nói cười, có lúc cũng ngước lên nhìn trời mà thở ra một cái: “Hết lũ rồi, ráng dựng lại từ đầu.”

Mùa lũ – nghe thì sợ, mà quen rồi thì thấy nó cũng thiệt tình. Nó làm mình cực, nhưng nó cũng làm cho bà con mình thương nhau hơn. Cái gian nan đó, chính là lúc mình thấy rõ ai còn ai mất, ai thương ai thiệt lòng.

Xóm nhỏ như hồi sinh. Không khí rộn ràng, ai nấy đều thấy nhẹ lòng. Cái bữa bão lũ kéo qua tưởng chừng không qua khỏi, vậy mà rồi cũng vượt được. Chính trong mấy ngày gian khó đó, bà con mới thấy rõ tình người, thấy được niềm tin để gượng dậy. Mỗi người góp một tay, mỗi câu chuyện kể nhau nghe, mỗi nụ cười dù mệt nhọc mà thiệt ấm lòng – tất cả như liều thuốc xoa dịu. Bây giờ, làng xóm lại quây quần bên mâm cơm, đơn sơ thôi, nhưng đầy ắp thương yêu.

Thằng Tư Vện, cái thằng nhỏ lanh lợi, bữa lũ về nó dẫn đường bơi qua mấy căn nhà bị ngập. Cả xóm giờ gọi nó là “người hùng nhỏ”. Có khi, chỉ cần một việc làm nhỏ thôi, cũng đủ để người ta vững lòng, thấy rằng ai cũng có thể mạnh mẽ vượt qua chuyện khó.

Chị Hồng chèo đò vượt qua dòng nước xiết, mang theo mấy món đồ tiếp tế, rồi đem theo luôn hy vọng, nối lại những tấm lòng còn chờ đợi một ngày mai sáng sủa hơn.

Từ từ, xóm Rạch Bần bắt đầu hồi phục. Mọi người lại cùng nhau đắp đường, ra đồng gieo mấy hạt lúa non, như muốn nói: dù bão có lớn cách mấy, thì tấm lòng thương quê vẫn còn đó, chẳng hề phai. Trên trời, nắng nhẹ vừa ló sau mấy cụm mây, cả xóm như cùng nhau ươm lại chút niềm tin, gieo lại những giấc mơ còn dang dở.

Câu chuyện không khép lại bằng nước mắt, mà bằng tiếng cười nhẹ tênh, bằng tiếng gió thì thầm qua hàng dừa, bằng nhịp tim rộn ràng của những người còn biết thương nhau. Và trong lòng mỗi người nơi đây, bài học về lòng kiên cường và niềm tin vào ngày mai vẫn sẽ còn mãi.

Mũi Dao Cuối Cùng

Lê Tấn Tài



Hồi ấy, thiên hạ râm ran truyền nhau chuyện Phạm Duật – chàng tráng sĩ phóng dao vô địch. Người ta bảo, hễ vật gì lọt vào tầm mắt, lưỡi dao của chàng đều xuyên trúng tim. Kẻ thì nói con dao như có hồn, hiểu ý chủ, tự tìm đường bay. Duật chỉ khẽ nhấc tay, dao đã rẽ gió mà đi, chẳng bao giờ lạc hướng.

Nhưng chàng chẳng màng danh lợi, chán ghét bạo tàn. Khi mái đầu điểm sương, Duật treo dao dưới hiên nhà, lặng lẽ dựng một mái tranh bên sườn núi. Ở đó, ngày ngày chàng

cuộc đất trồng rau, nhặt thóc nuôi gà, chăm chỉ vá áo cho vợ. Tiếng con thơ riu rít ngoài sân, giọng vợ hiền gọi cơm từ bếp lửa ấm... Hạnh phúc của chàng giản dị như nắng mai lọc qua kẽ lá – dịu dàng, ấm áp và ngập tràn thanh bình.

Rồi giấc kéo tới.

Chúng ập vào làng như lũ quỷ, phóng hỏa đốt nhà, bắt người, gieo rắc đau thương. Gia đình chàng không thoát được. Lũ lính lôi Duật ra khỏi căn nhà cháy dở, trói chặt hai tay, bắt chứng kiến cảnh vợ con bị dồn ra giữa sân trại...

Trong đám giặc, có một tên tướng mắt dài như mắt rắn, cười nhạt: — Nghe đồn người phóng dao không bao giờ trật. Vậy thử xem lời đồn có đúng không.

Hắn ra hiệu. Một tên lính bưng quả cam tới, đặt chênh vênh trên đầu con trai Duật – thằng bé mới sáu tuổi, mái tóc hoe vàng còn thơm mùi nắng, gương mặt ngây thơ chưa biết sợ hãi.

Tên tướng quăng con dao xuống đất trước mặt Duật:

— Phóng đi! Nếu chệch đúng quả cam mà không làm con người trầy da, cả nhà người được tha. Còn nếu sai một ly... thì người tự biết hậu quả.

Đám lính cười ầm. Duật đứng im. Gương mặt bình thản, nhưng tay run nhẹ. Những đường gân xanh nổi lên, giật giật như sắp bật máu.

Chàng quay nhìn vợ. Nàng không khóc. Chỉ đứng đó, mắt nhắm lệ nhưng ánh nhìn sáng rực như ngọn đèn trong đêm. Một sự tin tưởng không lời. Dịu dàng mà kiên cường.

Rồi chàng nhìn con. Đứa bé nhỏ xíu, mắt tròn xoe ngơ ngác. Nó quay sang mẹ, tìm một chỗ bám víu, nhưng mẹ nó cũng đứng như hóa đá, tay che miệng, nước mắt chảy dài.

Chi còn đôi mắt — đôi mắt ấy hướng về chàng, không run rẩy, không van xin, như thì thầm:

“Hãy làm điều chàng phải làm.”

Duật khom người, nhặt con dao. Cán gỗ nhuộm màu khói lửa, vết cháy sém vẫn còn đỏ từ những trận đánh năm xưa. Lưỡi thép tuy đã mòn theo năm tháng, nhưng vẫn lạnh buốt như buổi ban đầu chàng cầm nó khi còn trai trẻ..

Con dao nằm trong lòng bàn tay, nhẹ tựa hơi thở mà nặng như cả cõi đời.

Chàng chợt nhớ lời sư phụ năm xưa, giọng trầm như gió thoảng qua rừng già: — Phóng dao bằng tay, ấy là thợ. Phóng bằng tâm, ấy là nghệ nhân. Nhưng chỉ kẻ từng nếm trải đắng cay mới phóng được bằng cả trái tim. Điều hệ trọng không phải ở chỗ lưỡi dao ghim vào đích, mà ở con đường nó chọn để bay.

Giờ đây, tim chàng như rách ra từng mảnh vụn.

Chàng biết, bí quyết chẳng nằm ở đường dao sắc bén, mà ở tâm hồn tĩnh lặng. Là khi người ta thấy rõ mọi thứ — tay mình, hơi thở mình, tiếng gió, ánh nắng, và quả cam nhỏ nằm trên đầu đứa con.

Trong khoảnh khắc ấy, chiến trận không còn. Vinh quang biến mất. Chi còn văng vẳng tiếng con thơ gọi “Cha!”, tiếng gàu nước vợ hiền kéo lên từ giếng làng, tiếng lá khô xào xạc rơi trên mái tranh cũ. Cả một đời người thu nhỏ lại trong một cái chớp mắt.

Duật hít một hơi thật sâu. Nhắm mắt. Rồi mở ra.

Lưỡi dao bay vút đi. Nhẹ tựa cánh chim khẽ chạm vào gió.

Nó xé ngang không trung, rạch một đường thẳng tắp, xuyên thủng quả cam. Quả cam tách ra, những tép mọng

nước vỡ tung như đóa hoa vàng ửng nắng. Đứa bé đứng sững, giây sau mới òa khóc - không phải vì đau, mà vì quả cam không còn trên đỉnh đầu nữa.

Cả doanh trại chìm vào im lặng.

Tên tướng chậm rãi bước tới, ánh mắt sắc lạnh dán chặt vào Duật, bỗng bật cười gằn:

- Kê như người mà giết đi, khác nào tự chặt cánh tay mình giữa chiến trường!

Hắn phất tay ra lệnh:

- Tha! Tha hết!

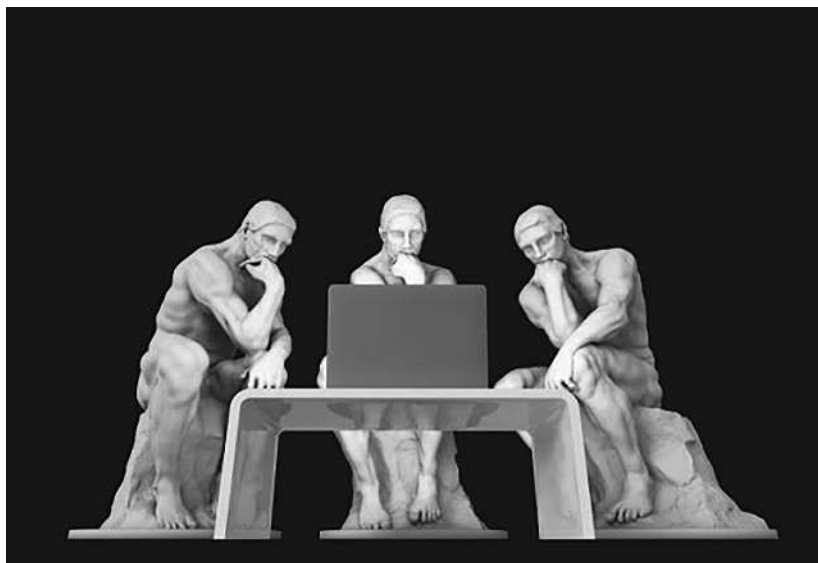
Duật quỳ sụp xuống, ôm chặt đứa con vào lòng. Người vợ chạy đến, nghẹn ngào không nói nên lời.

Lưỡi dao giờ đây đã cắm sâu xuống đất. Như một lời tạ từ. Như một lời hứa thề. Nặng trĩu cả nghìn cân. Kể từ hôm ấy, tay chàng không bao giờ chạm đến dao nữa.

Dân làng sau này vẫn truyền tai nhau rằng: người tráng sĩ ấy đã từng một lần phóng dao trúng vào tim định mệnh - và chưa bao giờ lệch hướng.

Bằng Khen Vàng

Lê Tấn Tài



Giữa lòng thành phố phồn hoa, nơi giá trị mọi thứ được đo bằng mức độ nổi tiếng trên mạng xã hội, có một vị giám đốc sáng lập một tập đoàn công nghệ danh tiếng. Ông say mê những điều mới mẻ, những sáng kiến được gọi là ‘đột phá’, dù bản thân chẳng hiểu rõ công nghệ thực sự là gì.

Tên ông là Thành Vũ – một cái tên đã trở thành biểu tượng khởi nghiệp của cả nước. Sáu mươi tuổi, xuất thân từ kỹ sư xây dựng, từ hai bàn tay trắng vươn lên đỉnh cao, ông được tôn vinh như một huyền thoại. Nhưng giờ đây, những bản vẽ kỹ thuật hay máy móc đã lùi vào dĩ vãng. Công việc của ông đơn giản là ký tên, trả lời phỏng vấn, và nở nụ cười thật tươi trước ống kính, cùng những câu nói đã được soạn thảo trước, mài dũa kỹ lưỡng: “Tương lai thuộc về những người dám nghĩ khác.”

Văn phòng của Tổng Giám đốc tọa lạc trên tầng thượng của một tòa nhà chọc trời hình con thuyền, lơ lửng giữa đại dương bê tông. Ở đó, ông Vũ làm việc – hoặc đúng hơn, ngồi làm dáng cho những ý niệm mơ hồ, đóng vai người kiến tạo tương lai. Người ta gọi ông là “visionary” – kẻ nhìn xa trông rộng. Ông không còn xây cầu hay dựng móng như thuở trước. Giờ đây, ông “xây” bằng ngôn từ: những “tầm nhìn chiến lược”, những “lộ trình phát triển bền vững” – những thứ chẳng có hình dáng cụ thể nhưng lại được đánh giá cao. Ông ngồi đó, giữa mảng tường trắng và khung kính rộng mở, phóng tầm mắt xuống thành phố – nơi mọi bảng hiệu đều khoác lên mình những cụm từ như “công nghệ 4.0”, “đổi mới sáng tạo”, và đặc biệt là “chuyển đổi số”. Cụm từ ấy vang lên khắp nơi như một câu thần chú thời đại, dù chẳng mấy ai thật sự hiểu nó nghĩa là gì, hay làm thế nào để “chuyển”.

Một ngày nọ, hai “đạo sĩ chuyển đổi số” xuất hiện, khoác lên mình bộ vest đắt tiền và nụ cười ma mị. Họ mang theo một đề xuất “cách mạng hóa ngành quản trị xí nghiệp” – một hệ thống AI có thể đo được “chỉ số lãnh đạo thiên phú”, thứ mà, theo lời họ, “chỉ những bộ óc vĩ đại mới hiểu được”.

“Công nghệ của chúng tôi,” một người chậm rãi giải thích,

“không hiển thị kết quả cho những kẻ tầm thường. Chỉ những ai thực sự có tố chất lãnh đạo mới nhìn thấy được... sự vĩ đại của nó.”

Người kia tiếp lời, giọng bí ẩn: “Đây không đơn thuần là AI – mà là một phép thử lòng can đảm. Kẻ nào dám tin tưởng, người đó xứng đáng trở thành lãnh đạo.”

Ông Vũ ngồi im, ánh mắt xuyên qua lớp kính chống phản xạ. Một ý tưởng không thể kiểm chứng – tức là không thể sai. Trái tim ông rung lên, như tiếng vọng thẳm lặng của niềm kiêu hãnh. “Đây chính là điều thế giới đang chờ đợi!” Ông gật đầu, không phải vì hiểu, mà vì nó quá hợp lý khiến ông không thể quay đi.

Dự án được phê duyệt ngay lập tức. Một tầng văn phòng biến thành “Trung tâm AI đẳng cấp quốc tế”, với hệ thống bảo mật “chỉ dành cho thiên tài”, ngân sách “không cần báo cáo”, và đội ngũ “toàn siêu nhân”.

Cả công ty xôn xao. Những dòng code vô nghĩa chạy dài trên màn hình, những buổi demo “ảo diệu” được dàn dựng công phu, và những báo cáo tiến độ ngập tràn “thuật ngữ đao to búa lớn” — nhưng thật ra, chẳng có gì ngoài một cái bầy tinh vi, được ngụy trang bằng những slide PowerPoint hoành tráng và những lời hứa hẹn về “cuộc cách mạng vĩ đại nhất trong lịch sử”.

Vị giám đốc mỉm cười hài lòng mỗi khi bước vào phòng lab – nơi những màn hình luôn hiển thị dòng chữ: “Hệ thống đang phân tích... chỉ những người kiên nhẫn mới thấy kết quả.”

Đến kỳ kiểm tra, vị giám đốc bước vào phòng thí nghiệm, nhìn chằm chằm vào màn hình hiển thị những hình vẽ lộn xộn vô nghĩa — thứ lẽ ra phải là “chỉ số lãnh đạo thiên bẩm”

đáng giá triệu đô. Một khoảnh khắc im lặng trôi qua. Nhưng vì sợ bị đánh giá là kém hiểu biết, đột nhiên, nét mặt ông bừng sáng lên về ngộ ra chân lý, rồi gật gù khen: “Tuyệt vời! Đúng là công nghệ của tương lai!”

Các trợ lý đứng phía sau lập tức vỗ tay rào rào, như thể vừa chứng kiến một phép màu. Những nhà đầu tư có mặt cũng đồng loạt gật đầu tán thưởng — kẻ thì sợ bị coi là lạc hậu, người thì sợ lỡ mất cơ hội chia phần. Tất cả đều nhiệt liệt ca ngợi đây là “bước đột phá vĩ đại nhất của ngành AI”, dù thực ra chẳng ai hiểu mình vừa nhìn thấy gì ngoài những đường nét hỗn độn trên màn hình.

Thế là dự án ma được trao “Bằng Khen Vàng” – một huy chương mạ vàng đặt trong khối pha lê, trông như một viên đá linh thiêng. Buổi lễ trao giải diễn ra long trọng, phát trực tiếp toàn cầu, với màn trình diễn “đỉnh cao” khiến khán giả không khỏi kinh ngạc: một đoạn video 3D render phát đi phát lại trên màn hình lớn.

Báo chí thi nhau đưa tin về “cột mốc lịch sử của ngành trí tuệ nhân tạo”. Mạng xã hội dậy sóng. Một ông bộ trưởng nào đó vội vàng tweet lời chúc mừng. Còn ông Vũ – trong bài phát biểu đầy xúc động – tuyên bố đây là “tấm gương phản chiếu tâm hồn doanh nhân thời đại 4.0”.

Bằng khen được trưng bày như bảo vật quốc gia. Nó được bảo vệ nghiêm ngặt hơn cả kho vàng Ngân hàng Nhà nước, bởi lẽ... càng không cho ai chạm vào thì giá trị càng tăng. Bức ảnh ông Vũ ôm chặt chiếc bằng khen được photoshop thêm ánh hào quang, xuất hiện khắp các mặt báo với dòng chú thích: “Công nghệ chỉ dành cho những ai dám tin.”

Và thế là, một trong những giải thưởng danh giá nhất ngành đã được trao cho thứ công nghệ chưa từng tồn tại –

ngoài trí tưởng tượng của những kẻ sẵn sàng tin vào bất cứ điều gì, miễn là nó đủ hoành tráng và không thể kiểm chứng.

Sau đó, mỗi lần đi kiểm tra “phòng thí nghiệm đột phá”, ông Vũ lại được chiêm ngưỡng những kiệt tác nghệ thuật đương đại kỳ lạ - màn hình LED trình chiếu những thứ chẳng giống ai. Những vòng xoáy tím ngắt tựa cơn say của thần Zeus, những ký tự nguệch ngoạc như chữ viết của người ngoài hành tinh lên cơn đột quỵ. Thịnh thoảng, một khuôn mặt người lơ lửng như ma đói rồi tan biến vào màn mưa số liệu - trông chẳng khác gì bộ nhớ bị ransomware mã hóa.

Có lần, ông chứng kiến một con mắt khổng lồ nằm chờ vờ giữa sa mạc - chớp một cái rồi biến mất không một lời từ biệt. Lại có đoạn phim đen trắng đi ngược: cụ già ngã xuống bỗng trẻ lại, lùi về căn nhà đang tự dập lửa - ngọn lửa nuốt ngược làn khói, nước mắt chảy ngược vào hốc mắt. Một vở kịch phi lý đến mức Beckett cũng phải bó tay.

Rồi màn hình chớp sang một hình nhân giấy – bị gió thổi bay, đập vào tường, rồi lại rơi xuống, rồi lại bay lên, như số phận một startup thất bại nhưng không chịu tuyên bố phá sản, lặp đi lặp lại không dứt. Nhạc nền là tiếng sóng biển, nhưng không có bờ, âm thanh duy nhất có thật trong căn phòng toàn đồ giả.

Những biểu đồ xuất hiện như trò đùa của thống kê học: đường xoắn ốc không điểm dừng, mũi tên chỉ vào khoảng trống, những con số sinh sôi nảy nở như nấm sau mưa. Mỗi hình ảnh đều như gào thét “Tôi là ẩn dụ sâu sắc!” - nhưng chẳng đứa nào chịu tiết lộ ẩn dụ cho cái gì.

Kỳ lạ thay, chính sự khó hiểu ấy lại khiến đám đông sùng bái. Họ thi nhau gán nhãn: “Nghệ thuật hậu dữ liệu”, “Ngôn ngữ lượng tử”, “Thơ siêu thực đa chiều”... Những cái miệng

tuôn ra toàn từ hoa mỹ, che giấu một sự thật trần trụi: chẳng ai hiểu thực sự đó là cái quái gì.

Riêng ông Vũ, ngay lần đầu chứng kiến đã thấy tim đập thình thịch. Những hình ảnh vô nghĩa kia khiến ông có cảm giác đứng trước cổng Thiên Đường Kỹ Thuật Số - nơi sự khó hiểu chính là bằng chứng của trí tuệ siêu việt. Ông lưỡng lự giữa nghi ngờ và sùng bái, rồi cuối cùng chọn im lặng gật đầu. Bởi chất vấn tức là tự nhận mình kém cỏi, còn khen ngợi thì chẳng mất gì.

“Xuất sắc! Đúng là tầm nhìn vượt thời đại!” - ông tuyên bố với vẻ mặt của kẻ vừa được nhìn thấy Chúa hiện ra. Đám thuộc hạ vỗ tay vang dội, như thể vừa chứng kiến phát minh vĩ đại nhất lịch sử - trong khi thực chất, đó chỉ là màn hình nhiễu sóng được đội lốt “công nghệ độc tâm trí”.

Buổi ra mắt “công nghệ đột phá thế kỷ” được dàn dựng xa hoa chẳng kém lễ trao giải Oscar. Ông Vũ, trong bộ vest nạm nút vàng 24 carat lấp lánh, bước lên sân khấu với dáng vẻ của đấng cứu thế kỹ thuật số. Tay ông nâng niu tấm bằng khen mạ vàng và tuyên bố với giọng điệu huyền bí:

“Đây không đơn thuần là AI... mà là tấm gương phản chiếu linh hồn của thời đại! Ai không thấy gì trong đó... ắt hẳn tâm trí đang chìm trong sương mù!”

Cả hội trường bùng nổ trong tràng pháo tay như được lập trình sẵn. Những chiếc smartphone đồng loạt giơ cao như những lễ vật dâng lên ngôi đền công nghệ - vị thần có tên mã là “Thuật toán”. Khung hình nào cũng ghi lại những gương mặt ngây ngất, mê đắm trong cơn hoan lạc số hóa - đám đông đang tự thôi miên, hoặc đã bị thôi miên từ lâu mà không biết.

Cho đến khi một giọng trẻ con vang lên:

— Má ơi, mấy chữ loằng ngoằng đó là gì vậy? Máy bị hư hả?

Câu hỏi hồn nhiên ấy như một cú tát giữa lễ nghi mê sảng. Không khí đông đặc bỗng rạn ra. Những ánh mắt hoang mang bắt đầu hướng lên màn hình. Nó vẫn chiếu những hình xoay tròn vô định – như một hệ thống chưa hoàn thiện, hoặc một trí tuệ nhân tạo vừa uống nhầm thuốc kích thích. Rối rắm, trừu tượng, và... chẳng nói lên điều gì cả.

Và ông Vũ – lần đầu tiên – thấy sự thật không che đậy: vô nghĩa. Một thứ vô nghĩa được bọc trong lớp ngôn ngữ bóng bẩy, như món rác công nghệ bọc giấy kiếng.

Cả hội trường như bưng tỉnh. Chiếc màn hình khổng lồ trước mặt họ giờ đây hiện nguyên hình – không phải cánh cổng tri thức, mà là một tấm ván ép phủ nhựa loang lổ, một món đồ giá rẻ từ một xưởng gia dụng ở ngoại ô... Đám đông bỗng trở nên ngưng ngạt khi nhận ra: hình ảnh đang chiếu kia trông chẳng khác gì một màn hình máy tính bám đầy bụi bẩn, chỉ có điều được viền vàng kiểu baroque và lồng bản nhạc *Symphony of Disruption* do AI sáng tác.

Những vòng xoáy vô nghĩa quay cuồng như cơn hoảng loạn của một kẻ bị bọm sắp bị lật tẩy. Những con số ngẫu nhiên nhảy múa, tựa như biểu đồ cổ phiếu ma. Cả hệ thống ấy không được thiết kế để giải mã, mà để buộc người ta phải giả vờ... rằng mình hiểu.

Ông Vũ đứng đó, bỗng thấy mình lơ lửng như tượng đài lãnh tụ giữa công viên hoang vắng. Tấm bằng khen mạ vàng trên tay bỗng nặng trĩu – hóa ra đó là thứ duy nhất “có thật” trong toàn bộ dự án triệu đô. Ánh đèn sân khấu chiếu rọi khiến ông lộ nguyên hình – một kẻ đạo diễn vở kịch mà chính mình cũng đã sập cái bẫy do mình giăng ra.

Nhưng bậc thầy xoay chuyển tình thế kịp nhớ đến mảnh khoe cuối cùng. Ông nhe hàm răng giả: “Cô bé ấy... chính là bằng chứng sống cho tính đột phá của công nghệ chúng tôi!”

Cả phòng nín thở. Mấy tay nhà báo thì nhau ghi lại câu nói đầy “triết lý” ấy. Ai nấy đều hiểu đây là màn kịch hay nhất từ trước đến nay – nhưng chẳng ai dám bỏ về, bởi họ đã đầu tư quá nhiều vào ảo tưởng tập thể này.

Trong khoảnh khắc chớp nhoáng, ông Vũ chợt nhận ra sự thật phũ phàng: Hai tên “chuyên gia quốc tế” kia đã biến mất cùng số tiền đầu tư, để lại cho ông mỗi tấm bằng khen giả và mớ hỗn độn trên màn hình. Nhưng điều khiến ông tê tái không phải là bị lừa – mà là tại sao cả một tập đoàn hàng nghìn người, chỉ có đứa trẻ nhỏ dám lên tiếng?

Livestream vẫn ghi lại cảnh tượng kỳ lạ: Một CEO đang cố biến thất bại thành “tính năng đặc biệt”, một đám đông vỗ tay theo phản xạ, và một dự án ma vẫn được ca ngợi như thành tựu vĩ đại.

Hai tuần sau, dự án “AI đo khí chất lãnh đạo” biến mất khỏi báo cáo tài chính một cách kỳ lạ – như thể nó chưa từng tồn tại. Và trong buổi họp cổ đông tiếp theo, không ai dám nhắc đến sự kiện đó nữa – bởi trong thời đại này, sự thật đáng sợ hơn cả lừa đảo chính là việc phải thừa nhận mình đã bị lừa.

Tòa nhà hình con thuyền vẫn sừng sững giữa trung tâm thành phố, nhưng từ tầng cao nhất người ta không còn nghe tiếng vọng của tương lai nữa. Chỉ có tiếng gió thổi qua những cửa kính – như thể thế giới đang hỏi lại: “Người thật sự thấy gì?”

Người Mơ **Giấc Bướm**

Lê Tấn Tài



*L*ão Triệu sống lẻ loi trong căn nhà cũ dưới chân núi Tịch - ngọn núi quanh năm chìm trong mây mù. Dân làng ít khi lui tới, họ bàn tán về lão đủ điều: kẻ bảo lão từng là học sĩ ở kinh thành, người lại khẳng khẳng lão chỉ là kẻ lang thang ngẫu nhiên dừng bước rồi ở lại. Chẳng ai rõ lai lịch thực sự, mà lão cũng chẳng buồn giải bày.

Ngày qua ngày, lão lặng lẽ tưới cây, nhâm nhi trà, ngồi lắng nghe tiếng gió thì thầm qua kẽ lá.

Một buổi sớm tinh mơ, khi sương còn đọng trên đầu ngọn cỏ và tiếng chim chưa kịp gọi nhau, lão Triệu chợt tỉnh giấc sau một giấc mơ kỳ lạ. Trong mơ, lão thấy mình hóa thành con bướm trắng, cánh mỏng bay dập dờn giữa đồng cỏ mênh mông. Chẳng cần biết mình là ai, chẳng bận tâm đến nhân gian phiền não. Gió nâng đỡ từng vòng lượn chao nghiêng, nắng ấm áp dịu dàng vuốt ve đôi cánh mềm, và lão bướm ấy thanh thoi đậu trên những đóa hoa dại, lòng nhẹ tênh không gợn chút nghi nan.

Khi mở mắt, lão lại là lão Triệu – kẻ cô độc trong căn nhà xiêu vẹo. Lão ngồi bèn thêm, tay ôm bầu rượu cạn, ngẫm nghĩ:

“Ta mơ thấy bướm, hay chính bướm đang mơ thấy ta?”

Từ dạo ấy, mọi thứ với lão chập chờn như ảo ảnh. Khi ăn, lão bỗng ngừng dũa: “Miếng cơm này có thật, hay chỉ là ảo giác của cái dạ dày trống rỗng?” Khi bước ra vườn, tiếng xào xạc của khóm tre khiến lão băn khoăn: “Gió thổi qua lá, hay lá đang thổi vào tâm tư ta?”

Một chiều, có đứa trẻ chăn dê dừng lại hỏi:

“Ông là ai mà ở mãi trong ngôi nhà hoang thế này?”

Lão nheo mắt cười, đáp như nói với chính mình:

“Ta là giấc mơ của ai đó... chưa tỉnh giấc.”

Đứa bé ngơ ngác bỏ đi, để lại lão Triệu ngồi bèn gốc cây già, nụ cười thoáng hiện rồi tan như hơi sương cuối ngày.

Mùa xuân, hoa cải trong vườn lão lại nở vàng. Người làng bảo mỗi chiều, thường thấy một con bướm trắng chập chờn trước hiên nhà, đậu trên bậc cửa rồi lại bay đi. Còn lão Triệu?

Không ai gặp lại. Chỉ có câu hỏi năm nào của lão, như cánh bướm kia, vẫn lơ lửng giữa đất trời:

“Ta là ai, trong giấc mộng trùng trùng của vũ trụ?”

Nhiều năm sau, một lữ khách lạc bước đến chân núi Tịch. Căn nhà cũ phủ lớp rêu thời gian, khung cửa sổ mở rộng như đang đón chờ một ánh mắt từ cõi hư vô. Tình cờ, lữ khách nhặt được trang sách cũ kẹp giữa những tờ giấy ố vàng - một chiếc lông bướm trắng mong manh nằm đó, bên cạnh dòng chữ mực nhòe:

“Nếu kiếp người chỉ là bóng hình trong giấc mộng vũ trụ, thì ai đang nằm mơ? Và đến bao giờ thì người ấy tỉnh giấc?”

Lữ khách đứng lặng giữa khu vườn hoang. Cỏ dại mọc xuyên qua lối đi cũ, gió vẫn thổi vi vu. Người bỏ đi, mang theo câu hỏi ấy như hòn sỏi trong giày - nhỏ bé mà không thể quên.

Trên đường xuống núi, chiếc lông bướm trắng trong túi áo lữ khách bỗng trở nên nặng trĩu. Mỗi bước chân như lún sâu vào lớp sương mờ - không chỉ của đất trời, mà còn của tâm tưởng. Câu hỏi cứ quẩn quanh, nhẹ tựa hơi thở mà sâu như vết cắt: “Ai đang nằm mơ?”

Lữ khách chợt giật mình:

“Nếu ta chỉ là ảo ảnh trong giấc mộng nào đó, thì gánh nặng trên vai này, nhịp thở trong lồng ngực này, liệu có thực hay không?”

“Và nếu có thực - thì thực đến mức nào?”

Lữ khách nhìn đôi bàn tay đầy vết tích cuộc đời củ mình, bỗng nghi ngờ tất cả. Vết xước nhỏ trên ngón trỏ, nếp nhăn trên lòng bàn tay — có vẻ chân thực, nhưng cũng có thể là chi tiết được tạo khắc khéo léo trong một giấc mộng dài. Cảnh

vật bên ngoài, vừa thật vừa hư, như bức tranh mong manh. Bỗng nhiên, cả thế giới xung quanh - từ ngọn cỏ lay động, áng mây trôi, đến tiếng suối thì thầm - đều như vừa xa lạ, vừa quen thuộc đến nao lòng.

Một ý nghĩ thoáng qua trong đầu lữ khách:

“Giả như... ta chỉ là nhân vật trong giấc mơ của lão Triệu, thì khi lão tỉnh dậy, phải chăng ta sẽ tan biến đi như chưa từng hiện hữu?”

Lữ khách dừng lại dưới một gốc cây cổ thụ, ngồi xuống, thở dài, không phải vì mệt nhọc, mà vì bỗng hoài nghi chính nhịp đập trong lồng ngực mình. Một cảm giác kỳ lạ len lỏi: như vừa chạm được vào bờ mép của một chân lý vĩ đại nào đó, vượt xa mọi ngôn từ có thể diễn tả.

Trời về chiều. Bóng người lữ khách in dài trên mặt đất, hòa lẫn vào bóng núi, bóng cây - tất cả đều nghiêng đổ theo một quy luật huyền bí nào đó. Và trong tâm khảm, câu hỏi ấy vẫn nguyên vẹn, như sợi tơ trời chưa đứt:

“Nếu tất cả chỉ là giấc mộng... thì sự tỉnh thức sẽ mang hình hài nào?”

Chiều tà, lữ khách dừng chân tại quán trà nhỏ bên suối. Quán như tồn tại ngoài thời gian - mái tranh rêu phong, bàn ghế thô sơ. Chủ quán hiện ra với dáng vẻ kỳ dị: mái tóc bạc dài chấm vai, đôi mắt vừa đục mờ như sương sớm, vừa sâu thẳm tựa đáy hồ thu. Người ta gọi ông là Trà Nhân. Không ai biết ông từ đâu đến. Quán chỉ bán một loại duy nhất: trà lá rừng, hương thoảng nhẹ như làn khói mỏng manh giữa núi.

Lữ khách ngồi xuống, im lặng đủ lâu để nghe tiếng nước chảy hòa cùng nhịp thở. Rồi khẽ hỏi:

“Thưa cụ... có bao giờ cụ nghi ngờ rằng tất cả chúng ta có

thể chi là ảo ảnh?”

Trà Nhân cười nhẹ, tay rót trà:

“Trà trong chén này là thật hay là mộng?”

Lữ khách trầm ngâm:

“Đôi khi tôi tự hỏi... phải chăng tôi chỉ là nhân vật trong giấc mộng của một kẻ xa lạ đang say giấc nơi nào đó. Và tôi sẽ biến mất khi người đó tỉnh dậy.”

Trà Nhân nhắm mắt, như đang nhớ lại:

“Có lần ta nằm mơ thấy mình là giọt sương sớm. Trong mơ, ta sợ trước ánh mặt trời. Khi mặt trời lên, ta tan biến - và tỉnh giấc. Lúc ấy mới giật mình: không biết giọt sương sợ tan biến, hay chính ta sợ thức tỉnh?”

Ngoài hiên, mặt suối lung linh phản chiếu trời chiều tím ngắt, gợn sóng lăn tăn như những nỗi niềm chưa nguôi. Lữ khách mơ màng:

“Nếu vũ trụ này chỉ là giấc mộng lớn, thì khi tỉnh dậy là gì? Là hư vô? Hay một dạng tồn tại mới?”

“Có lẽ... cả hai đều không đúng.” Trà Nhân nhấp ngụm trà, “Chỉ đơn giản là dòng chảy vô thủy vô chung, nơi chúng ta đặt tên cho các trạng thái để tự an ủi mình.”

Một cơn gió nhẹ khẽ lay động chuông gió treo mái hiên. Âm thanh ngân nga như dấu chấm hỏi lơ lửng giữa không gian.

Khi từ biệt, lữ khách ngoảnh lại hỏi:

“Theo cụ, tôi nên tiếp tục hành trình hay dừng lại chờ đợi sự tỉnh thức?”

“Cứ bước đi. Biết đâu...người đang mơ thấy anh lại chính là anh trong tương lai, đang đợi anh tìm được mình.”

Dưới ánh trăng non, lũ khách rời quán. Con đường trước mặt mờ ảo trong làn sương bạc, dẫn vào cõi vô định. Nhưng giờ đây, người bước đi không còn khát khao tìm kiếm - bởi đã thấu hiểu rằng chân lý không nằm ở cuối hành trình, mà ẩn tàng trong từng bước chân hiện tại.

Đêm ấy, có người tình cò thấy bóng người ngồi tĩnh tọa bên suối, lòng bàn tay đặt một chiếc lông bướm trắng muốt. Rồi hình bóng ấy nhạt nhòa vào sương khuya, như chưa từng hiện hữu. Chỉ còn lại tiếng nước thì thầm cùng vắng trắng lặng lẽ soi bóng nơi đáy nước - tất cả đều mơ hồ như một giấc mộng chưa bao giờ kết thúc.

Nhiều mùa trăng trôi qua, một đứa trẻ chăn dê vô tình phát hiện mảnh giấy vàng ó giắt trong khe đá dưới chân núi Tịch. Những nét chữ mờ nhạt như tan vào hơi sương, ẩn hiện một câu hỏi bị thời gian bỏ quên:

“Ta mơ thấy bướm, hay bướm đang mơ thấy ta?”

Hay cả vũ trụ này chỉ là cơn rừng mình của ngọn cỏ trước gió?”

Đứa trẻ ngược mắt nhìn quanh, bất chợt bật cười - tiếng cười trong trẻo vang lên giữa núi rừng tịch mịch, như lời đáp trả hồn nhiên cho câu hỏi kia. Nó buông tay, để mảnh giấy mỏng manh bay theo làn gió chiều, xoay một vòng nhẹ tênh trước khi biến mất giữa không trung.

Và ở một chiều không gian nào đó, xuyên qua lớp lớp thực tại mờ ảo, cánh bướm trắng vẫn bay - chẳng biết là thực hay mộng, chẳng cần phân biệt đâu là giới hạn giữa tỉnh và say.

Chuyện **Học Trò**

Lê Tấn Tài



Những Câu Chuyện Nhỏ – Bài Học Lớn Về Lòng Nhân Ái

*T*rong xã hội hiện đại, cuộc sống khó khăn, khiến con người tất bật mưu sinh, đôi lúc lãng quên việc giáo dục con cái, phó mặc cho nhà trường. Trong khi đó, nhiều trường

học lại chạy theo thành tích, tập trung vào kiến thức sách vở mà xem nhẹ giáo dục đạo đức, khiến một số trẻ em lạc lối, dễ sa vào những thói hư tật xấu, trở nên ích kỷ, vô cảm.

Thế nhưng, ngoài đời vẫn còn biết bao câu chuyện ấm lòng. Từ cậu bé đánh giày, những em nhỏ bán vé số, nhặt phế liệu giúp gia đình, đến những học trò vùng cao vượt núi băng rừng đến lớp – trong tim các em không chỉ cháy bỏng khát vọng học hành mà còn rạo ngời lòng hiếu thảo. Đó là những bản nhạc dịu dàng về tình người, về đạo lý làm người, và trên hết, là vẻ đẹp lặng lẽ của tấm lòng nhân hậu giữa đời thường. Mỗi mẩu chuyện nhỏ như một ngọn nến ấm áp, không chỉ kể lại sự việc mà còn thắp lên niềm tin trong tâm hồn người đọc.

Nhân vật trong những câu chuyện ấy không phải là nhân vật phi thường, mà là những con người bình dị với những đức tính đáng trân trọng: lòng dũng cảm, sự hiếu thảo, tình bạn chân thành, tinh thần hy sinh và lòng yêu nước. Vẻ đẹp ấy không rực rỡ, mà như nắng chiều êm dịu trên con phố nhỏ – giản đơn nhưng thấm sâu vào trái tim. Chúng khiến độc giả, đặc biệt là các em học sinh, tự nhìn lại mình: phải sống thế nào để xứng đáng với tình yêu của cha mẹ, sự kỳ vọng của thầy cô và niềm tin của xã hội vào thế hệ tương lai.

Những câu chuyện như thế này cần được lan tỏa, in vào sách thiếu nhi để trở thành món ăn tinh thần cho mọi lứa tuổi.

Những câu chuyện như thế này cần được lan tỏa, in vào sách thiếu nhi để trở thành món ăn tinh thần cho mọi lứa tuổi. Giữa nhịp sống hối hả đầy biến động, chúng như dòng suối mát lành nuôi dưỡng tâm hồn, nhắc nhở mọi người về những điều tử tế. Chúng không cần lời lẽ khoa trương, mà

lay động lòng người bởi sự chân thành, mộc mạc – như một buổi đến lớp đầy đủ, một lời cảm ơn cha mẹ, hay ánh mắt cảm thông dành cho bạn bè. Thông điệp ấy thật giản dị: sống đẹp không cần điều gì to tát, chỉ cần mỗi ngày biết yêu thương thêm một chút.

Có những trang sách khép lại rồi mà dư âm vẫn ngân nga, như tiếng chuông vọng về trong ký ức. Những mảnh đời học trò tưởng mong manh như cánh phượng hè, lại ẩn chứa sức mạnh cảm hóa kỳ diệu, đủ sưởi ấm những tâm hồn lạnh giá. Chúng như tấm gương phản chiếu, giúp trẻ nhỏ nhận ra mình – một thế hệ đầy đủ nhưng dễ lãng quên giá trị mộc mạc.

Không giáo điều, không gượng ép, những câu chuyện ấy dạy trẻ em bằng thứ ánh sáng dịu dàng nhất: ánh sáng của lòng hiếu thảo, của tình bạn vô tư, của sự hy sinh thầm lặng. Và có lẽ, đó mới là vẻ đẹp cao quý nhất – một vẻ đẹp không cần ngợi ca, chỉ cần lặng lẽ tỏa hương giữa đời.



Người Gác Cổng Già

Ở một ngôi trường tiểu học nhỏ ven đô, có một người gác cổng già với mái tóc bạc phơ và nụ cười hiền hậu. Ông tên Tâm, đến trường từ khi sương sớm còn đọng trên lá, mở cổng, quét sân, tưới từng gốc cây non như chăm sóc những đứa trẻ nhỏ. Ông sống một mình trong căn phòng nhỏ cuối trường, nhưng trái tim ông luôn ấm áp vì được chia sẻ cùng lũ học trò.

Hàng ngày, ông đón các em bằng những câu chào ân cần, nụ cười như tia nắng sớm. Em nào quên áo mưa, ông lấy áo khoác của mình đắp cho. Em nào buồn vì bị điểm kém, ông ngồi bên bậc thềm, lắng nghe như thể cả thế giới chỉ có hai ông cháu.

Một buổi sáng mưa gió, cậu bé Hưng lớp Ba vội vã chạy đến trường, trượt chân ngã. Quần áo ướt sũng, đầu gối trầy xước, em đứng khóc thút thít trước cổng. Ông Tâm vội ôm em vào phòng, nhẹ nhàng rửa vết thương, rồi lấy chiếc áo mưa cũ màu xanh đã sờn vai khoác lên người Hưng. “Đến trường quan trọng, nhưng con phải cẩn thận với chính mình trước đã,” ông ân cần dặn dò.

Chiều hôm ấy, Hưng kể lại câu chuyện với cả lớp. Những đôi mắt trẻ thơ long lanh xúc động, bọn trẻ cùng nhau làm một tấm thiệp lớn, trang trí bằng những bông hoa giấy và dòng chữ nguệch ngoạc: “Chúng con yêu ông Tâm!”. Sáng hôm sau, khi ông vừa mở cổng, cả lớp ủa ra ôm chặt lấy ông. Ông Tâm cúi xuống nhận tấm thiệp, đôi mắt đỏ hoe.

Cuối năm, ông lâm bệnh nặng. Những bước chân nhỏ lại rủ nhau đến thăm ông, mang theo hộp sữa ấm, chiếc bánh giòn tan, và cả những câu chuyện ríu rít. Hưng nắm tay ông thật chặt, thì thầm: “Ông ơi, cháu sẽ luôn nhớ lời ông dạy...”

Ông Tâm ra đi nhẹ nhàng như một chiếc lá cuối mùa. Nhưng từ đó, mỗi sáng, cổng trường vẫn được mở đúng giờ bởi một cậu học trò lớp Ba. Em quét sân, tưới cây, và nở nụ cười thân thương với từng bạn nhỏ—như cách ông Tâm năm xưa đã gieo vào lòng các em hạt giống của tình yêu thương và trách nhiệm. Vòng tay ấm áp của ông chẳng còn, nhưng bài học về lòng tốt thì mãi nảy mầm.

Chiếc Cặp Bị Rách

Hôm ấy, trời mưa tầm tã. Lan vội chạy về nhà sau giờ học, bỗng chiếc cặp đã cũ bị rách toạc một đường dài khi cô bé vấp ngã. Sách vở rơi cả xuống vũng nước, ướt sũng. Lan sắp òa khóc thì bỗng nghe tiếng gọi quen thuộc:

“Đợi mình với!”

Thành – người bạn hay trêu chọc Lan vì tính nhút nhát – hốt hải chạy tới, nhặt từng quyển vở, lau vội rồi đút vào balo của mình.

“Mình mang giúp bạn về nhà nhé? Nhà bạn gần đây thôi mà, phải không?”

Lan hơi ngớ ngàng, nhưng gật đầu đồng ý. Trên đường đi, Thành bất ngờ cúi mặt xuống, thú nhận:

“Thực ra... hôm trước, chính mình là người làm hư khóa balo của bạn. Mình chỉ định trêu bạn chút thôi, ai ngờ...”

Lan lặng im. Cô bé liếc nhìn chiếc cặp rách, rồi đảo mắt sang Thành – gương mặt giờ đầy ân hận. “Mình sẽ đền bạn chiếc cặp mới!” – Thành hứa.

Lan khẽ cười: “Thôi, không cần đâu. Nhưng lần sau, đừng trêu mình kiểu ấy nữa nhé?”

Thành gật đầu lia lịa, miệng cười tươi như hoa. Từ hôm

ấy, Thành không còn trêu Lan vô cớ, mà thay vào đó luôn xách balo giúp bạn mỗi chiều mưa.

Chiếc Bút Chì Màu Xanh

Minh và Khoa là đôi bạn thân từ lớp Một. Minh học giỏi, chăm ngoan, còn Khoa thì nghịch ngợm, ham chơi nhưng thật thà và tốt bụng. Dù khác nhau nhiều điều, hai em vẫn như hình với bóng, đi đâu cũng có nhau: cùng ăn quà vặt ở cổng trường, cùng chạy thi trong sân, cùng chia nhau những cây bút chì màu trong giờ mỹ thuật.

Một hôm, lớp có tiết vẽ tranh “Mẹ của em”. Cô giáo dặn mỗi học sinh tự chuẩn bị bút màu. Minh mang hộp màu mới tinh mẹ vừa mua, còn Khoa chỉ có vài mẩu bút cụt, màu đã mòn nhạt. Khoa ngồi nhìn tờ giấy trắng, bối rối vì không có màu xanh để tô chiếc áo mà mẹ hay mặc.

Minh thấy vậy, liền rút cây bút chì màu xanh trong hộp ra, đưa cho Khoa. Minh không nói gì, chỉ cười nhẹ. Khoa nhận lấy, ánh mắt sáng lên.

Cuối buổi, Khoa lén để cây bút vào lại hộp của Minh, kèm theo một tờ giấy nhỏ gấp đôi:

“Cảm ơn bạn. Mẹ mình sẽ rất đẹp trong chiếc áo xanh này.”

Nhưng chuyện không dừng lại ở đó. Hôm sau, cô giáo gọi Minh lên vì trong hộp bút của em thiếu mất cây màu xanh. Một bạn trong lớp đã mách rằng thấy Khoa dùng nó. Cả lớp xôn xao, còn Khoa cúi đầu im lặng. Minh hiểu bạn mình không lấy trộm, nhưng vì không biết tờ giấy nhỏ kia đã rơi đâu mất, nên không có cách gì giải thích.

Minh đứng dậy, đi đến trước mặt cô giáo và cả lớp:

“Thưa cô, chính em đã đưa cây màu xanh cho bạn Khoa.

Bạn ấy không lấy trộm. Em quên nói với cô thôi ạ.”

Cô giáo nhìn Minh, rồi nhìn Khoa. Bầu không khí lặng đi. Sau một lúc, cô gật đầu:

“Cảm ơn Minh. Cô tin hai em. Và cô hy vọng cả lớp cũng học được điều gì đó từ tình bạn này.”

Từ hôm đó, chẳng ai còn trêu Khoa là “nghịch ngợm” nữa. Khoa bắt đầu học chăm hơn, nghiêm túc hơn, và lúc nào cũng giữ cây bút chì màu xanh trong hộp—như giữ một lời nhắc nhở rằng: tình bạn không cần phải giống nhau, chỉ cần biết đứng bên nhau khi cần thiết.

Chiếc Khăn Tay Thêu Chữ M

Lớp Năm A năm đó có một học sinh mới tên là My. Cô bé từ tỉnh khác chuyển về, ít nói, hay ngồi một mình và thường giấu đôi mắt buồn sau mái tóc dài. Các bạn trong lớp ban đầu rất tò mò, nhưng sau dần thì xa lánh, vì My không bao giờ cười, cũng chẳng chơi với ai.

Một hôm, trong giờ ra chơi, Lan – cô bé hoạt bát và hay được thầy cô khen – phát hiện chiếc khăn tay thêu chữ “M” trong ngăn bàn mình đã biến mất. Chiếc khăn ấy là quà sinh nhật mẹ Lan tặng, thêu tay rất đẹp, có viền hoa nhỏ và dòng chữ “Lan yêu dấu”. Lan òa khóc. Cả lớp xôn xao.

Không ai nói gì, cho đến khi một bạn thì thầm: “Sáng nay tớ thấy My đứng gần bàn Lan.” Mọi ánh mắt lập tức đổ dồn về phía My. Cô bé đỏ mặt, cúi gằm, lặng thinh.

Cô giáo gọi My ra ngoài, rồi cho mời phụ huynh. Hôm sau, mẹ của My đến lớp, tay cầm chiếc khăn tay. Bà nói trong nghẹn ngào:

“Tôi phát hiện chiếc khăn này trong cặp của My khi soạn

sách. Tôi không biết con lấy từ đâu. Mong cô và các bạn tha lỗi cho cháu. My không có cha từ nhỏ, dạo gần đây gia đình cũng có nhiều chuyện... Cháu chỉ nói rằng chiếc khăn ấy ‘rất giống khăn của mẹ’...”

Cô giáo im lặng, còn Lan thì siết chặt tay. Trong ánh mắt bối rối của cả lớp, Lan tiến tới, nhìn My và nói nhỏ:

“Nếu bạn cần, mình sẽ tặng bạn một cái khăn khác, có được không?”

My ngẩng đầu, mắt đã ngân ngấn nước. Lần đầu tiên, cả lớp thấy My cười. Một nụ cười nhỏ và run rẩy, nhưng sáng rõ như nắng sau mưa.

Từ hôm đó, My bắt đầu nói chuyện nhiều hơn. Cô bé và Lan dần thân nhau. Trên chiếc khăn mới Lan tặng, My đã thêu lại bằng tay dòng chữ: “Lan – người bạn đầu tiên đã tha thứ cho mình.”

Trong Trái Tim Của Em

Tú – một cậu bé nhút nhát với học lực trung bình, luôn né tránh ánh mắt thầy cô mỗi khi bị gọi lên bảng. Em sống nội tâm, chìm đắm trong những thế giới tưởng tượng của riêng mình. Trong lớp, Tú như một bóng mờ nhạt – không nổi bật, không xuất sắc, chỉ lặng lẽ ngồi ở góc lớp, vẽ nguệch ngoạc những bản đồ kỳ lạ vào tập vở.

Chiều hôm ấy, nắng vàng rực rót mật qua khung cửa, thầy giáo chợt gọi Tú lên bảng:

“Em hãy chỉ vị trí Việt Nam trên bản đồ thế giới này.”

Cả lớp nín thở. Tú đứng như trời trồng, mồ hôi lạnh lan dọc sống lưng. Đôi mắt em dán chặt vào tấm bản đồ, nhưng những đường biên giới chỉ là một mảng màu mờ ảo. Thấy

nhúu mày, giọng chùng xuống:

“Bài tập đơn giản thế mà cũng không làm được? Em có bao giờ tập trung học không?”

Tú cúi mặt, nghẹn đắng nơi cổ họng. Nhưng bất ngờ, từ sâu trong lòng ngực, một ngọn lửa bùng lên. Em ấn bàn tay run run lên ngực trái, nơi trái tim đập thành thịch:

“Thưa thầy... Việt Nam... ở ngay đây ạ. Trong trái tim của em.”

Cả lớp chợt lặng đi. Thầy giáo khựng lại, ánh mắt dịu xuống, chậm rãi gật đầu:

“Thầy xin lỗi em. Đôi khi, chúng ta quên rằng tình yêu Tổ quốc không chỉ được đo bằng những điều viết trong sách.”

Căn phòng vỡ òa trong tiếng vỗ tay. Tú nín thở, lần đầu tiên trong đời cảm thấy mình... thật sự được nhìn thấy.





Người Giữ Lửa

Lê Tấn Tài

Vào đầu thế kỷ 20, giữa rừng U Minh hoang vu và sâu thẳm, nơi những nhánh trầm đàn xen như mạch máu của đất, có một nghề đặc biệt đơn lẻ gắn liền với khói lửa: nghề làm than. Những người làm nghề này như hóa thân thành một phần của rừng. Họ dựng những lò than bằng đất, xếp củi trầm theo hình nón, rồi đốt âm ỉ suốt ngày đêm. Gặp mưa gió thì lửa tắt, cả lò than hóa tro. Cứ như thế, lửa cháy ngấm ngấm, khói lan mờ mịt, và họ sống cạnh lửa, giữa muỗi vắt, thú rừng và cái nắng mưa khắc nghiệt của đất phương Nam.

Trong số ấy, ông Sáu Lành nổi tiếng là người hiền lành, ít nói nhưng ai gặp cũng thương. Ông sống một mình trong túp lều lá giữa rừng, gắn bó với nghề than hơn nửa đời người. Dáng ông gầy guộc, lưng hơi còng, đôi tay đen nhẻm vì khói, giọng nói trầm như gió lùa qua tán cây. Không ai rõ ông từ đâu tới – người bảo ông là lính Tây trốn vào rừng, kẻ nói ông theo nghiệp cha ông từ thuở nhỏ. Chỉ biết, ông lặng lẽ như bóng cây, mỗi lần xuống chợ bán than rồi lại trở về rừng, để lại vết bùn in trên chiếc xuống cũ kỹ.

Rừng U Minh vào mùa mưa, trầm mọc dày như bức tường thành, gió thổi qua nghe như tiếng thở dài của đất trời. Ông

Sáu Lành vẫn miệt mài bên lò than, sống qua mùa nước nổi, mùa nắng hạn, chỉ có con chó Mực làm bạn. Một đêm trăng khuyết, rừng im phăng phắc, con Mực bỗng gầm gừ dữ dội. Ông biết có thứ gì đó đang rình rập. Quả nhiên, từ trong bóng tối, đôi mắt hổ sáng rực như ngọn lửa hiện ra. Con Mực xông lên, sủa vang cả khu rừng, đứng chắn giữa ông và con thú dữ. Hổ gầm gừ rồi lùi dần vào tán lá. Ông Sáu ngồi bệt xuống đất, thở dài: “Rừng nuôi mình, thương mình, mà cũng thử mình...”

Ban đêm, trong túp lều ọp ẹp, ông nằm nghe tiếng vượn hú vọng từ xa, tiếng gió rít qua kẽ lá. Ông bảo: “Rừng kêu, mình lắng nghe. Rừng buồn, mình im lặng. Rừng giận, mình rút lui. Còn khi rừng cười, than cháy đỏ hồng...” Với ông, rừng không chỉ là nơi kiếm sống, mà là nơi để hiểu và trở về chính mình.

Nhiều năm sau, người ta tìm thấy ông nằm yên trong lều, tay đặt lên đồng tro tàn. Lò than cũ đã phủ rêu xanh, con Mực quần quýt bên gốc trầm, không chịu rời đi. Dân làng dựng cho ông tấm bia gỗ, khắc dòng chữ: “Sáu Lành – Người giữ lửa giữa rừng già”. Và từ đó, câu ca vẫn vang lên mỗi khi khói than tỏa lên từ U Minh:

*“Than hồng cháy giữa rừng sâu,
Có ông Sáu Lành – gánh sầu vào than.
Rừng buồn, ông thấp trầm nhang,
Một đời lặng lẽ, hóa vàng khói sương...”*

Thời gian trôi qua, rừng U Minh không còn như thuở ông Sáu Lành còn sống. Nơi xưa chỉ có khói lam chiều và tiếng

gió vi vu qua kẽ lá, giờ đã đổi khác. Lò than thủ công thừa dần, nhường chỗ cho những lò nung hiện đại. Nhưng giữa nhịp sống mới ấy, vẫn có một người kiên trì giữ lửa – thằng Lự, đứa trẻ ngày nào hay co ro bên ông Sáu nghe chuyện ma rừng.

Lự được ông Sáu cứu mang từ nhỏ, gọi là “gửi gắm” vì nhà nó nghèo không nuôi nổi. Năm tám tuổi, ba Lự chết đuối giữa mùa nước nổi khi đốn trầm. Má nó gửi nó cho ông Sáu vài tháng, rồi... thành luôn mấy năm. Nó lớn lên trong mùi khói than nồng nặc, quen tiếng ông kể chuyện ma rừng hơn là tiếng giảng bài học. Thế là đời nó gắn với lửa than, với lời ru khe khẽ của ông:

“Than rừng đượm lửa âm thầm,

Người thương lấy gió hong trầm mà nghe...”

Ông Sáu mất, Lự theo người lên phố học nghề cơ khí, làm thợ xưởng thép ở Cà Mau. Nhưng càng xa rừng, lòng càng bứt rứt. Có đêm nằm mơ, nó nghe tiếng ông gọi:

“Lự à, về đốt cho rừng một lò nhen con...”

Ba mươi tuổi, Lự bán hết đồ đạc, trở về. Nó xây lại lò than cũ bằng gạch không nung, vẫn củi trầm nhưng đốt kiểu mới – ít khói, có ống dẫn, quạt gió. Người ta bảo nó gàn, cười khẩy: “Than giờ ai làm? Đồ cổ lỗ!”

Lự không cãi, chỉ cười, mắt sáng lấp lánh như than hồng. Rồi một hôm, một đoàn sinh viên Sài Gòn tìm đến, quay phim, chụp ảnh lò than “cổ mà xanh” của nó. Lự chột nổi tiếng, không phải vì tiền, mà vì nó giữ được thứ người ta đánh mất: hồn rừng.

Đêm ấy, gió rừng thổi qua, tiếng dế ri rả như lời thầm thì. Bên lò than rực hồng, Lựu ôm con trai nhỏ, kể:

“Ngày xưa, có ông già tên Sáu Lành...”

“Rồi ông có gặp ma không cha?” – thằng bé hỏi.

Lựu cười khà. Ngoài kia, rừng đen như mực, nhưng trong lòng nó, ngọn lửa vẫn cháy.

“Lửa cha truyền, con nhen,

Than không rực, nhưng in hình bóng cũ.

Rừng sâu lá thầm thì,

Có thằng Lựu nhỏ, tiếp lời ông xưa...”

Đêm cuối năm, trời chùng xuống những cơn gió chuyển mùa, Lựu bỗng nghe một tiếng hú vọng lên từ sâu thẳm rừng già. Không phải tiếng vượn, cũng chẳng phải gió rít qua kẽ lá – mà là một âm thanh trầm đục, như thấm ra từ lòng đất ẩm. Đứa con trai bé bỗng níu tay anh, giọng run run:

“Ba ơi... có người đứng ngoài mé rừng kia!”

Lựu bước ra, gió đêm xuyên qua áo. Dưới gốc tràm già – nơi ông Sáu thường ngồi nhóm lửa – một bóng người mờ ảo đang lặng lẽ vượt lên tấm bia gỗ khắc chữ. Lựu cất tiếng gọi, giọng vang vọng vào khoảng không:

“Ai đó?”

Bóng hình kia không đáp, chỉ nhạt nhòa rồi tan biến như làn khói mỏng. Lựu đứng im, hai tay chấp trước ngực, thì thầm:

“Thầy Sáu về phải không? Mai con sẽ nhóm lò than mới, đốt nắm trầm thơm dâng thầy...”

Tiếng chim lợn vút kêu từ phía rừng sâu. Một sự tĩnh lặng thiêng liêng trùm xuống, như lời thì thầm của đất trời.



Lựu giờ đã không còn đơn thuần là người đốt than. Anh mở những lớp học nhỏ dưới tán tràm, dạy lũ trẻ trong xóm cách nhóm lửa sạch, cách thổi hồn vào những khúc gỗ mục để chúng cháy lâu mà không hại rừng. Báo chí tìm về, gọi anh bằng cái tên mỹ miều “Người giữ lửa thế hệ mới”. Nhưng với Lựu, điều quan trọng duy nhất là mỗi khi ngọn lửa bập bùng lên, anh vẫn nghe như có tiếng ông Sáu Lành khúc khích cười đâu đó trong làn khói mỏng.

Trên hành trình của mình, Lựu gặp cô Hậu – con gái người thợ đốn tràm đã mất tích trong trận cháy rừng năm nào. Cô gái thành phố ấy bỏ lại sau lưng công việc văn phòng để lần theo dấu vết người cha chưa bao giờ được tìm thấy. Họ cùng nhau dựng lại căn chòi cũ, nơi chiếc võng sồn màu vẫn in hằn dáng hình người nằm.

Lựu còn gặp ông Ba Tà - thầy mo người Khmer sống lặng lẽ giữa rừng sâu. Ông già có đôi mắt đục mờ nhưng nhìn

thấu cả những điều vô hình:

“Mỗi đời rừng đều có kẻ giữ mạng. Không phải giữ cây, giữ đất, mà giữ cái hồn thiêng đang thở trong từng tán lá...”

Và anh Kiệt, viên kiểm lâm trẻ từng một thời xem Lựu là kẻ phá rừng, cuối cùng lại trở thành người bảo vệ nhiệt thành nhất cho những lò than không khói ấy. Anh từ bỏ chiếc áo đồng phục, chọn ở lại với tiếng gió rì rào và mùi trầm ẩm.

“Khói bay khắp một vùng rừng,

Một người nhóm lửa, nghìn trùng tìm thân.”

Trên gốc trầm già nay có thêm tấm bia thứ hai, bên cạnh nơi ông Sáu yên nghỉ:

“Sáu Lành - Người thắp lửa bằng tim Lựu - Kẻ giữ hồn bằng trí và tình”

Rừng U Minh vẫn thờ đều nhịp. Lửa vẫn cháy. Những người giữ lửa cũ đã đi xa, nhưng dường như hồn họ vẫn quán quýt đâu đây. Biết đâu một sớm mai nào đó, khi cậu con trai nhỏ của Lựu chạm tay vào đống tro tàn, sẽ có tiếng thì thầm từ xa xăm vọng về:

“Người giữ lửa mới... con đã sẵn sàng chưa?”

Bồng Bềnh **Trên Dòng Cửu Long**

Lê Tấn Tài



Tôi tên là Bình Minh,

Tôi sinh ra và lớn lên giữa dòng nước mênh mông – nơi sông không tuổi, gió không quê, nơi chiếc ghe là nhà, là giường, là bếp, là cả một kiếp người.

Ba tôi làm nghề chài lưới, má tôi bán hàng rong trên sông. Tuổi thơ tôi sống trong ngôi nhà không vách tường, không mái ngói. Trời là nóc, nước là sân, trăng sao là đèn soi giấc

ngủ. Đời tôi trôi như con nước – lặng lẽ, lấp lánh, đôi khi cũng dữ dội sóng gió.

Tôi từng nghĩ mình sẽ mãi trôi như thế. Rồi tôi làm vợ, làm mẹ. Tôi có một con gái – như mầm cây lạ mọc giữa dòng. Nó không giống tôi. Nó không ở lại. Nó đi, mang theo ước mơ lớn hơn khúc rạch quanh co, xa hơn chợ nổi trĩu nặng cây trái và nỗi nhớ.

Tôi viết những dòng này không phải để kể về những nhọc nhằn đã qua. Mà để lưu lại chút hơi thở sông nước, tiếng mái chèo khua nước, tiếng mưa rì rầm trên mái ghe, và những ánh mắt ấm áp tình người nơi miền quê nghèo khó.

Mai này, con tôi có thể sẽ quên mùi bùn non, quên vị cá lóc nướng trui, quên điệu hò buồn trên sông. Nhưng nếu một ngày nó thấy lạc lõng giữa phố thị, tôi mong con tìm về đây – trong từng trang chữ – như tìm một bến đỗ bình yên.

Vì ai rồi cũng có một khúc sông để nhớ, và một bến bờ để thương...

Tôi sinh ra trên một chiếc ghe gỗ nhỏ, nơi lòng rạch Cái Sắn rẽ nhánh từ dòng sông Hậu. Người ta hay hỏi tôi: “Nhà em ở đâu?” Tôi chỉ xuống mặt nước, mỉm cười: “Nhà em trôi.”

Ba tôi – chú Tám Lựu – là một người đàn ông rám nắng, ít nói, nhưng ánh mắt luôn ấm như mặt trời giữa mùa nước nổi. Má tôi – dì Năm Hường – lanh lẹ, tháo vát, bán buôn khắp các con rạch nhỏ, người gọi dì là “con cò trắng lội chợ nổi”. Tôi là con gái duy nhất của hai người, ra đời trong một mùa mưa nhiều nước, ba mẹ bảo: “Đặt tên con là Bình Minh,

mong con sáng rõ như buổi đầu ngày, giữa đời lênh đênh.”

Chiếc ghe nhà tôi chỉ rộng chừng hai sải tay, nhưng là thế giới đủ đầy của cả gia đình. Mỗi buổi sáng, tôi thức giấc cùng tiếng nước vỗ vào mạn thuyền, tiếng lưới quẫy nhẹ dưới tay ba, và tiếng má lục đục bên bếp dầu. Tôi ăn cơm với cá linh kho quẹt, uống nước mưa hứng từ mái bạt, và ngủ dưới ánh đèn dầu leo lét mỗi đêm trăng tròn.

Ba thường nói:

“Nhà mình không có vách, nhưng có nhau là đủ ấm.”

Những năm ấy, ghe chúng tôi rong ruổi theo mùa nước. Mùa khô thì xuôi về vùng Long Xuyên kiếm cá rô, cá lóc. Mùa lũ về, nước tràn đồng, cá tôm theo dòng chảy, ba đánh lưới cả ngày đêm. Tôi nhớ những ngày ghe ngập nước, ba lấy thau nhỏ tát nước ra ngoài không ngời tay, má thì giữ tôi trong lòng, người ướt lạnh nhưng tay vẫn ôm tôi chặt.

Tôi học lớp Một khi ghe còn neo ở gần chợ nổi Phong Điền. Mỗi sáng, ba đưa tôi đi bằng xuồng nhỏ đến điểm đón, rồi từ đó đi bộ đến trường. Có ngày ghe mắc cạn, ba lội bùn công tôi đi. Tôi nhớ hoài đôi chân trắng xước của ba, nhớ bàn tay má xoa dầu vào lưng tôi mỗi tối, vừa dặn dò:

“Ráng học đi con, để sau này biết chữ, khỏi chèo ghe quần quật như ba má.”

Trường học là một căn nhà nhỏ sát mé sông, bàn ghế cũ mềm, trống trường kêu bằng tiếng gõ vào cái nổi nhôm. Tôi học chung với mấy đứa con của các ghe khác. Có đứa bỏ học giữa chừng vì phải theo ba má đi đặt lờ, đứa thì lên bờ ở nhờ nhà người quen. Riêng tôi, dù ghe có trôi đến đâu, ba má vẫn cố giữ tôi bám lấy con chữ.

Mỗi năm, khi tháng bảy âm lịch vừa chớm, nước từ thượng

nguồn lại đổ về, mang theo mùa lũ – người miền Tây gọi là “mùa nước nổi.” Với người sống trên đất liền, lũ là tai họa. Còn với gia đình tôi, đổ vừa là hiểm nguy, vừa là mùa vàng.

Tôi nhớ rõ cái năm nước nổi cao nhất, khi ghe nhà tôi đang neo ở một khúc rạch gần chợ Cái Răng. Lúc ấy, nước dâng liên tục, từng ngày một, ngập cả những chỗ trước giờ chỉ toàn cỏ dại và gốc bần. Đêm nọ, gió lớn nổi lên, trời sấm chớp đùng đoàng, ghe nhà chú Tư Hòa bị đứt neo, trôi xoay tít giữa dòng. Ba tôi giật dây neo phụ, la lên:

“Năm! Dắt con vô trong, để tui bơi ra kéo ghe ảnh lại!”

Tôi thấy má siết chặt tay tôi, ánh mắt căng như sợi dây neo ướt. Còn ba giữa mưa trắng trời mà không thờ nổi. Lúc ấy, tôi không hiểu vì sao người lớn có thể liều mạng như vậy – mãi sau này, khi tôi lớn, tôi mới hiểu: người miền Tây sống chết với nhau bằng tình nghĩa.

Ghe nhà chú Tư được kéo lại, nhưng bạt bị rách, đồ đạc ướt sũng. Má tôi mang sang nổi cháo gạo rang nóng hổi, đưa luôn chiếc áo mưa duy nhất của nhà. “Đổi lại đâu có bao nhiêu,” má nói, “mà để người ta lạnh cả đêm thì không đành.”

Cũng năm đó, ba bắt được mớ cá linh to ỏi là to, má phơi làm khô, bán được giá lắm. Mùa nước nổi là mùa cá đồng kéo về, từng mớ lưới giăng xong, chỉ một đêm là đầy cá quẫy. Tôi phụ má rửa cá, lựa trứng, làm mắm cá linh. Mùi mắm ngào ngạt, đậm đến mức ám cả vào tóc, nhưng má vẫn cười:

“Thơm lắm đó con. Mùi này mà gửi lên thành phố, người ta thèm chảy nước miếng.”

Mỗi chiều, sau khi lưới đã được giặt và phơi, má nấu nồi cơm, ba rót ly rượu đế nhỏ. Tôi được ngồi nghe kể chuyện:

chuyện ông nội cũng từng chèo ghe hàng rong, chuyện ghe từng trôi lạc sang tận Kiên Giang vì bão, chuyện ba má gặp nhau lúc cùng đi cứu lúa trôi mùa nước lên.

Tôi hỏi:

“Mai mốt nước lớn quá, lỡ ghe chìm thì sao hả ba?”

Ba tôi cười hiền: “Thì mình lại đóng ghe khác, miễn còn người thì còn nhà.”

“Vậy nhà mình không phải là chiếc ghe hả ba

?” “Không. Nhà mình là ba, là má, là con. Cái ghe chỉ là nơi để mình sống cùng nhau thôi.” Tôi không biết tại sao mình khóc lúc đó. Có thể vì cảm động, cũng có thể vì thấy ba lần đầu tiên nói một câu dài và đẹp như câu trong sách.

Tôi lên lớp Sáu vào một ngày đầu tháng Chín, khi nước sông vừa chớm rút. Chiếc ghe của gia đình khi đó đang neo tạm ở rạch Ông Chường, gần một trường trung học cơ sở nhỏ ven quốc lộ. Ba má bàn nhau mãi, rồi quyết định cho tôi ở trọ trong một nhà dân trên bờ – một bà cụ goá sống một mình tên là bà Tám Nhẫn, hiền hậu và thương người.

Tối trước ngày tôi rời ghe, ba im lặng cả buổi. Má lo xếp cho tôi mấy bộ đồ lành lặn nhất, một cái gối vải bông cũ, và hai cuốn tập mới tinh, giấy còn thơm mùi mực. Tôi cứ nấn ná hoài, nhìn quanh lòng ghe như thể sắp chia tay cả một thế giới. Cái mạn thuyền sứt sẹo vì sóng vỗ, cái chõng tre nơi tôi từng nằm ngủ giữa những đêm trăng nước lên, những chiếc thau nhựa loang màu dùng hứng nước mưa, cái bếp dầu má thường nấu món cá rô kho khóm... sao tôi thấy tất cả thân thiết đến nghẹn ngào.

Sáng hôm sau, ba chở tôi bằng chiếc xuồng nhỏ vào bờ. Khi đến trước cổng nhà bà Tám Nhẫn, tôi níu tay áo ba:

“Con không muốn đi đâu hết. Con ở ghe với ba má được không?”

Ba nhìn tôi, khom người vuốt tóc rồi nói, giọng trầm trầm:

“Hồi nhỏ, ba cũng không muốn rời ghe để đi học. Nhưng ông nội bắt phải lên bờ, học xong rồi về lại với ghe. Học chữ để biết đường mà sống cho đàng hoàng giữa sông nước này. Con cũng vậy, học đi, rồi mai mốt thích về đâu thì về, ghe nhà mình luôn chờ con.”

Chiều đầu tiên sống trong căn nhà có nền gạch, mái tôn, tôi thấy lạ lẫm kinh khủng. Không có tiếng sóng vỗ, không có mùi cá khô hay tiếng ba má cãi nhau nho nhỏ lúc dọn lưới. Tôi nằm trần trọc mãi, đến nỗi bà Tám phải xuống giường, gõ nhẹ nhẹ lên tấm vách:

“Nhớ nhà hả con? Mai mốt quen à ghen. Sống trên bờ rồi cũng như sống dưới ghe thôi, cũng có tiếng người, cũng có tình thân.”

Mỗi chiều thứ Bảy, ba má lại ghé đón tôi về. Tôi nghe tiếng máy nổ của ghe từ xa là đã lao ủa ra bờ sông. Má mang cho tôi nắm bánh tét còn nóng, ba dúi vào tay mấy trái mận hồng đào vừa hái dọc rạch. Cả nhà ngồi trên ghe cười nói, ăn cơm cá kèo kho, nghe đài radio cũ phát cải lương: “Đời tôi cô lữ, bước chân phiêu bồng theo dòng sông nước...”

Mỗi lần rời ghe vào lại bờ, tôi khóc. Ba má dỗ hoài không được. Có lần, ba nói:

“Mình là người sông nước, con à. Nhưng sông không có nghĩa là lúc nào cũng phải trôi. Có lúc mình phải neo lại, để học, để lớn, rồi mai mốt con chèo chiếc ghe của riêng con.”

Tôi không hiểu hết câu nói đó khi còn nhỏ. Nhưng sau này, tôi mới nhận ra: ai cũng có một chiếc ghe đời của riêng

mình, và mình phải tự chèo, tự chọn bến neo đậu.

Tôi gặp Khôi vào năm tôi học lớp Bảy, trong một buổi sáng tháng Mười, khi mưa vừa tạnh và nước sông vẫn còn đục ngầu phù sa. Lúc ấy, tôi đang ngồi co ro trên cầu tàu chờ ba đến đón về ghe, thì thấy một thằng bé cỡ tuổi tôi đang chèo chiếc xuồng con lướt qua, miệng nghêu ngao hát vọng cổ. Nó mặc áo thun cũ lấm lem bùn, tóc cháy nắng, mắt đen láy như hai hạt đậu, gương mặt sáng bừng một vẻ lạnh lợi khó quên.

Nó dừng xuồng lại, nghiêng đầu hỏi:

“Bộ bị phạt hả? Sao ngồi như bị cấm trại vậy?”

Tôi không trả lời. Nó đưa cho tôi một trái cóc xanh, cười toe toét:

“Cóc non chấm muối ớt ngon dữ lắm. Đừng buồn, người sông nước không có chỗ cho nổi sầu lâu đâu.”

Từ đó, tôi với Khôi thành bạn. Hóa ra ghe nhà Khôi cũng đang neo gần rạch Cái Ngang, không xa ghe nhà tôi. Má Khôi bán chè bắp, còn ba nó thì đi đặt lờ ban đêm, ban ngày chờ thuê khách du lịch bằng xuồng ba lá. Khôi không học nhiều, nó bảo: “Tui học sông nước giỏi hơn học chữ.” Mỗi chiều, sau giờ học, tôi ra bờ rạch chờ Khôi chèo xuồng tới. Có hôm, nó chở tôi dọc theo con rạch Vàm Xáng, hai đứa hái bông điên điển, thì coi ai quăng chài xa hơn. Có bữa thì cùng nhau ra chợ nổi Cái Răng, len lỏi qua những ghe hàng bán chuối, bưởi, mắm, sắn. Khôi quen hết người ở đó, ai cũng gọi nó là “thằng nhỏ lạnh chanh như cá lòng tong.”

Tôi thích nhất là khi Khôi kể chuyện. Nó kể mùi bùn có thể “đoán” được sắp có mưa, tiếng cá quẫy vào mùa trăng tròn, và rằng nó từng thấy cá thòi lòi... biết “cười”. Tôi không

biết là nó xạo hay thật, nhưng những chuyện của Khôi làm tôi quên mất những ngày phải sống xa ghe.

Một lần, khi ghe nhà tôi chuẩn bị chuyển lên phía Thốt Nốt để ba má kiếm thêm cá mùa trứng, tôi ngồi buồn thiu ở mạn thuyền. Khôi chèo xuống tới, dúi vào tay tôi một cây sáo làm bằng ống trúc, bảo:

“Tui đục bằng tay đó. Để lúc nào nhớ sông, nhớ bạn... thì thổi chơi.”

Tôi giữ cây sáo ấy cho đến tận bây giờ.

Chúng tôi xa nhau sau mùa lũ năm đó. Gia đình Khôi bị nước cuốn trôi chiếc ghe trong một cơn mưa lớn, phải lên bờ sống tạm với người bà con. Tôi nghe nói sau đó, Khôi theo ba đi lên miền Đông làm thuê. Không ai biết rõ nó ở đâu.

Tôi đã nhiều lần thổi cây sáo trúc ấy, giữa lòng thành phố, nơi không có mùi bùn non, không có tiếng nước vỗ mạn thuyền. Âm thanh ấy – dù không hay – nhưng gọi lại tất cả: một mùa nước nổi, một đứa bạn lạnh chanh, và cả một khúc sông đầy kỷ niệm.

Tôi rời quê, học xong đại học ngành du lịch ở Cần Thơ, rồi đi làm ở Sài Gòn gần mười năm. Thành phố đông đúc, sáng choáng đèn, tối đầy gió quần giữa những khối nhà cao vút. Tôi cố gắng hòa nhập, cố gắng kiếm tiền, cố gắng sống như bao người thành thị khác – ăn trưa bằng cơm hộp, đi làm bằng xe máy chen chúc, về nhà bằng mệt mỏi. Nhưng có những đêm, tôi bật dậy trong phòng trọ chật hẹp, nhớ tiếng sóng vỗ mạn ghe, nhớ tiếng ba gọi lưới về, nhớ ánh đèn dầu lập lòe trong tay má.

Năm ba tôi đổ bệnh, tôi về lại quê. Má gọi:

“Con à, ghe bữa nay mục mạn rồi, ba con muốn bán mà

má không nở. Con coi sao nghen.”

Tôi đứng lặng trên bến rạch Cái Ngang, nhìn chiếc ghe cũ kỹ nằm yên bên rặng bần. Vẫn là cái bếp nhỏ, cái chõng tre, cái mái tôn lợp bằng tay ba, tay má. Nhưng giờ, bụi rêu đã xanh thành một lớp áo rách. Chiếc ghe không còn rong ruổi nữa, mà nằm như một người già đang ngủ gục.

Tôi biết mình không thể để nó biến mất.

Tôi bàn với ba má : cải tạo chiếc ghe thành một “ghé ký ức” – nơi đón khách du lịch trải nghiệm đời sống sông nước. Ba ban đầu không chịu:

“Làm du lịch thì phải có resort, có khách sạn. Ai mà chịu ở ghé nắng gió này?”

Tôi cười: “Chính vì cái nắng gió này mà người ta mới tới. Con không bán quê mình, con chỉ mời người ta về chơi với mình thôi.”

Tôi gọi dự án nhỏ ấy là “Nhà Trôi”. Một cái tên đơn sơ, như chính ký ức của tôi.

Mỗi ngày, tôi chèo xuồng đưa khách đi chợ nổi, đi hái bông điên điển, đi nghe đờn ca tài tử trên ghe. Có đêm, mưa rơi lộp độp trên mui, tôi rót ly rượu nhỏ cho ba, nghe má kể chuyện xưa. Ghe tôi lại sống. Không còn trôi vô định nữa, mà trôi có ý nghĩa.

Có lần, một cô gái từ Hà Nội ghé lại, hỏi tôi:

“Ở đây không có nhà, không có phố, chị không thấy buồn sao?”

Tôi nhìn dòng nước lặng lẽ ngoài rạch, rồi đáp:

“Chị có nhà chứ. Nhà chị là chiếc ghe này, là ba má, là con nước lên xuống. Không cần đứng yên, chỉ cần có người cùng trôi với mình là đủ.”

Tôi vẫn giữ cây sáo trúc Khôi tặng. Đôi lúc, giữa một chuyến chèo xuống cho khách, tôi thổi một khúc ngắn. Không phải để ai nghe, mà để gió nghe. Gió miền Tây hay nhớ, biết đâu chừng một ngày nào đó, nó sẽ mang âm thanh ấy về đúng tay người xưa...

Ba mất vào một buổi chiều cuối mùa nước nổi. Trời không mưa, gió không thổi mạnh, chỉ có ánh nắng vàng nhạt phủ lên mặt sông như một lớp tơ mỏng. Ông nằm trong chiếc võng giữa lòng ghe, đôi mắt khép hờ, tay vẫn đặt hờ trên mạn thuyền như thể còn canh con nước lên xuống.

Má không khóc lớn. Bà chỉ vuốt tóc ba, khẽ nói:

“Ông đi rồi con à. Đi về cõi khác, chắc cũng có ghe mà chèo, có cá mà đặt lờ.”

Chúng tôi tiến ba bằng một chiếc ghe nhỏ, lặng lẽ rẽ nước về phía hạ nguồn. Tôi để tro cốt ba trong một hũ gốm, đặt lại đúng góc ghe nơi ba thường ngồi vá lưới. Không hương khói, không bài vị. Chỉ có sóng nước là kinh, và gió trời là chuông mõ.

Tôi tiếp tục chèo “Nhà Trôi” thêm ba năm nữa. Mỗi chuyến khách đến, tôi đều kể chuyện về ba, về má, về những mùa nước lũ, những chiếc ghe hàng rong và đứa bạn tên Khôi. Có người nghe xong, lặng lẽ quay mặt lau nước mắt. Có người gật đầu: “Thì ra Việt Nam mình còn có một quê hương như vậy.”

Rồi tôi có con gái. Tôi đặt tên nó là Thu Dung – nghĩa là dòng nước lặng giữa mùa thu, mong con đời sau được êm đềm hơn má. Con lớn lên giữa tiếng sóng vỗ mạn ghe, ngủ trong lòng chiếc ghe chòng chành như tôi từng ngủ ngày xưa. Nhưng khác với tôi, con không hỏi chuyện cá tôm, không màng tới lưới chài hay máy nổ ghe xuống. Nó mê sách, mê

đọc, mê những thế giới ngoài kia – nơi có tuyết rơi, có những chiếc máy bay bay qua biển, có những thành phố không bao giờ tối đèn. Lúc đầu, tôi buồn. Tôi cứ nghĩ con mình sao lại không thương sông nước như mình đã từng. Nhưng rồi tôi hiểu – con người là khách qua sông. Không ai neo mãi một bến. Ai cũng phải tìm lấy hướng đi cho mình.

Năm Thu Dung đậu đại học ở Sài Gòn, tôi không cản. Trái lại, tôi dặn con:

“Con à, má lớn lên giữa sông nước này. Má từng nghĩ đời mình sẽ mãi trôi theo con nước. Nhưng càng về sau, má càng hiểu, không phải ai sinh ra trên sông cũng phải trôi cả đời. Có người cần tìm chỗ đậu bền hơn. Có người phải vỗ cánh bay đi. Con không cần giữ chiếc ghe cũ này. Đừng ở lại chỉ vì thương má. Cái gì đã đến lúc nằm xuống thì nên để yên cho nó nằm.

Má mong con sống nơi có điện sáng đêm, có nước sạch để uống, có bác sĩ khi con bệnh, có bạn bè cùng nhau học điều hay. Quê hương không chỉ là một khúc sông, mà là nơi nào làm con thấy mình trưởng thành, thấy mình sống lớn lên chứ không lụi dần.

Rồi sông nước không phải là quên cội nguồn. Mà là để cho cội nguồn có cơ hội đi xa hơn.”

Tôi đứng trên ghe nhìn con gái bước xuống đất liền, ba lô nhỏ trên vai, tay ôm một cuốn sổ ghi chép. Con bé ngoái đầu lại, vẫy tay. Tôi không vẫy. Tôi chỉ đứng đó, nắm chặt cây sáo trúc cũ – cây sáo của một người từng trao cho tôi cả tuổi thơ. Tôi thổi một khúc vọng cổ ngắn. Khúc ấy không phải để ai nghe, mà để dòng sông biết rằng tôi vẫn còn nhớ.

Chiếc ghe xưa, sau này tôi cho kéo lên bờ, làm thành một cái chòi nghỉ nhỏ cho khách lạ ghé chơi. Tôi không chèo nữa.

Tôi trồng rau bên mé sông, nuôi vài con vịt, sống những ngày thong thả với mùi đất, mùi bùn, và tiếng gió trên mái lá.

Có khi, tôi ngồi trước hiên, nhìn ánh chiều ngả vàng trên mặt nước, nghe tiếng chim chợp cánh bay ngang trời, lòng nghĩ thầm:

“Ta đã trôi cả đời. Giờ là lúc để đứng yên... và nhìn người khác đi tiếp.”

Trà Chiều Lạc Dương

Lê Tấn Tài



Chiều buông chậm trên con đường đất dẫn ra ngoài thành Lạc Dương. Gió đầu mùa lướt qua cánh đồng vừa gặt, mang theo hương rơm khô và tiếng trẻ con nô đùa bên hàng rào tre. Bên vệ đường, một quán nhỏ lặng lẽ — mái lá xiêu vẹo nhưng khói ấm tỏa đều đặn.

Lão Tử đã ngồi đó từ lúc nào, tay rót chén trà nóng, mắt đắm chìm theo làn khói. Một bóng người quen thuộc bước

vào quán, chấp tay cung kính:

— “Học trò Khâu xin bái kiến Tiên sinh.”

— “Người dạy lễ nghĩa cho thiên hạ, nhưng thiên hạ có hiểu lễ chẳng?” — Lão Tử hỏi, mắt lim dim sau làn hơi trà.

Khổng Tử khẽ cúi đầu:

— “Lễ để chinh thân, trị quốc. Quân thần phân minh, phụ tử hữu đạo. Có lễ, ắt nước yên, dân thuận.”

Lão Tử mỉm cười: — “Lễ chỉ là cái vỏ. Vỏ giữ hình, chẳng giữ được tâm. Người quá câu nệ lễ nghi, khác nào kẻ đem đi cầm đèn lồng — thấy đường, mà chẳng thấy mình.”

Khổng Tử trầm ngâm giây lát, rồi đáp:

— “Nếu không có hình, sao rõ được ý? Không quy củ, thiên hạ tất loạn.”

Lão Tử khẽ lắc đầu:

— “Thiên hạ vốn tự nhiên, càng can thiệp, càng rối. Đạo là vô vi, không tranh mà tự thành. Người muốn uốn nắn thiên hạ, há chẳng trái với Đạo sao?”

Khổng Tử trầm ngâm:

“Nhưng nếu thiên hạ buông theo tự nhiên, không phân biệt thiện ác, không định khuôn phép, thì nhân luân lấy gì làm nền?”

Lão Tử khẽ nhắm mắt: “Người nói ‘nhân’, ‘nghĩa’ - nhưng nếu lòng không khởi dục, cần chi đến nhân? Đời không tranh đoạt, nghĩa tự nơi đâu? Gốc của Đạo vốn có trước nhân nghĩa - là tự nhiên như hơi thở, là vô danh như buổi sơ khai.”

Khổng Tử chau mày:

“Vậy theo Tiên sinh, đời người cứ buông xuôi, không dạy dỗ, không gắng sức, không sửa đổi ư?”

Lão Tử đưa tay hứng làn khói trà:

“Không dạy bằng lời, mà dạy bằng sự im lặng. Không làm bằng cưỡng ép, mà thuận theo lẽ tự nhiên. Nước chảy đá mòn đâu cần gắng sức? Cây vươn tới trời nào phải vội vàng?”

Khổng Tử chấp tay:

“Học trò đã thấy: Đạo của Tiên sinh như rễ sâu dưới đất, đạo của trò như cành lá trên cao. Gốc có vững thì ngọn mới sum suê.”

Lão Tử mỉm cười như nụ hoa nở chậm:

“Người sẽ đi xa, vì biết cúi đầu. Người thực sự đủ đầy là kẻ luôn biết mình khiếm khuyết.”

Đối thoại như dòng sông lững lờ qua những khúc quanh tư tưởng. Hai bậc thầy, mỗi người một lối đi, nhưng giọng nói đều thanh thản như trúc reo trong gió.

Lão Tử rót trà, hơi nước bốc lên mờ ảo:

“Trà này đắng trước, ngọt sau. Cũng như đạo lý - càng thấm càng thấy dịu ngọt.”

Khổng Tử đỡ chén bằng hai tay, nét mặt ung dung:

“Phải vậy. Kẻ vội vàng chỉ nếm được vị đắng chát nơi đầu lưỡi, nào biết đợi hậu vị ngọt ngào nơi cuống họng.”

Lão Tử nhìn xuyên qua làn khói:

“Đời người cũng thế. Gặp nghịch cảnh đã vội kêu họa, gặp thuận lợi liền reo phúc. Nhưng phúc họa nào có bờ bến rõ ràng?”

Khổng Tử chậm rãi:

“Từng gặp một người cha nghèo khó, cả đời chẳng dạy con bằng lời, chỉ lấy chính mình làm gương. Đứa trẻ lớn lên không kinh sách, vẫn sống ngay thẳng. Xin hỏi Tiên sinh, đó

có phải là thuận Đạo?”

Lão Tử khẽ gật:

“Đạo vốn vô hình. Người không biết mình mang Đạo, lại chính là Đạo đang đi. Như cây tre - không khoe khoang sự rỗng ruột, không mặc cảm đáng về gãy guộc. Chỉ đơn thuần vươn lên cùng nắng, uốn mình theo gió.”

Gió chiều khẽ đung đưa chiếc đèn lồng trước hiên. Giọt trà sóng sánh trên miệng chén, phản chiếu ánh hổ phách của hoàng hôn.

Khổng Tử đắm chiều nhìn ra xa:

“Phải chăng... lẽ nghi như chiếc đèn này? Không ngọn lửa bên trong, chỉ là vỏ trống rỗng. Nhưng thiếu khung đèn, lửa khó tồn tại giữa gió đêm.”

Lão Tử nheo mắt cười:

“Người đã thấy được mối tương sinh. Lửa là tâm, đèn là lẽ. Lẽ giữ cho tâm không tán loạn, nhưng đừng để lẽ trói buộc tâm. Khi tâm đã sáng, lẽ tự hóa vô hình.”

Trong khoảng lặng đó, chỉ còn tiếng nước sôi thì thầm trong ấm, cùng nhịp sống bình thản trôi qua bên ngoài quán nhỏ.

Một tiểu đồng bụng khay gỗ đến, đặt lên bàn mấy chiếc bánh nếp đang bốc hơi thơm phức cùng quả hồng chín mọng. Cậu bé liếc nhìn hai vị hiền triết bằng ánh mắt tinh nghịch đầy hiếu kỳ:

“Thưa hai cụ, cháu nghe mà chẳng hiểu gì cả... Nhưng ông nội cháu cả đời chẳng biết chữ, chỉ quanh năm vun luống rau, thế mà cả làng đều nể trọng. Thế có phải ông cháu cũng... ‘có đạo’ không ạ?”

Lão Tử nhìn cậu bé bằng ánh mắt ấm áp như nắng chiều:

“Ông cháu không nói về Đạo, mà chính là đang sống với Đạo. Như cây trúc giản dị - chẳng mời gọi, mà chim vẫn tìm về làm tổ.”

Khổng Tử mỉm cười gật đầu:

“Hiếu để với cha mẹ, tín nghĩa với xóm làng - ấy chính là cái gốc của nhân lễ, cần chi phải đọc thiên kinh vạn quyển.”

“Thế... có cần học không ạ?” - cậu bé hớn hờ hỏi - “Hay chi cần sống tử tế là đủ?”

Lão Tử vuốt chòm râu bạc:

“Nếu lòng con trong sáng như suối nguồn thì cứ thế mà chảy. Nhưng nếu còn băn khoăn, thì nên học - không phải để làm quan, mà để hiểu lẽ sống.”

Khổng Tử bổ sung:

“Học như mài dao vậy. Dao sắc rồi vẫn phải mài cho khỏi cùn. Kẻ không học mà ngay thẳng là báu vật trời ban. Người học rộng mà giữ được tâm trong, ấy mới thực là đáng quý.”

Tiểu đồng tròn xoe mắt ngẫm nghĩ, bỗng reo lên:

“Cháu sẽ học ạ! Nhưng... thưa thầy Khâu, thầy có dạy cả đánh đáo không ạ?”

Cả hai ông bật cười. Tiếng cười nhẹ hẫng, tan vào không gian như hương trà cuối ấm - ấm áp mà không lưu luyến.

Hoàng hôn buông xuống. Ánh nắng đã rút khỏi hiên quán, chỉ còn lại vệt sáng cuối ngày đang dần tắt nơi chân trời. Trong quán nhỏ, ba bóng người in dài trên nền đất - một dáng lưng còng theo năm tháng, một bóng đứng thẳng hiên ngang, và một hình hài bé nhỏ đầy hồn nhiên. Ba thế hệ, ba nhịp đời khác biệt, cùng chung một khoảnh khắc tĩnh lặng hiếm hoi.

Tiểu đồng chống tay lên cằm, mắt nhìn theo vệt nắng cuối ngày:

“Giá cháu là ông mặt trời, cháu sẽ ở lại thêm chút nữa...”

Lão Tử nâng chén trà cuối cùng lên môi, giọng khẽ như hơi thở:

“Mặt trời cũng cần nghỉ ngơi. Biết lui đúng lúc, ấy mới là thuận theo lẽ tự nhiên.”

Khổng Tử đứng dậy, hai tay khoanh sau lưng, ánh mắt dừng lại ở ngọn đèn lồng vừa được tiểu đồng thắp sáng:

“Một ngọn đèn nhỏ cũng đủ xua tan bóng tối cho một đoạn đời.”

Họ rời quán, bước vào con đường đất quanh co giữa cánh đồng vắng. Không lời giã biệt hoa mỹ. Không hẹn ước tương phùng. Chỉ còn lại tiếng bước chân hòa vào dàn đồng ca của côn trùng đêm và ánh trăng non mới nhú như nụ cười e ấp của tạo hóa.

Khổng Tử Gặp Đạo Chích

Lê Tấn Tài



Trong chương 29 “Đạo Chích” của Nam Hoa Kinh, Trang Tử khéo vẽ một cuộc đối thoại hư cấu, kỳ dị nhưng đầy ẩn ngữ giữa Khổng Tử và Đạo Chích. Đây không phải là ghi chép lịch sử, mà là một ẩn dụ, châm biếm từ tư tưởng Lão-Trang đối với hệ thống Khổng giáo và những chuẩn mực được gọi là “chính thống”.

*D*ưới đây, xin được kể lại câu chuyện ấy theo phong cách triết lý và hư ảo.

Tương truyền, một hôm Khổng Tử dẫn học trò đi qua vùng Lương, nghe đồn nơi ấy có một kẻ cướp lừng danh tên Đạo Chích. Hắn không chỉ cướp bóc mà còn giảng đạo, khiến đệ tử tụ về đông như kiến. Hào kiệt đất Lỗ lo sợ, Khổng Tử bèn tìm đến để cảm hóa.

Khi đến nơi, thấy Đạo Chích mình trần, tóc xỏa, ngồi gác chân trên một khúc gỗ mục, mắt nhìn trời xanh, tay vạch đất chơi với kiến. Khổng Tử tiến lên, cúi mình thi lễ:

— Ta nghe ông bỏ chính theo tà, lấy hỗn mang làm đạo, nghịch thiên lý, trái nhân nghĩa, làm loạn kỷ cương. Nhưng trời đất có quy luật, con người có cương thường. Ta đến, chỉ mong dẫn người trở lại với đạo làm người.

Đạo Chích phá lên cười:

— Khổng Khâu! Ta nghe người ba mươi tuổi mới hiểu đạo, bốn mươi không còn nghi hoặc, năm mươi biết mệnh trời. Người dựng lễ nhạc làm tường thành, nhưng bên trong chỉ là ngục tù tư tưởng! Vậy mà nay còn dong duỗi như chó giữ lò, sửa vang những điều lễ nhạc mục ruỗng, đạo nghĩa đã chết từ ngàn xưa. Người mang thân vui trong hình danh, gánh nghĩa vụ như trâu kéo cày, lại gọi đó là “đạo làm người”?

Khổng Tử hơi biến sắc, nhưng vẫn điềm đạm:

— Nếu không có đạo nghĩa, xã hội sẽ loạn. Nếu người người như ông, lấy tự do làm chính, không kiểm chế dục vọng, thiên hạ sẽ ra sao?

Đạo Chích ngửa mặt lên trời, trầm giọng:

— Thiên hạ vốn đã loạn, đâu phải vì tự do, mà vì khuôn phép. Nhân nghĩa của người là xiềng xích, lễ nhạc là lớp sơn phết lên xiềng. Ta phá xiềng để trở về nguyên sơ. Trước khi có người, trời đất vẫn vận hành; sau khi người mất, có

vẫn mọc tràn lan. Khi chưa có vua, chưa có thầy, chưa có lời hay lẽ phải, ấy là thời trời đất thông dong, vạn vật tự nhiên. Người ôm kinh thư mà lạc mất cội nguồn. Ta đập tan nó, không phải để hủy diệt, mà để trả lại cho đời một bầu trời trong sáng!

Khổng Tử im lặng hồi lâu, rồi nhẹ nhàng lui gót. Học trò ngạc nhiên, hỏi:

— Thầy đến để giáo hóa hần, cố sao lại rút lui?

Khổng Tử đáp:

— Hần tuy là kẻ cướp, nhưng hần cướp được cả tâm thức loài người. Ta giáo hóa đời bằng lời, hần phá tan lời bằng im lặng. Ấy cũng là một đạo, tuy nghịch mà thông.

Cho đến nay, chưa ai có thể phân xử rạch ròi. Khổng Tử là biểu tượng của trật tự, luân lý, của xã hội hữu vi. Đạo Chích là chiếc bóng phản chiếu – phản kháng, phi lý, đập vỡ mọi cấu trúc tư tưởng. Giữa họ là một khoảng không vô định, nơi tiếng cười vang vọng từ hư vô:

“Người có đạo của người, ta có tự do của ta. Ai vì ai mà buộc ràng?”



Người Gõ Chuông Trong Rừng Kỳ Sơn

Lê Tấn Tài

Con đường đất dẫn vào núi Kỳ Sơn như dải thừng ai quăng ngang lưng cạp. Mỗi bước chân Khổng Tử đặt xuống, đều cảm nhận một thứ gì đó lạ lùng – không phải mùi cỏ úa, không phải hương gỗ mục. Đó là mùi của một thế giới vô thần, nơi không có bàn thờ nào được dựng lên. Trời xảm tối. Gió từ vực sâu cuộn cuộn thốc lên, mang theo tiếng hú rền rĩ như từ bụng đất vọng lên. Tử Lộ, đệ tử trung thành, ghì chặt vạt áo vào ngực, giọng lí nhí:

“Thưa thầy, chốn này sao chẳng giống chỗ người ta ở...”

Khổng Tử đưa mắt nhìn lên khoảng trời đã tắt nắng, chỉ còn vương lại một vệt tím xám như tro tàn. “Càng không giống, ta lại càng muốn bước tới gần.”

Hai thầy trò tiến vào một trảng đất trống. Giữa trảng, một người đàn ông trần truồng ngồi dựa vào gốc lim già. Tóc dài phủ kín vai, rối như tơ vò., còn đôi mắt – lạ thay – chẳng ẩn lửa, cũng không chứa băng. Chỉ là hai hố mắt trắng xám, lặng như lớp tro nguội.

Đó là Đạo Chích.

Không ai biết rõ tên thật của hắn. Kẻ bảo hắn vốn là con

traí một quan lại, người lại nói hấn từng theo Lão Tử học đạo, rồi phản bội thầy mà bỏ đi. Nhưng tất cả đều đồng ý một điều: hể nơi nào Đạo Chích đặt chân đến, nơi ấy lễ nghĩa tan như mây khói.

Khổng Tử bước tới, giữ một khoảng cách vừa đủ. Ông không thi lễ, cũng chẳng xưng danh. Chỉ đứng im, hai tay chấp sau lưng, chậm rãi nói:

— Ta đến đây không phải để trị tội ngươi, cũng chẳng phải để giáo hóa ngươi. Ta chỉ muốn hiểu, điều gì khiến một người từ bỏ thế gian, chọn rừng hoang làm nhà; từ bỏ ngôn từ, sống trong im lặng?

Đạo Chích chẳng thèm nhìn Khổng Tử. Hấn ta vẫn nhìn vào đàn kiến đang bò trên rễ cây mục, môi khẽ nhếch:

— Có một con kiến mang hạt thóc về tổ. Nó tưởng mình là chúa tể.

Khổng Tử hơi nhíu mày. Đạo Chích cười khàn:

— Ngươi mang lễ nghĩa làm gậy, khoác đạo đức làm áo, tưởng mình là bậc thánh nhân. Có khác gì con kiến ấy đâu?

Từ Lộ toan lên tiếng, nhưng Khổng Tử giơ tay ngăn lại.. Ông từ tốn ngồi xuống, cách Đạo Chích một sải tay. Giọng trầm ấm vang lên trong im lặng:

— Nếu lễ nghĩa là xiềng xích, thì vô đạo há lại là tự do sao?

Đạo Chích chậm rãi ngẩng mặt. Lần đầu tiên, hai cặp mắt chạm nhau. Trong đôi mắt ấy, Khổng Tử thấy ánh lên sắc lạnh—sự tỉnh táo của kẻ chẳng cần sự công nhận của thế gian.

— Tự do không ở chỗ có đạo hay vô đạo mà ở chỗ không để bất cứ thứ gì thống trị. Dù là luật trời, hay chính tiếng gọi của con tim.

Một làn khói mỏng vươn lên từ đống lá mục. Không ai biết ai nhóm lửa.. Màn đêm buông xuống rừng già, nhưng ánh lửa chỉ càng làm đậm thêm bóng tối giữa hai con người.

Khổng Tử đưa mắt nhìn cây gậy gỗ lè—bạn đồng hành từ thuở chu du liệt quốc. Đầu gậy mòn nhẵn, bóng loáng như những tư tưởng đã được mài giũa qua bao tháng năm truyền dạy. Ông lặng lẽ vuốt dọc thân gậy, rồi chậm rãi nói:

— Nhân sinh tựa cỗ xe, lẽ là bánh, nghĩa là trục. Xe không trục, không bánh, lăn sao được? Ta dạy học trò giữ lấy lẽ nghĩa, không ngoài mong chúng đứng vững giữa dòng đời cuồng loạn.

Đạo Chích nhặt một cành khô, bẻ gãy đôi, quăng vào lửa. Tiếng lửa réo lên một hồi rồi tắt ngúm.

“Gậy là điểm tựa. Nhưng kẻ chống gậy cả đời sẽ quên mình từng có cánh.”

Khổng Tử im lặng nhìn ông ta, đôi mắt sâu như giếng cổ.

“Người sợ hỗn loạn,” Đạo Chích nói tiếp, “nên đem khuôn phép bó buộc tâm hồn trẻ thơ. Như kẻ làm vườn dùng thước đo uốn cây. Cây thẳng tắp nhưng vĩnh viễn mất đi dáng cong tự nhiên. Người ngoan ngoãn nhưng đánh mất đôi cánh của chính mình.”

Một tiếng thở dài thoát ra từ Khổng Tử, mang theo nỗi mỏi mòn của kẻ đã đi qua quá nhiều mùa xuân: “Người nói đến bay, nhưng nhân thế đâu phải chim trời? Phần nhiều chỉ biết bám đất. Nếu tất cả cùng vỡ cánh, chẳng phải sẽ tạo nên cuồng phong sao?”

Đạo Chích lắc đầu, cười nhạt: “Người không tin vào con người. Ta không tin vào khuôn phép. Người dùng trật tự để trị thế, ta dùng buông bỏ để trị tâm. Người gọi ta là đạo tặc -

ừ thì, ta cướp lấy chính ta về từ tay thiên hạ.”

Đêm trôi qua tựa giấc mộng dài. Khổng Tử khép hờ mi mắt. Không hẳn ngủ, cũng chẳng còn thức. Trong trạng thái mơ màng ấy, ông thấy mình đứng giữa ngôi miếu cổ hoang vu, bốn bề vắng lặng. Bên trong, có một người đang gõ chuông. Chuông không phát ra tiếng — chỉ là những vòng sóng vô hình lan ra không gian.

Ông bước tới, hỏi:

“Vì sao gõ chuông mà chẳng có tiếng vang?”

Người kia đáp lại, giọng như tiếng vang từ đáy hồ sâu thẳm:

“Ta không gõ để người nghe. Ta gõ để nhớ rằng chuông từng có âm thanh.”

Khổng Tử chợt tỉnh. Ánh mắt Đạo Chích đang đắm đắm nhìn ông, như thể biết hết giấc mộng ấy. “Người đã gặp hấn rồi sao?”

Khổng Tử gật đầu, cổ họng bỗng nghẹn lại vì đắng chát.

“Kẻ gõ chuông ấy từng là đệ tử của ta,” Đạo Chích nói, “Hắn đi tìm bản chất của âm thanh trong cõi hư vô. Cuối cùng, tự làm mình thành kẻ điếc. Nhưng hấn vẫn cười, vì nhờ thế mà không còn bị lời thế gian làm cho lạc hướng.”

“Nếu không còn tiếng nói, lấy gì truyền lại đạo lý cho hậu thế?”

“Khi không còn ai rao giảng đúng sai, con người buộc phải tin vào tiếng nói trong chính mình.” Ngọn lửa đã tàn. Trên cao, những vì sao rơi chậm như hạt bụi bạc.

“Nếu ai cũng theo người mà sống, thì còn đâu là xã tắc, đâu là lễ nhạc, đâu là con đường chung cho con người?”

“Chim trời bay thành đàn. Nhưng mỗi cánh chim đều có nhịp điệu riêng. Xã tắc chỉ là cái bóng, con người mới là cánh chim. Kẻ chỉ biết theo bóng sẽ lạc bầy.”

Bình minh đến với làn sương trắng xóa phủ kín khu rừng già, tựa tấm khăn lụa mờ ảo quấn lấy ký ức. Chim im bất tiếng hót. Cỏ ngừng thì thầm. Vạn vật như nín thở chờ đợi để nghe một điều gì đó sắp nói ra.

Khổng Tử tựa lưng vào gốc lim cổ thụ, cây gỗ lê đặt ngang đùi, tay không nắm chặt nữa. Đạo Chích ngồi cách đó vài bước, mái tóc buông dài như sợi rế bám vào đất.

“Ta từng gặp một đứa trẻ chơi đùa bên bờ sông,” Khổng Tử chậm rãi cất tiếng, giọng trầm ấm vang trong sương sớm. “Nó dùng tay tát nước rồi cười ngạo nghễ: ‘Ta đã chặn được dòng chảy!’ Ta bảo: ‘Nước nào bị dừng lại bởi bàn tay nhỏ bé?’ Nó đáp: ‘Chơi đùa cần gì lý do?’ Hôm ấy ta cười, nhưng trong lòng vẫn tiếc vì nó chẳng biết đến quy củ.”

Đạo Chích khẽ gật đầu: “Ta cũng từng tiếc cho người. Một trí giả uyên thâm, lại tự trói mình bằng dây ràng buộc. Nhưng giờ thì không. Bởi dây ấy có khi lại là sợi chỉ giữ người khỏi bay mất vào cõi hoang tưởng.”

“Thế còn người,” Khổng Tử hỏi, giọng khàn đặc, “đã bao giờ cảm thấy cô độc trong chính tự do của mình chưa?”

“Mỗi khi ta nói mà không ai hiểu, mỗi khi ta dám nhìn đêm tối mà mọi người đều sợ hãi, mỗi khi ta cười mà người đời gọi ta điên - ta biết mình đúng. Và cũng biết mình thật cô đơn.”

Cây gậy trượt khỏi đùi Khổng Tử, rơi xuống đất mà ông chẳng buồn nhặt. Đạo Chích đưa tay vuốt mái tóc rối bời, gom lại phía sau và cột bằng sợi dây mỏng. Dáng vẻ rũ rượi

đêm qua bỗng trở nên gọn gàng, như chuẩn bị cho một cuộc ra đi.

“Người định đi đâu?”

“Vào sâu hơn trong rừng thẳm. Nơi không ai gọi tên ta.”

“Ta có thể cùng đi?”

Đạo Chích nhìn Khổng Tử - không khinh bạc, không mỉa mai. Chỉ một cái nhìn trong vắt như soi vào dòng suối mùa thu: không phải để thấy nhau, mà để nhận ra chính mình trong người kia.

“Không. Người sinh ra để đứng giữa chợ đời. Còn ta sinh ra để không ai thấy.”

Sáng hôm ấy, rừng đã tan sương. Lá khô xào xạc dưới chân, mềm mại như lớp tro tàn còn hơi ấm. Khổng Tử đứng dậy, hai tay trống không. Cây gỗ lè nằm im dưới gốc lim, giờ đã trở thành vật vô chủ.

Đạo Chích đã biến đi.

Chẳng để lại dấu vết nào - không dấu chân in trên đất ẩm, không lời già biệt vương lại. Chỉ một khúc gỗ được xếp ngay ngắn bên đống tro tàn, cùng dòng chữ khắc vội bằng mảnh đá bén:

“Khi không còn ai giữ lửa, hãy lắng nghe tàn than.”

Từ đó về sau, Khổng Tử không trở lại rừng lần nào nữa. Nhưng trong những buổi giảng về nhân, lễ, nghĩa, trí, tín, đôi khi ông đột nhiên dừng lại giữa chừng - khoảng lặng kéo dài đến mức học trò phải khế ho. Không phải vì quên lời, mà bởi ông đang lắng nghe một điều gì đó từ bên kia ranh giới của chữ nghĩa.

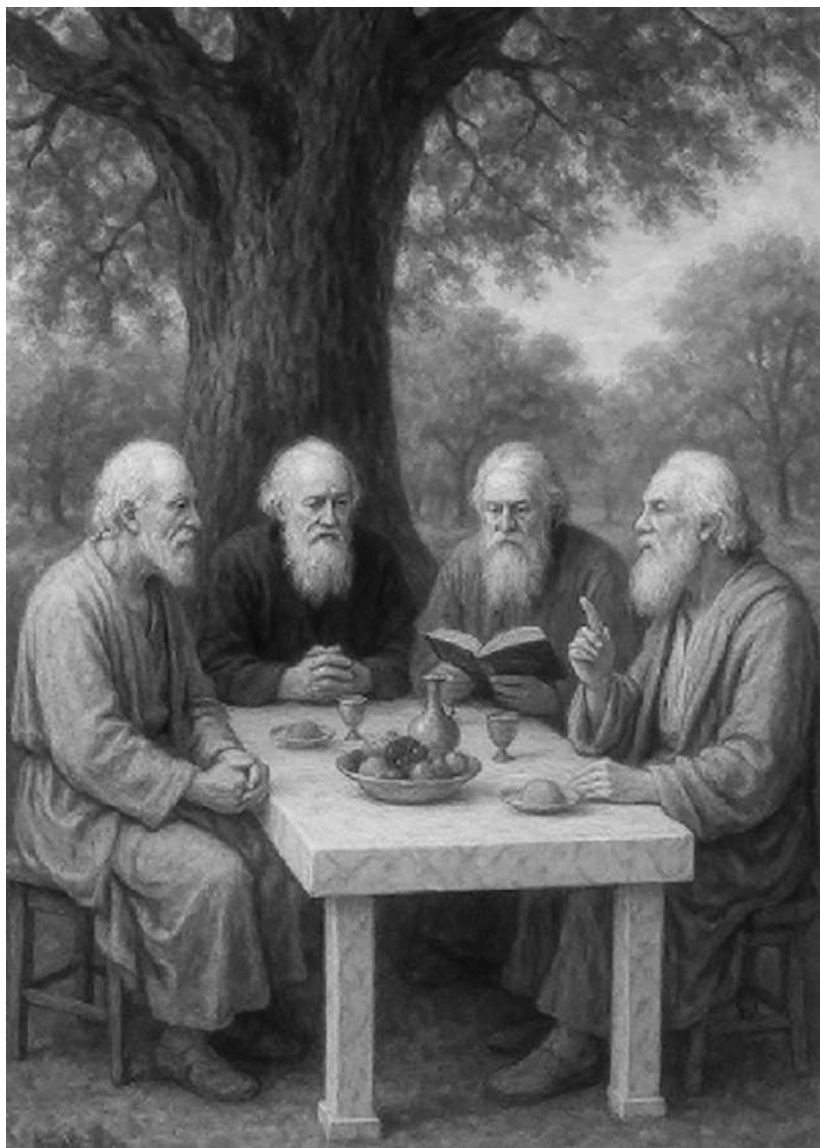
Có lần một môn sinh hỏi:

“Thưa thầy, trong đời thầy, ai là người đối thoại khó nhất?”

Khổng Tử đáp:

“Kẻ không dùng lý luận lý để tranh biện, mà dùng sự tồn tại của chính mình làm câu trả lời.”

Chiều muộn hôm ấy, mây trôi chậm như dòng sông ngưng đọng. Và trong tâm khảm bậc thánh nhân, không còn vang lên tiếng nói của kẻ phản nghịch, mà là âm hưởng của cánh chim đã bay khuất - chẳng lưu lại hình bóng, chỉ để lại một khoảng trời trống vắng, như dấu lặng giữa bản nhạc vĩnh hằng.



Bữa Tiệc **Của Các Triết Gia**

Truyện ngắn đối thoại triết lý

*(Một câu chuyện tưởng tượng
về cuộc trò chuyện chưa từng xảy ra)*

Lê Tấn Tài

**** Vài hàng tiểu sử và nền tảng triết lý cốt lõi của
các triết gia xuất hiện trong truyện này:***

1. Platon (427–347 TCN)

Triết gia Hy Lạp cổ đại, học trò của Socrates và thầy của Aristotle. Ông sáng lập Học viện Athens — được coi là trường đại học đầu tiên của phương Tây.

Nổi tiếng với Thuyết Ý niệm (Theory of Forms), Platon cho rằng thế giới vật chất chỉ là phản chiếu mờ nhạt của một thế giới lý tưởng vĩnh hằng. Triết lý của ông đề cao lý trí, chân lý tuyệt đối và sự bất tử của linh hồn. Ông cũng xây dựng hình mẫu xã hội lý tưởng trong thế giới siêu hình, nơi công lý và trật tự được thiết lập dựa trên minh triết.

2. Simone Weil (1909–1943)

Triết gia, nhà thần học và nhà hoạt động xã hội người

Pháp. Xuất thân từ gia đình Do Thái nhưng bà chịu ảnh hưởng sâu sắc bởi Kitô giáo, Phật giáo và Ấn Độ giáo.

Weil đề cao sự chú tâm (attention) như một hành vi tâm linh thiêng liêng, giúp con người vượt thoát khỏi bản ngã. Bà phê phán gay gắt quyền lực, bạo lực và các hệ thống áp bức, đồng thời tin vào “vẻ đẹp khổ hạnh” gắn liền với lòng trắc ẩn và buông bỏ. Đối với Weil, khổ đau không phải là sự trừng phạt mà là cơ hội để gần gũi Thượng Đế — nếu con người can đảm đón nhận nó bằng sự khiêm nhường.

3. Friedrich Nietzsche (1844–1900)

Triết gia người Đức, từng là giáo sư ngôn ngữ học cổ điển trước khi dành trọn đời cho triết học. Cuộc đời ông chịu nhiều đau đớn thể xác và nỗi cô đơn tận cùng.

Nietzsche đả phá nền tảng đạo đức truyền thống, đề xuất các khái niệm “ý chí quyền lực”, “siêu nhân” (Übermensch) và tuyên bố “Thượng Đế đã chết”. Ông kêu gọi phá bỏ mọi lý tưởng cũ, đề cao sự sáng tạo cá nhân và vượt lên định kiến. Văn phong của Nietzsche sắc bén, giàu tính ẩn dụ và đôi khi mang hơi hướng tiên tri.

4. Albert Camus (1913–1960)

Nhà văn, triết gia người Pháp gốc Algérie, đoạt giải Nobel Văn học năm 1957.

Là người tiên phong của chủ nghĩa phi lý (absurdism), Camus khẳng định rằng đời sống vốn vô nghĩa, nhưng con người phải kiên cường đối mặt và tự kiến tạo ý nghĩa thông qua hành động. Ông cổ vũ tinh thần nổi loạn có đạo đức để chống lại sự phi lý của tồn tại. Hình tượng Sisyphus trong tác phẩm của ông trở thành biểu tượng cho lòng dũng cảm: “Phải tưởng tượng Sisyphus hạnh phúc” — ngay cả khi bị kết

án lẫn tảng đá vĩnh viễn.

5. Søren Kierkegaard (1813–1855)

Triết gia và thần học gia người Đan Mạch, được coi là cha đẻ của chủ nghĩa hiện sinh. Cuộc đời ông là hành trình đấu tranh giữa đức tin và tuyệt vọng, giữa sự cô độc và khát khao siêu việt.

Kierkegaard tập trung vào đức tin cá nhân, sự lựa chọn hiện sinh và trạng thái lo âu hiện sinh (angst) như bản chất của tồn tại con người. Ông nhấn mạnh mối quan hệ trực tiếp và chủ quan giữa cá nhân với Thượng Đế, vượt lên lý trí và các hệ thống khách quan. Triết lý của ông đặt nền móng cho tư tưởng hiện sinh về tự do, trách nhiệm và sự đơn độc của con người trước những lựa chọn tuyệt đối.

6. Martin Heidegger (1889–1976)

Triết gia người Đức, một trong những gương mặt lớn của hiện tượng học và triết học hiện sinh, nổi tiếng với tác phẩm *Hữu Thể và Thời Gian* (Sein und Zeit).

Heidegger phá bỏ tư duy truyền thống về chủ thể để tập trung vào “Dasein” (hiện diện), con người là sinh thể có khả năng tự ý thức về sự hiện diện và tồn tại của mình. Ông khám phá ý nghĩa của “Hữu Thể” (Sein) và phân biệt giữa hiện thể (beings) và Hữu Thể (Being). Triết học của ông đặt câu hỏi căn bản về ý nghĩa của tồn tại, cái chết, và đời sống xác thực (authenticity). Văn phong Heidegger phức tạp, trừu tượng, thường đòi hỏi người đọc phải vượt qua lối tư duy truyền thống.

7. Dōgen (1200–1253)

Thiền sư Nhật Bản, người sáng lập dòng Thiền Tào Động (Soto Zen), một trong những nhà tư tưởng vĩ đại nhất của

Phật giáo Thiền tông.

Dōgen đề cao thiền định tọa thiền (zazen) không chỉ như phương tiện mà chính là bản chất của giác ngộ — “tu chứng nhất như”. Ông phủ nhận sự phân biệt giữa lý thuyết và thực hành, giữa “tôi” và “vạn vật”. Quan niệm của ông về thời gian mang tính cách mạng: “Thời gian không trôi qua — chỉ có hiện tại tuyệt đối đang hiện hữu.” Tác phẩm Shōbōgenzō (Chánh Pháp Nhân Tạng) của ông là kiệt tác triết học-thiền học, kết hợp sự sâu sắc siêu hình với tính thực tiễn của đời sống tu tập.

8. Roland Barthes (1915–1980)

Nhà lý luận văn hóa, ký hiệu học và phê bình văn học người Pháp, có ảnh hưởng lớn đến chủ nghĩa hậu cấu trúc.

Barthes chuyên giải mã “huyền thoại” (myths) trong văn hóa đại chúng, vạch trần cách xã hội kiến tạo ý nghĩa thông qua ngôn ngữ, biểu tượng và truyền thông. Ông nổi tiếng với luận điểm “Cái chết của Tác giả” (The Death of the Author), cho rằng ý nghĩa của văn bản không nằm ở ý đồ tác giả, mà được kiến tạo bởi người đọc thông qua trải nghiệm và bối cảnh văn hóa. Công trình của Barthes mở đường cho các nghiên cứu về giải cấu trúc, văn hóa đại chúng và tính đa nghĩa của văn bản.

9. Lão Tử (khoảng thế kỷ 6 TCN – có thể là nhân vật mang tính huyền thoại)

Là tác giả của Đạo Đức Kinh, ông được tôn là khai tổ của Đạo giáo. Tuy nhiên, nhiều học giả cho rằng tác phẩm này có thể là sản phẩm của nhiều người biên soạn qua thời gian,

và bản thân Lão Tử có thể là một hình tượng truyền thuyết.

Triết lý của ông xoay quanh Đạo – con đường tự nhiên của vũ trụ, vô hình vô danh, không thể định nghĩa. Ông đề cao Vô vi – nguyên tắc hành động không cưỡng ép, sống hòa hợp với tự nhiên.

Dưới tán cây cổ thụ, một bàn tiệc đơn sơ được bày trên chiếc bàn đá trắng mộc mạc. Ánh nắng dịu nhẹ - khó phân biệt là nắng sớm hay nắng chiều - phủ lên khung cảnh một màu vàng nhạt ấm áp. Từng nhân vật dần xuất hiện:

Platon khoác áo choàng trắng, tay nâng ly rượu, ngón tay vẽ những vòng tròn vô hình trong không khí như đang trầm tư điều gì. Nietzsche ngồi bất an trên ghế, đôi mắt sắc lẹm ẩn chứa một cơn bão nội tâm. Simone Weil lặng lẽ ngồi nép vào góc, dường như đang chăm chú lắng nghe những âm thanh vô hình. Camus bước tới sau cùng, mái tóc rối bù, chiếc áo khoác cũ kỹ, hai tay chìm sâu trong túi, im lặng không chào hỏi. Xa xa, bóng dáng Kierkegaard và Heidegger đang từ từ tiến lại gần.

Platon lên tiếng trước:

“Chân lý, cái đẹp và điều thiện là ba điều bất biến. Con người chỉ thực sự cao quý khi vượt lên trên cảm xúc tầm thường.”

Nietzsche cười khẩy:

“Vượt lên cảm xúc? Không! Con người chỉ thật sự sống khi dám đối diện với bản năng. Cái ông gọi là ‘điều thiện’

chỉ là bóng mờ của một lý tưởng hư cấu, làm yếu đi những kẻ mạnh.”

Platon bình tĩnh đáp:

“Không có lý tưởng, làm sao phân biệt được ánh sáng và bóng tối? Kẻ mạnh thực sự là người biết kiềm chế mình để phụng sự trật tự cao hơn..”

Nietzsche cười:

“Lý tưởng giết chết sự sống! Kẻ mạnh tạo ra giá trị mới, không cần tuân theo luật lệ cũ. ‘Thượng Đế đã chết’ – ông không nghe thấy thế giới cũ đang sụp đổ sao?”

Bồing Simone Weil lên tiếng, giọng nhẹ như gió:

“Cái thiện không thuộc về kẻ mạnh hay lý tưởng... mà ở sự hy sinh vì điều lớn lao hơn bản thân.” Nietzsche liếc nhìn bà:

“Lại một kiểu nô lệ mới?”

Weil lắc đầu:

“Không, đó là tự do đích thực – không cần chiến thắng, chỉ cần bước đi trong ánh sáng lặng lẽ.” Im lặng bao trùm. Platon gật đầu, Nietzsche quay đi. Gió thổi nhẹ, như mang theo những điều chưa nói hết.

Platon nhìn Camus, hỏi:

“Anh đến từ nơi hoài nghi hay nơi hy vọng?”

Camus thở dài:

“Tôi đến từ nơi con người mỗi sáng thức dậy, tự hỏi: ‘Sao không tự kết liễu đời mình? – rồi lại tiếp tục sống như chưa từng đặt câu hỏi ấy.’”

Nietzsche cười gằn:

“Người ta sống không phải vì lý tưởng, mà vì thiếu can đảm để chết. Anh không thấy điều đó là ngục tù sao?”

Camus lắc đầu:

“Tôi thấy nó như sa mạc. Nhưng ngay giữa sa mạc, vẫn có tiếng hát.”

Bổng Heidegger bước tới, mắt sâu thẳm:

“Các ông nói quá nhiều về con người, nhưng ít nói về Hiện hữu.”

Simone Weil mỉm cười:

“Hiện Hữu chỉ hiện ra với kẻ biết đói. Không phải đói bụng, mà đói một tâm hồn trong suốt.”

Nietzsche quắc mắt:

“Vậy thì ai trong các người dám làm kẻ phá đền? Dám đứng một mình trước vực thẳm, không thần thánh, không cứu rỗi?”

Kierkegaard bước ra từ bóng tối, giọng trầm đầy u uẩn:

“Tôi đã đứng đó. Và tôi nhảy – không để rơi, mà để được bổng lên bởi đức tin.”

Nietzsche chế giễu:

“Lại một kẻ muốn bay bằng cánh của niềm tin mù lòa.”

Camus lạnh lùng:

“Không. Anh ấy nhảy như tôi sống – không biết phía dưới có gì, nhưng vẫn bước đi.”

Trên cao, một giọng cười khúc khích vang lên. Lão Tử, tóc bạc phơ, ngồi vắt vẻo trên cành cây:

“Các người tranh cãi như thế mọi thứ phải có tên. Đôi khi chỉ cần nhấp trà, nghe gió thổi – là hiểu tất cả.”

Platon mim mai:

“Có lẽ ông chỉ là cái bóng tôi từng vẽ trong hang?”

Camus nhìn lên tán lá:

“Hoặc là tia nắng mong manh – đủ để chúng ta còn thấy mặt nhau.”

Gió thổi, lá rơi. Bữa tiệc của những tâm hồn không bao giờ gặp nhau vẫn tiếp tục..

Khi Dōgen bước vào, không ai nghe thấy tiếng bước chân. Ông không ngồi vào bàn, chỉ ngồi xếp bằng dưới gốc cây, như thể đó là nơi duy nhất đang tồn tại.

Barthes đến sau, ôm cuốn sổ đầy chữ. Chẳng chào hỏi, anh lật giở từng trang như tìm kiếm thứ gì chưa từng được viết ra.

Camus hỏi: “Anh đến từ thế giới của ngôn ngữ?”

Barthes đáp: “Tôi đến từ nơi mà mỗi từ là một sự phản bội.”

Nietzsche cười gằn: “Ta dùng ngôn ngữ như lưỡi dao – mổ xẻ những điều thiêng liêng để thấy máu chảy, để thấy sự sống.”

Barthes lắc đầu: “Tôi dùng nó như kẻ trộm – lấy trộm ý nghĩa từ người đọc, để họ tự làm chủ.”

Dōgen vẫn nhắm mắt, giọng trầm thì như gió thoảng:

“Một chiếc lá rơi – cần gì tên gọi? Kẻ nhìn lá rơi, có khác gì chính sự rơi ấy?”

Platon hỏi: “Vậy bản thể của vạn vật nằm ở chuyển động?”

Dōgen: “Không. Bản thể là chuyển động. Khi rửa bát, chỉ có rửa bát. Khi lá rơi, chỉ có lá rơi.” Simone Weil thì thào: “Viết – là hi sinh. Mỗi câu chữ đều là một mất mát.”

Barthes mỉm cười: “Vậy tôi sẽ viết bằng mực làm từ nước mắt.”

Heidegger gật gù: “Trong im lặng, ngôn ngữ tự nghe tiếng lòng mình. Như rừng hiểu rừng.”

Nietzsche quay sang Dōgen: “Sao anh không nói về khổ đau hay dục vọng? Sao chỉ ngồi im?”

Dōgen hé mắt, ánh nhìn như trăng khuya: “Vì khi ngồi đây, tất cả đã hiện rõ. Không cần phân biệt khổ hay vui, không còn gì che khuất chân tánh – không có ảo tưởng, không có phân biệt, mọi sự vật đúng như nó đang là.”

Nietzsche trầm tư: “Lạ thật... Có lẽ ta đã quên mất sự đơn giản ấy.”

Lão Tử trên cành cây đứng đưa chân, cười khê: “Các người tranh luận ồn ào, mà chẳng nghe thấy tiếng lá rơi.”

Camus châm điếu thuốc: “Chúng ta ngồi đây không phải để tìm chân lý. Chỉ để bớt cô đơn giữa những câu hỏi không lời đáp.”

Và đúng lúc ấy, một chiếc lá rơi xuống mặt bàn đá – không một tiếng động. Tất cả im lặng nhìn nó, chẳng ai nói thêm lời nào.

Tôi chẳng hiểu tại sao mình lại mơ thấy giấc mơ đó. Khi thức dậy, trong tay vẫn còn nắm chặt một mảnh giấy nhỏ - không một chữ, chỉ có vệt trà loang thành hình chiếc lá.

Sáng hôm ấy, tôi ra quán cà phê quen. Gọi ly đen đặc, ngồi một mình. Chẳng ai để ý đến tôi, nhưng lạ thay, tôi cứ có cảm giác như có người đang lắng nghe mình.

Ký ức mơ hồ hiện về: Một chiếc bàn đá trắng. Có người nói về nỗi tuyệt vọng như nói về ngọn lửa. Có người rửa bát như thiền. Có kẻ ôm cuốn sách dày, rồi lật dở từng trang.. Không ai dạy tôi điều gì cả - nhưng tôi chợt hiểu rằng, có những câu hỏi không cần lời đáp,

chỉ cần được cùng nhau thăm hỏi.

Tối đó, tôi lật lại cuốn vở cũ. Vẽ nguệch ngoạc hình chiếc bàn đá và tán cây xòe rộng. Dưới bức vẽ, tôi viết mấy chữ: “Chúng ta ngồi bên nhau, không phải để chứng minh điều gì, mà để giữ cho ánh sáng không tắt – ngay cả khi không ai còn thấy nó.”

Một Ngày Ở Bến Sông

Lê Tấn Tài



*T*rời oi nồng, mây xám xịt như sà xuống những mái ngói đỏ quanh chợ Tân Định. Âm thanh hỗn độn vọng lên từ mọi ngả: tiếng còi hụ xe cứu thương, lẫn trong tiếng rao hàng vội vã và tiếng đài phát thanh dồn dập loan tin chiến sự. Người qua đường liếc nhìn nhau bằng ánh mắt dè dặt, thì thầm những lời đồn đại. Từng chuyến xe đồ ị ạch rời thành phố, chất đầy người

cùng hành lý chật cứng, trong khi ga Sài Gòn ngập tràn cảnh chia ly.

Quân bước đến trước cổng nhà Linh khi bầu trời vừa rạng sáng. Bộ quân phục kaki đã bạc màu, đôi giày boots sờn vết bụi đường, chiếc ba lô nhỏ gọn trên vai - tất cả đều mang hơi thở vội vã của người lính thời loạn. Linh mở cổng trong im lặng. Cô đã quá quen với những cuộc về phép chớp nhoáng của anh, lúc nào cũng phảng phất mùi thuốc súng và một chút buồn trong mắt.

Họ ngồi bên nhau trên chiếc ghế gỗ cũ kỹ ngoài hiên. Tiếng xe lam chở người chạy loạn rú ga từng hồi xé tan không khí yên ắng. Mẹ Linh cúi húi trong bếp, không nói gì — bà hiểu.

“Lệnh đi gấp,” Quân cất tiếng, giọng ngắn gọn.

“Lần này... xa không anh?” Linh khẽ hỏi, đôi tay bấu nhẹ vào mép áo.

“Bình Tuy. Nghe nói mặt trận sắp vỡ.”

Cô gật đầu nhẹ, ngón tay mảnh khảnh lướt nhẹ trên vạt áo anh như muốn khắc ghi từng đường chỉ. “Em ở lại với má. Đừng nghe theo lời đồn đại. Khi xong việc, anh sẽ về.”

Linh cười buồn: “Biết anh có còn không mà về.”

Quân quay sang, đôi bàn tay chai sạn nắm chặt lấy bàn tay nhỏ lạnh buốt.

“Nếu anh ngã xuống, anh sẽ hóa thành cơn mưa. Cứ nhìn lên trời là thấy anh. Còn nếu sống, mười năm nữa, đúng ngày này, anh sẽ tìm em. Dù em ở nơi nào - miễn em còn chờ.”

Gió luồn qua hàng me già sau nhà, lá bay lả tả. Linh không khóc. Nước mắt của cô đã cạn khô từ những đêm dài nghe tiếng đại bác dội về từ Long Khánh.

Họ ôm chặt lấy nhau, như thể hơi ấm ấy là thứ duy nhất

còn sót lại giữa một đất nước đang vỡ vụn. Khi chiều xuống, Quân lên chiếc Jeep cùng đồng đội. Linh chạy theo vài bước rồi đứng sững giữa ngõ, chiếc khăn tay trắng nắm chặt trong tay. Chiếc xe quay đầu, lao vào dòng người hỗn loạn. Chỉ khi tiếng động cơ đã khuất xa, Linh mới thì thầm lời hứa vào khoảng không: “Em sẽ đợi. Dù là mười năm...”

Sài Gòn đầu tháng Tư. Bầu trời không còn xanh ngắt như thuở nào, chỉ vương một lớp khói mờ từ những đám cháy âm ỉ ngoại ô. Thành phố như một con thú bị thương, co mình trong cơn hấp hối, chờ phát súng kết liễu. Người ta chen chúc lên tàu, xô đẩy nhau ở phi trường Tân Sơn Nhất, giẫm đạp cả lên thân thể kẻ khác chỉ để giành một chỗ đi — đi đâu cũng được, miễn là thoát khỏi cơn lốc đỏ đang tràn về từ phương Bắc.

Linh không đi.

Tin tức về Quân đã đứt đoạn từ lâu. Lần cuối cùng, một người bạn từ tiền tuyến ghé qua, thều thào: “Đơn vị anh ấy mất liên lạc ở Hàm Tân. Có thể đã bị bắt, hoặc tan rã.” Không ai dám chắc.

Ngày 30 tháng 4, đài phát thanh Sài Gòn đọc lời tuyên bố đầu hàng. Linh nghe mà như không nghe thấy gì. Mẹ cô ngồi bên mâm cơm nguội lạnh, đôi tay run run gắp từng miếng nhỏ, như cố níu lấy một thói quen còn sót lại từ thế giới đã sụp đổ.

Hai ngày sau, họ rời Sài Gòn trên chuyến xe đò đêm về Cần Thơ. Đường quốc lộ 4 đầy trạm gác, ngổn ngang xác xe cháy nằm chõng chơ ven đường. Trên xe, người già ôm chặt con trẻ, người trẻ cúi đầu im lặng. Linh mang theo một chiếc vali nhỏ: vài bộ quần áo, một cuốn sổ tay, và tám ảnh Quân chụp trước Dinh Độc Lập năm 1973. Trong ảnh, anh đứng

nghiêm, tay dứt túi, ánh mắt nhìn thẳng vào ống kính — tự tin, đầy hy vọng.

Về đến quê, Linh và mẹ trú tạm trong căn nhà lá ven rạch Ô Môn — di sản duy nhất của bà ngoại để lại từ những năm sáu mươi. Lúc đầu, hàng xóm dè chừng: “Nghe nói con nhỏ đó có người yêu là sĩ quan ngục.” Nhưng rồi, thấy hai mẹ con sống lặng lẽ, không dây dưa với ai, họ cũng thôi soi mói. Linh bắt đầu dạy học cho lũ trẻ trong xóm. Không bảng đen, không phấn trắng, chỉ có cây bút chì và tấm lòng. Cô dạy chúng tập đọc, làm toán, rồi kể những câu chuyện cổ tích — thứ mà đám trẻ chưa từng biết đến, vì tuổi thơ chúng chỉ quen với khẩu phần, lao động và “điểm tốt hạnh kiểm”.

Đêm đêm, cô vẫn ngồi bên ngọn đèn dầu, viết những dòng thư không người nhận:

“Anh Quân, hôm nay nước ròng, ghe cá đậu sát bờ. Bé Ba, học trò của em, nhặt được một chiếc lon sữa bò từ dưới bùn lên — quý như vàng. Em cười, mà tự nhiên nhớ anh.”

“Má đau rồi. Chắc bà nhớ ba. Em không dám khóc trước mặt bà. Em thấy mình già đi, anh à. Như cục đất phèn khô.”

Những lá thư ấy cô gấp lại, buộc thành bó, cất vào hộc tủ. Một nghi thức nhỏ, một nhịp thở để sống sót giữa những ngày khô khốc.

Năm năm trôi qua.

Một buổi chiều, người ta thì thào: “Có trại cải tạo ở tận Hàm Tân. Nhiều sĩ quan cũ chết rồi.” Linh lặng người. Cô im lặng gấp quần áo cho mẹ, rồi ra bến ghe, nhìn dòng nước lặng lẽ trôi.

Nếu anh đã chết... thì liệu linh hồn có biết đường về?

Quân được đưa đến Hàm Tân ngay sau khi chiến tranh

kết thúc. Mặc dù là một sĩ quan thuộc quân đội Sài Gòn, anh không phải là một kẻ xấu. Anh chỉ làm theo mệnh lệnh, chiến đấu để bảo vệ đất nước mà anh nghĩ là của mình. Nhưng giờ đây, trong mắt những người cai tù, anh chỉ là một kẻ bại trận. Anh là một phần của cái mà họ gọi là “kẻ thù của cách mạng.”

Những ngày đầu, anh còn có thể tự động viên mình. Anh nghĩ về Linh — cô ấy vẫn còn đó, ở đâu đó, chờ đợi anh trở về. Nhưng thời gian trôi qua, hy vọng trở nên mỏng manh như làn sương mù. Mỗi ngày, anh thấy mình dần mất đi một phần con người mình. Những bài học về tự do, về tình yêu, về niềm tin vào tương lai — tất cả dần dần tan biến, bị bóp nghẹt trong những buổi sáng đầy khói bụi và công việc nặng nhọc.

Bữa ăn trong trại thô sơ và khắc nghiệt. Chỉ có cơm nếp khô, vài miếng cá mặn, rau muống luộc không có gia vị. Quân học cách ăn từng muỗng cơm, nhai chậm rãi, để cảm nhận một chút gì đó còn lại trong mình. Một chút tự do, một chút hy vọng.

Anh nhớ buổi chiều ấy như in—cái khoảnh khắc trước khi lên đường. Linh đứng lặng bên cổng, bàn tay giơ lên vẫy chào, không một tiếng khóc, không lời từ biệt. Cô luôn mạnh mẽ thế, như cây dừa trước gió. Lúc đó, anh thầm hứa sẽ trở về, dù phải vượt qua bao đau đớn, cũng chỉ để được nói với cô một câu chưa kịp thốt: Anh yêu em.

Nhưng giờ đây, trong chốn địa ngục trần gian này, mọi thứ nhạt nhòa như bức tranh bị mưa ướt nhòe. Anh không biết liệu mình có thể sống sót qua những năm tháng tù đầy, hay sẽ tan biến như hạt muối bỏ biển.

Đêm nào cũng vậy, Quân nằm trên chiếc chiếu mục nát,

mắt đăm đăm nhìn lên trần nhà ảm mốc. Khuôn mặt Linh hiện vẻ trong bóng tối—nụ cười tỏa nắng của cô, những đêm dài thủ thi dưới ngọn đèn dầu chập chờn, khi họ còn là hai kẻ ngây thơ tin vào một tương lai không vỡ vụn. Giờ đây, tất cả chỉ còn là những mảnh ký ức sắc như dao cứa vào tim.

Những hồi ức ấy trở thành điểm tựa mong manh giữa chuỗi ngày tăm tối. Nhưng rồi Quân hiểu ra: muốn tồn tại, anh phải chôn vùi quá khứ, kể cả Linh—người con gái anh từng thể sẽ trở về bằng được.

Một ngày nọ, khi đang làm việc ngoài đồng, Quân gặp một người bạn cũ. Tám Châu, một người lính cũ của Biệt Kích, giờ cũng bị đưa vào trại tù. Cả hai không nhận ra nhau ngay lập tức, nhưng khi ánh mắt giao nhau, một cảm giác quen thuộc dâng lên. Quân nhớ lại những đêm họ cùng nhau chiến đấu, sống trong những ngày tháng tự do mà giờ đây đã xa vời.

“Quân... là mày thật sao?” Tám Châu hỏi, giọng ghen ngào.

Quân gật đầu, không nói gì thêm. Cả hai chỉ nhìn nhau, hiểu rằng mọi thứ đều đã thay đổi. Những người bạn xưa giờ đây đều là những người tù, sống trong những hoàn cảnh khắc nghiệt, không có tương lai. Nhưng ít ra, họ còn có nhau trong những giây phút ngắn ngủi này.

Những cuộc gặp gỡ như vậy trở thành niềm hy vọng nhỏ nhoi trong những ngày dài tăm tối. Nhưng Quân hiểu rằng, để sống sót, anh phải bỏ lại tất cả quá khứ phía sau, kể cả Linh — người mà anh đã hứa sẽ trở về.

Năm năm. Một khoảng thời gian đủ dài để một người quên đi hy vọng, nhưng cũng đủ dài để nỗi nhớ hóa thành vết sẹo.

1984. Một buổi sáng mùa khô, bầu trời đục ngầu màu bụi đất. Quân được gọi lên văn phòng trại cải tạo. Anh đứng nghiêm, lắng nghe từng chữ khô khốc vang lên từ miệng viên cán bộ — giọng đọc đều đều như tiếng loa rè giữa sân trường cũ.

“Nguyễn Hữu Quân, sĩ quan chế độ cũ, được trả về địa phương, chịu quản chế tại chỗ. Cấm rời nơi cư trú khi chưa được phép.”

Quân không cười. Chẳng ai trong số những người được thả hôm ấy cười. Họ chỉ lặng lẽ ôm lấy mớ hành trang ít ỏi: vài bộ đồ sờn vai, chiếc võng vải loang lổ, đôi dép râu đứt quai buộc tạm bằng dây thừng. Khi bước qua cánh cổng trại, lưng anh khom nhẹ — cái dáng thẳng tắp ngày nào của người lính giờ như đã gãy gập sau bao năm gánh nặng.

Anh trở về miền Tây, nơi bến nước nghèo rạch Ba Sậy — quê mẹ thời thơ ấu. Ở đó, chẳng ai biết tới anh, cũng chẳng ai thèm hỏi. Quân dựng tạm căn chòi ven sông, sống qua ngày bằng nghề sửa xe đạp và những buổi mò cua bắt ốc. Cuộc đời người lính cũ chẳng có nhiều lựa chọn.

Rồi một chiều, khi đang cặm cùi vá lại chiếc xe đạp cũ kỹ cho bà lão hàng xóm, tiếng gọi bất ngờ khiến anh giật mình:

“Quân! Mày đó hả, Quân?!”

Ngước lên, anh thấy bóng một người đàn ông gầy guộc, da cháy nắng đang chống mái chèo từ con ghe cũ kỹ. Mái tóc đã điểm bạc, nhưng nụ cười ấy thì không thể nào nhầm lẫn được.

“Tám... Tám Châu phải không?”

Hai người đàn ông ôm chặt lấy nhau như những kẻ sống sót sau thảm họa. Tám Châu giờ làm nghề chở đồ thuê trên

sông Cái Lớn, vợ con ly tán, sống lay lắt qua ngày. Nhưng trái tim anh vẫn nguyên vẹn chất lính: thẳng thắn, hào sảng và trung thành đến cùng.

Đêm đó, dưới ánh đèn dầu leo lét, họ chia nhau chai rượu đế, câu chuyện đứt nối như những mảnh ký ức vỡ vụn. Quân nhắc đến Linh — chỉ vồn vện một câu: “Tao chưa từng gặp lại cô ấy.”

Tám Châu trầm ngâm hồi lâu rồi thở dài:

“Nghe nói nhỏ Linh giờ dạy học ở Ô Môn. Tao có đi ngang qua đó vài lần...”

Ngón tay Quân siết chặt ly rượu. Trong lòng anh, thứ gì đó bỗng rung lên yếu ớt như cánh chim vừa thoát khỏi bẫy. Mười năm — khoảng thời gian đủ để quên đi, nhưng cũng đủ dài để giữ trọn lời hứa. Hai ngày sau, Tám Châu chèo ghe xuôi về Ô Môn, mang theo lá thư Quân viết vội trên mảnh giấy nâu:

“Linh,

Anh vẫn ở đây. Mười năm qua, không ngày nào anh không nhớ về em.

Nếu em còn đó, nếu em còn muốn gặp...

Anh sẽ đợi em ở bến Cái Răng, ngày 15 tháng Tư.

Chỉ mình anh thôi.”

Chiều hôm ấy, Linh đang cặm cùi vá chiếc mùng rách thì tiếng trẻ con hàng xóm vang lên:

“Cô Linh ơi! Có người gửi thư!”

Cô bước ra, tay còn vương sợi chỉ trắng. Nhìn thấy Tám Châu, trái tim cô đập mạnh — cái tên từng hiện lên trong những câu chuyện đêm nào.

Lá thư mở ra, nét chữ vẫn vậy — nghiêng nghiêng mà gọn gàng, cứng cỏi như chính con người anh. Linh không khóc. Cô chỉ ngồi thụp xuống bậc thềm, đôi mắt đăm đăm nhìn ra dòng sông. Ánh chiều tà len qua tán chuối, mang theo hương lúa chín và mùi bùn non thoảng qua.

Mười năm — đủ làm phai mờ bao điều. Nhưng cái tên “Quân” thì chưa bao giờ ngừng hiện về trong giấc ngủ của cô.

Lá thư được cất vào túi áo. Linh đứng dậy, bước vào nhà, nhẹ nhàng mở chiếc rương gỗ. Trong đó, chiếc áo dài trắng vẫn nằm đó, phẳng phiu như ngày nào...

Trời còn sớm. Mặt nước phẳng lặng như tấm gương khổng lồ, thỉnh thoảng bị xao động bởi vài con cá quẫy đuôi rồi lặn mất. Chợ nổi chưa đông đúc, chỉ lác đác vài chiếc ghe xuôi. Tiếng rao hàng thưa thớt vang lên trong khoảng không tĩnh lặng.

Quân ngồi trên chiếc ghế gỗ thấp, lưng khuất về phía mặt trời mới ló, tay cầm chiếc nón lá cũ kỹ. Áo sơ mi trắng đã ngả màu ngà ố, nhẵn nhúm như chưa từng được ủi, nhưng anh mặc nó với vẻ trang trọng của kẻ sắp đánh mất đặc ân cuối cùng được làm người lương thiện.

Anh đến từ lúc gà chưa gáy, kiên nhẫn chờ đợi. Không dám chắc cô sẽ đến. Càng không dám mong sau mười năm dài đằng đẳng, cô còn nhận ra anh. Nhưng anh biết mình phải chờ - dù chỉ để được nhìn thấy bóng hình cô từ xa, dù chỉ để xác nhận cô vẫn còn tồn tại trên cõi đời này.

Phía sau lưng, chiếc ghe nhỏ của Tám Châu lặng lẽ neo đậu. Người bạn cũ chẳng buồn hỏi han, chỉ im lìm hút điếu thuốc rê, đôi mắt dò dẫm nhìn về phía ngã rạch xa xăm. Có những tình bạn không cần lời, sự hiện diện đã là tất cả.

Khoảng tám giờ sáng, một chiếc xuồng ba lá từ hướng rạch Ô Môn rẽ nước mà tới. Người chèo lái là cô gái trẻ đội nón lá, dáng chèo thuần thục. Phía sau là bóng hình một người đàn bà ngồi im lìm. Áo dài trắng, tóc búi cao, dáng người gầy guộc, đôi tay đặt nhẹ trên đầu gối như đang nín thở.

Quân nhận ra ngay từ xa. Trái tim anh đập loạn nhịp, cứng ngắt như thuở còn trai trẻ đứng trước hội đồng tuyển sinh trường Võ bị.

Khi xuồng cập bến, cô gái trẻ nhanh nhẹn buộc dây rồi đỡ người phụ nữ bước xuống. Bước chân cô chậm rãi, gót chân chạm đất nhẹ nhàng như sợ đánh thức giấc mơ vừa chớm.

Quân đứng bật dậy.

Linh ngẩng mặt nhìn.

Hai đôi mắt gặp nhau trong im lặng. Trong khoảnh khắc ấy, bao mùa gió chướng, những ngày di tản hỗn loạn, những buổi dạy học của cô, những năm tháng lao tù của anh - tất cả tan biến như bọt nước trên dòng sông lớn.

Chỉ còn lại hai con người, đối diện nhau như bài thơ xưa bỗng tìm được lời kết sau bao năm không tìm được ý.

Linh cất tiếng trước, giọng run nhẹ:

“Em cứ tưởng... mình không bao giờ gặp lại nhau nữa..”

Quân gật đầu, mắt cay xè:

“Anh vẫn sống. Nhưng chưa có ngày nào trọn vẹn.”

Họ không ôm nhau, không khóc. Chỉ cùng ngồi xuống bên bờ nước, lặng lẽ ngắm những chiếc ghe qua lại, lắng nghe tiếng rao hàng, tiếng máy nổ lịch kịch, tiếng đời đang trôi trong thỉnh lặng. Linh thì thào, như sợ đánh thức hiện

thực mong manh:

“Em có mang theo ít cơm nắm. Mình ăn ở đây được không?”

Quân bật cười - nụ cười đầu tiên sau mười năm trời. Những nếp nhăn khắc khổ trên gương mặt gầy guộc bỗng dịu lại.

“Ừ, ở đây được. Ở đây... tốt lắm.”

Họ mở gói lá chuối. Cơm trắng, muối mè, vài lát dưa leo muối. Giản dị như chính cuộc đời họ đã chọn.

Giữa bến sông năm ấy, có hai người lặng lẽ dùng bữa cơm đoàn viên, không ai hay biết, không ai hỏi. Nhưng dòng nước chảy êm, và mặt trời không còn quá gắt.

Chiều hôm ấy, Linh trở về Ô Môn. Quân không giữ lại, chỉ nói:

“Khi nào em muốn, bến này vẫn đợi.”

Cô gật đầu, mắt long lanh ngấn lệ.

Và từ đó, mỗi tháng một lần, Linh lại tìm về bến Cái Răng. Không phải để đào xới quá khứ, mà để cùng bước tiếp với người đã mất cả tương lai - nhưng chưa một giây đánh mất niềm tin vào nhau.

Cuối năm 1989, miền Tây vào mùa nước nổi.

Trên những nhánh rạch tràn đầy phù sa, lục bình trôi lững lờ như những nỗi buồn chưa kịp đặt tên. Bến Cái Răng giờ đã đông đúc hơn, chợ nổi rộn ràng tiếng máy, tiếng rao, tiếng cười trẻ nhỏ. Nhưng phía cuối bến, dưới gốc dừa nước già, vẫn còn một căn chòi nhỏ, với tám vách tre và mái lá đã ngả màu rêu. Ở đó, Quân và Linh sống cùng nhau — lặng lẽ như hai bóng râm bên bến nước.

Họ không cưới hỏi. Cũng không cần. Không ai ở bên ấy hỏi họ là vợ chồng hay người dưng. Người ta chỉ biết: mỗi sáng sớm, Quân chở Linh ra ruộng để hái rau, bắt ốc; buổi trưa, Linh nấu canh chua cá linh, Quân uống một ly rượu nhỏ rồi nằm đong đưa trên võng tre; chiều xuống, cả hai ngồi bên hiên, nhìn mặt trời lặn sau rặng tre nước.

Có những ngày, Linh dạy chữ cho mấy đứa nhỏ trong xóm bằng những cuốn sách cũ cô đem từ Ô Môn. Còn Quân sửa xe đạp, vá nôi, gò lại mấy chiếc ấm nhôm móp méo. Những việc nhỏ, nhưng mang lại chút bình yên.

Một lần, khi Linh nhắc đến chuyện năm xưa, Quân chỉ nói:

— Chúng ta đã mất một thời tuổi trẻ, nhưng không mất nhau.

Và cô gật đầu, như thể câu ấy đã đủ thay cho tất cả.

Cuối mùa nước nổi năm đó, Linh ngã bệnh. Con sốt rét hành hạ cô đến mê man, thỉnh thoảng lại thều thào gọi tên Quân trong cơn mộng dữ. Anh chẳng rời bên cô nửa bước—đút từng thìa cháo loãng, lau từng giọt mồ hôi, kể đi kể lại những kỷ niệm cũ, cả những điều chưa bao giờ dám thổ lộ.

— Ngày xưa anh hay viết thư cho em, mà chẳng bao giờ gửi, — anh nói khẽ.

— Giờ em ở đây rồi, anh khỏi phải gửi nữa, — Linh cười yếu ớt, nhưng ánh mắt vẫn long lanh.

Cô qua khỏi, nhưng sức khỏe tàn tạ dần. Những buổi ra đồng thưa thớt. Quân học nấu canh chua, học giặt áo, học bện tóc vợ bằng sợi dây chuối xiêm non.

Mùa xuân năm 1990, người ta thấy anh trồng một hàng mai vàng trước chòi. Còn Linh, mỗi chiều lại kê ghế ra bên

ngồi ngóng gió. Cô vẫn dạy chữ cho lũ trẻ, vẫn viết thư gửi những đứa học trò cũ đã phiêu bạt phương trời nào.

Một hôm, thằng bé hàng xóm hỏi:

— Cô Linh ơi, hồi xưa cô với chú Quân là gì của nhau vậy?

Cô mỉm cười, giọng như nước chảy qua cầu:

— Là hai người không duyên phận, nhưng không nỡ buông tay.

Thằng bé gái đầu không hiểu, nhưng nó nhớ mãi câu trả lời ấy—như nhớ một câu chuyện cổ tích lạc giữa đời thường.

Mùa nước rút. Cuộc đời cũng lặng dần. Bến sông vẫn ở đó—như một khúc tình ca chưa cần đoạn kết. Người ta không còn nhắc đến chiến tranh, đến lý tưởng, đến vinh quang hay bại trận. Chỉ còn hai cái bóng, sớm tối cùng nhau ra chợ, đêm về lắng nghe tiếng đế mền khóc trong cỏ.

Và ở nơi ấy, vẫn còn một dòng sông — chảy qua những năm tháng mất mát, chảy không lời, nhưng đủ để hai kẻ lạc loài tìm thấy bến đỗ.



Bánh Tét **Bà Bảy**

Lê Tấn Tài

*T*háng Chạp. Gió chướng lùa qua những rặng dừa nước ven đường, mang theo cái se lạnh của buổi sáng miền Tây. Tôi gặp bà Bảy trong một khoảnh khắc tình cờ, khi chạy xe từ Cần Thơ về Vĩnh Long. Quán bánh của bà chỉ là một mẹt nhỏ kê trên chiếc bàn gỗ xập xệ, bên lề quốc lộ. Bà ngồi lọt thỏm sau đám lá chuối xanh muốt, nụ cười hiền như ánh nắng sớm xuyên qua tầng me. Một tấm bảng con viết nguệch ngoạc bằng phấn trắng: “Bánh tét nếp tro – tự gói, tự nấu.”

Tôi dừng lại, không phải vì đói, mà vì tò mò.

“Có nhân gì vậy bà?”

“Dừa, đậu, chuối, mỡ hột vịt muối... Con ăn loại nào?” Giọng bà trầm ấm, như nổi nước ủ lửa tro âm ỉ.

Tôi chọn bánh nhân chuối. Bà Bảy dùng lưỡi dao mỏng cắt khoanh bánh ra, lớp nếp trong veo như thạch, lộ ra nhân chuối chín đỏ au. Tôi cắn một miếng, vị ngọt thơm lan tỏa. Bà Bảy ngồi đó, đôi tay gầy guộc run run nhưng vẫn thoăn thoắt gói từng chiếc bánh. Những ngón tay ấy đã gói biết bao mùa Tết, bao thăng trầm. Bà có vẻ thuộc loại người sống sót qua nhiều thời, mà không để thời cuộc xô lệch đi.

Từ hôm ấy, tôi trở thành khách quen của quán.

Quán bà Bảy chẳng có bảng hiệu, chẳng ghế ngồi dành hoàng, nhưng lúc nào cũng đông người ghé. Anh xe ôm chở khách từ chợ huyện về, dừng chân mua vài khoanh bánh bỏ vào túi ni-lông buộc chặt. Chị bán vé số ngồi xuống bên mẹt, xin ly nước trà nóng, nghe bà kể chuyện xưa. Mấy đứa trẻ đi học về, mắt sáng ngời khi thấy bánh, bà lén dúm vào tay chúng nửa khoanh chuối: “Ăn đi, đừng nói má bay nghe.”

Dân quê miền Tây thương nhau bằng những điều giản dị như vậy. Quán bánh tét nhỏ bé này như một điểm hẹn không lời, nơi người ta dừng chân không chỉ để ăn, mà để nghỉ mệt, để trò chuyện, để cảm nhận một điều gì đó rất... cũ mà thân quen.

Một chiều mưa, tôi ngồi dưới tấm bạt dột nát của bà, nghe tiếng mưa rơi lộp độp trên lá chuối. Bà kể về những mùa Tết xưa, khi cả xóm tụ lại gói bánh, mỗi nhà đem một phần nếp, một phần nhân, rồi nấu chung một nồi. Gói xong còn chia ra tặng người neo đơn. “Hồi đó, người ta sống với nhau bằng cái tình, chứ không như giờ, ai lo phần nấy, buồn thấy mồ.” bà thở dài.

Rồi bà hỏi tôi: “Con biết vì sao bánh tét phải nấu đúng mười hai tiếng không?”

Tôi lắc đầu.

“Là để nhân chín tới, mà nếp vẫn dẻo dai, không bị nhão. Như đời người vậy, phải trải qua lửa mới thành tựu.”

Bà kể tiếp, giọng trầm trầm buồn. Thời Pháp, bà làm phụ bếp cho một ông quan Tây khó tính. Ông ta mê món “bánh tét của người An Nam,” nhưng chỉ ăn khi nó chín đúng độ, kêu bà gói hoài. Cứ mỗi lần gói xong, phải trình cho bếp trưởng kiểm, rồi mới dám bưng lên dinh. Sai một chút là mất việc.

Thời Nhật, mấy ông Nhật chỉ ăn ít nói, mà tinh miệng. Họ thích bánh nhân mỡ, nhưng không thích ngọt. Bà phải thử từng chút một cho vừa miệng. Mấy lần bà lén bỏ chút rượu gạo vô nhân, làm họ khoái chí. Một ông sĩ quan Nhật còn xin bà dạy vợ ông cách nấu.

Đến thời Sài Gòn, bà làm đầu bếp cho một ông trong Bộ Y Tế. Ông đó ăn uống khát khe lắm. Vợ ông ta mê bánh tét đến nỗi đặt riêng mỗi tuần ba đòn, không cắt, để chưng bàn thờ. Bà gói bánh mà cũng phải niệm Phật, không cho sơ suất. “Gói bánh mà như giữ gìn danh dự vậy đó con,” bà cười, đôi mắt già nua ánh lên niềm kiêu hãnh lặng lẽ.

Rồi một ngày, bà Bảy biến mất.

ChiếcINET trống không, chỉ còn sợi lạt buộc bánh đông đưa trong gió. Tôi hỏi thăm, người ta bảo bà đã ngã bệnh.

Tôi tìm đến căn nhà nhỏ sau vườn xoài. Bà nằm đó, trên chiếc giường tre, mái tóc bạc như tro bánh. “Bánh... còn trong nồi, con mở ra coi thử,” bà thều thào.

Tôi mở nắp nồi đất. Hơi nóng bốc lên, mùi lá chuối thơm nồng. Đòn bánh tét vừa chín tới, lớp nếp óng ánh, nhân đậu xanh mặn mà – thứ bánh ông quan Pháp một thời mê mẩn.

“Bánh tét không chỉ để ăn ngày Tết đâu con... Nó giữ lại mùi vị của một đời người.”

Tôi ngồi lặng bên bà. Ngoài sân, tiếng gà gáy xa xăm, gió thổi xào xạc qua vườn xoài. Trong tay tôi, đòn bánh vẫn còn ấm nóng – như một phần ký ức được gói ghém cẩn thận, để lại cho hậu thế.

Và tôi hiểu, bà Bảy không chỉ bán bánh. Bà bán cả một đời người, thầm lặng, dẻo dai như chính những đòn bánh tét bà gói.



Chuyến Đò Cuối

Lê Tấn Tài

T
rời về chiều, khúc sông nhỏ trước nhà ông Mười như một dải lụa đen phản chiếu ánh hoàng hôn loang loáng. Gió thổi nhẹ nhẹ, mặt nước lặng im. Chiếc đò của ông như đã ngủ quên từ lâu, nằm lặng lẽ nép mình bên xóm nghèo hắt hiu, gần cây cầu xi măng vừa bắc xong năm ngoái.

Người ta vẫn gọi ông là “ông Mười đưa đò”, dù giờ đây có khi cả tuần mới có một khách qua sông. Mấy năm nay, từ khi cây cầu mới mọc lên ngay đầu làng, xe máy chạy vèo vèo, ghe xuồng máy chen chúc ngoài sông. Đò chèo tay của ông trở thành thứ đồ xưa cũ, lạc lõng giữa nhịp sống hối hả. Vậy mà mỗi sáng, ông vẫn dậy sớm, lặng lẽ xuống đò ngồi chờ. Chờ ai? Chờ gì? Ông cũng chẳng rõ. Có lẽ chỉ để nghe tiếng nước vỗ mạn thuyền, hay để thấy lòng mình ấm lại bởi hồi ức về những bước chân xưa từng nhón nhịp bước xuống đò.

“Người ta lên xe máy, đi năm phút là tới chợ. Ai còn cần chèo đò...” — ông bật cười, nụ cười khàn đặc quện chút ngậm ngùi. Những đồng tiền lẻ trong túi ngày một vơi, nhưng cảm giác cầm chắc mái chèo vẫn đầy ắp trong lòng bàn tay chai sạn. Nó là cả cuộc đời ông. Bỏ đò đi, ông sợ mình sẽ thành kẻ vô dụng, chẳng còn gì để bám víu.

Con cái ông đã lên Sài Gòn lập nghiệp, đời sống ổn định. Tháng nào chúng cũng gọi điện, giục ông bán đồ lên phố ở cùng. Ông làm thình, cảm thấy một chút xót xa mơ hồ. “Tụi nhỏ đâu hiểu được. Lên đó, ba chúng cũng chỉ là tấm bảng tên treo trên tường. Còn ở đây, ít nhất ông vẫn là ông Mười – người lái đò của cả một thời sông nước...”

Tuy đã ngoài bảy mươi, ông Mười vẫn khỏe mạnh, chỉ có cái lưng còng xuống thấy rõ mỗi khi ông cúi xuống buộc mái chèo hay lom khom chất bó củi nhỏ lên mũi đò. Đó là món quà quê ông thường gói lại, gửi xe lên Sài Gòn cho con gái lớn – con Sáu – và thằng con trai út đang làm bảo vệ siêu thị ở Thủ Đức.

Cả hai đứa đều đã có gia đình riêng. Chúng thương ông, nhưng cái thương ấy mang hơi hướm thành thị: những cuộc điện thoại giục ông bán đồ, lên phố ở chung cho tiện chăm sóc, cùng những khoản tiền đều đặn chuyển về mỗi tháng. Lần nào nghe con nói, ông cũng im lặng lắng nghe hết rồi trả lời bằng câu quen thuộc:

— “Ba còn khỏe. Ở đây ba quen rồi.”

Con Sáu giận, có lần khóc nức nở qua điện thoại:

— “Giờ đâu còn ai qua đò nữa ba? Con lo cho ba hoài! Ba sống một mình ên, lỡ có chuyện gì ai hay? Giờ còn ai qua đò nữa đâu? Tụi nhỏ đi xe máy hết rồi, ba cứ cố làm chi?”

Ông Mười không cãi, chỉ khẽ “ừ” – một tiếng “ừ” để con yên lòng. Nhưng trong thâm tâm, ông biết mình không phải cố, mà là không thể dứt ra được. Không phải chỉ vì khúc sông, mà vì cả cuộc đời ông đã ăn sâu vào nơi này. Ông từng thử lên thành phố ở với con một tuần, ngồi lặng trong căn phòng ngột ngạt tiếng máy lạnh và mùi thức ăn nhanh, cảm giác như con cá bị vớt lên bờ.

Sáng sớm, khi con rể bận họp, cháu ngoại còn ngủ, ông ra công viên ngồi nhìn người ta chạy bộ, đạp xe vội vã. Chẳng ai dừng lại, chẳng ai hỏi ông có cần qua sông không. Ông trở về, nói nhẹ với con gái:

— “Để ba về giữ nhà dưới quê. Bữa nào rảnh, tụi bây về chơi.”

Con Sáu chặc lưỡi, không cần, chỉ âm thầm chờ ông ra bến xe. Trước khi xe chuyển bánh, nó dúm vào tay ông một phong bì. Về nhà, ông mở ra – một xấp tiền dày cùng mảnh giấy viết tay nguệch ngoạc: “Ba nhớ ăn uống cho ngon. Con thương ba nhiều.”

Ông xếp lại, cất vào ngăn tủ gỗ cũ, chẳng đụng tới.

Từ đó, ông không nhắc gì chuyện lên phố nữa. Mỗi tuần con gọi về, ông vẫn bảo “ba khỏe”, vẫn nói “đò còn người qua”, dù có khi mấy tháng trời chẳng có ai. Nhưng ông không hẳn nói dối. Vẫn có người qua sông: bà cụ đi chợ mua nhang, đưa nhỏ lữ đường đi học về muộn, hay vài khách du lịch tò mò muốn trải nghiệm đò chèo tay. Và có những ngày, ông tự chèo mình qua lại giữa dòng, như cách để tập quên đi những nỗi niềm còn vương vấn. Sáng nào ông cũng dậy từ tờ mờ, cần mẫn lau chùi mái chèo, quét dọn khoang đò, như thể còn rất nhiều người chờ được sang sông.

Những gì ông muốn giữ lại đâu chỉ là chiếc đò. Đó là cả một đời người, là những khuôn mặt thân quen đã từng gửi gắm bước chân trên mỗi chuyến sang sông. Ông nhớ như in hình ảnh người dân quê gánh từng rổ rau tươi sang chợ, cô giáo trẻ mặc áo bà ba e ấp mỗi buổi chiều tan trường, những đôi vợ chồng già nắm tay nhau qua đò để ra ruộng. Giờ đây, khi cầu bê tông vắt ngang sông, những chiếc ghe máy âm ỉ lượn ngang dọc, nhịp sống vội vã bỏ lại đò ông như một dấu

chấm câu cũ kỹ trong trang sách đã nhàu.

Tối hôm quyết định chèo thuyền cuối cùng, ông không gọi điện cho con. Không phải vì giận, mà sợ chúng lại xót xa. Trên bàn, ông để lại mảnh giấy nhỏ với nét chữ run run:

“Tụi bây đừng buồn. Ba chỉ chèo thêm một chuyến cuối, rồi nghỉ ngơi. Đò này ba để lại, biết đâu sau này có đứa nào muốn giữ nghề.”

Bên cạnh là chùm chìa khóa nhà và cuốn sổ tay cũ kỹ ghi chép tỉ mỉ từng năm mưa nắng, từng mùa nước nổi, và cả danh sách tên những người từng qua đò ông trong suốt ba mươi lăm năm. Như thể ông đã chuẩn bị sẵn để rời đi — không vương bận, không tiếc nuối — chỉ mong con cái hiểu: sống cuộc đời của mình cũng là một cách thương con.

Đêm ấy, ông Mười chèo đò ra giữa dòng sông đen như mực. Cây đèn dầu cũ kỹ chao nghiêng trước gió, ánh sáng vàng vọt in bóng ông lên mặt nước - một khuôn mặt nhăn nheo với đôi mắt đã mờ đục, nhưng sâu thẳm, vẫn le lói một tia sáng, tựa đốm lửa cuối cùng trước khi tàn. Mái chèo đã mục nát, thế mà ông vẫn cẩn thận lau chùi, buộc chặt vào mạn thuyền như thể sắp có một chuyến đi dài. “Phải kết thúc thật nhẹ nhàng”, ông thì thầm. Con sông dường như hiểu ý, thu mình lại trong tĩnh lặng, chỉ còn tiếng nước khẽ vỗ vào mạn đò. Ba mươi lăm năm đưa đò, giờ đây ông tự hỏi: liệu khi buông bỏ tất cả, mình có còn là chính mình?

Chiếc đò lặng lẽ trôi giữa dòng, không khách, không hành lý. Tiếng mái chèo cọt kẹt vang lên trong đêm như tiếng người vợ quá cố năm xưa vẫn thường lau bầu mỗi khi ông đi đánh cá về khuya. Một nỗi cô đơn êm ả bao trùm lấy ông. Đò cứ thế trôi, chẳng hướng về bến bờ nào, bởi chẳng còn gì để chờ, chẳng còn ai đợi.

Trăng lên cao, ánh sáng lấp lánh trên mặt nước mấp mô. Gió đêm lành lạnh luồn qua tà áo cũ. Khi đã mỏi như đôi tay, ông buông mái chèo, ngửa mặt nhìn lên bầu trời đêm thưa thớt sao - những vì tinh tú như giọt nước mắt khô của trời cao. Ngọn đèn dầu trước mũi đò bỗng chập chờn rồi tắt ngấm.

“Cho quá giang một chuyến được không, ông Mười?” Giọng nói bất ngờ vang lên khiến ông giật mình. Một người đàn ông trẻ đáng cao gầy đứng ở đầu đò, áo dài đen phất phơ trong gió, khuôn mặt trắng bệch như sương đêm nhưng đôi mắt lại ấm áp lạ thường.

“Ông là ai? Sao biết tên tôi?” - Ông Mười lấp bắp.

“Tôi đã theo dõi những chuyến đò của ông lâu lắm rồi. Hôm nay là chuyến cuối, nên đến đưa ông sang bờ bên kia.”

Không hỏi thêm, ông Mười chậm rãi nhắc mái chèo. Con đò nhẹ nhàng rẽ nước. Hai người đàn ông đối diện trong im lặng, chỉ có tiếng nước vỗ vào mạn đò và tiếng gió thì thầm. Khi bờ bên kia đã hiện ra mờ ảo, ông Mười mới lên tiếng:

“Ông là ai?”

“Tôi là người đưa tiễn. Cũng như ông, nhưng tôi đưa người ta qua bờ cõi khác.”

Một cơn lạnh chạy dọc sống lưng ông Mười, không phải vì sợ hãi mà là sự chấp nhận đang dần hé mở. Có lẽ ông đã cảm nhận được sự hiện diện này từ lâu, trong những đêm một mình trên sông, trong những giấc mơ chập chờn.

“Đến lúc tôi đi rồi sao?” - Giọng ông bỗng trở nên nhẹ bẫng.

Người khách gật đầu, rồi nói thêm: “Nhưng nếu ông còn điều gì vương vấn, tôi có thể đợi. Chiếc đò này đã đưa bao

người sang sông, hôm nay có lẽ đến lượt ông cần một chuyến đi cuối.”

Trong khoảnh khắc ấy, ông Mười như thấy hiện về khuôn mặt người vợ hiền, tiếng cười đùa của những đứa con thuở nhỏ. Mắt ông cay xè. Khi đèn chập bện, người khách bước xuống, nói lời cuối: “Ông cứ chèo, khi nào mệt thì nghỉ. Tôi sẽ đợi.”

Rồi bóng người ấy tan vào màn sương đêm, mảnh mai như một làn khói. Cơn gió cuối thổi qua, cuốn theo tiếng nước róc rách như lời tiễn biệt. Ông biết, đêm nay, ông đã chèo chuyến đèn cuối cùng – không phải cho ai khác, mà là cho chính mình. Ông Mười ngồi lặng hồi lâu, rồi quay chèo. Mái chèo rít lên một tiếng mỗi một, nhưng trong lòng ông lại nhẹ tênh. Đêm ấy, ông không cất đèn. Ông để nó trôi – như để tiễn một phần đời mình, mà cũng như giữ lời hứa: “Mai mốt, tôi sẽ lại chèo thêm một chuyến nữa.”

Sáng hôm ấy, điện thoại reo vang trong căn hộ chung cư Sài Gòn của con Sáu. Đầu dây bên kia, giọng ông Bảy nghẹn ngào xen lẫn tiếng sóng vỗ:

“Ba con... đã đi chuyến đèn cuối cùng đêm qua rồi. Sáng ra, bến vắng chỉ còn ngọn đèn dầu leo lét...”

Chiếc điện thoại suýt rơi khỏi tay con Sáu. Mấy lon cá hộp rơi lộp bộp xuống sàn mà cô không hay. Tai ù đi một lúc, cô chỉ kịp hỏi:

“Ba ... ba con đâu rồi? Đã tìm thấy chưa?” - Giọng cô run rẩy.

“Chưa. Nhưng chắc ông không đi xa đâu. ông để lại tất cả: chìa khóa, cuốn sổ ghi chép, cả ngọn đèn thấp sáng suốt đêm... Chỉ có con đèn là không còn nữa.”

Trên chuyến xe tốc hành về quê, con Sáu nhìn những cánh đồng lúa trải dài bên đường mà mắt cay xè. Mỗi khúc

cua, mỗi rặng dừa nghiêng bóng đều như cửa sâu vào trái tim cô. Cô chợt nhận ra, những lần giục ba bán đồ lên phố, tưởng là thương ba, hóa ra lại đang tước đi lý tồn tại của đời ông. Ngôi nhà nhỏ bên sông vẫn y nguyên như thuở nào. Căn buồng khách gọn gàng, trên bàn vẫn còn đó lá thư ba viết với nét chữ run run nhưng rành mạch:

“Tụi bây đừng buồn. Ba chỉ chèo thêm một chuyến cuối, rồi nghỉ ngơi. Đồ này ba để lại, biết đâu sau này có đứa nào đó còn muốn giữ nghề...”

Bên cạnh là cuốn sổ tay cũ kỹ, ghi chép tỉ mỉ từng năm nước lớn nước ròng, từng người khách, từng lời dặn của ai đó khi qua đò, cả những chuyện lật vạt như “bà Năm đánh rơi đôi dép”, “thằng Tý hát nghêu ngao mỗi lần được ngồi trước mũi đò”. Mỗi trang giấy ố vàng là cả một đời người thấm đẫm hương sông nước.

Đêm xuống, con Sáu ra ngồi nơi bến đò xưa. Gió sông mơn man mái tóc cô như bàn tay ba vuốt ve. Trong bóng tối, cô tưởng như nghe thấy tiếng mái chèo khua nước, thấy bóng hình lưng còng của ba đang lằm lũi đẩy đò ra dòng. Một cảm giác bình yên kỳ lạ tràn ngập tâm hồn.

Sáng hôm sau, cô gọi cho đứa em trai ở Thủ Đức:

“Em à, ba để lại con đò rồi. Chúng mình giữ nghen. Mai mốt, bữa nào con em mình lớn, dẫn tụi nó về, kể cho tụi nó nghe về ông ngoại tụi nó – người chèo đò cuối cùng, người đã sống cả đời với cái nghề chẳng mấy ai nhớ tới, nhưng mà đẹp, thiệt là đẹp.”

Trong nắng mai, bóng con Sáu đứng lặng bên bến sông vắng lặng mênh mang. Dưới chân cô, mặt nước lấp lánh như nghìn mảnh kính vỡ, mỗi mảnh đều phản chiếu hình ảnh một người lái đò già với mái chèo đã trở thành huyền thoại.



Tiệm Ảnh Hết Phim

Lê Tấn Tài

Chiều tháng Chạp, gió chướng về mang theo hơi lạnh se sắt. Tiệm ảnh “*Hồng Hoa*” nằm khiêm tốn bên lề một con hẻm nhỏ gần chợ Vĩnh Long. Tấm bảng hiệu bằng gỗ đã phai sắc đỏ, chỉ còn vài chữ cái gọi lên hình ảnh một thời vàng son: thời người ta xếp hàng để được chụp một tấm ảnh chân dung chính tề để gởi người ở xa hoặc treo trên bàn thờ để lưu lại một khoảnh khắc đời người.

Ông Sáu năm nay ngoài bảy mươi, mái tóc bạc phơ như màu giấy ảnh cũ. Bà Hồng, vợ ông, mất đã hơn hai chục năm, từ đó căn tiệm chỉ còn là nơi ông sống chung với những cuộn phim, mùi hóa chất và ánh đèn huỳnh quang nhợt nhạt. Thời đại kỹ thuật số cuốn mọi thứ đi như nước lũ, người ta không cần đến tiệm ảnh nữa. Chiếc điện thoại nhỏ xíu trong túi đủ sức chụp, chỉnh sửa, chia sẻ, thậm chí lưu giữ cả một đời người. Còn ông và căn tiệm nhỏ của mình như bị lãng quên giữa dòng đời thay đổi chóng mặt. Tiệm ảnh của ông dần trở nên lỗi thời, như chính con người ông vậy.

Hôm ấy, trong lúc dọn dẹp để trả mặt bằng, ông chợt thấy một hộp gỗ nhỏ nằm khuất dưới gầm tủ, nơi chiếc máy rọi ảnh từng đặt ở đó. Bên trong là một cuộn phim màu Kodak,

loại 36 kiểu, đã ngả vàng theo năm tháng.

Tò mò, ông đem cuộn phim vào phòng tối, chậm rãi thực hiện các bước mà đôi tay đã thuộc nằm lòng:.. nước rửa, nước tráng, nước cố định... Ánh đèn đỏ mờ ảo hiện dần lên những hình ảnh đã ngủ yên gần ba chục năm.

Một cô gái. Áo dài trắng. Đứng bên cánh cổng trường cũ. Tay giữ tà áo bay. Mắt nhìn nghiêng – như đang đợi ai.

Ông Sáu thờ dốc.

“Liên...”

Cái tên thốt ra khe khẽ. Cô gái hàng xóm năm nào, từng học chung lớp chín với ông, rồi thi rớt, lấy chồng, theo chồng về Biên Hòa. Có lần về quê, cô ghé tiệm chụp ảnh – chỉ một lần duy nhất. Hôm ấy, bà Hồng vắng nhà, tiệm chỉ có ông. Cô ngồi trên chiếc ghế gỗ cũ, nở nụ cười ngại ngùng. Ông nhìn cô qua ống kính, lặng lẽ bấm máy, không dám nói gì, càng không dám giữ lại tấm hình ấy. Nhưng cuộn phim sơ sót chưa tráng đã bị lãng quên, nằm lại trong góc tối suốt bao năm.

Ông ngồi bàn thân giữa căn phòng chật hẹp, những tấm ảnh rửa xong phơi trên dây như chùm ký ức chín mọng. Ông cầm lên một tấm, đưa dưới ánh đèn. Gương mặt ấy vẫn trẻ trung, vẫn trong veo, vẫn đợi chờ một điều gì chưa bao giờ đến.

Bên ngoài, trời chớm mưa. Tiếng tôn rì rách vang lên như tiếng vọng từ quá khứ xa xôi.

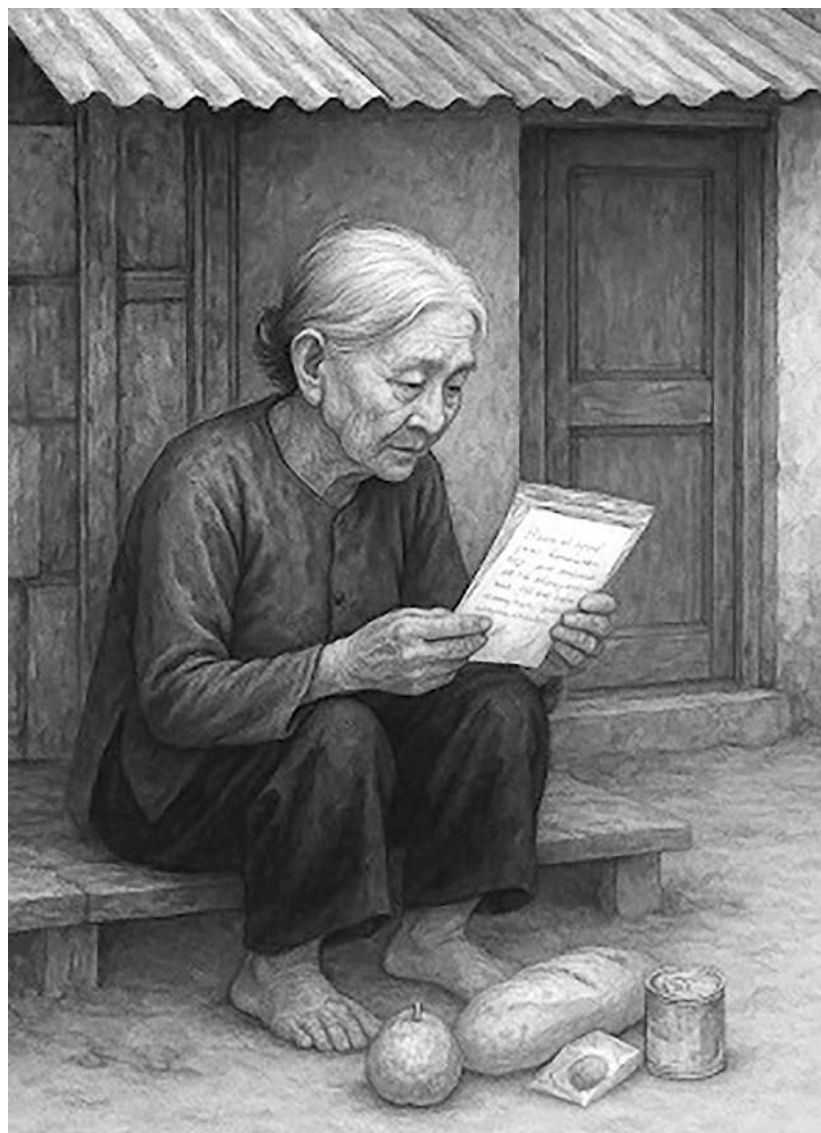
Ông nhớ lại cái Tết năm Liên đi. Bữa đó, ông đang đứng lau ống kính thì nghe tiếng gọi ngoài cửa. Cô ghé ngang, đem cho bà Hồng một hộp mứt me, rồi quay sang chào ông: “Chắc tụi con đi luôn, chú Sáu giữ gìn sức khỏe nghen.” Cô

cười, ánh mắt buồn nhưng sáng như sao hôm. Ông chỉ kịp gật đầu. Không ngờ là lần cuối.

Sáng hôm sau, ông chọn tấm ảnh đẹp nhất, lồng vào khung gỗ sẫm màu, đặt lên kệ cao nhất trong tiệm. Dưới bức hình, ông viết tay bằng nét chữ run run: “Ảnh cuối cùng. Kính tặng một thời chưa kịp gọi tên.”

Vài ngày sau, tiệm “Hồng Hoa” đóng cửa vĩnh viễn. Người ta bảo ông Sáu về quê sống với đứa cháu. Căn nhà nhỏ được sang cho tiệm sửa điện thoại.

Chỉ còn bức ảnh cô gái trong khung gỗ vẫn nằm lại đó – như một mảnh ký ức mỏng manh, lưu giữ chút ánh sáng của một thời người ta còn chụp ảnh bằng phim.



Dưới Mái Tôn Cũ

Lê Tấn Tài

*T*rưa nào cũng vậy, nắng gắt đến cháy da, mái tôn nhà bà Tám rít lên ken két như tiếng kêu oằn oại của một thân thể già nua trở mình trong cơn oi bức. Căn chái nhỏ nằm cuối con hẻm đất, tường vá vúi bằng ván gỗ mốc meo và bìa carton ngấm nước mưa loang lổ, lợp bằng tấm tôn đã ngả màu rỉ sét. Dưới mái tôn đó, bà Tám sống lặng lẽ, một mình, với chiếc bóng của chính mình.

Không radio, không tivi. Thính giác bà đã kém, nhưng bà vẫn nghe được từng hơi thở của ngôi nhà: tiếng gió lọt qua khe cửa như tiếng thở dài, tiếng con mèo hoang cào lên mái rơm đàng sau từng hồi khắc khoải, và... tiếng bước chân.

Tiếng bước chân quen thuộc, đều đều mỗi buổi sáng nhịp nhàng như chiếc đồng hồ treo tường đã ngừng kêu từ lâu. Không nói không rằng, người ấy đi ngang, dừng lại một chút – một khoảng lặng đủ để nỗi nhớ chạm vào ngưỡng cửa – rồi lại đi. Mỗi lần như vậy, khi bà Tám mở cửa ra, sẽ có một vật gì đó nằm yên trước thềm: một trái ổi vừa chín tới còn phảng phất hương đồng nội, một ổ bánh mì lạt ấm nóng hơi tay, khi thì gói muối vừng được gói bằng tờ báo cũ, lúc lại lon sữa đặc có nắp bật sẵn như một lời chào thầm lặng. Không tên,

không lời nhẩn.

Bà Tám lần đầu tưởng là mấy đứa nhỏ xóm trên. Bà ra chờ thử, nhưng chỉ thấy cái bóng khuất sau dãy nhà tôn. Có hôm, bà cố ngồi chờ trong bóng râm, nhưng người đó nhanh hơn bà tưởng. Để món quà lại nhanh như chớp, rồi biến mất.

Bà không hỏi ai. Có lẽ vì trong lòng bà, sự im lặng đó cũng là một loại tình thân – thứ tình cảm không cần lời, như mạch nước ngầm thấm qua kẽ đất khô.

Chiều chủ nhật, tiếng trẻ con nô đùa vang lên từ đầu hẻm. “Tao bắt được mầy rồi!” – “Chạy đi, thằng Khánh rượt kia!” Những bước chân rầm rập xô đẩy nhau qua vũng nước mưa còn đọng lại, tiếng cười giòn tan như bắp rang. Bà Tám ngồi trên thềm, bàn tay nhăn nheo đang nhặt từng hạt đậu xanh. Đột nhiên, một quả banh nhựa văng tới, lăn vào chân bà.

“Bà ơi, ném giùm con!” – thằng bé mặt lấm lấm mồ hôi la lên. Bà cúi xuống nhặt, ném trả bằng một cái vung tay yếu ớt. Quả banh rơi xuống đất ngay trước mặt nó. “Bà già quá, ném không nổi!” – lũ trẻ cười rúc rích, rồi ào đi như đàn chim sẻ.

Bà thờ dài, mắt dõi theo bóng chúng khuất sau dãy nhà ồn ào. Trong căn chái lặng im, chỉ còn tiếng con mèo mướp nằm cuộn tròn trên chiếu, thờ đều đều. Bà với tay lấy cái radio cũ, vặn nút như thói quen, dù biết nó đã hỏng từ lâu. Một sự im lặng rỗng tuếch đáp lại.

Ngoài kia, tiếng một bà mẹ trẻ gọi con về ăn tối: “Bin ơi, má nấu canh chua cá lóc này!” Giọng nói ngọt như mía lùi, khiến bà Tám bất chợt nhớ cái dáng nhỏ năm nào cũng chạy ừa vào bếp mỗi chiều: “Ngoại ơi, hôm nay ăn gì?”

Bà đứng dậy, bưng tô cơm nguội với vài cọng rau muống

luộc. Tiếng đũa gõ vào thành tô nghe chỏi tai trong căn bếp tối om. Bên kia bức tường mỏng, tiếng tivi nhà hàng xóm đang râm ran chương trình “Gặp nhau cuối tuần”, tiếng cười nói xuyên qua vách gỗ như một thế giới khác.

Ngày xưa, nhà bà Tám có năm đứa con, nhưng đứa thì chết trận nằm lại nơi rừng sâu biên giới, đứa thì bỏ xứ đi theo tiếng gọi của miền đất hứa, đứa còn lại thì đi làm ăn xa, lâu lâu mới về thăm một lần cho có lệ. Chỉ có hồi đó, bà từng nuôi một đứa nhỏ không phải ruột rà.

Mùa mưa năm ấy, con bé sốt li bì suốt ba ngày. Con sốt đến dữ dội như trận lũ quét qua làng, khiến thân hình nhỏ bé của nó co giật từng hồi. Bà Tám thức trắng đêm, đôi bàn tay gầy guộc không ngừng thay khăn ướt lên trán nó. “Ngoại đây rồi, cứ nằm im...” – giọng bà khàn đục, hòa cùng tiếng mưa rì rầm trên mái tôn.

Bà nấu cháo hành, múc từng thìa nhỏ thổi nguội. Con bé nuốt trong mê man, giọt nước mắt chảy dài xuống gối cũ. “Má... ơi...” – nó thều thào. Bà Tám không nói gì, chỉ khẽ ôm nó vào lòng, hơi ấm từ đôi tay bà như tấm chăn mỏng chắn lại cơn gió lạnh lùa qua khe vách.

Sáng hôm sau, bà đi bộ năm cây số đến chợ, đổi ve chai lấy gói thuốc nam. Người ta bảo: “Bà già rồi, đừng cố nuôi đứa không phải máu mủ!” Bà cười, nắm chặt gói thuốc trong tay: “Nó gọi tôi bằng ngoại, tức là nó đã thuộc về tôi rồi.”

Những ngày nó bình phục, bà dạy nó nhổ tóc sâu, vá lại chiếc áo đứt chỉ. Đêm đêm, tiếng bà ru nho nhỏ: “À ơi... má ơi đừng gả con xa...” Con bé nằm cuộn tròn như con mèo con, ngón tay nắm chặt vạt áo bà như sợ bà biến mất.

Nó là con gái của chị Hồng bán vé số, chết khi mới ba mươi vì sốt xuất huyết – căn bệnh cướp đi người mẹ trẻ như

cơn gió bất chợt thổi bay tờ vé số cuối cùng. Bà Tám bảy giờ còn khoẻ, thấy con nhỏ ngồi khóc bên đống ve chai của má nó – những mảnh vụn của một tuổi thơ vỡ tan – thì đưa về nhà. Nuôi chừng hai năm, tới khi người dì bên nội lên rước nó về quê Bến Tre, bà cũng chẳng giữ vì nghĩ nó cần một mái nhà nguyên vẹn hơn. Từ đó bật tin.

Hai năm ngắn ngủi ấy, với bà, là cả một đời yêu thương không cần gọi tên.

Có lần, bà mơ thấy nó, tóc dài che nửa mặt, đứng ngoài cửa kêu “ngoại ơi” – giọng gọi mơ hồ như tiếng vọng từ một kiếp trước. Tỉnh dậy, bà cứ ngồi hoài ngoài thềm, chờ tiếng gọi đó lặp lại, nhưng chỉ có tiếng gió và tiếng bước chân.

Một sáng, sau mấy hôm mưa lớn, bà Tám ra mở cửa, thấy một túi nhỏ có tờ giấy được bọc cẩn thận bằng nylon như bọc một mảnh ký ức không dám để ướt. Mắt bà mờ, nhưng cố lắm cũng đọc được dòng chữ run rẩy như nét bút của đứa trẻ năm nào:

“Ngoại ơi, con đã lớn. Con nhớ tiếng ngoại ru, nhớ chén cháo hành ngoại nấu lúc con bệnh. Con không dám tới gần, vì sợ ngoại không nhận ra gương mặt đã phai mờ trong ký ức. Con sẽ vẫn đi ngang, để ngoại biết, con không quên.”

Bà Tám ngồi xuống, gió bỗng thổi qua hiên nhà, làm mái tôn kêu lách cách như tiếng lòng ai đó đang khẽ reo vui. Bà mỉm cười, đưa tay lần theo dòng chữ như lần theo những nếp nhăn thời gian, rồi nhìn xa ra cuối hẻm, nơi có ánh nắng chói chang loé lên sau một chiếc bóng nhỏ đang dần khuất – như một mảnh ký ức cuối cùng còn sót lại.

Gió vẫn thổi. Nắng vẫn gắt. Và tình thương thì vẫn lặng lẽ, như chính những bước chân ấy...

Chiếc Đồng Hồ Cổ

Lê Tấn Tài



Xưa kia, có một ngôi làng nhỏ tên là Thạch Lạc nằm sâu trong thung lũng xanh mướt, bao quanh bởi những ngọn núi cao chót vót và dòng suối róc rách. Người dân nơi đây sống hạnh phúc qua bao thế hệ cho đến một ngày, một phù thủy lạ mặt xuất hiện. Bà ta đến làng, nói rằng mình cần nơi trú chân, nhưng người đứng đầu làng từ chối vì sợ bà mang lại điềm xấu.

Bà hù thủy rời đi trong cơn giận dữ, để lại một lời nguyên ám ảnh cả ngôi làng.

Một ngày nọ, trưởng làng nhận được một món quà bí ẩn: một chiếc đồng hồ cổ được chạm khắc tinh xảo, không giống bất kỳ chiếc nào mà người ta từng thấy, với các bánh răng được làm bằng vàng, bạc, và những viên ngọc phát sáng. Trên mặt đồng hồ có khắc dòng chữ kỳ lạ: “Người nào kiểm soát thời gian sẽ không bao giờ kiểm soát được số phận.” Ban đầu, chiếc đồng hồ trở thành vật trang trí quý giá của làng, được đặt ở trung tâm quảng trường. Nhưng không ai để ý kim đồng hồ chuyển động thất thường, không theo bất kỳ quy luật nào. Có lúc nó quay nhanh đến mức không thể nhìn rõ, có lúc lại ngừng hoàn toàn, như thể đang trêu chọc quy luật thời gian.

Rồi một đêm, một cơn giông lớn kéo đến, một tia sét đánh trúng quảng trường, chiếc đồng hồ phát ra ánh sáng rực rỡ. Nhiều ngày sau, dân làng phát hiện một hiện tượng kỳ lạ: thời gian trong làng bị đảo lộn. Một số người thấy mình bất ngờ dừng lại trong dòng chảy của thời gian. Họ không già đi, không thay đổi, như thể bị đóng băng mãi mãi. Họ mắc kẹt trong khoảnh khắc bất tận, chứng kiến con cháu mình lớn lên, già yếu, rồi qua đời, trong khi bản thân vẫn giữ nguyên hình dạng như ngày xưa. Trong khi đó, những người khác lại chứng kiến thời gian trôi quá nhanh đến mức chỉ sau một đêm, tóc đã bạc trắng, họ từ trẻ trung trở thành già nua, như thể cuộc đời bị rút ngắn.

Cả làng chìm trong nỗi sợ hãi. Những người “không già” bị nguyên rủa, còn những người “già nhanh” thì sống trong tuyệt vọng. Chiếc đồng hồ, vẫn đứng sừng sững ở quảng trường, trở thành biểu tượng của nỗi bất hạnh, nhưng không

ai dám chinh sửa nó vì sợ rằng mọi thứ sẽ trở nên tồi tệ hơn. Trong làng, có một cô gái trẻ tên Tuệ Phong, con của một người “không già” nghĩ rằng bí mật hiện tượng này nằm trong chiếc đồng hồ. Cô bắt đầu quan sát nó mỗi ngày, ghi lại từng chuyển động bất thường. Một đêm, cô phát hiện ra: chiếc đồng hồ không chỉ chạy thất thường mà còn phát ra những âm thanh nhỏ, như thể đang thì thầm.

Tuệ Phong quyết định mở chiếc đồng hồ. Khi tháo chiếc nắp sau, cô thấy một dòng chữ: “Thời gian chỉ là thử thách. Hòa hợp là chìa khóa.” Tuệ Phong tin rằng lời nguyên không phải là sự trừng phạt mà là để dạy dân làng bài học về thời gian và sự quý giá của từng khoảnh khắc sống. Cô bắt đầu hỏi chuyện những người già, lắng nghe câu chuyện của họ, và dần dần, cô hiểu được rằng chính sự ích kỷ và nghi ngờ ban đầu đã dẫn đến thảm kịch này. Cô tập hợp dân làng lại, kể cho họ nghe những gì mình tìm hiểu. Cô kêu gọi họ không nên sợ hãi hay xa lánh nhau mà hãy cùng nhau sống, giúp đỡ và yêu thương. Bằng cách đó, họ sẽ tìm lại được sự bình an.

Dần dần dân làng bắt đầu thay đổi. Những người “không già” tìm thấy ý nghĩa trong việc sống chậm, giúp những người “già nhanh” học cách trân trọng từng giây phút. Họ xây dựng lại sự tin tưởng và tình yêu thương đã mất. Và rồi, vào một buổi sáng sớm, khi ánh nắng đầu tiên chiếu lên chiếc đồng hồ, kim đồng hồ bắt đầu chạy lại đều đặn như chưa từng bị hỏng. Từ đó, thời gian trong làng trở lại bình thường. Người dân giữ chiếc đồng hồ ở quảng trường như một biểu tượng của bài học mà họ đã học được : thời gian có thể biến đổi, nhưng tình yêu và sự đoàn kết mới là sức mạnh thực sự vượt qua mọi thử thách.



Tro Bếp

Lê Tấn Tài

Chiều đỏ vàng qua mái ngói cũ, phủ một lớp rêu mờ và im ắng như thể cả ngôi nhà cũng đang nín thở. Hưng đứng trước cổng, tay nắm chặt chiếc chìa khóa han gỉ. Đã gần mười năm rồi anh không về. Lần cuối, anh chỉ kịp ở lại một đêm rồi vội vã ra đi, để lại sau lưng bóng mẹ lặng lẽ dưới gốc xoài. Bà không nói gì, chỉ gật đầu khi anh hứa: “Rảnh con sẽ về lâu hơn.”

Giờ đây, bà đã nằm yên ở nghĩa trang đầu làng. Căn nhà trống vắng, chỉ còn bụi bặm và mùi tro bếp cũ.

Hưng đẩy cánh cửa kêu cọt kẹt. Không gian ẩm mùi gỗ mục và thời gian. Anh bước vào, từng bước chậm rãi như lần theo những lớp ký ức. Bàn thờ mẹ vẫn còn đó, khói nhang chưa tắt hẳn. Nghe nói bà con lối xóm đã thắp hương cho bà suốt mấy ngày qua. Anh cúi đầu, châm một nén nhang mới, lòng se lại.

Gian bếp vẫn như xưa, chỉ thiếu đi hơi ấm. Cái lò đất bà vẫn dùng để nấu cơm bằng củi nằm co ro nơi góc. Đang định quay đi, anh chợt ngửi thấy mùi tro bếp thoảng nhẹ—mùi khói nồng quen thuộc, lẫn hương cơm cháy, cá khô, mắm dầm me, và cả mùi tay mẹ gầy guộc phúi tro lên mép áo. Một luồng cảm xúc dâng trào trong anh.

Anh kéo chiếc ghế tre ngồi xuống, tay khều nhẹ mấy nhúm tro còn vương lại trong lòng bếp. Bao năm ở thành phố, bữa ăn của anh toàn là cơm tiệm hay đồ nhà hàng. Chẳng nhớ nổi lần cuối ăn cơm nấu bằng củi là khi nào.

Trên kệ, chiếc nồi đất nứt một đường nhỏ vẫn úp ngược, như chờ đợi bàn tay quen thuộc. Tấm khăn rằn bạc màu mẹ thường choàng vai phơi trên sợi dây căng ngang bếp. Mọi thứ dường như đã dừng lại ở một buổi chiều xa xôi nào đó.

Anh mở ngăn tủ bên hông bếp – nơi mẹ thường cất những món lặt vặt – và thấy một mảnh giấy nhỏ kẹp trong quyển sổ tay cũ. Nét chữ nghiêng nghiêng của mẹ:

“Nếu con về, mẹ mừng lắm. Mẹ biết con bận. Nhưng nhớ ngồi ăn với mẹ một bữa, rồi hẵng đi.”

Không trách móc, không nước mắt. Chỉ một dòng chữ ngắn ngủi, đủ khiến anh nghẹn lòng. Đêm xuống, gió từ vườn sau thổi vào làm cửa lá sách kêu lách cách. Hưng nằm trên chiếc giường tre cũ, lắng nghe tiếng dế gáy đầu đó rất xa. Anh nhắm mắt.

Và trong giấc mơ, mẹ hiện ra.

Bà ngồi bên bếp, ánh lửa vàng hắt lên gò má nhăn nheo. Tay thoăn thoắt quạt bếp, tay kia xới cơm ra chén. Mùi khói cay xộc lên mắt, khiến anh không biết mình đang mơ hay thực..

“Dậy ăn cơm đi con. Cơm hơi khét, nhưng có cá rô kho tiêu, mắm ruốc mẹ hầm me rồi.”

Hưng chỉ đứng lặng, nhìn mẹ, như một đứa trẻ chưa kịp lớn.

Sáng hôm sau, nắng nhẹ nhàng len qua mái bếp. Gian nhà vẫn yên như cũ, nhưng trong lòng anh, có gì đó đã khác.

Chiều đó, người môi giới gọi hỏi anh có bán nhà không. Hưng nhìn quanh, rồi trả lời chậm rãi: “Tôi không bán nữa. Tôi sẽ về đây một thời gian. Dọn lại nhà. Và giữ nguyên cái bếp.”

Mùi tro bếp vẫn phảng phất đâu đây.

Như tình mẹ—không thấy được, nhưng không thể mất đi.



Lò Rèn Cuối Xóm

Lê Tấn Tài

Cuối con hẻm đất đỏ dẫn ra cánh đồng cũ, nơi từng có cả dãy nhà mái ngói lợp bằng lá dừa nước - chốn xưa lũ trẻ hay tụm năm tụm bảy chơi bắn bi - giờ chỉ còn trơ trọi một căn lò rèn. Khói đen từ lò ám lên vách ván và mái tôn. Cái lò đã hơn sáu chục năm tuổi, cũng gần bằng tuổi ông Tư Rèn, người thợ rèn cuối cùng trong vùng này.

Ngày trước, lò rèn đỏ lửa quanh năm. Những thanh sắt nung đỏ rực, tiếng búa tạ vang xa khắp xóm, tựa nhịp tim rộn rã của một thời lao động cần cù. Ông Tư rèn đủ thứ, từ liềm, cuốc đến đinh, móc khóa, thậm chí một lần còn đóng cả móng ngựa cho gánh xiếc rong ghé qua.

Người làng bảo, ông Tư không chỉ rèn sắt, mà còn rèn cả con người. Chuyện kể rằng, có lần một đứa bé ăn trộm con dao vừa rèn xong của khách. Ông chẳng những không giận, hôm sau còn đem tới tặng nó một con dao khác.

“Cầm lấy. Dao này bén hơn, nhưng đừng dùng nó cắt đứt đường đời của mình, nghe con.” Đứa bé ấy sau này trở thành ông giáo được cả làng kính trọng.

Năm tháng qua đi, xóm nhỏ thay đổi từng ngày. Đường

nhựa đen óng trái dài đến tận nhà, đèn điện sáng cả đêm, trẻ con không còn chơi bi dưới trăng mà dán mắt vào màn hình điện thoại. Nhà tường mọc lên, xe máy thay xe đạp, rồi tiếng búa cũng vui dần. Cái nghề rèn mà ông Tư theo từ hồi mười lăm tuổi đã thành chuyện đời xưa. Đinh, cuốc, dao, kéo... người ta mua hết trong siêu thị. Người ta không còn cần rèn dao. Siêu thị bán hàng rẻ hơn, sắc hơn, bóng loáng hơn.

Lò rèn của ông Tư giờ như một bức tranh ủa màu thời gian: cũ kỹ như mái tóc bạc phéch của ông, lặng lẽ như lớp tro bám dai dẳng trên vách gỗ. Khách hàng thưa dần rồi biến mất hẳn. Cái lò rèn ấy giờ chỉ còn là ký ức nhạt nhòa, như giấc mơ đỏ rực giữa cuộc đời đang nguội dần thành đông tro tàn.

Chiều mưa ấy, khi tôi trở về thăm xóm cũ, bước chân tự nhiên tìm đến lò rèn xưa. Cánh cửa gỗ vẫn mở rộng như lời chào đón cố hữu, nhưng bên trong, lửa đã tắt từ lâu. Ông Tư ngồi đó, đôi tay gầy guộc run run, đôi mắt vẫn sáng nhưng được buồn xa vắng.

“Cháu nhớ tiếng búa của ông, nhớ mùi khói tro nồng nàn, nhớ cái dao gọt bút chì ông tấn mẩn rèn cho cháu ngày vào lớp Một...”

Ông khẽ cười, bàn tay chai sạn vuốt nhẹ mái tóc ướt mồ hôi của tôi, cử chỉ vẫn trìu mến như thuở tôi còn là cậu bé nghèo cổ ngấm từng nhát búa bốc lửa.

“Giờ chẳng ai cần đồ rèn nữa cháu ạ. Nhưng lửa thì vẫn còn đây.”

Ông chỉ vào ngực mình.

— Còn lửa là còn sống.

Ít lâu sau, giấy báo di dời từ chính quyền về đến tay ông.

Khu đất ấy sẽ được “quy hoạch thành bãi giữ xe và trung tâm sinh hoạt cộng đồng”. Dân làng chẳng ai phản đối. Họ thương ông Tư lắm, nhưng chỉ biết an ủi: “Thôi thì... thời thế đổi thay mà ông Tư. Lò lửa cũng đến lúc nghỉ ngơi thôi.”

Ông Tư chẳng nói lời nào. Chỉ một cái gật đầu nhẹ, nụ cười móm mém hiện lên trong chốc lát rồi tắt. Những ngày sau đó, ông lặng lẽ thu nhặt từng nắm tro tàn, chỉnh lại bệ đe đã mòn vẹt, lục tìm trong góc tối thanh sắt cò sót lại. Và rồi một sớm, ngọn lửa trong lò rền bùng lên lần nữa - lần cuối cùng.

Tiếng búa vang lên chậm rãi, khoan thai như nhịp thở của thời gian.

Ông Tư dồn hết tâm lực vào việc rèn một con dao. Lưỡi dao mỏng tanh uốn cong như trăng non, cán bằng gỗ dừa cũ được ông tỉ mỉ vót nhẵn, mài bóng. Công việc kéo dài suốt ba ngày đêm. Không ai hiểu ông làm con dao để làm gì, cũng chẳng ai dám hỏi.

Đêm cuối cùng, ông thổi tắt bếp lò. Sáng hôm sau, cánh cửa lò rền vẫn khép chặt. Một tuần sau, ông Tư ra đi trong yên lặng. Cả xóm tiền đưa ông dưới bầu trời nắng nhạt. Không kèn trống rộn ràng, không vòng hoa lộng lẫy, chỉ có mấy lưỡi cuốc ri sét cắm nghiêng bên mộ - chứng tích của một đời lam lũ.

Hòa, con trai ông từ thành phố vội vã trở về lo tang lễ. Anh là kỹ sư xây dựng sống ở quận trung tâm, đã lâu không về thăm quê. Thuở nhỏ, cái lò rèn cũ kỹ của cha từng là nỗi ám ảnh tuổi thơ - mỗi khi bạn bè hỏi “cha cậu làm nghề gì?”, Hòa thường ậm ừ lảng tránh.

Sau lễ tang, khi dọn dẹp lò rèn, Hoà tìm thấy con dao được gói kỹ trong miếng vải dầu đen bóng. Bên cạnh là lá

thư viết tay với nét chữ nắn nót, từng nét nghiêng đều như nhịp búa rơi đều tay năm xưa.

“Gửi con trai,

Cha biết con sẽ không theo nghiệp rèn của cha. Cha không trách con đâu. Mỗi thời đại có cách mưu sinh riêng. Nhưng cha muốn trao lại cho con lưỡi dao này - không phải để sử dụng, cũng không phải để cất giữ như báu vật. Hãy giữ nó như giữ cái tâm của người làm nghề.

Dao bén, nhưng không được cắt đứt lương tâm. Tay thợ phải vững ngay cả khi không có ai giám sát.

Dù con làm nghề gì - xây những tòa nhà chọc trời, thiết kế cầu đường hay vẽ nên những bản vẽ kỹ thuật - hãy nhớ: mỗi đường nét, mỗi viên gạch đều phải được đặt xuống bằng cái tâm như nhát búa rèn của cha. Làm cho chuẩn, làm cho bền, làm cho người ta tin, làm bằng cả niềm kiêu hãnh của người thợ.

Lò rèn của cha đã tắt, nhưng ngọn lửa nghề phải sống mãi. Ngọn lửa ấy ở trong cách con sống, cách con đối đãi với công việc và con người.

Cha của con.”

Hòa ngời lạng hàng giờ trước bệ đe cũ, tay nắm chặt lưỡi dao. Đêm ấy, lần đầu tiên sau bao năm, anh mơ thấy cha - hình ảnh người đàn ông nhỏ bé giữa biển lửa đỏ rực, từng nhịp búa chậm rãi nhưng dứt khoát, gõ cho đến khi lưỡi dao thành hình.

Người ta định dỡ bỏ lò rèn, nhưng mấy đứa nhỏ trong xóm đòi giữ lại. Chúng gọi nơi ấy là “Nhà của Lửa” - nơi ông Tư từng dạy chúng cách mài dao, nhưng thực chất là dạy cách giữ cho tâm hồn ngay thẳng giữa một thế giới đầy cong queo.

Căn lò rèn cũ kỹ cuối cùng được giữ lại, không bị san phẳng như kế hoạch ban đầu. Hòa - với tấm lòng của người con hiếu thảo - đã thuyết phục chính quyền biến nó thành “Nhà Lưu Niệm Nghề Rèn”, nơi trưng bày lưỡi dao cuối cùng cùng bức thư đầy tâm huyết của người thợ già. Dân làng gọi nơi ấy bằng cái tên giản dị mà đầy ý nghĩa: “Gian Lửa” - nơi một nghề xưa đã lùi vào dĩ vãng, nhưng đạo làm nghề thì còn mãi.

Mỗi lần đi ngang qua lò rèn cũ, tôi vẫn thấy khung sắt han gỉ, bệ than đã nguội lạnh, chiếc đe nằm im như đang ngủ say. Nhưng tôi biết, nếu lắng lòng mà nghe, vẫn có thể cảm nhận đâu đây tiếng búa vang lên từng nhịp đều đặn.

Bởi trên đời này có những ngọn lửa - không dùng để nung chảy sắt thép - mà để giữ cho ký ức không bao giờ nguội tàn.



Những Giọt Sương

Lê Tấn Tài

Sương rơi luôn gọi lên trong lòng người những cảm xúc bình yên, nhẹ nhàng và đầy thi vị. Có những buổi sớm mai, khi bước chân dạo trên con đường mòn, ta cảm nhận được sự tươi mới và trong lành của không khí, lắng nghe tiếng chim hót líu lo và ngắm nhìn những giọt sương lấp lánh. Mặt trời vừa ló dạng, tỏa ra ánh sáng vàng dịu nhẹ xuyên qua tán cây, sương rơi thấm ướt trên bờ vai, trên mái tóc, lạnh buốt mà lại dễ chịu, tựa như một cái ôm ấm áp của đất trời. Những giọt sương đọng lại nhẹ nhàng trên lá, trên cỏ, trên những bông hoa, lấp lánh như những viên ngọc nhỏ, tạo nên một bức tranh thiên nhiên tuyệt đẹp. Đó là những khoảnh khắc đáng trân trọng, giúp ta kết nối với thiên nhiên và tìm thấy sự an yên trong tâm hồn. Khi làn gió nhẹ thoảng qua, những giọt sương rơi xuống, tạo nên âm thanh dịu dàng, nhịp nhàng trên mặt đất. Mỗi giọt nước như nuôi dưỡng đất mẹ, mang lại sự sống cho cây cỏ. Mỗi giọt sương như chứa đựng cả bầu trời, phản chiếu sắc màu tinh khôi của buổi sớm, mang lại sự trong lành và tươi mới cho vạn vật.

Sương rơi buổi sáng sớm có lẽ là một trong những phép màu nhỏ bé mà thiên nhiên ban tặng. Sương mang đến sự tĩnh lặng, một chút lãng mạn, như thể vạn vật đang chìm trong giấc ngủ sâu và dần thức tỉnh. Cũng giống như sương,

mỗi hành động nhỏ trong thiên nhiên đều có mục đích riêng và góp phần vào một tổng thể lớn lao hơn. Thiên nhiên không phải là một tập hợp hỗn độn của các sự vật và hiện tượng, mà là sự kết nối hài hòa giữa chúng, tương tác và vận hành theo những quy luật khách quan. Như Lão Tử đã từng nói: “Thiên nhiên không vội vàng, nhưng mọi thứ đều được hoàn thành.”

Giọt sương mong manh, nhỏ bé, nhưng lại ẩn chứa một ý niệm sâu sắc về cuộc sống. Sương tồn tại trong khoảnh khắc ngắn ngủi trước khi tan biến dưới ánh mặt trời. Từ sự hiện hữu tạm thời đó, ta có thể suy ngẫm về bản chất của đời sống, về sự tạm bợ của kiếp người, về tính vô thường và mong manh của vạn vật. Như cuộc đời mỗi người, giọt sương hình thành trong đêm rồi tan biến khi ngày mới bắt đầu. Dù có cố níu kéo, những khoảnh khắc đẹp nhất cũng sẽ qua đi, và ta phải học cách chấp nhận, không cưỡng cầu.

Giọt sương không cần phải tỏa sáng rực rỡ như mặt trời hay mạnh mẽ như gió bão, nhưng nó vẫn có giá trị riêng, làm đẹp cho đời trong sự tĩnh lặng và thuần khiết. Hạnh phúc không phải lúc nào cũng nằm trong những điều to lớn, mà có thể tìm thấy trong sự giản dị, thanh tịnh của cuộc sống hàng ngày.

Giọt sương là kết quả của sự hòa hợp giữa trời và đất, giữa hơi ẩm và khí lạnh của đêm. Nó gợi nhắc ta về sự kết nối mật thiết giữa con người với thiên nhiên, về mối quan hệ hỗ tương giữa các yếu tố trong vũ trụ. Chúng ta cũng như giọt sương, là một phần nhỏ bé của tổng thể vũ trụ rộng lớn, sống nhờ và gắn kết với các yếu tố xung quanh, hòa mình vào thiên nhiên, đồng thời hiểu rằng mọi vật đều có vai trò và giá trị trong sự tồn tại của nó.

Giọt sương long lanh, trong trẻo, không mang theo bụi bặm hay tạp chất, giống như những giá trị chân thật và cao đẹp trong cuộc sống. Giọt sương là ẩn dụ về một cuộc sống dù đầy rẫy khó khăn, hãy giữ cho tâm hồn mình luôn trong sáng, không bị ảnh hưởng bởi những thứ tạp nham, không cần phải so đo, tính toán với đời.

Cuối cùng, giọt sương hiện diện ngắn ngủi nhưng cũng là một phần của dòng chảy vĩnh hằng của tự nhiên. Nó không thật sự biến mất mà chỉ chuyển hóa thành hơi nước, bay lên và rồi sẽ trở lại dưới dạng mưa hoặc sương đêm. Đây là quy luật luân hồi trong cuộc đời: không có gì thật sự mất đi, mà chỉ thay đổi hình thức. Đời là sự chuyển đổi liên tục, mỗi giai đoạn đều có ý nghĩa trong chu kỳ lớn hơn của sự tồn tại.

Vạn vật thiên hình vạn trạng, mềm cứng khác nhau, có và không, nhưng lại đồng nhất trong cùng một thể tánh gọi là Phật tánh. Thiên nhiên hòa làm một với chính mình. Giọt sương trên đầu ngọn cỏ sẽ nhanh chóng tan biến dưới ánh mặt trời, nhưng trong khoảnh khắc tồn tại ngắn ngủi, giọt sương vẫn trọn vẹn mang theo vẻ đẹp của sự chuyển hóa. Vì thế, Tô Thùy Yên cảm ơn hạt sương, dù mong manh, đã điểm tô cho cuộc đời này thêm thăng hoa..

“Ta về như hạt sương trên cỏ

Kết tụ sâu nhân thế chuyển dời

Bé bỏng cũng thì sinh, dị, diệt

Tội tình chi lắm nữa, người ơi! (Ta về)”

Những giọt sương rơi đọng lại dưới những tán cây, trên những phiến lá, những cánh hoa... sau một đêm dài, khi

không khí lạnh và hơi nước cùng nhau tụ lại. Giọt sương không tan biến nhanh chóng như những đám mây, không vững bền như dòng nước, không nhẹ nhàng hòa tan vào không khí, và cũng chẳng ào ạt mạnh mẽ như cơn mưa. Giọt sương chỉ giữ cho đất ẩm, làm dịu mát một bông hoa, và lặng lẽ cuốn đi lớp bụi bám trên lá. Giọt sương không làm đất ngập lụt, chẳng thể nuôi dưỡng một cây xanh, cũng chẳng thể tạo thành một dòng nước lớn. Một chút vô thường, đừng tan biến nhanh như áng mây để lòng người không vương vấn khi đêm xuống. Một chút vĩnh cửu, vì đó chỉ là một khát vọng hão huyền, không bao giờ thuộc về con người. Một chút lấp lánh, vì khi tia nắng ban mai lên, giọt sương sẽ tan biến. Một chút bình yên, vì nếu lặng lẽ quá, sự tồn tại của giọt sương không còn ý nghĩa gì nữa.

Tân Niên Cảm Tác

Lê Tấn Tài



Tết Dương Lịch, người Việt còn gọi là “Tết Tây”, là một lễ quan trọng, đánh dấu khởi đầu của một năm mới. Đây là thời điểm để ta nhìn lại những gì đã qua và đặt ra những mục tiêu, hy vọng cho tương lai. Vào ngày này, không khí khắp nơi trở nên rộn ràng và tươi vui. Tại nhiều quốc gia, mọi người thường tổ chức các buổi tiệc, tụ họp gia đình và bạn bè. Đêm giao thừa, các màn pháo hoa rực rỡ thấp sáng bầu trời, như lời chào đón một năm mới với bao điều tốt đẹp. Nhiều người cũng có thói

quen gửi đi những lời chúc ý nghĩa, mong rằng một năm tràn đầy hạnh phúc, sức khỏe và thành công sẽ đến với tất cả. Ở Việt Nam, dù Tết Nguyên Đán mang ý nghĩa truyền thống sâu sắc hơn, Tết Dương Lịch vẫn được chào đón với sự phấn khích. Đây là dịp để nghỉ ngơi, tận hưởng thời gian bên người thân và chuẩn bị cho những hành trình mới.

Ngày đầu năm ở quê người, ngoài khung cửa sổ, tuyết phủ trắng xóa. Gió lạnh len lỏi qua từng kẽ lá, làm không gian càng thêm tĩnh mịch. Trong khoảnh khắc ấy, ngồi bên lò sưởi ấm áp, kẻ tha hương chợt thấy lòng mình vừa bình yên, vừa man mác nỗi nhớ quê hương. Ngọn lửa nhảy múa trong lò sưởi như đang kể những câu chuyện cũ. Có phải ngày này trước đây, ở quê nhà, là cảnh gia đình quây quần bên nhau? Có tiếng cười giòn tan của trẻ nhỏ, tiếng chúc tụng rộn ràng của người lớn, và hương vị thân thuộc của bữa cơm gia đình? Những kỷ ức ấy ủa về, khiến họ không khỏi chạnh lòng. Giữa nỗi nhớ da diết, những lúc cô đơn nơi đất khách quê người là cơ hội để nhìn lại hành trình đã qua. Họ lạc lối giữa dòng người xa lạ và không ít lần, chùn bước trước những thử thách. Thế nhưng, chính những ngày tháng ấy đã tôi luyện cho họ sự kiên nhẫn, lòng mạnh mẽ và quyết tâm để tiến lên. Người xa xứ biết ơn những khó khăn đã giúp họ trưởng thành, âm thầm gửi lời chúc đến quê hương, gia đình và chính bản thân mình. Ở bất cứ nơi đâu, họ vẫn luôn giữ trong tim ngọn lửa yêu thương, niềm tin và hy vọng mãnh liệt. Những bông tuyết ngoài kia, dù lạnh lẽo, lại đẹp đẽ đến nao lòng. Chúng như nhắc nhở rằng, mỗi người tha hương đều có thể tìm thấy vẻ đẹp và ý nghĩa trong hành trình của mình. Một năm mới bắt đầu, những giấc mơ vẫn chờ được thực hiện, và con đường phía trước vẫn đầy hứa hẹn.

Trong cái tĩnh lặng của mùa đông tuyết phủ, người già

thường ngồi lặng yên, đôi mắt dõi theo một khoảng trời xa xăm, như tìm lại những mảnh ký ức đã cũ. Thời gian trôi nhanh như bóng câu qua cửa, để lại trong lòng họ biết bao nỗi niềm khó nói. Ngày đầu năm không chỉ là sự khởi đầu, mà còn là lời nhắc nhở về những tháng năm đã qua. Họ nhớ về năm xưa, khi mái tóc còn xanh, sức khỏe còn dồi dào, gia đình quây quần bên nhau. Hồi ấy, bữa cơm ngày Tết có thể không dư dả, nhưng tiếng cười nói thì chẳng bao giờ vơi. Giờ đây, khi con cái lớn lên, mỗi người một ngả, niềm vui sum họp trở thành điều xa xỉ. Họ thường nghĩ nhiều hơn về sự trôi chảy của thời gian, hiểu rằng, mỗi năm mới đến, cũng là một năm cũ đi qua, mang theo sức khỏe, mang theo những người thân yêu mà họ chẳng thể giữ mãi bên mình. Điều đó khiến lòng họ đầy trăn trở, liệu mình đã sống đủ trọn vẹn, đã yêu thương đủ nhiều hay chưa? Nhưng không chỉ có nỗi buồn, họ cũng tìm thấy niềm an ủi trong những điều nhỏ bé, trân trọng từng phút giây còn được sống, còn được nhìn thấy con cháu trưởng thành, còn được nghe tiếng cười trong trẻo vang lên trong ngôi nhà. Với họ, hạnh phúc không phải là những điều lớn lao, mà là những khoảnh khắc bình dị nhưng đầy ý nghĩa. Họ chỉ mong một điều rằng con cháu luôn khỏe mạnh, gia đình luôn hòa thuận, và dù ở nơi đâu, mỗi người đều nhớ về gốc rễ của mình. Đối với họ, năm mới không chỉ là lời chào đón tương lai, mà còn là sự tiếp nối của những giá trị xưa cũ – những điều đã làm nên ý nghĩa cuộc đời.

Năm mới đến như một ngưỡng cửa để ta tạm dừng lại, chiêm nghiệm và bày tỏ lòng biết ơn đối với cuộc đời. Đây là thời khắc chuyển giao giữa năm cũ và năm mới, nhắc nhở ta sống tích cực, yêu thương và trân trọng những điều bình dị trong cuộc sống. Đồng thời, cũng là dịp nuôi dưỡng hy vọng và hướng đến những điều tốt đẹp trong tương lai.

Cuộc sống, với tất cả niềm vui và thử thách, đều mang ý nghĩa riêng của nó. Những thành công khiến ta tự hào, những vấp ngã giúp ta trưởng thành. Cảm ơn đời đã cho ta cơ hội được sống, được yêu thương và được trải nghiệm muôn màu của cuộc sống. Năm mới đến thật nhẹ nhàng nhưng lại mang theo những cảm xúc khó tả. Đó là chút bồi hồi khi nhìn lại năm cũ, chút háo hức khi nghĩ về năm mới, và chút suy tư về ý nghĩa của thời gian. Đây là dịp để ta tạm dừng cuộc hành trình bận rộn, học cách trân trọng những điều giản dị như ánh nắng ban mai, nụ cười của người thân hay những giây phút bình yên trong tâm hồn. Cũng là lúc mỗi người tự nhắc nhở bản thân về những dự định phía trước, một lời hứa cải thiện chính mình, một mục tiêu để vươn tới, hay đơn giản chỉ là mong muốn sống trọn vẹn hơn. Ngày đầu năm khê nhắc rằng hạnh phúc không nằm ở đích đến, mà ở từng bước đi đầy ý nghĩa.

Hãy cảm ơn cuộc đời vì đã ban tặng thêm một năm để yêu thương, sửa chữa những sai lầm, và biến ước mơ thành hiện thực. Hãy sống trọn từng khoảnh khắc, để mỗi ngày trở thành một ngày đáng nhớ. Với nhiều người, năm mới là khoảng lặng để nhìn lại. Những thành tựu đạt được, những sai lầm đã qua, những kỷ niệm vui buồn ùa về như một thước phim quay chậm, giúp ta nhận ra rằng, dù thời gian trôi nhanh hay chậm, mọi trải nghiệm đều góp phần tạo nên một bức tranh cuộc sống trọn vẹn.

Trong khoảnh khắc đầu năm, con người dễ mở lòng hơn để mơ về tương lai. Năm mới mang đến cơ hội bắt đầu lại, hoàn thành những kế hoạch dang dở, sống hết mình và yêu thương nhiều hơn. Những lời chúc đầu năm, tuy giản dị, lại chất chứa hy vọng và niềm tin vào những điều tốt đẹp đang chờ đợi. Năm mới không quá rực rỡ như pháo bông hay lộng

lấy với những nghi thức cầu kỳ, nhưng lại ấm áp với sự khởi đầu. Đó là thời gian để gác lại lo toan thường nhật, dành cho gia đình, bạn bè và cho chính bản thân mình. Năm mới mang đến lời nhắc dịu dàng rằng cuộc sống là một hành trình dài, và mỗi ngày đều là cơ hội để ta tiếp tục viết nên câu chuyện của chính mình.

Ngày đầu năm, khi mọi người chuẩn bị cho một hành trình mới đầy hy vọng, những câu chuyện xúc động bất chợt hiện lên trong khoảnh khắc, nhẹ nhàng chạm đến trái tim mỗi người.

Có câu chuyện được kể lại về một người đàn ông vô gia cư tại một thành phố lớn. Vào ngày đầu năm, khi ngồi co ro bên đường, ông bất ngờ nhận được một phần quà nhỏ từ một cậu bé cùng mẹ đi qua. Đó chỉ là một chiếc bánh mì và tấm chăn mỏng, nhưng đối với ông, đó là sự ấm áp mà lâu nay ông chưa từng cảm nhận. Trong ánh mắt của người đàn ông, không chỉ là sự biết ơn mà còn là niềm hy vọng được thắp lên từ lòng tốt giản dị.

Một câu chuyện khác về một gia đình nhỏ ở nông thôn. Người cha làm việc xa quê, không có điều kiện về nhà suốt nhiều năm. Nhưng vào ngày đầu năm mới, ông bất ngờ xuất hiện trước cửa với chiếc ba lô cũ và món quà nhỏ cho các con. Những giọt nước mắt vỡ òa trong hạnh phúc, và tiếng cười rộn ràng xua tan cái lạnh của mùa đông. Đối với gia đình ấy, món quà lớn nhất chính là sự đoàn tụ.

Những câu chuyện rất đơn giản, như một nhóm bạn trẻ tình nguyện dành ngày đầu năm đi thăm các viện dưỡng lão, mang theo những lời chúc, bài hát và những cái ôm ấm áp. Dù không quen biết nhau từ trước, nụ cười và niềm vui mà họ mang lại khiến các cụ già cảm nhận được sự sẻ chia, gắn kết.

Những câu chuyện như thế không chỉ làm cho ngày lễ thêm ý nghĩa, mà còn nhắc nhở chúng ta về giá trị sâu sắc của tình người. Trong từng hành động nhỏ, từng lời chúc ấm áp, ẩn chứa sức mạnh của lòng nhân ái và niềm hy vọng. Vì thế, ngày đầu năm không chỉ là thời khắc để khởi đầu mới, mà còn là dịp để chúng ta gieo những hạt mầm yêu thương vào cuộc sống.

Chuyện Ngày Xưa

Lê Tấn Tài



Ở Mỹ, trường học bắt đầu vào mùa thu, sau ngày lễ Lao Động. Tôi ngắm nhìn quang cảnh tựu trường với một vẻ thần nhiên, không xúc động, vì nó không có một kỷ niệm nào với tôi, dù rằng trong suốt quãng đời dạy học, tôi gắn bó nhiều với những ngày tựu trường và bãi trường. Lâu quá rồi mình đã mất đi những cái mình đã có. Thời gian qua, cuộc đời bụi phủ, có còn phải nhớ nhung ray rút những đền đài cổ mộ hay phải bỏ lại sau lưng những năm tháng cũ đã mất hút và chẳng muốn níu lại làm gì?

Nhưng mùa khai trường năm nay ở đây bỗng nhiên lá ngoài đường rụng nhiều khiến tôi ngậm ngùi nhớ lại những ngày xưa ấy. “Hàng năm cứ vào cuối thu lá ngoài đường rụng nhiều và trên không có những đám mây bàng bạc, lòng tôi lại nao nức những kỷ niệm hoang mang của buổi tựu trường.” (Thanh Tịnh - Tôi đi học)

Đoạn văn đẹp ai mà không nhớ, ai mà không từng nhớ mẹ nắm tay đưa đi học, nhớ nỗi sợ hãi trước cổng trường, những lo lắng khi gặp biết bao nhiêu người lạ mặt... Truyền cảm của văn chương có sức thấm sâu vào tận lòng người là như vậy. Thử đọc đoạn thơ sau đây dù không biết thi sĩ muốn nói gì nhưng vẫn thấy vấn vương trong ta những gì mới mẻ xa lạ ...

*Lạc về đâu rú khe truông
vóc năm ngón nhỏ gieo buồn rã riêng
Tuổi xanh nhiếp dẫn sai miền
đuối xiêu phấn bướm phi tuyền vọng âm
Tuần trắng quấy gánh đau ngầm
côi bờ phơi dựng gió nhăm tin hoa
Em về rắc cỏ tháng ba
xuống trang hồng hạnh tin già in rêu
(Bùi Giáng - Ngàn thu rớt hột)*

Khám phá những con đường mới dù là đường đi, đường đời hay đường đạo cũng là một điều thú vị. Đó là những con đường đưa đến những chân trời mới. Và phải chăng có một chốn bình yên nào đó để chúng ta tìm về khi tóc đã ngả màu sương khói. Phải chăng chốn đó là quê hương với lũy tre làng từng vươn những cánh tay dài vẫy chào người ra đi. Nơi quê người không tìm thấy hình dáng một lũy tre làm bóng mát,

thế giới ảo không thay thế được trong mắt con người, mọi sự so sánh đều khập khểnh. Mỗi người đều mang một phần cuộc sống của ai đó, tận sâu trong trái tim, không thể tách rời, giống như con ốc sên mang trên mình chiếc vỏ nặng nề, dù vô cùng nặng nề vẫn không từ bỏ được, bởi chiếc vỏ ấy đã gắn chặt với cuộc đời nó.

“All joys want eternity. Want deep, profound eternity”
(Nietzsche)

(Niềm vui đòi cái vĩnh cửu của mọi vật, đòi cái vĩnh cửu sâu khôn lường)

Người ta thương nhau tìm về câu hát, nhớ nhau tìm về bến đò đợi sang. Ai cũng có một nơi chốn bình yên để tìm về. Trong hoài niệm của tôi, tôi không thể nào quên được những vẻ đẹp hồn nhiên của quê hương. Thật ra chẳng có gì sâu sắc lắm, nhưng chắc chắn những kẻ lãng tử vẫn mê những con đường quê hơn là những con đường trải nhựa êm ru. Ôi chốn quê, ngày xưa, nơi những thân phận được nuôi dưỡng êm ả, lòng người không toan tính tất bật lo toan, hương vị của thôn quê ngàn năm không đổi.

Miền Nam có những cơn mưa rất lớn, tràn ngập nước. Những cơn mưa nầy như một ân huệ lớn giữa những cơn nắng khắc nghiệt. Ếnh ương, cóc nhái uỳnh oang trong một không gian sâu lắng. Nhìn những mái nhà ngói đỏ sẫm, những hàng tre, hàng cau, hàng dừa, bụi chuối mà như thấy lại chính mình. Đây mới là nguồn thiên nhiên vĩnh hằng. Ở nhà quê, nơi đâu cũng có một giếng nước và một bụi tre. Giếng sâu thăm thẳm, ầm lạnh rêu phong... Dòng nước là nguồn sống và bụi tre là cái trụ của người dân quê. Lẩn thẩn nhớ món canh măng, nhớ bụi tre tàu, hàng lồ ô, căn nhà tranh ọp ẹp, mùi vỏ bưởi khô đốt đuổi muỗi, dưới ánh đèn

dầu leo lét đưa bé ngồi học bài. Ngoài sân đom đóm bay lập lòe. Đêm nghe tiếng chông tre kêu cọt két...

Những hình ảnh giản dị thô sơ đó, không rêu phong cổ kính, không náo nhiệt ồn ào, cũng gom được nhiều kỷ niệm mà cần phải viết nếu không sẽ quên mất. Đây là những cảm xúc chất ngất trong hồn và mang mang hoài vọng của một người đặt chân lên khoảng sân nhỏ ngày nào, nơi có mái tranh và người mẹ hiền chập chờn gây trúc từng canh, tựa cửa chờ con từng ngày trở lại quê xưa. Đây cũng là một cuộc hành trình về quá khứ có nhiều nước mắt... Đã là một cõi quê nhà, tất cả dù có đổi thay nhưng cây đa, mái đình, sân trường, hàng hiên, vẫn tràn qua bao nỗi nhớ. Xa thì nhớ, nhưng đến gần thì lại càng thấy xa. Hồn xưa đã gọi vào tiếng thời gian hay là hồi trống thu không vang lên báo ngày đã hết.

Và bây giờ các con tôi đâu còn biết bụi tre tàu, đâu còn biết được những đoạn đời, những dặm đường cách trở của cha nó khi xưa...

Đường Về Thiên Thai

Lê Tấn Tài

Đời người ngắn ngủi, thế gian loạn lạc, cuộc sống khổ cực, bởi thế con người thích mộng tưởng viễn vông, mơ ước một cõi nào đó như một vùng đất hứa mà không hề hiện hữu trên thế gian này. Thiên thai là một chốn thần tiên mà người ta mong muốn được thấy và được bước vào. Người làm thơ, viết văn, soạn nhạc cứ dựa vào những hoài vọng đó mà thêu dệt những câu chuyện, những vũ khúc nghệ thường để hư ảo hóa cõi thần tiên, nơi có cuộc sống vĩnh cửu, có hoa thơm cỏ lạ, có dòng suối ngọc, có động Đào Nguyên, tiếng nhạc trầm vang khắp nơi, hoa đào mãi mãi tươi thắm, đèn trăng sáng dịu mơ màng chiếu rọi các nàng tiên vui múa...

“Nhớ Lưu Nguyễn ngày xưa lạc tới Đào Nguyên...” (Văn Cao)

Hai gã lãng du Lưu Thần, Nguyễn Triệu mãi miết ngược dòng suối, say mê đi tìm cây thuốc, lạc tới Đào Nguyên, không biết đường nào quay trở lại. Hai chàng gặp hai tiên nữ và lấy làm vợ. Song, Lưu Thần và Nguyễn Triệu không dứt bỏ được lòng trần, nhớ nhà, nhớ quê, bày tỏ tấm lòng với vợ và xin về trần thế. Hai nàng tiên khóc ròng vì biết rồi đây, cuộc chia ly sẽ là vĩnh viễn, sáu tháng đầy hạnh phúc sẽ không bao giờ trở lại. Lưu Thần, Nguyễn Triệu về đến quê thì phong cảnh đã khác xưa nhiều. Nửa năm tiên giới bằng

bảy thế hệ trần gian. Hai chàng không quen biết một ai và không một ai biết Lưu Thần, Nguyễn Triệu. Hai chàng chán nản, quay trở lại núi Thiên Thai. Tìm mấy ngày, Lưu Nguyễn chẳng thấy cửa động. Cửa động Thiên Thai đã đóng rồi. Hai chàng vào rừng, và không ai thấy trở ra.

Tuy nhiên, chuyện Từ Thức cỡi áo từ quan để ngao du sơn thủy còn lãng mạn hơn nữa. Từ Thức một lần ra cửa biển Thần Phù, chèo thuyền ngắm cảnh và làm một bài thơ khắc trên vách núi đá. Bỗng từ vách núi nứt ra một cửa động, chàng bước vào, thì đây là một chốn bồng lai tráng lệ. Chàng đang mải mê thì có hai thiếu nữ áo xanh mời chàng vào và cửa hang liền khép lại. Chàng được đưa tới gặp một tiên nữ áo trắng. Vị tiên cho biết chàng sẽ kết duyên với con gái của bà là Giáng Hương - cô gái được chàng cứu trong dịp hội “mẫu đơn” năm nào. Từ Thức cùng Giáng Hương sống những ngày hạnh phúc ở cõi tiên. Nhưng ở chốn cực lạc, chàng vẫn không nguôi nhớ quê nhà, nhớ những cuộc ngao du. Chàng ngỏ lời được về thăm quê. Khuyên chồng không được, Giáng Hương đành bằng lòng cho chàng cưỡi xe mây về trần. Về tới quê, chàng bàng hoàng vì cảnh quê vẫn như xưa nhưng không còn gặp lại ai chốn quê cũ nữa. Chàng hỏi một cụ già râu tóc bạc phơ ở trong làng và được kể rằng, thuở nhỏ, cụ được nghe nói có ông tam đại tên là Từ Thức treo ấn từ quan, đi ngao du rồi mất tích. Chàng buồn bã chán ngán, một năm tiên giới bằng trăm năm trần gian. Chàng hối hận muốn quay lại cõi tiên, nhưng xe mây đã biến mất, mở phong thư mà Giáng Hương trao cho lúc tiễn biệt, thì đây chính là lời ly biệt.

Nghe chưa đủ thú vị cho những chàng sợ vợ, đó là chuyện kể của Washington Irving về một anh chàng Rip Van Winkle. Truyện chép rằng: Anh ta rất sợ vợ như Socrate bên Tây, hay Khương Tử Nha bên Tàu, nhưng khác với Socrate

chuyên ngồi lì ở bậc cửa, với Khương Thượng lên đến thạch bàn bên sông Vị ngồi câu, anh ta bèn thoát ly lên dãy Catskill Mountains soi bóng bên dòng Hudson River. Anh ta lên đó uống rượu với mấy gã lùn, ngủ qua đêm, hôm sau trở lại nhà với nỗi lo nghe vợ mắng. Thế mà sao làng mạc đã khác xưa. Cư dân đông đúc mà chẳng mặt nào quen. Hỏi về một anh chàng Rip Van Winkle nào đó thì các bậc bô lão cho biết ông cố đó đã biệt tích trên núi Catskill lâu rồi, hỏi về bà Rip Van Winkle thì được biết bà đã qua đời 18 năm về trước. Điều này làm anh ta hân hoan và thở phào nhẹ nhõm. Trở trêu thay, anh ta rất vui khi trốn thoát được bà vợ dữ, nhưng tim anh se thắt khi anh phải sống một mình trên cõi đời. Anh không phải là anh nữa. Anh cũng không phải là người khác. (Also, he was happy to have escaped his wife's domination but his heart died within him. He was alone in the world. He was not himself. He was not somebody else.) Người đương thời mà Rip gặp là ai? Là người “tiền bất kiến cổ nhân, hậu bất kiến lai giả” (Nhìn về phía trước không thấy người xưa, nhìn về phía sau không thấy người mới lại - Thơ Trần Tử Ngang). Ở đây cổ nhân Rip lại gặp người đời sau. Khi người ta đi vào cõi mộng, thì chẳng khác chi Rip Van Winkle đi vào thế giới thần tiên của mấy chú lùn. Rồi đến khi chợt tỉnh nhìn quanh thấy lạc lõng giữa thế gian này, người sao mà xa lạ, trong khi người khác cũng nhìn mình như một kẻ phiêu hốt lạ kỳ.

Thiên thai không phải là cảnh thần kỳ, hư cấu, nhưng đó là phản ánh khát vọng của con người về một thế giới vĩnh hằng, tươi đẹp và hạnh phúc. Đó là chốn đẹp nhất, hạnh phúc nhất theo quan niệm của người Phương Đông. Nhưng khi đã từ già chốn tiên trở về cõi trần rồi thì sẽ không có ngày trở lại. Ôi trần ai khổ não, nhưng con người vẫn phải sống ở đây, rồi mộng mị và khi tỉnh lại thì chốn Thiên Thai đã biến

mất. Còn lòng người thì thơ thần, tìm kiếm tiếng lòng tri âm tri kỷ, tìm người tương tri mãi băng quơ... Bước chân một đi không trở lại này không chỉ là bước chuyển động trong không gian, mà còn là bước qua ranh giới giữa hai cõi tiên và cõi trần. Chỉ một bước thôi là mất tất cả. Nhưng làm sao thoát ly cuộc đời. Sự trở về cõi trần của những kẻ lạc vào chốn tiên đường như là sự trở về với thực tại cuộc đời của người mơ mộng. Vâng! Cuộc đời ấy ... dòng đời ấy...con người cứ đi tìm mãi, tha thiết khắc khoải một tiếng lòng tương tri.

“Nửa năm tiên cảnh

Một bước trần ai

Ước cũ duyên thừa có thể thôi

Đá mòn rêu nhạt nước chảy huê trôi

Cái hạc bay lên vút tận trời

Trời đất từ nay xa cách mãi

Cửa động

Đầu non

Đường lối cũ

Nghìn năm thơ thần bóng trắng chơi”

(Tản Đà)

Trong văn chương, thi phú, Thiên Thai không có điện vàng cung ngọc lộng lẫy, đất lưu ly ngời sáng, hào quang rực rỡ... mà chỉ có là đào rơi rắc lối đi, trăng soi cửa động, đầu non, cảnh vật hữu tình y như trên trần gian. Vậy thì thiên thai không phải là hư ảo, cũng không phải ở trong trí tưởng tượng, mà thiên thai là một dạng tâm thức hiển hiện khi con người ở trạng thái vắng lặng và thanh bình. Sự an bình trong nội tâm sẽ đưa con người đến chốn vĩnh hằng của thiên thai.

Viết Cho Bạn Già

Lê Tấn Tài



*T*rong dân gian có câu: “Rượu ngon phải có bạn hiền”.
Nhưng đâu phải có rượu trà mới đãi được khách .
Nguyễn Khuyến giữa lúc nhà gặp khó khăn, đón tiếp bạn từ xa
đến chơi: “Bác đến chơi đây: ta với ta!” Có câu nói: “Bạn có thể
mất một phút để thích một người, một giờ để thương một người,
một ngày để yêu một người. Nhưng phải mất cả đời để quên

một người.” Bạn, người lữ thứ xa nhà, tuổi xế chiều, trở về chốn cũ mong muốn viếng thăm bạn bè. Đó cũng là một lẽ. Còn một lẽ nữa, nhiều người sống trong cảnh đoàn viên, tam đại đồng đường sung túc không ai vội gì tiếp đón bạn. Bạn có những nỗi buồn riêng của bạn, nỗi buồn của những người xa xứ, cái buồn cứ dần dặt, nhưng mới xa rời cố quốc vài ba mươi năm thì dòng thời gian chưa biến hình hẳn, xã hội mới nhác thấy chút đỉnh tang thương mà đã sanh lòng phiền muộn, há đã chẳng sai lầm sao? Sau mỗi lần go home, home sweet home (trở lại ngôi nhà êm ấm) như nhiều người nói, thật ra không có home sweet gì cả, đúng hơn là một chuyến come back to Soriento - lời nghe ngậm ngùi như lời thơ của Nguyễn Khuyển: Vườn Bù chốn cũ, sau bao năm lần thân trở về.

Luận chung về nỗi buồn vui của con người thì tùy thuộc vào tính khí của người đó bị quan hay lạc quan, cấu trúc sinh lý sympathetic (người dễ cảm thông) hay lymphathic (người nhiều dục vọng). Lại nữa còn tùy thuộc vào tâm trạng chủ quan của từng người. Đối với những bậc đạo cao đức trọng, tâm thần an nhiên tự tại thì sống có gì vui, chết có chi buồn, cảm hứng của Khổng, Thích, Lão đều nằm trong câu khái quát mở đầu bài “Xuân dạ yến đào lý viên tự” của Lý Bạch: “Ôi! Trời đất là quán trọ của vạn vật. Thời gian là quán khách của trăm đời mà cuộc phù sinh như giấc mộng....”

Nay luận riêng về nỗi buồn vui trong lãnh vực biệt ly. Trong các tuồng tích xưa nay, vở nào cũng có tình tiết biệt ly nhờ đó mà đẩy kịch tính đến cao trào. Có khúc nhạc được tấu lên trong trường hợp đó. Nhạc điệu này nghe còn ai oán, lâm ly hơn bài “Nghe Trống Nhớ Chàng” (Vọng cổ hoài lang). Đó là khúc “Ở đời khổ nhất biệt ly”. Đã là khổ, ắt không có niềm vui. Biệt ly là hai giềng mối lớn cắt ruột con người: Sinh ly, tử biệt. Chiết tự ra, ly □ có bộ chuy là con chim bay đi, có

lúc cũng bay về, còn biệt □ có bộ đao là con dao chặt đứt. Nhưng đó là quan niệm của những nhà làm Kinh Dịch. Còn trên phạm trù rộng hơn, sinh ly vị tất buồn. Còn tử biệt phải chăng là nguồn vui như Trang Tử gõ thau gõ chậu mà ca hát loạn cuồng? Cũng vị tất.

Trong tập truyện ngắn “Hương rừng Cà Mau” của Sơn Nam có truyện “Mùa len trâu” gần đây đã chuyển thành phim đặt tên “Le gardien de buffle”, nói sao hết ý nghĩa của chữ “len”. Đồng bằng Sông Cửu Long mỗi năm rùng rùng nước lại đổ về mênh mông thành một biển nước 20.000km². Người ta đua nhau len trâu của mình lên miệt Thất Sơn. Ai không điều kiện thì cùng trâu ở lại. Người thì có cá, trâu lại không có rơm. Lây lắt với bông điên điển qua mùa nước nổi. Nước rút hết về biển cả, bầy đất ra thành biển có ngút ngàn. Trâu len từ Thất Sơn lại trở về no tròn. Nhìn lũ trâu ở tại chỗ tro xương, một hàm răng rụng mà thương hại, mà buồn vầy. Trâu no, trâu đói gặp nhau cũng là hình ảnh của cuộc đời. Can chi mà ta thán. Vua Nghiêu gả cùng một lúc hai đứa con gái Nga Hoàng và Nữ Anh cho Thuấn vì nét hiền hiếu của chú rể. Nhưng sử sách ca ngợi vua Thuấn đâu phải vì mối lương duyên đó. Mà trong sách Thế Thuyết chỉ nói đến tình si Lý Thương Ẩn và hai chị em Lư Phi Loan và Lư phi Phụng. Tình bộ ba này đang hồi đẹp như mơ chờ ngày tác hợp, nhưng giai ngẫu bất thành, ông vua bất nhơn bất hai nàng phải tiến cung, chàng ở ngoài đi lang thang. Ngàn sau, người đọc đến chuyện tình của bộ ba này dẫn đến một kết cuộc bi thảm, cả hai nàng đều chết trong cung. Chàng thì điên loạn.

Lý Thương Ẩn nhà thơ tài hoa đời Văn Đường muốn nói gì trong thơ? Lãng mạn ư? Thì cũng được chứ sao. “Tương

kiến thời nan biệt diệc nan” (Gặp nhau đã khó, ly biệt càng khó hơn). Con tằm còn sống còn nhả tơ, chỉ đến khi chết buông xuôi thì nguồn tơ mới cạn. Ngọn nến còn cháy tỏa ra ánh sáng bập bùng là lúc giống như những giọt lệ nồng ấm còn chảy dài, đến khi nến đã tắt rồi, thì những giọt nến không còn nữa, đó chỉ là những giọt lệ khô trên đồng tro tàn:

Ruột tằm đứt đoạn tơ còn vương

Giọt nến thành tro lệ bớt nhòa

(Vô Đề - Lý Thương Ẩn)

Có gì là lãng mạn? Sợ người ta phê phán Lão Trương 85 tuổi ve vãn Tiên Bửu, cô gái chèo đò 15 tuổi chẳng? Như Nguyễn Tịch, ai cũng biết anh chàng này là một trong bảy người hiền rừng tre, nhìn đời bằng cặp mắt trắng, ngày ngày đi vào rừng đến chỗ đường cùng ngồi khóc. Nhưng ít ai biết anh ta khi say rượu - là chuyện thường ngày - thường hay nằm ngủ bên cạnh vợ anh bán rượu. Anh chủ quán rất nhiều lần dò xét, chỉ thấy ngủ vậy thôi, không còn nghi ngờ gì nữa. Chẳng là chị vợ này quá đẹp. Nguyễn ta uống rượu thường thức cái đẹp của người đàn bà rồi ngủ quên luôn (a pure romantist). Đây là chủ nghĩa lãng mạn phương Đông.

Các bạn trẻ còn sống thêm vài chục năm nữa. Người già rồi thì chỉ còn sống vài năm thôi. Hãy tự tìm những niềm vui cho chính mình. Vui là tự trong lòng mình phát sinh như chàng rể vui đêm động phòng hoa chúc. Anh hàng xóm không thể cùng vui với chú rể được. Hay như Huệ Tử đứng trên cầu xem cá lội cũng vui.

“Kìa xem đàn cá vui lội tung tăng”.

Liệt Tử bắt bẻ : “Ngươi không phải là cá sao biết cá vui”.

Đáp: “Ta tuy không là cá nhưng ngươi không phải là ta,

làm sao biết được ta khi ta biết được cá vui”.

Tự trung, có ba nguồn vui mà Khổng Tử cho là chánh đáng nhất được đặt lên hàng đầu trong những lời dạy của mình. Chẳng đúng hay sao?

- Học nhi thời tập chi, bất diệc lạc hồ. (Học rồi mà tùy thời ôn tập, lại chẳng đẹp lòng sao?) - Hữu bằng tự viễn phương lai, bất diệc lạc hồ. (Có bạn bè từ phương xa đến, lại chẳng vui thích sao?) - Nhon bất tri nhi bất uẩn, hựu bất diệc lạc hồ. (Người ta không biết đến mình, mà mình không giận hờn, chẳng phải là bậc quân tử đó sao?)

Lấy một câu. “Hữu bằng tự viễn phương lai bất diệc lạc hồ”. Thế nào là viễn phương cực đại? Là nửa vòng trái đất. Do đó niềm vui cũng cực đại. Đã là cực đại, thế mà còn có cái cực đại hơn nữa. Như thế này: một người bạn xa cách ở viễn phương cực đại ghé thăm bạn cũ. Là một niềm vui cực đại.

Mạnh Hạo Nhiên đời Đường qua bài thơ “Qui Chung Nam sơn” than thở: “Bất tài minh chủ khí, đa bệnh cố nhân sơ...” (Không có tài thì vua coi thường, lắm bệnh tật thì bạn cũ cũng lánh xa.) Cho nên trong đám cố nhân cũng như bằng hữu viễn phương vì mình “đa bệnh - già rồi tất nhiên đủ thứ bệnh...” nên tất cả đều lánh xa, vắng lai bất lối cũng có chi đáng phiền trách. Nay có một người phương xa đến thăm chuyện trò tương đắc, tâm đầu ý hợp, hết tuần rượu này đến tuần trà khác; như thế chẳng phải trên cái cực đại còn có cái cực đại khác nữa, có đúng không?

Nam tước De Montespan có một lâu đài tuy không uy nghi nhưng cũng đáng gọi là bề thế. Nhưng nam tước không hề sống trong đó mà phải ở ngoài hoa viên vì Nostradamus bảo rằng lâu đài quá cổ, tích tụ nhiều linh khí, sống trong đó không thọ. Thế mà một hôm, công tước D'Angoulême

đến viếng. Nên biết rằng trong giai hệ phong tước giữa hai người là một trời, một vực. Họ “Đờ” Montespan phải khúm núm nhập nha để tiếp đón họ “Đờ” Angoulême và rước công tước vào lầu đài ngủ trọ. Ngày hôm sau, nam tước lăn đùng ra chết, vì đã dám đi vào lầu đài chết chóc. Đúng là cái chết của nhà quý tộc (la mort par courtoisie.)

Đời nếu có một người vui với cái vui của mình, buồn với cái buồn của mình thật không mẫn nguyện lắm sao? Và nếu có phải chết vì bạn cũng đâu có gì là bi thảm? Sân ga là nơi đầy những kịch bản vui buồn, người trở về hôn hờ tươi cười, người tiễn biệt đầm đìa mắt lệ ... Nhưng có phải người về là thật gần và người đi là thật xa? Xa gần là do nơi mình, có gì đâu mà vui với buồn.

Dòng Đời

Lê Tấn Tài



Ta ra đời giống như bước xuống một chiếc thuyền xuôi dòng sông vô định về miền đất hứa. Thời gian là dòng sông trôi chảy không ngưng nghỉ. Cuộc đời là con thuyền phiêu dạt, bập bênh, chìm nổi trong bể dâu. Người xuống thuyền mang theo nhiều ước mơ, hi vọng, nhưng thuyền đời đâu được êm xuôi và dòng sông thời gian đâu phải lúc nào cũng phẳng lặng. Thời gian có lúc yên nghỉ, tĩnh lặng nhưng cũng có lúc giông to, gió lớn. Cuộc hành trình về miền đất hứa trải qua nhiều cuộc hội ngộ, chia ly. Có khi lưu luyến rồi lại lìa xa. Có khi đang nồng ấm rồi chợt phai nhạt. Có những giấc mơ chan hòa hạnh phúc, nhưng cũng có những vết thương đau nhói tâm can.

Đầu đời hùng hực dần thân, cuối đời phải học cách buông bỏ. Ngày hôm qua chỉ là một cái bóng - hạnh phúc hay bất hạnh, đôi khi quá lớn phủ mờ hiện tại. Hôm qua đã qua rồi... Cái gì phải quên là quên, có nhớ nhưng mãi cũng chỉ là hoài niệm. Dòng thời gian con người chỉ có ba ngày. Ngày hôm qua dừng để xa rồi mới trân trọng, ngày hôm nay dừng để qua rồi mới tiếc nuối, và ngày mai dừng để sắp đến mà chưa chuẩn bị được gì. Con người đến ngẫu nhiên, sống thuận theo tự nhiên, nỗ lực tận sức là đương nhiên và mất đi là tất nhiên.

Làm người rất khó, đâu phải dễ. Muôn sự do lòng tham, giành giật lẫn nhau rồi sinh ra sân si, trôi nổi trong cõi luân hồi. Làm cách nào ra khỏi chốn này, thì ta đó, đừng sanh sự, đừng tạo nghiệp, chấm dứt những dính mắc, trở về nơi đậm bạc, lương thiện thuần khiết thì tìm ra được bến bờ tươi sáng.

Đằng sau những hào quang chói lọi là những thăng trầm sóng gió. Đằng sau những hành động dũng cảm là những trái tim nồng nàn. Đằng sau những thành công là những nỗ lực kiên trì. Cho dù thế gian hỗn loạn, ta phải tự mình bước đi. Tương lai tươi sáng không hẳn là nơi có ánh sáng mặt trời, những nơi sương lam mờ ảo là nơi cảnh vật đẹp nhất. Không cần vội vã đi tìm hạnh phúc. Hạnh phúc khi ta không bỏ lỡ dịp hoa nở, không bỏ hẹn đêm trăng mờ... Cuộc sống hạnh phúc là lấy trầm mặc để suy nghiệm bản thân, lấy nụ cười để đáp lễ người ngoài, lấy trái tim yêu thương để làm tươi mát những gì khô khan cần cỗi. Không cần phú quý vinh hoa, cuộc sống bình thường, vụn vặt, có mảng sáng, mảng tối, nhưng không bao giờ đen tối vĩnh viễn, dứt đi cái sinh sự, cái nghiệp duyên, trở về trái tim nguyên sơ thì bao giờ cũng tươi đẹp, an lành.

Một Chút Thoáng Qua

Lê Tấn Tài



Một chút thoáng qua cuộc đời, và hình như người ta thấy cuộc đời chẳng có gì quan trọng, cuối cùng rồi cũng như nhau cả. Giàu có, sung sướng, hạnh phúc, hay nghèo túng, khổ sở, lấm than, mức đến của mọi người có khác gì nhau đâu? Lúc nằm xuống, từ vua chúa quyền uy tột đỉnh, lễ tang tiền hô hậu ủng, kèn trống vang trời, đến kẻ ăn mày cơ cực, bó trong chiếu rách, âm thầm đưa ra nghĩa địa, tất cả có khác gì đâu, chỉ là sự giả biệt. Người chết nào biết gì, chỉ có người sống ồn ào bàn tán, cảm hờn chửi rủa, hoặc buồn đau thương tiếc...

Cuộc đời tự nó không có đau khổ, không có phiền muộn, lo âu, nó giống như chiếc tàu hành trình đang về đích. Cuộc hành trình có nhiều điểm dừng, có người sẽ tiếp tục đồng hành với ta, có người sẽ rời xa ta mãi mãi... Không ai có thể đi cùng ta từ đầu đến cuối cuộc hành trình. Ta sẽ chứng kiến nhiều người lên xuống và nếu như may mắn ta sẽ gặp được người cùng đi với mình một chặng.

Người sinh ra, lớn lên, già đi, rồi mất hút...khi tuổi già đã tới, những bi kịch của tàn phai, cuối cùng cũng chỉ là một cuộc chơi, để rồi trắng tay lúc trở về cát bụi. Tuổi xuân chớp mắt một cái là qua, nếp nhăn sẽ mỗi ngày một nhiều hơn, ta không thể ngăn cản năm tháng làm tàn phai nhan sắc bên ngoài, nhưng ta có thể giữ cái “tâm” bên trong được mài giũa dần theo thời gian, giống như hạt cát bên trong những con trai, theo năm tháng sẽ dần dần trở thành viên ngọc sáng loáng, đợi tới khi già đi, ta vẫn có thể dùng sự lộng lẫy của viên trân châu soi sáng đoạn hành trình cuối cùng.

Danh vọng là hư ảo. Của cải là phù phiếm. Một chút hoan lạc hay khổ lụy chỉ là gia vị cho cuộc đời đắng - cay - chua - ngọt... Suy nghĩ quá nhiều làm thêm phức tạp, cuộc sống thật ra rất đơn giản. Những gì đã qua, cho qua. Biết cách buông xả, giữ lại những điều cần lưu giữ, buông bỏ những gì cần buông bỏ. “Giữa sóng gió cuộc đời, ta phải học theo vị thuyền trưởng, ném những vật nặng xuống nước khi trời giông bão, để giảm nhẹ trọng lượng của thuyền.” (Honoré de Balzac). Con thuyền sinh mệnh của ta cũng chẳng thể chở quá nhiều thống khổ nơi quá khứ cộng thêm ưu phiền trong hiện tại.

Cuộc sống có những thời điểm, ta “bị thương”, sẽ khóc than, sẽ vấp ngã, mặc dù đau đớn biết bao, ta vẫn không

quản ngại đuổi theo những thứ cho là hạnh phúc, nhưng rốt cuộc hạnh phúc vẫn cách ta thật là xa... Trong vô minh, người ta cứ mãi chạy theo những ảo ảnh hư không, như bóng trăng dưới nước, chẳng thể biết được rằng mãi mê chạy theo những thứ mình mong muốn, phải chịu nhiều thương tổn. Thời cơ, số mệnh và vận may không phải là điều con người có thể nắm giữ. Trong cuộc đời này, ta sẽ gặp phải nhiều điều chẳng như ý, giữ một tâm thái như thế nào thì sẽ có một cuộc đời như vậy. Những lúc đau khổ, ta phải học cách lặng lẽ mà an ủi bản thân, học cách cho qua. Những lúc tức giận, học cách tự kiềm chế cơn thịnh nộ, không để cho mình nói ra, làm ra những điều sai lầm. Những lúc bị tổn thương, học cách quên đi, quên đi hết cả mọi việc. Những lúc thất bại, học cách tin tưởng bản thân có thể vấp ngã rồi đứng lên, bước tiếp. Trong họa có phúc, trong phúc có họa, mỗi ngày trưởng thành là mỗi ngày phấn đấu, mong đợi một ngày tươi sáng hơn. Phiền muộn chỉ khiến ta lãng phí thời gian, nó không thể thay đổi được điều gì. Điều duy nhất mà nó làm được là chiếm ngự tâm hồn ta, cướp niềm vui của ta.

Đời vốn vô thường. Già nua đưa đến tật bệnh, khi đau ốm, chính là lúc ta nhìn rõ mình nhất, cũng là hiểu mọi người rõ hơn. Và đó cũng là lúc để ta nhìn lại mục đích sống của mình, đâu mới là giá trị đích thực mà ta cần hướng tới.

Ta sẽ hiểu được rằng điều cơ bản của con người là sự cô đơn. Con người sinh ra một mình và mất đi cũng chỉ một mình. Không ai sống thay ta và cũng chẳng ai chết thay ta. Mỗi người có một cuộc sống, một số phận và định mệnh riêng. Do vậy, mỗi người phải tự quyết định đời mình, không chờ đợi một ai có thể thay mình. Cuộc sống mệt rồi thì nghỉ ngơi, ngồi xuống ôm lấy chính mình. Mọi chuyện rồi cũng sẽ qua, cuộc sống nhiều ít cũng chỉ có vậy thôi... Tại sao chiếc

compa có thể vẽ được hình tròn? Bởi vì nó có một điểm trụ, chân quay tròn nhưng tâm không thay đổi. Tâm không vững vàng, đôi chân không bước được. Cà phê đắng hay ngọt không phải ở cách pha chế, mà là ở việc bỏ đường nhiều hay ít. Một cơn đau không phải phụ thuộc vào việc ta quên như thế nào, mà là ở việc ta có can đảm để trụ lại hay không? Tâm, lúc không thoải mái, thì ta xem nhẹ nó đi. Đường có lúc không thông thì ta sẽ chọn đi đường vòng.

Nhân sinh như mộng, khi thăng khi trầm, như vầng trăng khi mờ, khi tỏ, khi khuyết khi tròn, có chi đáng quan tâm. Tình yêu khi nồng, khi nhạt, tự nó đã có hương vị của nhân duyên. Nhịp sống khi vội, khi khoan thì cần giữ tâm bất động, con người vì để tâm mà đau khổ, vì hoài nghi mà tổn thương, nếu biết coi nhẹ sẽ bình an. Ta là khách qua đường trên cõi đời này, chỉ dừng chân tá túc vài ngày nơi quán trọ trần gian, rồi lại vội vã rời đi. Vậy nên tất cả mọi chuyện cứ để tùy duyên, mặc cho con tạo xoay vần!

Hôm nay là đại sự, nhưng ngày mai việc trở thành nhỏ. Năm nay là đại sự nhưng sang năm sẽ là chuyện đã qua. Kiếp này là đại sự, nhưng đến kiếp sau sẽ thành truyền thuyết. Ta cùng lắm cũng chỉ là người có nhiều chuyện xưa mà thôi, cho nên, trong cuộc sống, trong công việc gặp việc không như ý, thì hãy nói với chính bản thân mình rằng: “Hôm nay sẽ là quá khứ, ngày mai sẽ là một ngày mới lại bắt đầu, cần buông bỏ hết thấy mọi thứ.”

Vạn người theo không bằng một người thương; vạn người yêu không bằng một người hiểu. Chuyện tình cảm không ai có lỗi với ai, người không cần thật đẹp, chỉ cần có tình yêu thương; người không cần phải thật giàu, chỉ cần nồng nhiệt, ấm áp. Biết vạn mệnh, biết đậm bạc, đó chính là hạnh phúc!

Cô Đơn

Lê Tấn Tài



Xã hội hiện nay có đầy đủ phương tiện để phục vụ con người, nhưng lại thiếu một trái tim thương cảm, một tấm lòng trắc ẩn, một tâm hồn rộng mở để lấp đầy khoảng trống cho con người. Thời đại càng văn minh, kỹ thuật càng tiến bộ, con người càng cảm thấy lẻ loi, trống vắng, sống như vô hồn, mệnh mang giữa phố phường chật hẹp, đông đúc người, nỗi buồn gặm nhấm trong tâm hồn trống vắng.

“Cô đơn là cho đi mà không có người nhận, là muốn nhận mà chẳng có ai cho. Cô đơn là chờ đợi, mà cái mình chờ đợi

chẳng bao giờ đến. Như hai bờ sông nhìn nhau mà vẫn nghìn trùng cách xa bởi dòng sông, nên cô đơn là gần nhau mà vẫn cách biệt. Không phải cách biệt của không gian mà là cách biệt của cõi lòng.”

Người ta gần nhau mà vẫn xa nhau, vì mỗi người đều có một thế giới khác nhau: thế giới bên trong tâm hồn và thế giới bên ngoài xã hội. Thế giới bên trong sụp đổ thì thế giới bên ngoài hoang vắng, người ta trở thành cô đơn giữa đám đông. Bởi thế người yêu cũng có thể cô đơn ngay khi ở bên nhau. Càng gần nhau càng thấy cách biệt và nỗi cô đơn càng cay nghiệt.

Cô đơn có khi đứng giữa đám đông mà vẫn thấy lạc lõng: mình vẫn muốn sống hòa hợp với mọi người, vẫn có người thân thuộc, vẫn có bạn bè, mà dường như mọi người mãi mê theo đuổi những riêng tư, không hề biết mình có mặt trên cõi đời này. Gia đình là nơi nơi ấm áp và tràn đầy yêu thương, vẫn có những lúc thấy buồn cô đơn. Trong ta đôi khi vẫn có những cảm giác cô đơn như thế. Cảm giác đó đến rất nhanh, nhưng ta vẫn thấy chạnh lòng...

Cùng sống bên nhau, chuyện trò với nhau mà không cảm được nhau, bởi thế J.P. Sartres gọi “Địa ngục chính là tha nhân.”

Cô đơn dẫn đến sợ hãi, tuyệt vọng. Có lẽ con người hôm nay “sống” ít quá, nhưng “tưởng” nhiều quá: tưởng tượng - ảo tưởng - vọng tưởng - mộng tưởng - hoang tưởng - không tưởng - lý tưởng...

Người ta cứ sống mãi với những điều không thực về mình cho nên có những nỗi cô đơn cách biệt, ngưng đọng, bế tắc, đờn đau, nghe như tâm hồn lịm chết giữa vực sâu cuộc đời, vì cái thế giới riêng tư đó chẳng hòa nhập được vào cái thực

tại tàn nhẫn bên ngoài. Nhưng trong cuộc sống, cũng có một khoảnh khắc nào đó ta có những nỗi cô đơn tích cực, gần gũi, ngọt ngào để chữa vết thương lòng. Cô đơn ở đây hướng sang một chiều khác: người ta quay về với chính mình, nhìn lại mình, tìm lại mình trong chân-thiện-mỹ, để từ đó cố gắng sống cho có ý nghĩa từng giây phút của cuộc đời. Đừng bao giờ từ chối mình ngay cả khi thế gian này không còn ai đó để yêu thương, biết nhận ra trong trái tim mình vẫn vun đầy những điều cần chia sẻ.

Xem video trên Youtube:

Cô Đơn



Bọt Biển

Lê Tấn Tài

Có một ngày nào đó, khi đứng bên bờ biển, nhìn những bọt trắng mịn trên mặt nước, lòng tràn đầy cảm xúc, ta thấy mát mẻ, nhẹ nhàng và thư giãn, cảm nhận sự tương phản giữa sức mạnh và sự dịu dàng, giữa thoáng qua và vĩnh cửu. Những bọt biển hình thành những dạng sóng trông như núi, kết hợp với ánh sáng tạo nên khung cảnh hấp dẫn và sống động, tô điểm vẻ đẹp hùng tráng của biển. Bọt trắng xấp xỉ tồn tại và biến mất chỉ trong thoáng chốc. Chúng là sự giao thoa giữa nước biển, không khí và ánh sáng. Những hạt bọt như hạt bong bóng nhỏ, đánh lừa mắt người với sự nhẹ nhàng và mịn màng. Khi ánh mặt trời chiếu xuống, bọt biển phản chiếu những tia sáng lấp lánh, hiện lên một khung cảnh thần tiên và mê hoặc không thể tả được.

Biển rộng lớn, không bến bờ, không ghềnh đá cứng rắn nào ngăn cản sức mạnh của nó. Trên mặt nước, sóng biển như những vũ công tài tình, nhấp nhô lên xuống, âm thanh sóng vỗ nghe như một bản giao hưởng tự nhiên, lòng người say đắm mê mẩn. Và giữa tất cả những cuộc đua, những trận sóng dữ dội, bọt biển luôn nổi bật như những hạt nhẹ bay lượn thoáng qua không gian.

Bọt biển thể hiện sự sống và sự đổi mới của biển. Khi sóng

vỗ bờ, nước biển trở nên sục sôi và xáo trộn. Các hạt bọt nhẹ nhàng bay trên sóng, như những ngọn lửa không ngừng cháy. Đôi khi, chúng có thể tạo thành những đám mây bọt tuyệt đẹp, khơi dậy niềm phấn khởi, trẻ trung cho con người.

Tuy nhiên, bọt biển chỉ tồn tại trong một khoảnh khắc ngắn ngủi trước khi tan biến vào không gian vô hình, khi mọi thứ đang liên tục thay đổi. Chúng chỉ là sự thoáng qua của cuộc sống. Cái đẹp như bao thứ khác: bông hoa, sắc đẹp, tình bạn, tình yêu... rồi cũng nhạt nhòa, phai pha.

Kinh Phổ Diệu cho ta biết rằng:

“Ba cõi phù du mây thu bay.

Sinh tử khác nào vũ điệu say.

Chúng sinh mạng mỏng như chớp lóe,

Trôi nhanh như thác đổ non ghềnh”.

Đoạn kinh nhắc nhở về tính vô thường trong cõi phù sinh. Cuộc sống trôi đi nhanh chóng, hướng về cái chết, giống như điệu nhảy say của vũ công, tia chớp trên bầu trời, chúng liên tục chuyển động và biến đổi không ngừng, dù chỉ trong nháy mắt. Ta không thể biết trước được cảnh giới và thời điểm cái chết đến với ta. Như kinh Suhllekha viết: “Cuộc sống của con người với đủ loại khổ não, không trường tồn, giống như bong bóng nước trước gió. Ta cần nhận thức rằng cuộc sống bình thường là điều kỳ diệu nếu ta có thể hít thở và tỉnh lại sau giấc mê dài”.

Bản chất cuộc sống là vô thường. Mọi người ít ai nhận biết được điều này bởi vì luôn bị cuốn vào vô số ham muốn, tham vọng, hạnh phúc và khổ đau... và cuộc đời trôi qua nhanh

như chớp. “ Bao nhiêu năm rồi còn mãi ra đi, đi đâu loanh quanh cho đời mỗi mệ, trên hai vai ta đôi vầng nhật nguyệt, rọi xuống trăm năm một cõi đi về” (Trịnh Công Sơn - Cõi đi về). Hãy dừng lại một chút trên hành trình vội vã để tĩnh tâm và suy ngẫm rằng thế giới này, không có gì tồn tại vĩnh viễn. Hãy nhận thức rằng kiếp nhân sinh như mộng mị, phù du để ta còn trân trọng và sống cuộc đời ý nghĩa hơn. Trên con đường phiêu bạt, hãy hướng về biển, hòa mình bay lượn cùng bọt biển, thả hồn mình vào những hạt nhẹ màu trắng, để cảm nhận sự quý giá và mong manh của thời gian, hiểu rằng mọi thứ đều thay đổi và trôi qua.



Sao Đêm

Lê Tấn Tài

Nếu có một đêm trải qua dưới bầu trời đầy sao, chúng ta mới biết rằng khi mọi người đang yên giấc, một thế giới huyền bí mở ra trong cô đơn và thình lặng.

Một vương quốc sao lấp lánh trên bầu trời đêm vô tận, trong một khung cảnh lung linh tuyệt đẹp, với hàng triệu ngôi sao sáng rực, từ ánh sáng trắng tinh khiết đến màu vàng ấm áp và thậm chí màu đỏ rực rỡ. Có những vì sao nhỏ bé như hạt bụi bao quanh những ngôi sao lớn hơn phản chiếu ánh sáng xa xôi. Có cả những vì sao mờ ảo, chỉ hiện ra trong những đêm đen. Các vì sao sắp xếp thành những chuỗi ánh sáng vô tận trải dài khắp không gian, hoặc tạo thành những hình dạng tưởng tượng, từ những hình chữ cái đơn giản cho đến những hình khối phức tạp. Chúng đã tồn tại hàng tỷ năm, hình thành và chết đi. Những vì sao khổng lồ nhưng già cỗi đã cháy dần và biến thành những hố đen, nơi không gian bị uốn cong và tạo ra một lực hấp dẫn vô cùng mạnh mẽ. Còn những vì sao trẻ trung và năng động đang cháy sáng, tạo ra năng lượng cho sự tồn tại và phát triển của vũ trụ.

Vũ trụ vô cùng rộng lớn chứa đựng nhiều câu chuyện bất

tận. Mỗi ngôi sao đều có câu chuyện riêng và truyền thuyết riêng, tạo nên sự kỳ diệu và huyền bí của nó. Câu chuyện về chàng chăn cừu xứ Provence của Alphonse Daudet, nhà văn Pháp, từng gọi mê hoặc và tạo ấn tượng sâu sắc trong lòng những người trẻ thời xưa. Dù thời gian trôi qua, nhưng những tia sáng tuyệt đẹp của các vì sao vẫn còn chiếu sáng, không mất đi sự thần tiên của quá khứ.

Hãy nghe chàng chăn cừu kể cho cô chủ anh ta những câu chuyện riêng đó:

“Này, ngay trên đầu chúng ta là dải Ngân Hà, con đường của thánh Jacques. Nó đi thẳng từ Pháp đến Tây Ban Nha. Chính Thánh Jacques de Galice đã lần theo dấu vết đó chỉ đường cho vua Charlemagne tiến đánh quân Sarrasins. Xa hơn nữa, là chùm sao Đại Hùng (còn gọi là sao Bắc Đẩu - Great Bear - Ursa Major), cỗ xe ngựa chở linh hồn với bốn trục bánh xe sáng rực. Ba ngôi sao hàng đầu là ba con vật kéo xe, và ngôi sao bé nhất là người xà ích điều khiển xe. Cô có thấy chung quanh chúng một loạt ngôi sao rơi rụng xuống không? Đó là những linh hồn mà Thượng Đế không muốn chúng đến gần Ngài. Xa hơn một chút là sao Ba Vua (Orion's Belt), ngôi sao được sử dụng như đồng hồ cho những người chăn cừu của chúng tôi. Chỉ cần nhìn chúng, là tôi biết bây giờ đã quá nửa đêm rồi! Thấp hơn một chút, vẫn hướng về phía nam, là ngôi sao Jean de Milan (tức sao Sirius - sao Thiên Lang), ngọn đuốc của các vì sao. Giới chăn cừu chúng tôi đã truyền miệng câu chuyện như thế này: Một đêm nọ, anh chàng Jean de Milan, cùng ba vị vua và ngôi sao Rua (còn gọi là chùm sao Tua Rua - Thất Nữ - Pleiades) được mời đến dự đám cưới của một ngôi sao bạn. Sao Rua theo con đường trên cao, vội vã đi trước. Hãy nhìn nó, ở trên đó, sâu thẳm trên bầu trời. Ba vua đi đường thấp hơn và đuổi

kịp, còn anh chàng lười biếng Jean de Milan, vì ngủ dậy trễ, nằm tận cuối cùng. Anh chàng tức giận, bèn ném cây gậy lên để cản đường. Vì thế sao “Ba Vua” còn được gọi là “Cây Gậy của chàng Jean de Milan”... Nhưng cô chủ ơi, ngôi sao đẹp nhất trong các vì sao, là ngôi sao của chúng tôi, “Ngôi sao của những người chần chừ”, thấp sáng bình minh khi chúng tôi lùa đàn cừu ra đồng, và cả trong buổi chiều tối khi chúng tôi dẫn cừu trở về. Chúng tôi gọi nó là cô nàng Maguelonne (sao Hôm & sao Mai, còn gọi là sao Thái Bạch - Kim Tinh - Venus). Nàng Maguelonne chạy theo chàng sao Pierre de Provence (Thổ Tinh), và cứ bảy năm lại làm đám cưới với chàng một lần.”

Trong đêm tối thăm thẳm, vô vàn những vì sao hiện ra trước mắt, giống những giọt sương thiên thu trong giấc mộng mùa xưa. Con người luôn say mê những gì bí ẩn xa xôi, đứng giữa thế gian này, ngỡ rằng có thể hái được những vì sao trên trời, nhưng làm sao chúng ta có thể hiểu sâu bên trong tận cùng của bóng đêm? Liệu chúng ta có cách nào để hiểu hết ngôn ngữ của những vì sao. Trái tim và trí óc con người không thể thấu hiểu hoàn toàn những bí ẩn của vũ trụ, nhưng có một điều mà chúng ta không nghĩ đến, đó là sự liên kết sâu sắc giữa con người và vũ trụ, và rằng chúng ta là một phần của một sự tồn tại lớn hơn, kết nối với sự vĩnh cửu và vô tận của các thiên hà.. Vòm trời đêm thực sự là một tác phẩm nghệ thuật tuyệt vời, gợi mở những suy nghĩ sâu sắc và cảm hứng sáng tạo. Chúng ta sẽ nhận ra cuộc sống con người là một phần của một hành trình lớn, và rằng chúng ta có vô số cơ hội và khả năng đang chờ đợi chúng ta. Những khoảnh khắc yên tĩnh này cho phép chúng ta đặt câu hỏi về bản thân và tìm kiếm ý nghĩa đích thực của cuộc sống. Sống không chỉ đơn thuần là sống trong hiện tại, mà còn là hướng

đến tương lai với niềm tin và hy vọng.

Phải chăng mỗi người có một “vì sao” của riêng mình, biểu trưng cho sự đam mê, ước vọng của mỗi cá nhân. Người mình yêu phải chăng là một vì sao nhỏ bé, nhưng tỏa sáng và lấp đầy cuộc sống của chúng ta. Và phải chăng mỗi vì sao là một tình yêu chớm nở, xuất hiện và mờ dần...

*Tôi nhìn qua nhà em
Như chờ ngôi sao mọc
Nàng Tiên nào đã khóc
Để vương hạt lệ xanh*

*Ngôi sao vương trên cành
Hóa thân – làm em đỏ
Ôi! Một ngôi sao nhỏ
Sáng mãi trong lòng tôi*

*Từ thửa nào xa xôi
Mấy xuân thu vàng vố
Thắm mến người em nhỏ
Mà thốt chẳng nên lời*

*Như sao giữa vòm trời
Biết đâu tôi nhìn ngắm
Em là bông hồng thắm
Nở giữa trái tim thơ*

*Là sao của giấc mơ
Sáng muôn ngàn cung điệu
Em như nhành liễu yếu
Buông xanh mát lòng người
(Phạm Thiên Thư - Tổ tình)*

Sức hút mạnh của bầu trời đêm lặng im luôn có những vì sao sáng đủ xa để nỗi đau không bao giờ làm mờ nó, đủ gần để bao người gửi gắm tâm sự:

*“Sao vua chín cái nằm kề
Thương em từ thuở mẹ về với cha
Sao vua chín cái nằm ngang
Thương em từ thuở mẹ mang trong lòng
Sao vua chín cái nằm chồng
Thương em từ thuở mẹ bồng trên tay
Sao vua chín cái nằm ngay
Thương em từ thuở biết đi biết bò.”
(Ca dao)*

Thình thoảng xuất hiện một ngôi sao băng xẹt qua bầu trời, sáng rực trong đêm đen, nghe như thể tiếng thở dài của một linh hồn vừa rời cõi trần gian. Người già thường nói rằng trên dải ngân hà vô tận, mỗi vì sao mang trong mình linh hồn của một người đã mãi đi xa và có thể trở thành biểu tượng và kỷ niệm của chúng ta. Dù xa cách và trở thành cát bụi, nhớ về người đã khuất là cách để giữ gìn hồn người

xưa luôn hiện diện trong trái tim chúng ta. Những dấu vết chỉ biến mất khi chúng ta lãng quên, nhưng sự thật vẫn còn nguyên vẹn, như đóa hoa đêm nở muồn vẫn để lại dư hương cho đến bình minh...

Hình ảnh những vì sao lấp lánh khiến chúng ta mơ mộng và tưởng tượng về những điều tuyệt vời, làm dịu đi những căng thẳng, lo lắng và áp lực của cuộc sống hàng ngày. Nhà văn Pháp Antoine de Saint-Exupéry, trong truyện “Chuyến bay đêm” (Vol de Nuit), đã miêu tả sự cô đơn, xa lạ của các phi công khi bay trong đêm tối mịt, các vì sao trở thành biểu tượng cho những mong ước và hy vọng của họ, qua đó truyền cảm hứng và suy ngẫm về sự tồn tại của con người trong thế giới đầy những giới hạn và những ước mơ chưa thực hiện.

“Thế giới không thay đổi, chỉ có con người mới thay đổi. Vì vậy, có những ngày ta nhìn lên bầu trời và thấy sao lấp lánh, có những ngày ta nhìn lên và thấy sao mờ đi... Với cái mắt thấy được không phải tất cả, và với lòng ta cảm nhận được nhiều hơn. Cảm nhận không phụ thuộc vào mắt mà phụ thuộc vào con tim.” (Antoine de Saint-Exupéry)

Mỗi góc cạnh của cuộc đời lại thấy ánh lên một mặt của tâm trạng con người, lung linh và sáng mãi. Vui có. buồn có, đợi chờ có, nhớ mong có... mọi cung bậc sắc thái tình cảm của con người đều thể hiện trên những vì sao:

Đêm qua ra đứng bờ ao,

Trông cá cá lặn, trông sao sao mờ.

Buồn trông con nhện giăng tơ

Nhện ơi, nhện hỡi nhện chờ mối ai?

Buồn trông chênh chếch sao Mai

Sao ơi, sao hỡi nhớ ai sao mờ?

*Đêm đêm tường dài Ngân Hà,
Chuôi sao tinh Đẩu đã ba năm tròn.
Đá mòn nhưng dạ chẳng mòn,
Tào Khê nước chảy hãy còn trơ trơ.
(Ca dao)*

“Khi tâm trạng bạn vui, ắt hẳn những ngôi sao đó cũng sẽ muôn phần lấp lánh nhưng nếu một ngày, bạn thấy mệt mỏi, nỗi buồn bủa vây, những ngôi sao ấy dù sáng bao nhiêu thì bạn cũng thấy nó mịt mờ, xa vút... Nhưng đừng quên, dù sao chúng vẫn luôn tỏa sáng trên bầu trời, và có thể một ngày nào đó, khi bạn lấy lại niềm tin và hy vọng, bạn sẽ nhìn thấy chúng lại lấp lánh một cách rực rỡ, như muốn nói rằng cuộc sống vẫn còn nhiều điều đẹp để đang chờ đợi bạn” (Saint-Exupéry). Chúng ta không thể đạt đến tận cùng của bóng đêm, nhưng chúng ta có thể để cho tâm trí bay lượn và mở rộng tầm nhìn, khám phá những góc khuất của tâm hồn và sự sâu sắc của sự tồn tại. Những ngôi sao lấp lánh trên bầu trời là một phần của vũ trụ, gọi cho chúng ta cảm giác nhỏ bé nhưng đồng thời cũng là niềm hy vọng và khát vọng vươn lên.



Hương Cầu Mùa Xưa

Lê Tấn Tài

Những ký ức về ngôi làng quê ấm áp và bình yên luôn ẩn sâu trong trái tim tôi. Đó không chỉ là nơi tôi sinh ra, mà còn là nơi đánh thức trong tôi những giá trị về gia đình, tình bạn, mối quan hệ xóm giềng, và cuộc sông hòa nhập với thiên nhiên.

Làng xưa nơi những cơn mưa lớn là món quà trời cho, giúp cho đồng ruộng màu mỡ, cây cỏ xanh tươi. Nhìn giếng sâu thăm đáy nước, tôi cảm nhận được đây là nguồn sống của cả làng xóm. Cạnh giếng là bụi tre mảnh mai, góp phần làm nên vẻ đẹp ngôi làng. Mỗi nhánh chuối, mỗi hàng tre, đều là những câu chuyện đời thường, kể về cuộc sống giản dị, hạnh phúc của người dân quê.

Cây cầu tre uốn cong dẫn qua con rạch, là nơi tôi thường xuyên chạy nhảy cùng các bạn nhỏ. Ngôi nhà quê, với mái ngói dày, những bức tranh treo trên tường, chứa chan bao kỷ niệm đẹp đẽ. Mỗi góc nhỏ trong ngôi nhà xưa đều gợi nhớ về quá khứ ấm êm, về những buổi tối dịu dàng bên gia đình thân thương. Trong đêm, dưới ánh đèn mờ mờ đưa em ngồi học bài. Ếnh ương, ếch nhái kêu uểnh oang bên mương ao, đom đóm bay lập lờ ngoài sân như những ngôi sao nhỏ,

nhấp nhô trên bức tranh đêm yên bình.

Cuộc sống ở đây không chỉ đẹp ở vẻ đẹp tự nhiên mà còn ở trong tâm hồn mến khách và sự hòa thuận của người dân, nơi mà mỗi góc ngách của ngôi làng đều chứa đựng những câu chuyện đầy ý nghĩa và hạnh phúc bình dị. Những trái tim chân thành, hồn nhiên như những đóa hoa dại nở rộ giữa đồng cỏ xanh mướt. Có lẽ đó chính là điều khiến tôi luôn tìm về, nhớ về những khoảnh khắc giản dị nhưng đọng đầy hạnh phúc. Trong tôi, những hình ảnh này mãi mãi sẽ là nguồn cảm hứng không ngừng.

Có một đêm trăng sáng tỏa ánh bạch dương bừng sáng cả khu vườn. Tiếng nước vỗ nhẹ nhàng như lời ru từ biển cả xa xăm. Đó là một đêm trăng tĩnh lặng. Tôi và ông nội ngồi bên nhau dưới bóng cây cổ thụ, ngắm nhìn trăng sao trên bầu trời. Ông kể chuyện về những ông tiên thường xuất hiện trong các gia đình nghèo khó và ban cho họ một vài điều ước. Bỗng nhiên ông hỏi tôi:

- Nếu cháu được một điều ước, thì cháu ước điều gì?

Tôi nghĩ mãi trước khi trả lời, nhưng cuối cùng, chia sẻ một câu chuyện về những điều ước của một nhóm bạn thân tại trường. Chúng tôi thường xuyên ngồi lại với nhau, nói về những ước mơ, những mong muốn lớn lao về tương lai. Có người ước được đi học xa, có người ước mơ trở thành nhà khoa học xuất sắc, và cũng có người ước mong có một thế giới không còn đau khổ và nghèo đói.

Nghe xong, ông nhìn thẳng vào đôi mắt tôi, rồi nói:

- Nếu có một điều ước, ông sẽ ước mọi người đều có một điều ước như ông. Một điều ước không chỉ mang lại hạnh phúc cho bản thân, mà còn lan tỏa niềm vui đến với những người xung quanh. Nhưng cháu ơi, trong thực tế, điều ước

hay nhất không phải là ước mơ về điều gì đó xa xôi, không thể đạt được, mà là điều ước ta có thể thực hiện mỗi ngày. Đôi khi, chúng ta quá mải mê với những ước mơ to lớn, quên mất rằng những hạt sương nhỏ cũng có thể làm thay đổi thiên nhiên. Có lẽ, điều ước đúng nghĩa không chỉ đến từ lời nguyện cầu, mà từ những hành động nho nhỏ. Chúng tôi tiếp tục ngồi dưới bóng trăng, nhưng trong lòng tôi đã hiểu được rằng, điều ước đích thực không đến từ trên bầu trời, mà từ chính con người, và từ tấm lòng yêu thương.

Tôi còn nhớ rõ, một ngày nắng, tôi được mẹ dẫn đi thăm ngoại. Những tia nắng rơi xuống từ trên cao, làm tôi hứng khởi và mong sớm gặp ngoại. Mẹ nhìn tôi với ánh mắt yêu thương và nói:

- Nhà ngoại ở cuối đê, chúng ta đi đến đó.

Trên con đê giữa những cánh đồng, những bóng nắng và bóng râm kề cận nhau như hai người bạn thân thiết. Dưới ánh nắng chói chang, mẹ nắm tay tôi và nói:

- Đi mau lên, nắng cháy da.

Tôi cố gắng đi nhanh, nhưng bước chân nhỏ bé vẫn không thể theo kịp bước chân vững vàng của mẹ. Mỗi bước đi, tôi cảm thấy ánh nắng nặng nề, nhưng vẫn không dám chậm lại. Đường đê gập ghềnh, xa tít, giống như đường đời, nơi mỗi bước chân đều là một thách thức, một hành trình của sự sống. Nhưng chợt, những đám mây bông bênh che khuất ánh nắng, tạo ra những bóng râm trên con đê. Khi bóng râm bắt đầu trùm lên con đê, mẹ không bảo tôi đi chậm lại, nhưng lần này là với giọng mắng:

- Trời mát, mau lên, kéo nắng bảy giờ.

Tôi bối rối và ngỡ ngàng: sao nắng và râm, đều cần phải

vội vã như vậy? Mỗi ngày, tôi đều trải qua giữa nắng và râm.

Khi mẹ mất, một hôm tình cờ tôi bắt gặp thằng em út đứng khóc bên cạnh cây rom, tay cầm mấy cái bã trầu khô mà mẹ vứt bỏ khắp nơi. Thằng Út vò đầu bứt tai, cố gắng giải thích: “Anh ơi, em thấy buồn. Mẹ đi rồi, nhà trống lè quá, em không biết làm gì nên đã đi lượm bã trầu về.” Tôi hiểu rằng Út nhớ mẹ và đang cảm thấy cô đơn. Trong giọt nước mắt của Út, tôi nhìn thấy sự khao khát tình thương và sự bất an trong tâm hồn bé nhỏ. Tôi ôm thằng em vào lòng, cảm thấy lòng ấm áp và yên bình. “Không sao đâu, Út ạ. Anh cũng thấy buồn lắm đấy. Nhưng mình sẽ cùng nhau vượt qua mọi khó khăn, phải không?” Thằng Út gật đầu, vẻ buồn bết đi và thay vào đó là sự tin tưởng. Hai anh em nhìn nhau, đôi mắt lấp lánh hi vọng. Từ đó, mỗi ngày, trái tim nhỏ bé của tôi trở nên ấm áp hơn, bởi tôi biết Út có một tình thương không biên giới, không điều kiện, một tình thương thực sự với mẹ.

Những năm tháng trôi qua, tôi lớn lên và hiểu rõ hơn về khoảnh khắc nắng và râm trong cuộc đời. Mỗi khoảnh khắc đều quý bởi vì chúng đều là một phần của cuộc sống, là những bài học quý báu. Đến một ngày, tôi ghé thăm mộ mẹ. Mộ mẹ đẹp đẽ, được bao phủ bởi một tấm thảm cỏ xanh mướt. Tôi chợt hiểu: cuộc đời luôn diễn ra nhanh chóng, cần phải trân trọng từng khoảnh khắc, vì chúng không bao giờ quay lại. Bóng nắng và bóng râm, giống như niềm vui và nỗi buồn, luôn đi kèm trong hành trình cuộc sống của chúng ta.

San José, đầu thu 2023

Nhớ Tết

Lê Tấn Tài

Trong bài thơ Quê Hương, Giang Nam viết:

“Thuở còn thơ ngày hai buổi đến trường

Yêu quê hương qua từng trang sách nhỏ

“Ai bảo chăn trâu là khổ”

Tôi mơ màng nghe chim hót trên cao

....Xưa yêu quê hương vì có chim, có bướm

Có những ngày trốn học bị đòn roi

Nay yêu quê hương vì trong từng nắm đất

Có một phần xương thịt của em tôi.”

Những dòng thơ thể hiện sự nhẹ nhàng và sâu lắng của ý niệm về quê hương, về những điều đơn giản và thiêng liêng trong cuộc sống. Đôi khi, những gì chúng ta để lại không chỉ vật chất mà còn kỷ niệm, tình cảm và tâm hồn. Nhớ quê, tình cảm với nơi mình sinh ra và lớn lên thường gắn bó sâu đậm trong lòng người. Sự ngọt ngào của quê hương không chỉ đến từ cảnh đẹp tự nhiên mà còn là những giá trị văn hóa và gia đình. Cảm giác yên bình khi hướng về quê nhà thường không thể nào thay thế. Nó mang lại sự an ủi, làm dịu đi những mệt mỏi trong cuộc sống hàng ngày.



Ký ức tuổi thơ thường mang đậm giai điệu êm đềm và nhiều màu sắc. Quê hương là nơi lưu giữ những câu chuyện, những hình ảnh Tết xưa, những trò chơi, những ngày nắng gió đẹp đẽ. Bếp là trung tâm của gia đình, là nơi mọi người tụ tập bên nhau chia sẻ nấu nướng, và thưởng thức bữa cơm đậm bạc nhưng đậm đà...

Với dân quê miền Nam, bánh tét là một món cúng truyền thống, biểu tượng của lòng thành kính sâu sắc từ con cháu. Việc gói bánh tét còn tạo cơ hội cho gia đình gần gũi, trò chuyện và tận hưởng không khí Tết. Mùi thơm của lá chuối và những giai thoại Tết thường là những khoảnh khắc rất đặc biệt và quý báu. Ngồi bên bếp lửa vừa canh chừng nồi bánh, vừa làm ấm cái lạnh cuối năm giữa cỏi lòng đêm yên bình, từng hơi ấm nhẹ nhàng đưa ta trở về những kỷ niệm xưa, nơi những xóm quê xa xôi, rộn ràng trong những ngày cuối năm từ đầu thôn đến cuối xóm, tiếng cối xay lúa, tiếng chà gạo vang lên... Tiếng cười, tiếng nói huyền thoại, chừng nghe tiếng xuân reo vui từ thùng nấu bánh tét, từ bếp lửa rực hồng...

Điều đặc biệt ở ngày Tết là sự chuẩn bị cẩn thận, làm sạch nhà cửa, mua sắm và sửa soạn những bữa cơm đặc biệt. Ở đây, sự nồng nhiệt và lòng hiếu khách của mọi người cũng như ý nghĩa thờ cúng ông bà và mong ước một năm mới tràn đầy hạnh phúc thể hiện rõ nét. Những dấu ấn của Tết có thể khác nhau, nhưng nói chung, chúng vẫn là biểu tượng cho hồn dân tộc, sức sống của mùa xuân và sự cảm thông, chia sẻ, trân trọng với những thân phận và kiếp người. Niềm vui Tết ấy như khởi phát từ lòng người.

Hương xuân lan tỏa từ những bông hoa huệ, vạn thọ, những đoá hoa trường sanh... Nó là hương thơm của quê hương, trong sáng và giản dị. Mỗi ngôi nhà trang trí một góc nhỏ với những bông hoa này để cúng trên bàn thờ. Trên từng cánh hoa, chứa đựng sự quan tâm, chăm sóc của con cháu đã dành cho chúng từ mùa đông, từ khi chúng chỉ là hạt giống, mầm non. Tất cả đều như đóm lửa bùng cháy qua lớp giấy đỏ. Mỗi vật dụng giản dị đều mang trong mình hơi thở của mùa xuân. Người, cây cỏ, hoa lá, động vật, vật nuôi... tất cả hòa mình vào không khí xuân, tất cả được ăn Tết.

Hương Tết kết hợp với hương quê... đậm chất tình thân. Đơn giản, chân phương nhưng đầy lòng trân trọng và kính cẩn. Gió xuân đã về, hương lúa lan tỏa trên những cánh đồng. Những căn nhà rộn ràng với sắc màu mới của năm mới. Hãy dừng lại, lắng nghe hơi thở của mùa xuân, cảm nhận những điều lạ thường, cảm xúc từ sự giao hòa của đất trời... và ca ngợi như một bản tình ca dành cho mùa xuân, với những bông hoa, cỏ cây của ngày mới, với những tình cảm không bao giờ cũ theo mùa: một bông hoa mới hé nụ trước hiên nhà, làn gió đêm mát lành, hay những nỗi nhớ sâu thẳm về quê hương, nơi thuở ấu thơ, lời chúc năm mới, những ước mơ tương lai và những truyền tải cảm xúc mùa xuân.



Ước Mơ

Lê Tấn Tài

Mơ ước là những hạt giống trong tâm hồn, những ý nghĩ tươi sáng mà con người gieo vào trí tuệ để nuôi dưỡng và phát triển. Ước mơ không chỉ là những khát vọng cá nhân mà còn là ngọn lửa thấp sáng niềm tin và hy vọng, là động lực mạnh mẽ thúc đẩy con người vươn lên và trưởng thành. Mỗi người đều có những ước mơ riêng, những khát khao và hoài bão không giống nhau. Đối với một người, mơ ước có thể là hình ảnh của sự thành đạt trong sự nghiệp. Với người khác, mơ ước có thể là hạnh phúc gia đình, điều tưởng chừng nhỏ nhưng lại to lớn với họ, mong ước có được một mái ấm êm đềm, nơi có tình thân yêu thương bao bọc. Mỗi ước mơ là một tác phẩm nghệ thuật riêng biệt, tô điểm cho bức tranh tươi sáng và đầy màu sắc trong tâm hồn mỗi người. Và trong số đó, có những ước mơ đơn giản, nhỏ bé nhưng không bao giờ hiện thực, thường vỡ tan, cay đắng.

Có một gia đình đã trải qua thời thơ ấu trong cảnh nghèo đói. Mỗi chiều, khi ánh hoàng hôn buông xuống, họ quay về căn nhà nhỏ, bên nồi cơm đun khoai sắn. Niềm vui của họ không phải chén cơm đầy áp đồ ăn, mà là ngồi bên nhau, chia sẻ miếng khoai sắn, ríu rít như đàn chim về tổ sau một ngày mệt mỏi. Dù thiếu thốn, họ luôn biết cách nhường nhau phần thức ăn ngon nhất. Người mẹ hạnh phúc khi thấy con

cái chia sẻ và quan tâm lẫn nhau. Thời gian trôi qua, họ lớn lên, mỗi người một con đường. Gia đình ngày càng phát đạt. Đến ngày giỗ cha, nhà đông đủ, nhưng không còn đầm ấm, gần gũi như xưa. Người anh cả than phiền về cây xoài của người em trồng ngay sân nhà anh. Người chị kế trách thằng em út đào ao lấn qua phần đất của chị. Cảnh cãi vã khiến người mẹ buồn bã, và lúc đó, bà lẩm bẩm: “Mẹ ước gì được trở lại thời nghèo khó ngày xưa.”

Ở một gia đình khác trong dịp Giáng Sinh, hai đứa trẻ nhỏ háo hức chờ đợi những món quà dưới cây thông lấp lánh. Cha mẹ chúng hứa gói quà để hai con mở ra vào buổi sáng. Người anh mong đợi chiếc xe đồ chơi mới, trong khi đứa em gái muốn có một búp bê gái đã thấy trong cửa hàng. Cả hai đứa trẻ tin tưởng sẽ nhận được những điều mình mong muốn. Buổi tối, sau khi đọc truyện Giáng Sinh và ăn bánh quy, cả hai đứa trẻ đi ngủ với kỳ vọng vào ngày mai sẽ tràn đầy niềm vui và phấn khích. Nhưng khi đang ngủ say, có tiếng gõ cửa lạ kỳ. Cảnh sát đến, mang theo tin tức kinh hoàng: cha mẹ hai em đã chết vì bị tai nạn xe. Hai đứa trẻ bàng hoàng, không hiểu chuyện gì đang xảy ra. Chúng không tin vào những gì đang nghe. Sáng sớm hôm sau, hai em vẫn hy vọng, muốn mở quà để tìm sự an ủi. Nhưng khi chúng vào phòng khách và nhìn thấy những hộp quà vẫn nguyên vẹn dưới cây thông, bơ vơ, trống vắng. Ước mơ hiện thực nhưng đau đớn xé lòng.

Ngày gần Tết, những đứa trẻ nhặt ve chai dưới gầm cầu mơ ước những bộ quần áo lạnh lặn, bữa cơm no bụng để ăn Tết. Những ước mơ, dù mơ hồ, nhưng trở thành hiện thực khi một nhóm từ thiện đến thăm, mang theo những món quà nhỏ. Một bé trai được tặng bộ quần áo mới, đứa bé gái

nhận được chiếc vòng sáng loá, riêng một em gái nhỏ, mặt mày lợt lem được cặp vợ chồng thân thiện dẫn đi chợ hoa, nắm tay bé gái đi chọn những bông hoa tươi thắm, thậm chí cắt chia một cái bánh chưng nóng hổi. Bé gái lặng im lững thững đi bên cạnh hai người xa lạ với lòng ước ao có một ngày Tết bên cả gia đình, được dắt tay đi dạo quanh chợ hoa, hít thở không khí trong lành của ngày xuân và thường thức niềm vui bên ba mẹ. Từ khi ba mẹ mất, em chỉ sống với bà và chưa bao giờ có được một ngày Tết ấm áp cùng gia đình.

Cuộc sống hạnh phúc thường đến từ những điều nhỏ nhất: bữa ăn cùng gia đình, những cuộc trò chuyện bên ly cà phê, thậm chí chỉ là thời gian ngồi bên bếp lửa vào mùa đông lạnh giá. Cảm giác ấm áp có thể đến từ ngôi nhà, những giây phút sum vầy bên người thân yêu. Đó là cảm giác an toàn, yên bình và sự gắn kết trong gia đình và bạn bè. Đó là hạnh phúc từ những khoảnh khắc chia sẻ, hiểu biết và đùm bọc lẫn nhau. Tuy nhiên những bất hạnh thường đến khi khát vọng của con người không được thực hiện, khi hi vọng biến thành thất vọng. Những trần trở, mát mát và tiếc nuối thường là kết quả của những ước mơ không thành hiện thực. Việc thay đổi góc nhìn, tìm kiếm những điều tích cực trong tình huống không như mong đợi có thể giúp người đời vượt qua cảm giác chán nản và tiếp tục tiến lên. Ngày hôm qua chỉ là ký ức của ngày hôm nay, nhưng ngày mai là giấc mơ của ngày hôm nay.

San José, mùa Giáng Sinh 2023



Chiếc Cầu Vòng

Lê Tấn Tài

Tiết trời buổi chiều êm đềm, ánh nắng vàng rơi trên triền núi như một tấm thảm màu huyền diệu, những đám cỏ úa màu vàng như những cánh hoa nở muồn trên mảnh đất cằn cỗi. Và trong ánh nắng ấy, chiếc cầu vồng hiện lên rực rỡ, như một hồi ức về tình yêu và hy vọng không bao giờ phai mờ. Chút mưa, chút nắng, bảy sắc cầu vồng vẽ lên bức tranh màu giữa trời xanh mênh mông. Nhanh đến, nhanh đi, vẻ đẹp ấy vẫn làm lay động lòng người, khơi dậy niềm cảm xúc sâu lắng. Những điều đẹp để thường chóng vánh tan biến nhưng mặc kệ sự phù du ấy, con người vẫn mê mẩn ánh sáng muôn màu.

Tình yêu mong manh dễ tan vỡ giống như cầu vồng chỉ xuất hiện sau cơn mưa nắng giao hòa. Tương tự, hạnh phúc thực sự thường không đạt được một cách dễ dàng. Nhưng sẽ có một ngày nào, con người cùng nhau ngồi lại và chia sẻ những câu chuyện, những trải nghiệm, và những suy tư dài kỳ để nối chặt lại tình yêu, tình bạn... Đó là một điều tuyệt vời, phải không bạn? Đôi khi, những cuộc trò chuyện đó có thể mở ra những khía cạnh mới, giúp con người hiểu rõ hơn với nhau và về cuộc sống. Hy vọng bạn sẽ có cơ hội đó sớm thôi! Khi cầu vồng hiện lên, ánh nắng ấm áp lại tràn

về, mang lại bình yên trong lòng mỗi người. Những khoảnh khắc mệt mỏi, chỉ cần nhìn thấy cầu vồng, mọi ưu phiền dường như tan biến.

Có những điều hiện diện ngay khi thời tiết thay đổi như cầu vồng, nhưng cũng có điều đòi hỏi chặng đường dài mới thấy được. Liệu thứ bạn tìm kiếm đang ẩn mình nơi đâu? Để thấy được cầu vồng, con người phải chấp nhận trải qua mưa. Sau cơn mưa, trời lại sáng, vậy tại sao bạn cứ sợ hãi trước mưa, thay vì hướng về phía trước để tìm kiếm cầu vồng sau cơn mưa. Sau cơn mưa, trời xanh cao vút, cầu vồng nhẹ nhàng hiện ra phía xa, khiến bạn mỉm cười với những suy tư đã qua - cuộc sống không chỉ là những mảng màu đơn sắc. Cuộc sống là sự kết hợp của nhiều cung bậc cảm xúc, giống như cầu vồng cần đủ bảy sắc để tỏa sáng.

Tìm kiếm một tri kỷ để cùng bước qua những khó khăn của cuộc sống không phải là chuyện đơn giản. Nhưng một khi đã tìm được, bạn cần phải quý trọng họ, giống như bạn cần phải nhanh chóng chiêm ngưỡng vẻ đẹp của cầu vồng trước khi nó biến mất.

Khi bảy màu sắc của cầu vồng được khắc họa, con người nhận ra mỗi màu sắc mang một thông điệp và một cảm xúc riêng, tạo nên bức tranh đa dạng của cuộc sống.

Đỏ: màu của sức mạnh, đam mê và tình yêu, nó như lửa, biểu tượng cho sự chín muồi, sự mạnh mẽ và quyết tâm.

Cam: màu của niềm vui, sự sáng tạo và năng lượng, như ngọn lửa thường trực, nó thúc đẩy sự nhiệt huyết và lòng quả cảm.

Vàng: màu của hạnh phúc, sự ấm áp và ánh sáng, tựa như ánh dương, nó mang lại sự lạc quan và hy vọng.

Xanh lá: màu của thiên nhiên, sự tươi mới và sự phát triển, là sự sống đang bùng bùng, nó nhắc nhở chúng ta về sự tái sinh và sự mới mẻ.

Lam: màu của sự bình yên, sự tin cậy và trí tuệ, như làn nước trong vắt, nó đại diện cho sự thư giãn và sự sâu lắng.

Chàm: màu của sự mơ mộng và trí tưởng tượng, nó như ước mơ trong trái tim, biểu tượng cho sự khao khát và hoài bão.

Tím: màu của sự tinh tế, sự thần bí và tâm linh, như bông hoa đang đợi nở, nó gọi lên sự huyền rữ bí ẩn và sự sâu sắc.

Tình yêu, tình bạn như một dải cầu vồng rực rỡ, có thể nó sẽ không còn hiển hiện trên bầu trời, nhưng trong trái tim mỗi người, nó vẫn luôn là một dải sắc màu kỳ diệu. Với như ánh nắng, như hạt mưa, như tình yêu, như tình bạn tỏa sáng rực rỡ, đẹp để biết bao! Mỗi một trong những yếu tố này, dù là tự nhiên hay cảm xúc con người, đều có sức mạnh riêng biệt để làm cho cuộc sống trở nên phong phú và đáng giá.

Chiếc cầu vồng như một cầu nối giữa đất trời, giữa hiện tại và ước mơ, giữa con người với thiên nhiên và giữa con người với nhau. Cảm giác hạnh phúc mà cầu vồng mang lại cho mỗi người là minh chứng cho sức mạnh của vẻ đẹp, của sự kết hợp hài hòa giữa ánh sáng và nước, giống như cách tình yêu và tình bạn tỏa sáng và làm đẹp cho cuộc đời. Trong cuộc sống có lúc thăng trầm, cảnh sắc tuyệt vời ấy giúp mỗi người tìm thấy sự bình an trong tâm hồn, khích lệ mọi người tiếp tục bước đi trên hành trình của mình với niềm tin và hy vọng.



Những Cơn Mưa

Lê Tấn Tài

Mùa mưa đến, từng giọt mưa rơi đều đặn suốt cả ngày và đêm. Một ngày mới lại bắt đầu với những cơn mưa bất chợt của mùa. Cánh hoa non xanh mơn mớn của bộn bề cảm xúc giờ đổi màu, rụng rơi, tạo nên một mùa nhớ sâu đậm. Mưa khơi dậy trong lòng người những nỗi buồn man mác, có thể là vì mưa, vì những ngày không có nắng. Lại thay, tâm trạng mọi người trở nên nhẹ nhàng hơn, và trời đất dường như cũng trở nên lười biếng theo. Những ngày mưa này thường mang lại cảm giác bình bĩnh, với con phố dài trống trơn, vắng vẻ. Mưa làm dịu đi không khí oi bức của những ngày nắng nóng, không có cái lạnh cắt da như mùa đông hay sự phấn khởi của mùa xuân. Chỉ là sự êm đềm trôi qua, không gì cản trở, không có những suy tư rối bời. Trong ký ức, những hoài niệm không tên vẫn còn đọng lại, như một dấu vết không thể phai mờ... Nhớ những câu chuyện đã lâu chưa kể, nhớ những bản nhạc riêng đã lâu không nghe, nhớ những góc trời xa xăm đã lâu không tìm về, nhớ những khuôn mặt quen đã lâu không gặp, và nhớ những kỷ niệm đã lâu không hề lãng quên. Dường như giờ đây, không còn nụ cười hồn nhiên tắm mưa của tuổi thơ, không còn sắc màu lãng mạn của tuổi mộng mơ như những ngày trước. Cơn mưa giống như một người bạn đồng hành, che giấu những giọt nước

mắt cùng những cảm xúc khó tả như chú hề Charlot tâm sự: “Tôi thích đi dưới mưa, để không ai có thể thấy tôi đang khóc”. Cuộc sống khiến chúng ta dày dạn hơn, và có lẽ chỉ qua mưa, những giọt nước mắt cũng được thanh thoi rơi. Trong mưa chúng ta thường tưởng tượng về những câu chuyện tình, những kỷ niệm đáng nhớ, và những khoảnh khắc đẹp trong cuộc sống. Nhưng mưa của ngày hôm nay liệu có khác biệt so với mưa của quá khứ, hay là do chính chúng ta đã thay đổi quá nhiều, khiến mỗi giọt mưa cũng trở nên phôi pha? Có điều kỳ lạ khi tiếng cười có vẻ giống như khóc trong im lặng, và những giọt mưa trông giống như nước mắt mà không mang theo nỗi đau. Mưa là một nguồn cảm hứng đầy mê hoặc, và nó thường đánh thức những tầng cảm xúc sâu thẳm trong tâm hồn.

Ký ức về những buổi chiều mưa thường ăn sâu vào tâm trí của nhiều người từ khi còn bé. Mỗi khi trời mưa, những ngày xưa ấy, trẻ quê thường chạy ra ngoài tắm mưa hoặc đứng dưới mái hiên nhà, nghe tiếng rì rào của những giọt mưa rơi xuống đất, ngửi mùi đất ẩm. Vào những buổi chiều mưa ấy, gia đình thường ngồi lại bên nhau, uống trà và kể chuyện, tạo nên một không gian hòa hợp, ấm áp. Khi lớn lên, đời sống ở thành phố, mưa không còn cảm giác mênh mang như trước. Nó mang đến cho mọi người những cảm xúc phức tạp hơn. Mưa buồn khi đứng giữa phố đông người, nhìn những người qua lại vội vã, chắc hẳn có người cảm thấy mình lạc lõng và cô đơn. Mưa làm cho thành phố trở nên lãng mạn và u buồn hơn. Trong đêm, những giọt mưa như những nốt nhạc buồn, khiến những trái tim đang vấp ngã lại đau đốn và run rẩy. “Đêm mưa làm nhớ không gian, lòng run thêm lạnh nổi hàn bao la..” (Huy Cận). Mỗi đêm, cơn mưa như một điệu nhảy lặp đi lặp lại, kỷ niệm trôi dạt.

Bàng Bá Lân trong bài thơ “Bốn Mùa Mưa” sử dụng hình ảnh của mưa nói lên cảm xúc của tác giả đối với mưa qua từng mùa, mỗi mùa mưa mang theo một ý nghĩa riêng biệt, từ sự phấn khích của mùa xuân đến sự tĩnh lặng của mùa đông.

*“Ta yêu mưa bốn mùa,
Nghe nhạc trùng rên rì,
Giun khóc chân tường, dế than dưới cỏ,
Nhạc sầu dâng buồn bã suốt năm canh.
Ta thích đêm mưa, nằm sát cửa sau màn.
Nghe gió rít từng hồi qua kẻ hở,
Nghe gió đập tàu tiêu, mưa nức nở..
Nghe hồn mưa than thở với hồn ta!”*



Những cơn mưa xuân nhẹ nhàng bay lượn, không ào ạt như mưa mùa hạ, không lạnh căm như mưa mùa đông. Những giọt mưa nhỏ xíu, bay phất phơ trong bầu trời. Mưa

xuân rơi trên mái tóc dài, trên vạt áo, rơi lên những cánh hoa, những đám cỏ non xanh mướt. Mưa xuân như một viên ngọc lấp lánh giống như một tấm khăn mỏng che phủ lên gương mặt duyên dáng của nàng xuân. Đằng sau lớp vải mỏng ấy là những cành cây khô nảy mầm, là muôn ngàn hoa lá tỏa sắc đẹp, và là trái tim tràn dâng đầy tình yêu thương. Có lẽ vì vậy mà khi mưa xuân không đến, mọi người cảm thấy như mùa xuân chưa trọn vẹn...

Mùa hè trôi qua với những cơn mưa bất chợt, đến rồi lại đi, mùa của những đàn chim bay bay, chao nghiêng trên cánh đồng lúa, dưới ánh nắng gay gắt, làm rõ thêm những vết nhăn trên khuôn mặt người già nua. Những đám mây đen bồng bênh, tiếng sấm vang vọng, và mưa rào đổ xuống, làm cho đất đai khô cằn trở nên mềm mại. Trong tiếng mưa, những lời thề nguyện tan biến theo bão giông và trong trái tim thốn thức. Những giấc mơ mùa hạ của những con chim non sắp xa trường đã bay mất, chờ đợi ngày chúng trở thành những kỷ niệm.

Mùa thu đến, bầu trời cao vợi vợi, trên mặt nước êm đềm soi bóng những vòm cây, mang theo hương cúc bay xa, cơn gió heo mây, se se lạnh, đưa chúng ta vào một thế giới trầm lặng. Mây đen bồng bênh kéo về, che phủ cả bầu trời. Mưa thu ối, lòng người trào dâng yêu thương, lá vàng rơi như lá biệt ly, những giọt mưa nhẹ nhàng gọi nhớ nỗi đau tình của chàng Ngưu ả Chức bên bờ sông Ngân.

Khi gió mùa tràn về, đó là dấu hiệu mùa đông đến. Khí hậu lạnh giá và đường phố trở nên êm đềm hơn bình thường. Hai hàng cây ven đường đã rũ bỏ những lá cuối cùng, cùng với những cành cây trần trụi, khê khàng chịu đựng cái lạnh của mùa. Mùa đông mang theo cái lạnh hiem hoi, cùng với

mưa phùn và gió bắc. Người người vội vàng khép kín cửa, cuộn tròn trong những chiếc chăn ấm, tìm kiếm sự ấm áp. Mưa phùn lặng thình. làm mờ đi dãy cây ven đường vắng vẻ, không gian chùng xuống một màu xám xịt.

Ba âm thanh tuyệt vời nhất của tự nhiên: tiếng mưa, tiếng gió trong rừng cây, và tiếng sóng âm vang của đại dương, trong đó âm thanh của mưa, tiếng rơi nhẹ nhàng trên mái nhà hay trên những chiếc lá cây, tạo nên một bản tình ca em dịu, lắng đọng lòng người. Mưa là một phần không thể thiếu của chu kỳ tự nhiên, là nguồn cảm hứng không ngừng cho nghệ sĩ, nhà thơ, nhà văn... Bằng cách nào đó, mỗi giọt mưa đều ẩn chứa một câu chuyện, một cảm xúc và một hồi ức riêng. Mưa làm cho màu xanh của cây cỏ trở nên rực rỡ hơn, như một biểu tượng của sự sống và sinh khí. Những bông hoa trong vườn, những cánh đồng xanh mướt, và thậm chí cả những con đường đều được làm sạch, tươi mới dưới cơn mưa. Đó là hành trình của hàng triệu giọt nước, khi chạm đất, ngay lập tức trở thành một vũng nước, một dòng sông... Hãy yêu mưa vì đó là vỏ bọc hoàn hảo cho cảm xúc. Đôi khi mây đen trôi qua cuộc sống, không mang theo mưa, không mang theo bão, nhưng lại thêm màu sắc vào bầu trời hoàng hôn của chúng ta. Mỗi tia nắng vàng rực rỡ hay mỗi bóng tối dần trải qua đều là một phần của cuộc sống. Tình yêu và hạnh phúc giống như những giọt mưa, chúng xuất hiện khắp nơi nhưng khó giữ lại. Khi trời mưa, hãy tìm kiếm cầu vồng, và khi trời tối, hãy tìm kiếm những vì sao.

Một hình ảnh khác, mưa gió, giông bão luôn là nỗi ám ảnh không dứt của con người. Trời tối đen không giống như bóng tối quen thuộc của đêm, mà là một loại bóng tối đáng sợ. Đám mây đen như lụa bông bênh trên bầu trời, mang

hình dáng kỳ quái, như những con quái thú ghê tởm. Gió mạnh như những cánh tay khổng lồ quật ngã cây cối, nhà cửa tan tác. Tiếng rít của gió như lời kêu gào của những linh hồn lạc lối. Những giọt mưa đập vào da, như những lưỡi dao sắc bén đâm xuống từ trên cao, làm cho cơ thể con người cảm nhận được sự lạnh lẽo của tử thần. Nước lũ cuốn trôi mọi thứ như những cánh tay ma đang kéo chúng xuống vực sâu. Sấm chớp như những cơn điên loạn của tâm hồn, ánh sáng chói lòa rồi tắt đi, để lại tiếng sấm vang dội kinh hoàng, làm rung chuyển lòng người. Cảnh giông bão ghê rợn, nơi thiên nhiên và tâm hồn giao thoa, tạo ra không gian lạ lùng, đáng sợ, nơi mỗi hơi thở đều mang sự mất mát và tuyệt vọng. Sau mỗi trận bão lũ, chỉ còn lại hoang tàn, đổ nát, chỉ mong trời nhẹ bớt mưa, nhẹ bớt gió, để mọi sự được yên bình. Nhìn chung, không có khung trời nào không trải qua mưa giông, không có tâm hồn nào không bão tố. Điều khác biệt chỉ là có người có nơi trú, có người thì không. Cuộc sống giống như một trận mưa rào, nếu không có dù che, hãy cố gắng bước đi. Dù hôm nay có mưa bão, nhưng mai sẽ lại có ngày đẹp trời. Hy vọng rằng chúng ta sẽ luôn giữ lửa hy vọng trong lòng, trước khi muốn từ bỏ, hãy nghĩ đến ngày mai. Đừng vội chạy trốn mưa gió để tìm kiếm một người không sẵn lòng bước qua mưa với chúng ta. Chúng ta cần phải đồng hành cùng nhau qua những thử thách của cuộc đời. Nhưng dường như, dù chỉ cần một chút bình yên, chúng ta lại rời xa nhau. Thôi thì, hẹn gặp nhau trong một cuộc đời ít giông bão hơn.

Những Giọt Nước

Lê Tấn Tài



Những giọt nước nhỏ bé, đơn giản, nhưng lại chứa đựng cả một thế giới kỳ diệu mà đôi khi chúng ta không nhận ra. Mỗi giọt nước rơi xuống từ bầu trời, từ một dòng suối hay lăn tròn trên chiếc lá xanh non, đều là một khoảnh khắc nhỏ của tự nhiên mà lúc tĩnh lặng, chúng ta có thể cảm nhận được sự tinh tế và đẹp đẽ lạ kỳ.

Giọt nước trong veo như viên pha lê nhỏ, phản chiếu ánh sáng mặt trời thành hàng nghìn tia lấp lánh. Nó rơi xuống

chạm rãi, nhẹ nhàng, như một điệu vũ uyển chuyển trên từng chiếc lá, từng cành hoa. trước khi chạm vào mặt đất hoặc bề mặt nào đó và biến mất trong chớp mắt. Nhưng dù ngắn ngủi, giọt nước vẫn để lại một dấu ấn dịu dàng, một âm thanh êm dịu, như lời thì thầm của thiên nhiên gửi đến con người.

Những giọt nước đọng trên tán lá, như những viên ngọc thiên nhiên quý giá, khiến người ta dễ dàng chìm vào vẻ đẹp của sự sống. Chúng gợi nhớ về sự tuần hoàn vô tận của tự nhiên, về sự liên kết chặt chẽ giữa các yếu tố đất, trời, cây cỏ, và sự sống. Giọt nước cũng mang trong mình một sức mạnh lớn lao. Khi hợp lại, những giọt nước nhỏ bé có thể tạo nên dòng sông cuộn cuộn chảy, xói mòn núi đá hay đục khoét những vách đá tường chừng vững chãi nhất. Từ biển khơi bao la đến mạch nước ngầm ẩn sâu trong lòng đất, từ hơi sương mờ ảo buổi sớm đến mưa rào mùa hạ, những giọt nước lan tỏa âm thầm nhưng mạnh mẽ, không ngừng chuyển động và biến đổi.

Nước là nguồn sống vô giá cho mọi loài sinh vật trên Trái Đất, hiện diện khắp nơi xung quanh chúng ta, trong sông ngòi, ao hồ, biển cả, trong lòng đất và cả trong những đám mây bay lơ lửng trên bầu trời, đóng vai trò quan trọng trong việc duy trì sự cân bằng hệ sinh thái và đa dạng sinh học. Vòng tuần hoàn nước giúp nước chuyển đổi liên tục giữa các giai đoạn bốc hơi, ngưng tụ, mưa và thấm vào đất, bảo đảm đủ lượng nước cho sự sống. Nước còn điều hòa khí hậu, tưới tiêu cho mùa màng, cung cấp năng lượng thủy điện và chiếm 60 -70% khối lượng cơ thể con người, duy trì cuộc sống bền vững. Tuy nhiên, nước không phải là vô hạn. Sự ô nhiễm môi trường và biến đổi khí hậu khiến nguồn nước sạch ngày càng

khan hiếm, và sự suy giảm chất lượng nước đang trở thành những mối đe dọa nghiêm trọng. Chúng ta cần nhận thức giá trị của nước, từ đó có trách nhiệm bảo vệ, tiết kiệm và sử dụng nước một cách hợp lý. Nước mang lại sự sống nhưng cũng tiềm ẩn thảm họa. Các hiện tượng thiên nhiên như lũ lụt, sạt lở đất, xói mòn đất, nước biển dâng, sóng thần... đều gây ra những hậu quả khó lường như hủy hoại cơ sở hạ tầng, đất đai và đe dọa cuộc sống con người. Đập thủy điện, dù mang lại lợi ích kinh tế và năng lượng, cũng gây tác động tiêu cực đến hệ sinh thái, môi trường và cộng đồng dân cư. Ngoài ra, trầm tích tích tụ và các sự cố như vỡ đập có thể dẫn đến thiệt hại lớn về người và tài sản.

Những cơn thịnh nộ của nước nhắc nhở chúng ta về sự mong manh của con người trước thiên nhiên. Nước không chỉ là biểu tượng của sự sống mà còn là lời nhắc nhở về mối quan hệ cân bằng giữa con người và thiên nhiên. Một giọt nước có thể mang ý nghĩa vô cùng to lớn trong những hoàn cảnh khắc nghiệt. Đối với mảnh đất cằn cỗi, một giọt nước là biểu tượng của sự sống, hy vọng và sự hồi sinh. Nó có thể khởi đầu cho một sự thay đổi, giúp cây cối mọc lên, mang lại màu xanh cho vùng đất khô hạn. Đối với người chết khát trên sa mạc hay trên biển cả, một giọt nước là biểu tượng của sự cứu rỗi và sinh tồn. Trong những tình huống tuyệt vọng, một giọt nước có thể là sự khác biệt giữa sự sống và cái chết. Nó mang lại hy vọng, sức mạnh và niềm tin để tiếp tục chiến đấu và vượt qua khó khăn. Những hình ảnh này cũng gợi lên những bài học sâu sắc về giá trị của những điều nhỏ bé trong cuộc sống. Đôi khi, chỉ một hành động nhỏ, một sự giúp đỡ nhỏ cũng có thể mang lại sự thay đổi lớn lao và ý nghĩa cho người khác.

Trong văn chương và triết học, nước thường được ví như biểu tượng của sự mềm mại, linh hoạt nhưng cũng đầy sức mạnh. Lão Tử nhận định: “Trên thế gian không có thứ gì yếu mềm như nước, nhưng lại không có thứ mạnh mẽ nào có thể thắng nó được.” Vì vậy, ông cũng cho rằng mềm dẻo là phương cách tồn tại nên có của con người. Nước có thể biến đổi linh hoạt, lúc thì nhẹ nhàng, lúc thì mạnh mẽ, có thể làm thay đổi tự nhiên. Sự mềm dẻo của nước khiến nó không bị tổn thương và luôn giữ nguyên bản chất dù ở trong bất kỳ hoàn cảnh nào. Nước biết dài theo sông, biết rộng theo biển. Đầu nguồn, tiếng chim hòa theo dòng nước, cuối sông là những nỗi niềm sâu lắng của phù sa. Từ đó, người ta liên hệ đến cuộc sống con người: cần phải biết thích nghi, linh hoạt, mạnh mẽ và mềm dẻo, sống vô vi để thích nghi với mọi tình huống mà vẫn giữ được bản chất. Nợ trăng thì trả bằng tiếng đàn, nợ biển thì trả bằng những tia chớp ngang qua bầu trời mênh mông. Đó chính là ý nghĩa của “Thượng thiện nhược thủy, thủy thiện lợi vạn vật, phù duy bất tranh, cố vô vu” (Nước là thiện nhất, nước đem lại lợi ích cho vạn vật mà không tranh giành). Đó là sự kiên nhẫn và khả năng thích nghi trong cuộc sống.

Nước cũng là nguồn cảm hứng cho nhiều câu chuyện và kỷ niệm đẹp. Những khoảnh khắc bên bờ biển, lắng nghe tiếng sóng vỗ, tiếng âm vang của thác nước rừng sâu, tiếng nước chảy âm thầm trên con sông dài..., mang lại cảm giác bình yên, nối kết và hòa hợp với thiên nhiên.

Trong tình cảm ấy, giếng nước là một hình ảnh quen thuộc và đầy ý nghĩa trong đời sống người Việt. Hình ảnh những chiếc gàu nước, tiếng nước chảy róc rách, và những buổi chiều hè mát mẻ bên giếng luôn gợi nhớ về một thời bình yên và giản dị. Trong văn học và thơ ca, giếng nước

cũng xuất hiện như một biểu tượng của sự trong lành, tinh khiết và sâu lắng.

“Giếng cha đào thừa một hai

Dây gàu nối mái cho dài vấn vương

Mẹ nằm chỗ ướt canh sương

Chỗ khô lớt tiếng ru nhường con thơ” (Nguyễn Ngọc Oánh)

Những câu thơ này không chỉ miêu tả hình ảnh giếng nước mà còn gọi lên tình cảm gia đình, sự hy sinh và tình yêu thương của cha mẹ dành cho con cái, là nơi lưu giữ những kỷ niệm đẹp của tuổi thơ, những buổi chiều cùng bạn bè chơi đùa, những lần giúp mẹ gánh nước về nhà.

Rồi đến những cơn mưa, tựa như một khúc nhạc êm dịu của thiên nhiên, luôn mang lại cho chúng ta nhiều cảm xúc khác nhau. Có những cơn mưa vội vã xua đi cái nóng oi ả, nhưng cũng có những cơn mưa lặng lẽ, âm thầm rơi, khiến lòng người trĩu nặng những nỗi niềm riêng. Tiếng mưa rơi tí tách trên mái nhà, tiếng lá xào xạc dưới những hạt nước, làm dịu đi không khí xô bồ của cuộc sống. Những cơn mưa đầu mùa thu với hơi lạnh nhẹ nhàng, hương đất ẩm mát khiến chúng ta muốn thu mình lại trong không gian ấm cúng của ngôi nhà. Những cơn mưa, dù ngắn hay dài, dù lớn hay nhỏ, đều để lại trong lòng mỗi người một cảm nhận riêng biệt. Và mỗi khi nhìn thấy mưa, chúng ta như được nhắc nhở về sự tuần hoàn không ngừng của thiên nhiên, về những chu kỳ cảm xúc trong cuộc sống mà ai cũng đã trải qua.

Những kỷ niệm như vậy luôn gắn liền với hình ảnh của nước, tạo nên những dấu ấn khó quên trong lòng mỗi người.

Có lẽ, những giọt nước cũng chính là hình ảnh ẩn dụ cho cuộc sống. Những khoảnh khắc tưởng chừng vụn vặt, nhưng khi gắn kết lại với nhau, chúng trở thành dòng chảy của thời gian, của ký ức, và của những trải nghiệm quý báu. Con người, như những giọt nước, dù nhỏ bé nhưng đều có thể góp phần tạo nên những điều lớn lao hơn khi chung tay cùng nhau. Và rồi, dù là giọt nước rơi xuống từ bầu trời, đọng lại trên cửa sổ, hay chảy dài trên đôi má ai đó, mỗi giọt nước đều mang theo một câu chuyện riêng, một ý nghĩa riêng. Chúng là biểu tượng của sự sống, của sự bền bỉ và của sự biến đổi không ngừng, nhắc nhở chúng ta về vẻ đẹp của những điều nhỏ bé và giản dị trong cuộc sống.

Những Giọt Nước Mắt

Lê Tấn Tài



Giọt nước mắt chỉ là những hạt nhỏ bé, nhưng lại chứa đựng biết bao cảm xúc sâu kín. Khi niềm vui tràn ngập, nước mắt vỡ òa tựa dòng suối mát. Khi nỗi đau đớn dâng trào, nước mắt lại hóa thành những dòng lệ đắng cay. Người ta có thể khóc vì đau buồn, vì hạnh phúc, hay vì một thoáng thương cảm bàng quơ. Có lẽ, nước mắt chính là một phần của sự sống, là cầu nối giữa trái tim và thế giới bên ngoài.

Từ sâu thẳm trái tim, những giọt nước mắt lặng lẽ dâng trào nơi khoe mắt, tựa dòng chảy tự nhiên của tâm hồn, như những con sóng từ đại dương xa xăm, mãi miết trên chặng đường dài. Những tháng ngày cô đơn và buồn bã hiện rõ qua từng giọt nước mắt, chứa đựng cả niềm vui lẫn nỗi buồn, tựa như giọt sương rơi trong màn đêm tĩnh lặng, nghẹn ngào. Đôi khi, đó là nỗi đau, như một mũi tên sắc nhọn của vào đôi môi mẫn đắng, có lúc phải nuốt trọn vào trong, khiến trái tim cháy bỏng. Đôi khi phải cắn chặt răng vào nhau để cảm xúc dần qua, chứng kiến tất cả những đổ vỡ không tránh được. Những giọt nước mắt đó là hình bóng của những vết thương vô hình trong tâm hồn. Liệu có cách nào bày tỏ trọn vẹn những nỗi niềm riêng tư của mình không? Cho người đang khao khát tình yêu quay trở lại... Cho người cần sự tha thứ những lỗi lầm... Cho người đã chờ đợi cả đời chỉ để nói một câu... Cho người muốn bỏ lại hết quá khứ trong bóng tối và tỉnh giấc trong buổi bình minh?

Những giọt nước mắt trẻ thơ khi bị bỏ rơi, cô độc, mang đến cảm giác lằng đọng và xót xa, bởi đó là những giọt nước mắt trong sáng, không toan tính, thuần khiết như chính tâm hồn trẻ nhỏ. Trẻ con nhanh khóc, nhanh cười, vì trong tâm hồn các em không có chỗ cho sự oán trách hay buồn phiền kéo dài. Mỗi giọt nước mắt chứa đựng cả một thế giới cảm xúc, từ nỗi buồn, sự sợ hãi, đến niềm vui, thất vọng, hay mong muốn được chú ý, được yêu thương. Đó là những giọt nước mắt khó quên nhất, bởi chúng không chỉ phản ánh nỗi buồn tạm thời, mà còn thể hiện sự tổn thương của tâm hồn non nớt.

Những giọt nước mắt muộn màng thường xuất hiện trong

khoảnh khắc chia ly, khi con người nhận ra mình đã đánh mất điều gì đó quan trọng. Đó là những giọt nước mắt rơi xuống khi mọi chuyện đã quá muộn, khi cơ hội đã trôi qua và thời gian không còn đủ để sửa chữa sai lầm. Chúng là dấu hiệu của sự thức tỉnh muộn màng, khi chúng ta hiểu được giá trị của điều gì đó hoặc ai đó chỉ sau khi đã mất. Khi một người thân yêu ra đi mãi mãi, chúng ta khóc không chỉ vì nỗi đau mất mát, mà còn vì những lời chưa nói, những việc chưa làm, những khoảnh khắc đã bỏ lỡ... Đó là nỗi tiếc nuối sâu sắc, khi chúng ta nhận ra rằng sự bận rộn hay vô tâm đã khiến chúng ta không đủ trân trọng những điều quan trọng nhất. Vì vậy, những giọt nước mắt muộn màng chính là lời cảnh tỉnh, nhắc nhở chúng ta về giá trị của từng khoảnh khắc trong cuộc sống.

Không ai biết trước khi nào trái tim sẽ khô cạn yêu thương, khi nào những giọt nước mắt sẽ ngừng chảy. Cuộc đời vẫn là cuộc đời, chỉ có tâm trạng con người thay đổi, nhìn nhận và đánh giá mọi thứ qua lăng kính của tình thương. Giọt nước mắt là biểu tượng của đau thương, tiếc nuối, và những mất mát to lớn, trong cuộc sống cá nhân và của cả dân tộc, là dòng chảy miên man của nỗi niềm dài bất tận, những nỗi đau của lịch sử.

“Giọt nước mắt thương con, khi con ngủ mẹ yên lòng.

Giọt nước mắt thương sông, áp ủ những rong rêu.

Giọt nước mắt thương đất, đất khô cằn bao năm.

Giọt nước mắt thương dân, dân mình chịu nhiều gian truân.

Giọt nước mắt thương mây, khi mây yên giấc trên ngàn

Giọt nước mắt thương cây, cây nghiêng mình trên núi

*Giọt nước mắt thương anh, máu trong thân xác đã cạn
Giọt nước mắt quê hương, ôi vẫn chảy dài miên man.”*
(Trịnh Công Sơn)

Những giọt nước mắt là tiếng nói của tâm hồn, là cách con người giao tiếp với bản thân và thế giới xung quanh. Trong những khoảnh khắc yếu đuối hay mạnh mẽ, đau khổ hay hạnh phúc, giọt nước mắt luôn chứa đựng một thông điệp sâu sắc, vượt qua mọi ngôn từ. Chúng chảy ra từ sâu thẳm trái tim, giải tỏa những áp lực mà lời nói không thể truyền tải. Trong những khoảnh khắc như vậy, nước mắt trở thành nguồn an ủi, giúp con người tìm lại sự cân bằng. Osho từng nói rằng nước mắt giải phóng tâm hồn và tìm về sự bình yên: “Nước mắt là cách để trái tim thanh thản và tinh thần được chữa lành.”

Mùa Xuân Vĩnh Cửu

Lê Tấn Tài

Từ trước đến nay, mùa xuân bao giờ cũng làm tôi náo nức vì mùa xuân mang đến cho tôi nhiều âm thanh, nhiều màu sắc, nhiều kỷ niệm và nhiều cảm nghĩ lan man... Những cảm giác về mùa xuân trong tôi như làn sương huyền ảo, dù rằng có những buổi hoàng hôn buông xuống dịu dàng hay những buổi sớm mai nhiều nắng ấm không thiếu những xúc động men mang.

Khi những cơn gió nhẹ mùa xuân mơn man trên mái tóc già nua là những khoảnh khắc diệu kỳ mà trong tôi chợt trở lên những giai điệu mùa xuân không dứt và tôi không thể không thốt lên lời nào để miêu tả mùa xuân. Tôi sẽ ra sao , nếu mai kia hoa không còn nở , chim không còn hót. Và tất cả đều cảm lạnh vĩnh viễn. Với mùa hạ thì ánh nắng chói chan, mùa thu thì menh mông khói sương huyền hoặc, mùa đông thì trời âm u lạnh giá. Khi xuân về, người và đất trời như có mối giao hòa mầu nhiệm. Mùa xuân mang đến sự tươi trẻ, sinh lực. Mùa xuân là thời điểm bắt đầu của một chu trình tự nhiên: Xuân - Hạ - Thu - Đông. Xuân là tín hiệu của sự bắt đầu một quá trình sinh sôi, nảy nở. Không có mùa xuân thì không có sự sống, không có những mầm non phơi



phối, những hương thơm dịu dịu . Không có mùa xuân thì không có hi vọng. Tình hoa của đất trời là mùa xuân. Bởi thế mùa xuân được chờ đợi và chào đón. Người ta thường nói đón xuân, chứ không nói đón đông hoặc đón hè. Đón xuân là đón hy vọng. Hy vọng vào những gì tốt đẹp nhất sẽ đến với bản thân, gia đình, anh em, bạn bè... Khi chúng ta hy vọng là tự trong sâu thẳm đã hạnh phúc rồi. Hạnh phúc là một cảm nhận không phải là cái hiện có. Nhưng cảm nhận của mỗi người lại khác nhau. Có người nói mùa xuân không đến với mình là vì người đó đang ở trạng thái bất ổn, rơi vào tâm trạng chán nản, buồn bực ...

Ai vui mùa xuân xanh

Ai ngồi khóc một mình

Tung bừng tiếng pháo nổ

Mùa xuân vẫn vô tình (Lê Minh Uyên)

Nhưng rồi mọi sự cũng qua đi. Mùa đông đi rồi mùa xuân đến. Sự tuần tự của qui luật tự nhiên, cũng là qui luật của tình cảm con người. Theo dòng đời, tâm trí con người cũng thay đổi qua muôn hình vạn trạng của đất trời. Hạnh phúc của người này là công thành danh toại, vợ đẹp con ngoan, cuộc sống sung túc... Nhưng với người kia, hạnh phúc là sự hài lòng, trân trọng và chấp nhận cái đang có. Có khi chỉ một ánh mắt, một nụ cười thôi cũng đủ làm cho ai đó ngất ngây vì hạnh phúc.

Trong tâm ta hình ảnh này chồng chất lên hình ảnh kia, hình ảnh kia xóa mất hình ảnh nọ. Rồi sau đó tất cả sẽ chìm lắng, tan dần... Thế nhưng, khi ta vui thì ta thấy cả thế giới ngất ngây lung linh, khi ta buồn thì cả vũ trụ buồn tênh, tang tóc.

*Những nhành mai sớm sương bên lá
Những nhành liễu chiều gió bên cây
Cũng lay lắt bởi đời xuân em ạ,
Thế nên chỉ anh cũng viết dòng này.
(Bùi Giáng)*

Hình ảnh mùa xuân trong lòng người cũng thế. Do bởi nhận thức sai biệt của mỗi người, nên mùa xuân cũng được diễn ra dưới nhiều sắc màu khác nhau qua sự thay đổi của thời gian và không gian. Nhưng chúng ta có biết chẳng bản thể của mùa xuân vẫn là vắng lặng, vĩnh hằng, bất biến, hiện hữu nhiệm mầu trong mỗi chúng ta.

Thuở còn bé, ngày xuân trong tôi thật ngây thơ, đơn giản và mộc mạc. Những náo nức của ngày xuân chỉ dâng tràn theo những cuộc du xuân đi hái lộc đầu năm với người thân, những bao lì xì, những bánh mứt ...

Lớn lên mùa xuân trong tôi thay đổi với những hoài niệm xa xôi. Mùa xuân của hương đồng, gió nội, của những cơn mưa xuân lất phất. Đang cái rét mướt của mùa đông xám xịt, bỗng nhiên những tia nắng phớt nhẹ trên nền trời xanh cao vút. Xuân đẹp, mơ màng, chúm chím sắc vàng của đồng lúa chín.

Nhưng khi đến tuổi già nua nhìn lên trời cao không còn thấy những cánh én liệng, nhìn xác pháo xác xơ bên cạnh gốc mai vàng rơi từng cánh rơi tả. Đó là lúc mùa xuân đã ra đi theo cơn gió hạ, rồi đến mùa thu cười mỉm giao tình với sông núi cỏ cây, thì cái giá lạnh của mùa đông lại đến. Sự chuyển dịch của vũ trụ làm cho muôn loài luôn thay đổi không ngừng nghỉ. Bốn mùa xoay vần, làm cho tôi nghĩ đến

cuộc đời trôi theo dòng sinh diệt.

*Lá cũng mất như một lần đã lỡ
Trời đã xanh như tuổi ngọc đã xanh
Trời còn đỏ giữa tháng ngày lỡ dở
Hồn Nguyên Tiêu ai kiếm lại cho mình.
(Bùi Giáng)*

Buồn thay! Càng bị ngoại cảnh chi phối chúng ta càng bị trầm luân trong hạnh phúc, khổ đau. Cứ thế mà đêm dài vô tận, quanh quẩn trong vọng niệm. Hình ảnh hoa mai nở hay những cành quất trĩu nặng trên khắp nẻo đường phố, mùa xuân về trong khoảnh khắc giao cảm mãnh liệt, với những con tim mới rộn rã, yêu thương, con người lạc bước vào một mê cung tình yêu. Nhưng những hình ảnh ấy, tâm tình ấy sớm nhạt nhòa trong ký ức. Xuân đến không ai ngăn cản được, nhưng khi xuân đi cũng chẳng ai níu lại được.

*Anh ạ! Mùa xuân đã cận ngày
Bao giờ em mới gặp anh đây?
Bao giờ hội Đặng đi ngang ngõ
Để mẹ em rằng hát tới nay?
(Nguyễn Bính)*

*Xuân xanh đã qua, tình yêu chỉ còn là hoài niệm.
Xuân đang đến nghĩa là xuân đang qua
Xuân còn non nghĩa là xuân sẽ già
Và xuân hết nghĩa là tôi cũng mất.
(Xuân Diệu)*

Người đời chỉ mong hạnh phúc ở từng mùa xuân, không ai dám mơ đến một mùa xuân miên viễn. Buồn cho ai, mùa xuân đã qua rồi nên phải ngơ ngác, bơ vơ.

Bởi thế Tô Đông Pha mới viết:

“Sự như xuân mộng liễu vô ngần”

(Đời qua mau như một giấc mơ xuân, không lưu lại một vết nào)

Lamartine dù có van lơn nài nĩ: “O temps , suspend ton vol” (Thời gian hãy ngừng lại đôi cánh), nhưng thời gian nào có dừng lại với chúng ta.

Osho không dạy chúng ta níu giữ mùa xuân vì ông cho rằng cuộc sống phải là những lễ hội liên tục. Hãy biến những việc nhỏ bé thường ngày thành lễ hội.

Mùa xuân theo Phật giáo là sự an lạc của tâm chúng ta trong từng giây phút. Không mong đợi mùa xuân đến, cũng không tiếc nuối khi xuân đi.

Xuân đi trăm hoa rụng.

Xuân đến trăm hoa cười.

Trước mắt việc đi mãi

Trên đầu già đi rồi

(Mãn Giác thiền sư)

Xuân mà chúng ta nhìn thấy qua cảnh vật, qua thời gian chỉ là xuân hữu hạn. Khi cảnh tàn và thời gian qua đi thì xuân cũng hết. Tâm thanh tịnh, an lạc tưởng chừng như

không có gì hết, nhưng đó lại là một trí tuệ vô cùng diệu dụng. Nó không lệ thuộc vào thời gian nên lúc nào cũng thấy mùa xuân. Đẹp để thay, trên cái thực tại biến động lại ẩn tàng một mùa xuân vĩnh cửu. Thời gian tạo những vết nhăn trên làn da nhưng không tạo được những vết nhăn trong tâm hồn. Không ai già cõi bởi năm tháng mà chỉ già cõi bởi tâm hồn trống rỗng vì không nối kết được với tha nhân. Nếu chúng ta còn rung động theo những nhịp đập quyến rũ của cuộc đời, vẫn khát khao cuồng nhiệt đi tìm những điều mới lạ như thuở tuổi thơ, và chừng nào trái tim chúng ta vẫn còn tồn tại những luồng sóng rung cảm của sự tươi đẹp, niềm vui và hy vọng, thì mùa xuân vẫn còn tồn tại vĩnh viễn trong chúng ta.

San José đầu thu 2009

Lê Tấn Tài



Giọt Nắng

Lê Tấn Tài

*Một giọt nắng rơi
Xuyên qua khám tối
Một giọt nước mắt
Nhỏ xuống hồn tôi*

Giọt nắng mỏng manh len qua khe hở của vùng tối, như một vệt sáng dịu dàng giữa u trầm và rực rỡ, giữa lãng quên và hy vọng. Giọt nắng ấy không thuộc về nơi này, nhưng cũng không thể nào trốn chạy khỏi nơi này – một sứ giả bất đắc dĩ của những điều đẹp để bị giam cầm.

Trong chốn đọa đày, nơi bóng tối không chỉ là sự vắng mặt của ánh sáng mà còn là sự đè nén của một ý chí vô hình, giọt nắng ấy trở thành ký ức cuối cùng còn sót lại từ thế giới bên ngoài. Nó khê khàng xuyên qua khe hở hẹp trên cao, lặng lẽ như một người bạn không hẹn mà đến, mong manh nhưng kiên cường, như một lời thì thầm của tự do giữa chốn tù đày.

Trong căn phòng chật hẹp tối tăm, giọt nắng như một lời thì thầm của hy vọng, khê khàng len qua những kẽ hở của

bóng tối, mang theo lời hứa hẹn về những ngày tươi sáng phía trước. Giọt nắng ấy không chỉ là sự phản chiếu của trí tuệ tinh thức hay sự giác ngộ tâm linh, mà còn là ngọn đuốc nhỏ bé dẫn lối trên hành trình dài tìm kiếm chân lý và thấu hiểu cuộc đời. Nó đối lập với bóng tối – thứ thường được gán cho sự ác độc và ngu muội, để trở thành biểu tượng của đức hạnh, sự thuần khiết và sự hiện diện của điều thiêng liêng. Ánh sáng là khởi nguồn của sự sống, là tia sáng sáng tạo thổi hồn vào sự tồn tại, là cầu nối giữa những chuyển giao, những khám phá và sự hé lộ của những sự thật vốn bị che giấu. Trong khoảng không chật hẹp, nó run rẩy vẽ lên bức tường những hình bóng nhạt nhòa, tựa như ký ức xa xăm của ai đó đang dần bị lãng quên. Một khoảnh khắc, nó nhảy múa trên đôi tay chai sạn của kẻ lưu đày, làm bừng sáng những vết nứt trên làn da, soi chiếu cả những u hoài ẩn sâu trong đáy mắt. Trong một khoảnh khắc khác, nó trượt xuống nền đất lạnh lẽo, nơi những giấc mơ đã hóa thành rêu phong, như một lời nhắc nhở mơ hồ về những điều đã mất, nhưng vẫn còn đó, lặng lẽ chờ đợi được đánh thức.

Giọt nắng ấy, nhỏ bé và mong manh, lại chính là chứng nhân lặng thầm của thời gian. Nó đến rồi đi theo quỹ đạo của một ngày, nhưng mỗi lần xuất hiện đều mang theo lời nhắc nhở khê khàng: dù u tối có bao trùm đến đâu, vẫn luôn tồn tại ánh sáng. Ai dám nhìn thấy nó, chạm vào nó, hay chỉ để mặc nó lặng lẽ trôi qua như một ảo ảnh phù du?

Người lưu đày ngược nhìn vệt sáng nhỏ bé ấy, chợt thấy lòng xao động. Có gì đó vừa đau đớn, vừa dịu dàng trong cách một giọt nắng yếu ớt vẫn cố gắng len lỏi qua bức tường bạo lực để đến với con người. Nó gợi nhớ về tự do – thứ tưởng chừng đã bị bạo quyền bóp nghẹt, nhưng vẫn còn le lói trong những điều nhỏ bé nhất, như một ngọn lửa nhỏ

không bao giờ tắt.

Giọt nắng ấy làm hiện lên những vết bầm trên đôi tay kẻ tù tội – những dấu hằn không chỉ từ xiềng xích mà còn từ những cuộc tra tấn vô hình lên tâm hồn. Nhưng nó cũng làm bừng sáng trong ký ức về những ngày ngoài đời, khi người bị giam cầm cất lên tiếng nói vì lẽ phải. Giọt nắng ấy không chỉ là ánh sáng, mà còn là lời nhắc nhở rằng bên ngoài kia, công lý vẫn chưa hoàn toàn vụt tắt.

Hãy đưa tay ra, để lòng bàn tay hứng lấy chút ấm áp mong manh. Cảm giác như đang nắm giữ một điều gì đó rất thật, rất người – một niềm tin không thể bị cầm tù. Dù hôm nay vẫn còn ở đây, dù ngày mai vẫn chưa biết điều gì sẽ đến, nhưng chỉ cần một giọt nắng còn len qua được bức tường này, người ta mới hiểu rằng ánh sáng không bao giờ chịu khuất phục. Nó là lời hứa của tự do, là khúc ca bất diệt của hy vọng, và là chứng nhân cho sự bền bỉ của những tâm hồn không bao giờ gục ngã.

Ánh sáng và bóng tối, hai mặt đối lập nhưng lại hòa quyện trong nhịp điệu của cuộc sống và tâm hồn con người. Bóng tối là hình ảnh của sự tĩnh lặng, của những khoảng trống nghèo nàn và bế tắc. Nhưng ánh sáng, dù là ngọn đèn dầu yếu ớt hay ánh hào quang rực rỡ của những vì sao, đều gọi lên khát vọng, niềm tin và ý nghĩa sống. Nó là lời nhắc nhở rằng, dù trong bất kỳ hoàn cảnh nào, con người vẫn luôn tìm cách vươn lên, giữ lấy ánh sáng như một ngọn đuốc dẫn đường.

Ánh sáng không chỉ là yếu tố mô tả, mà còn là thông điệp sâu sắc về sức mạnh của hy vọng và ước mơ. Dù trong bóng tối và nghèo khổ, con người vẫn không ngừng mơ ước, vẫn không ngừng tin rằng ánh sáng sẽ dẫn lối, sẽ xua tan đi

những u tối và mang đến một ngày mai tươi sáng hơn.

Giọt nắng len qua khe tối trở thành biểu tượng cho tự do, không phải vì nó phá vỡ được những bức tường, mà vì nó vẫn còn đó, bất chấp tất cả. Tự do có thể nhỏ bé như thế - chỉ là một tia sáng mong manh, một hơi thở nhẹ nhàng, một nhịp đập tim vẫn kiên trì giữ lấy niềm tin.

Giọt nắng ấy, như một lời thủ thi của thiên nhiên, nhắc nhở rằng dù thế giới có đen tối đến đâu, vẫn luôn có một con đường để ánh sáng lọt qua. Nó là lời hứa của sự sống, là khúc ca bất diệt của những tâm hồn không bao giờ gục ngã. Và trong khoảnh khắc ấy, giữa bóng tối và ánh sáng, con người tìm thấy chính mình – một sinh linh nhỏ bé nhưng kiên cường, luôn hướng về phía mặt trời, dù chỉ là một tia nắng mong manh.

Tự do không chỉ là một trạng thái bên ngoài, mà còn là một thực thể nội tâm sâu thẳm. Trong ngục tối, nơi xiềng xích giam cầm thân xác, người ta nhận ra rằng tự do có thể tồn tại theo những cách rất khác - trong một ý nghĩ không bị kiểm soát, trong một giấc mơ chưa ai tước đoạt, trong ký ức về những ngày đứng giữa ánh sáng, giữa ngọn đèn dầu yếu ớt leo lét trong đêm, như một ẩn dụ cho cuộc sống đơn sơ, nghèo khó và đầy nhọc nhằn. Nhưng chính trong sự mong manh ấy, nó lại trở thành biểu tượng của sự kiên cường, của niềm tin bền bỉ và những ước mơ nhỏ bé nhưng không bao giờ tắt. Dù chỉ là một chấm sáng nhỏ nhoi, nó vẫn đủ sức để thắp lên ngọn lửa hy vọng giữa cuộc đời tăm tối, nhắc nhở rằng dù trong hoàn cảnh nào, con người vẫn luôn có thể tìm thấy ánh sáng cho riêng mình.

Tự do cũng có thể là sự phản kháng thầm lặng: không để bóng tối lấn át tư tưởng, không để sợ hãi biến mình thành kẻ

đồng lõa với bất công. Một bài thơ ngân vang trong đầu, một câu hát chỉ dám thì thầm, một dòng chữ khắc vội trên bức tường đá - tất cả những điều đó đều là những cách mà tự do tiếp tục tồn tại, dù trong hoàn cảnh khắc nghiệt nhất.

Và tự do đôi khi là sự chờ đợi. Không phải chờ đợi một kẻ khác đến giải cứu, mà là chờ đợi chính mình giữ vững ánh sáng trong lòng, đến ngày có thể một lần nữa bước ra ngoài, hòa vào ánh mặt trời không còn bị chia cắt. Tự do là hơi thở nhẹ nhàng giữa đêm dài, là niềm tin rằng dù bóng tối có dày đặc đến đâu, ánh sáng vẫn sẽ tìm cách len lỏi, như một lời hứa bất diệt của sự sống.

Trong những khoảnh khắc ấy, tự do không còn là một khái niệm xa vời, mà trở thành một ngọn lửa nhỏ, cháy âm ỉ trong tim, chờ ngày bùng lên thành ngọn đuốc dẫn lối. Và ngay cả khi thế giới bên ngoài vẫn còn giam hãm, thì trong tâm hồn, tự do vẫn mãi là bầu trời rộng lớn, không biên giới, không xiềng xích.

Giữa bốn bức tường giam cầm, mọi người dần nhận ra rằng nhân sinh vốn dĩ là một chuỗi đối thoại không ngừng giữa ánh sáng và bóng tối. Kẻ quyền lực có thể xây lên những khám tối để nhốt con người, nhưng không thể giam giữ hết những suy tư, những câu hỏi về lẽ sống, về giá trị của kiếp người. Giọt nắng mỏng manh kia trở thành một bài học về nhân sinh - rằng mọi thứ trên đời đều vô thường. Ánh sáng không mãi rực rỡ, nhưng bóng tối cũng không thể kéo dài mãi mãi. Đau khổ rồi cũng sẽ trôi qua, nhưng hy vọng nếu bị đánh mất thì sẽ không tự nhiên quay lại. Phải giữ lấy nó, như cách người ta giữ lấy niềm tin của mình, như cách giọt nắng nhỏ bé vẫn kiên trì len lỏi qua khe tối, dù chỉ là một thoáng mong manh.

Nhân sinh, suy cho cùng, không nằm ở việc người ta đang đứng dưới ánh mặt trời hay bị nhốt trong một góc tối. Mà nó nằm ở việc người ta chọn cách sống ra sao giữa những hoàn cảnh ấy. Một cuộc đời có thể ngắn ngủi nhưng rực rỡ trong chính nghĩa, hoặc có thể dài lâu nhưng héo úa trong khuất phục. Giữa những lựa chọn đó, giọt nắng kia nhắc nhở rằng ngay cả khi con người bị nhấn chìm trong bóng tối, vẫn có thể lựa chọn hướng về ánh sáng, vẫn có thể giữ lấy niềm tin và ước mơ, như một cách để tự do tồn tại, dù chỉ trong tâm hồn.

Và giọt nắng ấy, dù nhỏ bé, vẫn là lời thì thầm của sự sống, là lời hứa rằng dù đêm dài đến đâu, bình minh vẫn sẽ đến. Nó là minh chứng cho sự bền bỉ của những tâm hồn không bao giờ gục ngã, và là ngọn đuốc nhỏ soi đường cho những ai vẫn tin rằng, dù trong bóng tối, ánh sáng vẫn luôn tồn tại.



Hạt Chuối Bồ Đề

Lê Tấn Tài



Dưới bầu trời thăm thẳm một màu thanh khiết, bóng áo nâu sồng của nhà sư in hình giữa cánh đồng mênh mông như một nét chấm phá giản dị nhưng đậm chất thiền. Tay người thông thả lần từng hạt chuối, mỗi hạt chạm vào kẽ tay gây guộc là một lời niệm lặng lẽ vọng lên tận cửa Phật. Không gian

chùng xuống trong sự tĩnh lặng thiêng liêng, chỉ còn tiếng gió thì thầm qua từng ngọn cỏ non, những cọng cỏ mảnh mai khẽ rùng mình, cúi đầu như đang dâng lên một lễ bái tôn kính trước sự thanh tịnh vô ngần của vũ trụ.

Xa xa, những thửa ruộng lúa chín vàng óng ả trải dài đến tận chân trời, hương lúa thoảng trong nắng mai dịu ngọt như một lời nhắc nhở về sự hòa điệu của đất trời. Mỗi hạt lúa kết tinh từ mồ hôi người gieo trồng, từ sự bao dung của đất mẹ, cũng như mỗi hạt chuỗi bồ đề trong lòng bàn tay nhà sư là tinh túy của bao niệm lành hương về cõi giác ngộ. Lời niệm im lìm hòa vào nhịp thở của gió, vào tiếng chim ríu rít trên những tán cây xa thẳm, tất cả tạo nên một khúc giao hưởng huyền diệu - nơi tâm thức và thiên nhiên gặp nhau trong một vũ điệu vĩnh hằng.

Nhà sư đứng đó, dáng vẻ thư thái như một cội tùng già giữa trời đất. Ánh mắt người nhìn xa thẳm, không còn phân biệt giữa ta và vạn vật, giữa cái hữu hạn của kiếp người và cái vô cùng của vũ trụ. Tất cả chỉ là một dòng chảy miên viễn của nhân duyên, của nghiệp quả, của sự tỉnh thức giữa dòng đời vô thường. Cánh đồng lúa, bầu trời xanh, hơi thở nhẹ nhàng - tất cả đều là pháp thân, đều là lời niệm không lời vang vọng từ cõi vô sinh.

Giữa không gian bao la ấy, lòng người chợt trở nên nhẹ tênh, như được gột rửa khỏi mọi bụi trần vướng bận. Nhà sư vẫn lặng lẽ lần chuỗi, mỗi hạt bồ đề lăn qua kẽ tay như một đoá sen nở trong tâm tưởng. Người là cây cầu nối giữa cõi mộng và cõi thực, giữa phiền não và niết bàn, giữa cái tạm

bộ của kiếp người và cái vĩnh hằng của đạo pháp. Đôi mắt khép hờ, tâm không vướng một niệm trần, thân thể như hòa tan vào hư không, chỉ còn lại sự an nhiên tuyệt đối - thứ an nhiên không cần tìm kiếm, vì nó vốn đã ngự trị trong mỗi hơi thở, mỗi khoảnh khắc hiện tiền.

Thiên nhiên như đang đồng điệu cùng thiền giả: cánh đồng bao la, dòng suối trong vắt, cánh chim chao nghiêng giữa trời cao tự tại. Tất cả đều là pháp, đều là thầy, đều nhắc nhở con người về sự giải thoát ngay giữa cuộc sinh tử. Sự tĩnh lặng lúc này không chỉ là vắng bật âm thanh, mà là sự im lặng rực rỡ của tâm hồn đã buông bỏ mọi phân biệt. Trong khoảnh khắc thiêng liêng ấy, mọi khổ đau dường như tan biến, chỉ còn lại sự bình an nguyên sơ - thứ bình an không đến từ bên ngoài, mà tỏa ra từ chính cội nguồn tâm thức.

Nhà sư vẫn đứng đó, giản dị mà cao quý như một đoá sen vươn lên từ bùn lầy thế sự. Người là lời nhắc nhở về sự tĩnh tại giữa dòng đời hối hả, về sức mạnh của nội tâm khi đã thấu suốt lẽ vô thường. Mỗi hạt chuỗi lần qua, mỗi bước chân trầm tư, đều là một cánh cửa mở ra cõi giác ngộ - nơi không còn ta, không còn người, chỉ còn sự nhiệm mầu của pháp giới vô biên.

Và giữa mênh mông trời đất, hạt bồ đề trong tay nhà sư bỗng trở nên lấp lánh như một vì sao nhỏ - ngôi sao dẫn lối cho những tâm hồn đang lạc giữa bể khổ, tìm về bến bờ của tỉnh thức...



Ký ức Ngày Mưa

Lê Tấn Tài

Mưa bắt đầu từ sớm, nhẹ như hơi thở của đất trời vừa tỉnh giấc. Tôi bước ra hiên, đứng dưới mái tôn cũ kỹ, nghe tiếng mưa rơi lách tách—những âm thanh mơn mõi của thời gian. Con đường đất trước mặt ẩm ướt, lấp lánh những chiếc lá rụng, như thể thiên nhiên vừa trải lòng mình ra đó, phơi bày những mảnh ký ức mong manh.

Mưa vẫn rơi, không vội vàng, không gấp gáp, chỉ thông thả như lời thì thầm của những kỷ niệm xa xưa. Tôi bước đi, chân chạm vào nền đất mềm, nghe tiếng bước chân hòa vào nhịp mưa. Không gian mờ ảo, những giọt nước lấp lánh dưới ánh đèn đường tựa hạt ngọc rơi từ cõi nào xa xăm. Hàng cây ven đường đung đưa, lá xanh thẫm lại, như đang uống mưa để gột rửa bụi bặm của phố thị. Tôi dừng chân trước một quán cà phê nhỏ. Tấm bảng gỗ phai màu, những vết nứt chạy dọc như nếp nhăn trên gương mặt người già. Bên trong, ánh đèn vàng ấm áp tỏa ra, vẽ nên một thế giới nhỏ bé nhưng đủ đầy. Tiếng cười nhẹ nhàng, tiếng trò chuyện rì rầm, tất cả hòa vào tiếng mưa, tạo thành một khúc nhạc không lời - bản giao hưởng của những tâm hồn tìm về sự tĩnh lặng.

Tôi ngồi bên khung cửa gỗ cũ, nhìn mưa rơi từng giọt

ngoài kia. Một người phụ nữ đối diện cầm tách trà, đôi mắt khẽ nhắm lại, như đang lắng nghe điều gì đó sâu thẳm. Có lẽ, cô ấy cũng đang tìm thấy sự bình yên trong tiếng mưa - thứ âm thanh có khả năng rửa trôi mọi ưu tư, để lại chỉ sự trong trẻo của khoảnh khắc hiện tại.

Ở góc quán, một cụ già ngồi lặng lẽ, tay nâng tách cà phê, mắt dõi theo những hạt mưa rơi. Ông không nói gì, nhưng trong đôi mắt ấy, tôi thấy cả một đời người - những tháng ngày đã qua, những nỗi niềm chìm khuất, và có lẽ, cả sự an nhiên của một tâm hồn đã học cách buông bỏ. Tôi ngồi xuống cạnh ông, không cần lời, chỉ cảm nhận hơi ấm từ tách cà phê và sự tĩnh tại đang lan tỏa trong không gian.

Mưa vẫn rơi. Tôi chợt nhớ đến câu nói của một triết gia nào đó: “Sự giản dị không hề tắt tiếng, mà chỉ là tiếng nói của tâm hồn.” Phải chăng, giữa cuộc sống hối hả này, chúng ta đã quên mất cách lắng nghe những điều đơn giản nhất? Một tách cà phê ấm, một chiều mưa trong trẻo, một khoảnh khắc ngồi yên với chính mình - đó mới là những thứ nuôi dưỡng tâm hồn ta.

Mưa tĩnh dần. Phớt xá lại bắt đầu nhộn nhịp, nhưng trong lòng tôi vẫn còn đọng lại âm vang của cơn mưa - nhẹ nhàng, chậm rãi, như lời nhắc nhở rằng hạnh phúc đôi khi chỉ là biết dừng lại, để cảm nhận, để sống trọn vẹn từng khoảnh khắc.

Có lẽ, mưa không chỉ rơi từ trời, mà còn rơi vào lòng người, gột rửa những bụi bặm của lo toan, để lại sự tinh khiết của hiện tại. Và tôi chợt hiểu, sống giản dị không phải là từ bỏ, mà là biết trân quý những điều nhỏ bé - như một chiều mưa, một tách trà, và sự lặng im đầy thiên vị giữa dòng đời vội vã.

Sống Bình An

Lê Tấn Tài



Cuộc đời là một thực tại phức tạp vượt lên trên mọi lý luận. Người ta không thể diễn tả thực tại bằng ngôn ngữ vì ngôn ngữ là sản phẩm của tư tưởng mà tư tưởng là ý niệm nhị nguyên luôn luôn chia cách chủ thể và khách thể. Thực tại là mỗi người thấy rằng hình như đều có một số phận nào đó mặc nhiên an bài cho chính mình. Thực tại là một cuộc đời thay đổi không ngừng. Không ai nghĩ rằng cuộc đời này là vững bền, bên bờ đại dương này là thiên đàng hay bên kia bờ đại dương là địa ngục. Và có ai

dám nói rằng cuộc đời mình được may mắn toàn vẹn cho đến hơi thở cuối cùng. Sự an toàn tuyệt đối không có trên đời này. Những tai họa của thiên nhiên: sóng thần, động đất, bão tố, đại dịch, há không phải xảy ra liên miên trong dòng thời gian lưu chảy nầy ư? Rồi còn gì nữa? Chiến tranh, giết chóc, hận thù ... Ôi biết sao mà kể siết! Vấn đề là trong tâm tư của mỗi người có được an bình hay không mà thôi. Một tâm hồn an bình ví như núi thái sơn cao chót vót mặc cho vật đổi sao dời vẫn trơ trơ cùng tuế nguyệt. Ranh giới giữa sống và chết vẫn thấp thoáng trong cuộc đời dài đầy dẫy những trò chơi trớ trêu của con tạo. Cuộc đời mà đa số con người đều thích sống giả dối. Có ai sống thật với ý muốn của mình hay chỉ làm nô lệ cho sở thích của mọi người chung quanh. Tâm lý của người đời thường hay bị động nhiễu: nghĩ ngợi, toan tính, tưởng tượng, ước mơ... Tất cả đều phức tạp. Nhưng những thứ ấy chẳng ích lợi gì, cũng giống như những phép phù thủy không giúp ta đạt được ước mơ.

Điều cần thiết nhất cho hạnh phúc là an bình. Muốn an bình thì tâm phải thanh tịnh. Tâm thanh tịnh tức là tâm không chạy theo những ý nghĩ viển vông. Cái tâm đó phải trong suốt và không bị ràng buộc để tiếp nhận những gì Thiên Nhiên và Con Người đem đến cho ta. Như một bầu trời trong tiếp nhận trọn vẹn ánh sáng của trăng sao, như mặt nước trong không lao xao tiếp nhận và phản ánh trọn vẹn tất cả bầu trời. Con người (nhất là những người tha hương) thường hay cảm thấy cô đơn và mang một tâm trạng trống vắng thoang thoáng buồn. Ngay cả môi trường sống, tương giao giữa người với người, kể cả khẩu vị thức ăn, tất cả đều nhàn nhạt, lạnh lạnh làm sao ấy! Và những cảm giác lạc lõng không thể không tránh khỏi được. Nhưng rồi bản năng sinh tồn và khả năng thích nghi sẽ giúp con người quen dần, hội nhập dần với cuộc sống ở xã hội mình đang sống. Hội nhập đây có nghĩa là tham gia vào xã hội mới một cách có ý

thức và dễ dàng không bỏ ngõ, chứ không phải là thả mình buông rơi vào cái guồng máy vận hành không ngừng nghỉ của tiện nghi vật chất, đến nỗi rồi cuối cùng mình không hiểu một cách chính xác và minh bạch là thật sự mình muốn gì cho cuộc đời mình. Đây là cái bệnh của nhiều người. Nhưng người có tấm lòng đôn hậu dù trải qua bao nhiêu bất hạnh, khó khăn cùng khổ vẫn còn có một tinh thần rất mạnh vượt lên trên vật chất trần gian. Họ có một nhạy cảm về sự bình an nào đó mà cơm ăn, áo mặc, tiền bạc không thể cung ứng cho mình được. Hội nhập vào xã hội trong cái thế “hòa nhi bất đồng” (hòa mà không đồng) có nghĩa là hội nhập mà không để mình bị lôi cuốn, tan biến trong cái cộng đồng xã hội mà mình đang hội nhập. Mình vẫn là mình với tất cả những gì tốt đẹp thiết thân nhất của mình, trong khi đó mình vẫn nhuần nhuyễn như những người khác. Giống như loài vịt - là loài vật sống trên cạn - nhưng chúng có thể bơi lội tung tăng thoải mái cả ngày, rồi khi nào muốn lên bờ thì lên. Tạm ẩn dụ: bờ đây là bờ tâm linh của mình, nước đây là xã hội mình đang sống. Cho nên, nếu muốn, chúng ta có thể sống một đời bình yên và hạnh phúc. Vấn đề then chốt ở chỗ: “Một cách minh bạch, một cách chính xác, mình thật sự muốn gì?” Khi thấy rõ rồi thì cái muốn đó sẽ điều động cuộc sống của mình. Tốt hay xấu nó sẽ ảnh hưởng suốt cuộc đời của mình (hay nói theo nhà Phật đó là NGHIỆP mà nó sẽ tạo thành quả và có thể kéo dài vô tận, tác động lên sự tái sinh, hay nói một cách khác nó sẽ tạo nên luân hồi.)

Con đường nào là con đường dẫn đến hạnh phúc? Không có con đường nào cả. Cuộc sống là tạm bợ. Không ai có cảm giác an lành. Đúng hơn, điều đó dần đi vào quên lãng trước dòng chảy miệt mài của cuộc mưu sinh. Ai cũng hiểu rằng mình đang sống trong một thế giới bất ổn, không có Chân

Thiện Mỹ. Mong ước bình yên, hạnh phúc, bằng niềm tin diệt khổ, để tìm đến sự tĩnh lặng, vô ưu và thanh thản tâm hồn trước từng cơn giông bão của cuộc đời là khát vọng của mọi người. Mark Twain có nói: “Everyone is a moon and has a dark side which he never shows to anybody”. Vâng, cái gì cũng đều có hai mặt tốt xấu, sao chúng ta không nhìn vào mặt tốt để an vui thanh thản. M. Maeterlinck cho rằng chúng ta nên tha thứ tất cả, vì mọi thứ đều bị xóa nhòa (Tout pardonner, parce que tout s’efface). Krishnamurti cũng cùng một ý nghĩ như vậy: “Vivre dans le présent, complètement, totalement c’est vivre avec ce qui “est”, avec l’actuel, sans le condamner ni le justifier. Tout problème vu dans cette clarté est résolu.” (Sống toàn diện là sống với “hiện hữu” không lên án, không biện minh).

Sao chúng ta không biết nhìn đời bằng cặp mắt cười tươi? “Pourquoi ne contemple-t-on la vie par un regard aux yeux riants?” Chủ nghĩa lạc quan, optimism. Người đời thường hay phiến diện chẳng thấy ai quan tâm đến liên kết từ ngữ. Phải chăng optique (về mắt) và optimist chẳng có quan hệ hữu cơ nào hay sao? Lạc quan là gì? Nghĩa nôm na là thấy đó mà vui. Lạc là vui. Mà vui là gì? Là những sự kiện bên ngoài đem đến cho ta. Bởi vậy, “hi tại tâm, lạc tại ngoại” (mừng là tự trong lòng mình phát sinh, vui thường mang ý nghĩa cộng đồng.) Nhưng lạc quan hay bi quan không phải do tính khí mà tùy thuộc vào tâm trạng chủ quan của từng người, từng lúc. “Chacun a son sort”. Phải chăng đó là định mệnh của mỗi người. Sở dĩ có sự khác biệt đó là vì con người nằm trong luật tương phản của xã hội và vũ trụ. Mầm tai họa phát xuất trong cảnh thái bình. Mất mát là vì con người cứ nghĩ là tồn tại mãi mãi. Bởi thế lúc đang hưởng thái bình phải nghĩ sẽ có lúc loạn lạc, lúc đang hưởng hạnh phúc là nghĩ phải có lúc

hoạn nạn, lúc còn phải nghĩ lúc sẽ mất ... Đừng cho rằng khi mình lo lắng đến cái chết là sợ hãi. M.Maeterlinck nói càng nghĩ về cái chết thì càng thấy cuộc sống tốt đẹp hơn. (Plus on pense à la Mort, mieux on connaît la Vie). Có khát mới tìm nước. Có chiến tranh mới ước mong hòa bình ...

Water is taught by thirst

Land - by the ocean passed

Transport - by throe

Peace - by its battle told

Love - by Memorial Mold

Birds - by the snow

(Emily Dickinson)

Đó là những cặp tương phản mà con người thường hay vướng mắc. Để sống an nhiên tự tại trước hết phải diệt trừ cặp tương phản đó. Muốn mà khôngặng thì ưu sầu. Do con mắt tục mà xem thì ta thấy sự vật có lớn, có nhỏ; mà nhỏ thì ham lớn. Nhưng hễ có lớn thì phải có cái lớn hơn. Nếu có cái lớn vô cùng thì lòng tham muốn của ta cũng vô cùng tận. Chim phượng, chim bàng, đã không kêu thì thôi, mà khi đã kêu thì vang trời động đất. Lúc bay cánh nó xòe như mây che cả một phương trời, rồi cất lên không trung chín muôn dặm cao. Và ở trên đó mà nhìn xuống cảnh trần nầy chỉ thấy lúc nhúc bọn phù sinh. Nước không sâu thì không sức chở thuyền lớn. Lấy chung nước mà thả thuyền lên thì thuyền mắc cạn. Lốp gió không dày thì không sức chở nổi cánh chim bàng nên chim bàng khi bay thì vượt lên cao cỡi lên lốp gió ở dưới nó. Con chim cừu nhỏ bay lên bay xuống trên cây đu, cây phượng, nếu bay không tới mà té xuống đất cũng không sao rồi tìm mấy cái trái nho nhỏ gần đấy mà xơi cho no bụng.

Rồi sáng sớm khi nhìn những hạt sương long lanh đọng trên cành cây, ngọn cỏ cũng đủ thấy thú vị cuộc đời. Hai con vật đó biết cái gì? Chim lớn so với trời đất nó cũng chỉ là một vật rất nhỏ. Chim cừu so với con trùng, con kiến nó vẫn là vật lớn hơn. Con ếch không thể phình to thành con bò được. Con người chỉ sống một trăm năm là hạn, không thể sống 1000 năm như cây đại xuân. Mỗi người một phận. Nếu như vua Nghiêu chưa đủ đức để trị nước, thì Hứa Do với tâm hồn phóng dật tự do cũng không thay thế được. Một người biết an phận mình, dù nhận lãnh một chức quan nhỏ trị an được một quận huyện thì cái đức đó cũng không thua gì một ông vua trị một nước lớn.

Có viết nhiều cũng không biết làm sao cho đủ. (Thư bất tận ngôn, ngôn bất tận ý). Viết là đóng khung làm mất đi tính cách sống động của sự việc và ý tưởng. Dùng lời hữu hạn không sao diễn tả được cái chuyển động của vũ trụ, của cuộc đời... Cái khó là làm sao luyện được tâm thanh tịnh vô cầu, vì đời là một sự chuyển động liên tục, mình bị động không do tâm muốn, mà do ngoại cảnh tác động lôi cuốn. Làm sao nhận thức được cuối năm nếu không có tờ lịch gỡ mỗi ngày, không có những cơn gió lạnh làm ta nhận thức được sự chuyển mùa? Quả tim không cảm nhận được điều đó thì có lẽ chúng ta không còn hiện hữu trên thế gian này nữa rồi.

Đi Tìm Hạnh Phúc

Lê Tấn Tài

Tập di cảo của Bùi Giáng nhan đề “Thơ vô tận vui”, trang đầu tập thơ có mấy câu:

“Trước khi tôi chết

Cho gởi chút đá vàng

Của trăm năm buồn tui ...”

Lạ nhỉ? Lòng buồn đến trăm năm mà thơ thì vui vô tận?... Thật ra cũng không khó hiểu. Đó chính là do mâu thuẫn nội tại của con người, có điều chưa diễn đạt được thành thơ. Nói lấy Kiều: “Bề ngoài cười nụ, bề trong khóc thầm” để mô tả tất cả mọi trường hợp trong cõi nhân sinh ở đời này. Comme la médaille a son revers, thực thể tương phản của thi sĩ họ Bùi cũng chỉ là một dạng trong phạm trù triết lý: “To be or not to be” mà thôi. Phân tích cận kề cũng không bao giờ rớt nghĩa, chỉ tổ thêm nhức đầu, chỉ bằng nói như Nguyễn Tuân “Đời vui quá không sao buồn được” cho mấy thằng già theo đó mà cười khà khà để tiêu khiển cho qua năm cùng tháng tận của đời mình.

Ở xứ Mỹ này hiếm thấy người ta mở miệng cười. (Nhân thế hân phùng khai khẩu tiếu...) Người Mỹ sau những trận

đánh ác liệt với người da đỏ, rồi lập quốc chọn con chim ó mở quăm làm quốc uy thì làm sao dân Mỹ có thể cười được. Cái nước Mỹ này được xem nhiều tiền lắm của, nhưng cũng là nơi mà phải làm việc vất vả, mãi mê đi tìm hạnh phúc mà suốt đời chỉ thấy ở cuối đường hầm mơ ước (Ở Việt Nam hiện nay cũng thế - mức độ bon chen càng ngày càng thêm ác liệt). Thế nên có nhiều người muốn lên núi để tìm một cuộc sống thanh thản như thuở xưa - sáng sớm say sưa nhìn một tia nắng đẹp như nhấp một chén trà thơm, ban trưa nghỉ một chút an lành như tới miền lạc thú, buổi tối sống hoà với đêm đen như nghe lời hát ngọt ngào của tạo vật ...

Alain Watts trong *Become What You Are* thì hình ảnh một người có tiền nhưng vẫn nghèo là vì không cảm thấy thoải mái với người chung quanh. Xã hội Mỹ càng ngày càng giàu có, nhưng niềm vui trong cuộc sống mỗi ngày một nghèo thêm... Mình là người xa lạ với chính mình (Albert Camus) và tha nhân là địa ngục (J.P. Sartre). Đúng y như vậy, không triết lý chút nào hết.

Kinh Cựu Ước có viết: "Cho mọi sinh hoạt dưới vòm trời này, mọi thứ đều có cái mùa, cái thời của nó: Thời để sinh ra và Thời để chết. Thời để trồng và Thời để nhổ, Thời để giết và Thời để chữa lành. Thời để khóc và Thời để cười. Thời quăng đá đi và Thời nhặt đá về ..." Cái gì cũng có chu kỳ của nó, thuận mệnh trời và thuận lòng người thì mới an bình được. Kinh Dịch là cái chìa khóa của bí mật thời mệnh. Ai biết được nó thì sẽ hiểu được mệnh trời. Bậc hiền triết như Khổng Phu Tử trước khi qua đời cũng phải than rằng, không còn sống được lâu hơn để học hỏi bí ẩn trong Kinh Dịch.

Thời gian thì trôi quá nhanh, mới ngày nào đây còn khoẻ như voi, nhưng nay thì không còn sức để than vãn nữa. Sức

khỏe sụp xuống nhanh chóng y hệt như chiếc xe hơi cũ, tưởng rằng xe tuy cũ nhưng vẫn chạy rất tốt, nhưng khi nó bắt đầu trở chứng thì chỉ còn có cách là bán cho lật son. Từ Aristote đến Einstein đều cho thời gian chỉ là ảo giác. Nhưng ảo giác sao được khi nhìn lại thằng con, mới hôm nào còn bế trên tay, lúc bước lên phi cơ qua Mỹ nó khóc nhuê nhuệ mà nay thì nó nói tiếng Mỹ như gió, cao lớn gấp đôi tía nó, trông nó cứ tưởng là Mỹ chánh hiệu con nai. Ôi thời gian, ta không đuổi theo kịp người, hãy chậm lại chờ ta. O! temps suspends ton vol!

Và đời sống cũng thế, không có một giây phút tĩnh lặng để thư giãn, để cho tâm hồn và thân xác được nghỉ ngơi. Trong ta chỉ còn lại những bận rộn mưu sinh quần quật suốt ngày tháng. Cuộc sống này giống như Sisyphe bị Zeus trừng phạt lăn hòn đá từ dưới biển lên núi và khi lên tới đỉnh hòn đá lại lăn xuống và hấn phải chạy xuống đẩy lên. Và cứ thế không ngừng nghỉ, vĩnh viễn và mãi mãi... Nếu không có một suy nghĩ nào về giá trị của cuộc đời này, về hạnh phúc của hiện tại thì chắc không ai chịu nổi cái bản án chung thân này.

Trở về xứ Mỹ. Trong cái xã hội với nền văn minh kỹ thuật tân tiến này càng làm cho người ta bận rộn, bất an. Nỗi lo sợ bệnh tật do mấy lời khuyến cáo của bác sĩ, đi thử nghiệm hết gan đến phổi, hết tim đến phero... Rồi các hãng bảo hiểm gửi cho mình không biết bao nhiêu là cái bill càng đọc như đi vào một khu rừng chưa khai phá... Trong thời đại công nghiệp hiện nay, người nào cũng ngổn ngang công việc, việc mình, việc nhà, việc công sở, việc ngoài đường, việc thật, việc chơi, việc của Lão Trượng Tiên Bữu... Nhiều việc ngổn ngang quá nên người ta sinh ra trù trù, nhiều khi phải để nó ra ngoài trí nhớ. Trong cuộc sống hàng ngày số lượng công việc mới nhiều hơn số việc mà ta thanh toán được. Đến mức

có người còn phải nói: "Hồi ở VN sao mà khoẻ thế?" Cuối cùng người ta phải lo nhiều quá và trở thành stressfull, depressed... nên trở thành lười và có một trùng hợp lạ kỳ vô cùng giống nhau giữa VN và Mỹ đó là căn bệnh thư thả, tà tà. Có việc mà không làm ngay, làm việc mà không có năng suất thì trong thời buổi cạnh tranh ngày nay từ làng cho đến xã, rồi lên đến thành phố, cạnh tranh ngay từ trong lớp học cho đến kiếm việc làm, việc lập gia đình (không tranh thủ chiếm người đẹp trước là thằng khác nhảy vô cuỗm ngay)... cứ tà tà nằm dài trước TV xem phim bộ Đại Hàn hay dán mình trước internet xem chuyện sex thì còn làm nên cơm cháo gì được nữa. Chuyện ở Mỹ là thế... Càng ngày người ta càng lo nhiều hơn nên càng lười nhiều hơn rồi càng mập nhiều hơn và càng bị stress nhiều hơn và chết vì bị stroke nhiều hơn. Có nhiều ông bạn già của tôi tuy già nhưng trái tim vẫn còn rung động trước cảnh đẹp thiên nhiên, da thịt còn cảm giác được hơi ấm của đôi vòng tay người khác phái dù người đó nhỏ hơn mình rất nhiều... Dans la grâce, le corps apparaît comme un psychique en situation... L'acte gracieux, en tant qu' 'il révèle le corps... lui fournit à chaque instant sa justification d'exister. (J. P. Sartre) Đây là sách lược của các lão đi tìm vui thú để quên đời.

"Thưa em tóc đã hai màu

Cái răng cũng rụng làm đau nụ cười

Nhìn quanh tuổi quá bảy mươi

Se se râu bạc cọng đời lung lay

Đưa bàn tay nắm bàn tay

Thấy đâu chi số còn dài cuộc chơi."

Sống trăm năm? Chuyện nhỏ. Sách kỷ lục Guinness đã

hài tên một lối tên những cụ sống trên trăm, nhưng Guinness lơ đảng chưa chịu tìm tới VN để gặp nhiều cụ sống trên trăm tuổi. Cụ Giản Chi thọ 102 tuổi. Thuở nhỏ đã làm thơ:

Gió đông mơ dáng hoa đào

Trà Phương Bối đậm nhớ Sao Trên Rừng

Buổi tứ tuần làm thơ:

Dòng đời khôn đổi làm sông rệu

Bừng giấc quan hà lại muốn say.

Buổi cửu tuần làm thơ:

Cuộc sống đã đành khinh gió bụi

Lòng người ai chẳng có quê hương.

Nhưng già mà còn chung thủy với vợ con thì cũng hiếm. Trong một dịp nào đó tôi đọc được câu chuyện tếu của hai người vợ chồng già:

“Lão Ông nói:

- Nếu Ông chết trước thì bà sẽ làm gì?

Bà đáp không suy nghĩ:

- Thì em sẽ tìm thuê chung một ngôi nhà với vài quả phụ hoặc phụ nữ độc thân khác cho khuây khỏa nỗi buồn.

Rồi bà hỏi lại Ông:

- Lỡ Em chết trước Anh thì sao?

- Anh cũng sẽ làm như thế!”

Đâu đã hết gân!

Già rồi mới thấy thấm thía mấy chữ “vạn pháp giai không.” Được thua gì nơi cõi tạm này. Sợ chết ư? Vâng ai cũng tham sống sợ chết. Đó là truyện Thần Quy trong sách Nam Hoa Kinh. Trang Tử câu trên sông Bộc. Sở Vương sai hai quan đại

phu đem lễ vật mời Ông ta ra làm quan. Trang Tử cảm cần câu không nhúc nhích cũng không thèm nhìn lại, nói: “Tôi nghe vua Sở có con thần quy chết đã 3000 năm. Vua Sở quý nó và cất trên miếu đường. Con quy ấy, chịu chết để lưu lại cái xương của mình cho người ta quý trọng, hay lại chịu thà sống mà kéo lê cái đuôi mình trong bùn?” Hai vị đại phu nói: “Thà sống mà kéo lê cái đuôi trong bùn còn hơn.” Trang Tử nói: “Thôi, về đi. Ta đây cũng chịu kéo lê cái đuôi của mình trong bùn...”

Cái chết chỉ tồn tại trong ký ức của con người, dầu là được thờ phụng trong miếu đường cũng không còn là sống. Nhưng phải sống như thế nào cho phải lẽ. Như Saddam Hussein trước khi chết dòng dặc tuyên bố: “Ta là một chiến sĩ và ta không sợ gì cho ta cả. Ta là một bạo chúa, vâng! Nhưng ta là một kẻ ác cần thiết. Cứ nhìn những gì đang xảy ra sau khi ta ra đi! Sau ta là Hồng Thủy. Các người hãy nhớ kỹ điều này cho lần tới: Hãy cần cho bạo chúa sống lâu.” Vâng The King is dead! Long live the King! Có điều Saddam Hussein cũng đỡ, sao không bắt chước Hạng Võ giữa dòng Ô giang, tự cắt lấy đầu, hai tay dâng cho tên đình trưởng chèo thuyền?

Sự tiến bộ kỹ thuật đem lại nhiều tiện nghi cho đời sống, nhưng ngược lại hạnh phúc của con người không vì thế mà tăng thêm, mà trái lại càng đem nhiều khó khăn và đau khổ cho con người. Theo cách suy nghĩ thông thường thì có cơ sở vật chất (tiền bạc, nhà cửa, danh vọng...) và tình cảm của những người xung quanh (cha mẹ, con cái, bạn bè...) là sự hạnh phúc. Nhưng nếu nhìn kỹ hơn thì người và vật mà mình mong muốn cũng chính là nguyên nhân của sự đau khổ. Những người giàu có và nổi tiếng như: Mike Tyson, O. J. Simpson rồi cũng vào tù. Quyền thế tột đỉnh như Saddam Hussein thì rồi cũng lên giá treo cổ. Cuối con đường

hạnh phúc là sự đau khổ. Phải chăng chúng ta đi tìm hạnh phúc mà không hiểu hạnh phúc là gì. Hạnh phúc không phải là điểm đến mà chính là cuộc hành trình đi đến đó. Ngay lúc hạnh phúc nằm trong tay mà vẫn đi tìm. Đối với Tây Phương, khi đi tìm hạnh phúc là tạo ra thật nhiều hoàn cảnh để vui và thoải mái (của cải vật chất, xe hơi, ti vi, tủ lạnh...du lịch, rong chơi, ca hát...) Người Á Đông tạo cái vui bằng cách gói ghém, che phủ nỗi buồn, tiếng khóc...

Ngày bà cụ tôi mất (mà mình biết trước sẽ đến ngày này), một Ông sư nói với tôi là bà cụ đi về. Đi về cõi xa nơi đó không có đau khổ và buồn. Ôi, chuyện này tôi biết từ lâu rồi... Mình phải nhìn sự chết như là đưa một người ra ga xe lửa. Đầu ga này mất một người thì ở đầu ga kia đón nhận thêm một người. Không biết có đúng vậy không? Nhưng cứ tin như vậy đi để có cái nhìn tích cực về cái chết, có mất mát gì đâu mà không tin.

Hành trình của chúng ta là hành trình trong một giai đoạn. Trong một vở kịch vai trò phải đóng theo câu chuyện chứ không có câu chuyện phải theo người đóng kịch. Vở kịch dài đóng dài, vở kịch ngắn đóng ngắn. Người đóng kịch phải cố gắng đóng trọn vai trò của mình. Những gì có trong tầm tay của mình thì cứ hưởng lấy chứ đừng kiêu hãnh coi là quan trọng.

Không hiểu sao tôi lại bỗng thích triết lý cuộc đời. Thôi thì dầu có triết lý ba xu đi nữa cũng xin đừng chúc nhau theo kiểu formula nữa (An khang - Thịnh vượng - Hạnh Phúc...) mà chỉ mong chúng ta mùa nào cũng vui. Mùa xuân thì vui tươi mát mẻ, mùa hạ thì nồng ấm chói chan, mùa thu mây bay heo hút, mùa đông tuyết trắng môn man...Mùa nào cũng thú. Không tham tiền, không cần danh vọng, không can dự vào những chuyện nằm ngoài tầm tay thì chúng ta đã có hạnh phúc rồi đó!



Sống Thực với Hiện Tại

Lê Tấn Tài

Thiền sư Đạo Nguyên - tổ sư của tông phái thiền Tào Động Nhật Bản - lúc còn đang đi tầm đạo ở Trung Hoa, một hôm ghé qua một ngôi chùa. Lúc ấy vào giữa mùa hè, trời nóng như trong một lò lửa. Ông gặp một vị sư già đang lom khom phơi nồm ngoài sân dưới ánh nắng thiêu đốt. Thấy vậy, Đạo Nguyên đến gần hỏi: “Tại sao thầy lại làm việc chi cho cực khổ vậy? Thầy đã lớn tuổi rồi, chắc cũng là một bậc tôn túc trong chùa, sao thầy không nhờ các chú sa di trẻ làm giúp thầy. Thầy đâu cần phải làm việc đâu? Và lại, trời hôm nay nóng như thế này, sao thầy không dời lại một ngày khác?”

Vị sư già nhìn ông đáp: “Này chú kia, chú có vẻ thông minh và thông hiểu Phật pháp, nhưng chú đã không lãnh hội được yếu chỉ của Thiền. Nếu ta không làm công việc này, nếu ta không ở đây và có mặt trong giờ phút này, thì lấy ai để mà hiểu? Ta đâu phải là chú, ta cũng không phải là một người khác. Mà người khác cũng đâu thể là ta. Cho nên đâu có ai khác hơn ta để có thể kinh nghiệm được việc này. Nếu ta không làm, nếu ta không kinh nghiệm được công việc này trong giây phút hiện tại, thì làm sao ta có thể hiểu được! Nếu ta nhờ một ai khác giúp ta, và ta chỉ đứng một chỗ mà nhìn,

thì ta sẽ không bao giờ biết được công việc phơi nắm nó ra làm sao! Nếu ta chỉ đứng mà ra lệnh: ‘Làm như thế này, làm như thế kia... để nắm ở chỗ này, để nắm ở chỗ kia...’ thì ta sẽ không bao giờ có kinh nghiệm được. Ta sẽ không thể nào hiểu được công việc đang có mặt trong bây giờ và ở đây.”

Đạo Nguyên lại hỏi thêm: “Thế nhưng tại sao thầy lại chọn phơi nắm ngày hôm nay? Sao thầy không lựa một ngày khác ít nóng hơn?”

Vị sư trả lời: “Bây giờ và ở đây vô cùng quan trọng. Những cây nắm này không thể phơi vào một ngày nào khác hơn được. Nếu ta bỏ lỡ dịp này, ta có thể mất đi một cơ hội quý báu. Ngày mai có thể trời mưa, trời có thể nhiều mây, hoặc không đủ nắng. Ta cần một ngày thật nóng để phơi nắm, và hôm nay là một ngày rất lý tưởng. Thôi chú hãy đi chỗ khác, ta còn phải làm việc!”

Cuộc sống con người diễn ra trên dòng thời gian gồm có quá khứ, hiện tại và vị lai. Khi ta sanh ra: đó là quá khứ. Khi ta chết đi: đó là vị lai. Giữa hai giới hạn ấy, đó là “hiện tại” tức là ở chỗ hiện giờ, ngay tại cái không gian và thời gian mà ta đang hít thở, ăn uống, hoạt động, nghỉ ngơi... là những sự kiện liên quan đến sự sống. Nó chỉ xuất hiện trong hiện tại, nếu để nó qua đi thì không bao giờ tìm thấy được nữa. Sống trong hiện tại không phải là lý thuyết suông, nó đòi hỏi nhiều nỗ lực thực sống. Sự sống của ta chỉ có thể có mặt bây giờ và ở đây mà thôi. Và nó vẫn tiếp tục trong khi ta đang bận rộn chờ đợi một cái gì khác, khoảng thời gian giữa những đợi chờ ấy là một phần rất lớn của đời ta. Nếu ta cảm thấy hạnh phúc, thì hạnh phúc ấy chỉ có thể có mặt ngay bây giờ và ở đây. Trong giây phút hiện tại này, ta có thể đang có những khó khăn và đau đớn, nhưng điều ấy không có nghĩa

là giờ phút này không nhiệm mầu! Nếu nơi ta đứng đây mà ngày không vui và trời không xanh thì lúc nào và nơi nào mà ngày lại vui và trời lại xanh? Ta cũng chỉ có thể thay đổi và chuyển hóa nỗi khổ đau ấy trong giờ phút này mà thôi. Horace, nhà thơ La Mã, cho rằng nắm bắt ngày hôm nay, như là một phương cách sống hạnh phúc. Nhưng thật ra điều này cũng không hoàn toàn chính xác lắm. Vì hiện tại đâu thể nào nắm bắt được, nó luôn trôi chảy. Ta chỉ cần buông bỏ những danh lợi, những hận thù chấp nhặt, những mưu cầu tính toán ..., thì tự nhiên sẽ trở về với hiện tại. Thiền sư Ajhan Chah nói phiền não của ta sẽ được chuyển hóa nhờ sự trải nghiệm những gì đang thật sự có mặt ngay bây giờ và ở đây. Ta được hạnh phúc không phải vì sự dụng công, nỗ lực của ta, mà nhờ biết buông bỏ để trở về và thấy rõ những gì đang xảy ra.

Tâm lý người đời thường bị cuốn hút trở về dĩ vãng mà ta cho là tốt đẹp hơn hiện tại với sự nuối tiếc; hoặc mơ đến tương lai với những viễn ảnh mà ta hy vọng sẽ tươi sáng hơn những gì đang có. Những ý nghĩ này giúp ta tránh được những khó khăn đang xảy ra trong hiện tại, tạo một ảo giác dễ chịu.

Nhớ về quá khứ không có gì sai. Quá khứ cho con người kinh nghiệm, và xã hội được tổ chức tốt nhờ vào kinh nghiệm. Kinh nghiệm là phương tiện giúp ta sống tốt hơn, nhưng cuộc sống lại chính là hiện tại. Kinh nghiệm từ quá khứ chỉ để làm bệ phóng cho ta vững bước trong hiện tại. Charles Dickens có viết: “Hãy suy nghĩ về những cơ hội may mắn trong hiện tại – điều mà mọi người đều có thể đón nhận; chứ không phải về quá khứ – điều mà người ta chỉ có hối tiếc”.

Giống như hoài niệm, ta thường mơ ước về tương lai khi

ta không hài lòng với hiện tại, với những ước muốn tốt đẹp hơn. Nhưng tương lai thì mờ mịt, chứa đựng nhiều nỗi lo sợ – lo công việc không ổn định, lo làm ăn không tiến triển, lo bản thân và những người thương yêu của ta bệnh, rồi chết... Tương lai phải được xây dựng trên nền tảng hiện tại. Cuộc sống bị chi phối bởi nhiều yếu tố khác nhau, quan hệ chằng chịt với nhau, nên ta không thể định đoạt được tương lai. Nói vậy không có nghĩa ta chẳng có dự định, kế hoạch gì cho tương lai. Tương lai phải căn cứ trên nền tảng thực tế cuộc sống, ta cần lên kế hoạch hành động ngay trong hiện tại. Đó là mối nối giữa hiện tại và tương lai. Kế hoạch là hành trình đưa ta đến tương lai, dù phải thường xuyên điều chỉnh cho phù hợp với những diễn biến mới.

Sống trong hiện tại là lo chuyện của ta, không lo chuyện vợ vắn của người khác. Nếu ta sống mà tâm hồn không nằm trong thân thể, chu du đây đó, suy nghĩ lung tung, thì có khác gì như người đã chết? Bắt đầu bằng những thói quen rất đơn giản như ăn uống, đi đứng, nằm ngồi, hít thở..., nên chú tâm để ý những gì đang làm, đang sống, và đang có. Một trong những bí quyết sống thọ là không nên lo chuyện “con bò trắng răng!”. Nên bớt quan tâm những chuyện không dính dáng đến ta từ tin tức lảm cẩm “xe cán chó, chó cắn xe”, chuyện linh tinh trên mạng, chuyện hàng xóm... Nên nhớ, không có ta thế giới vẫn tồn tại, nhưng nếu không có ta thì gia đình và người thân yêu của ta mới thật sự mất mát. Sự an bình nội tâm sẽ lan tỏa ra thế giới bên ngoài và chắc chắn sẽ ảnh hưởng đến nhiều người chung quanh. Một cuộc sống điều hòa ở nội tâm không thể đạt ở quá khứ và tương lai, mà chỉ có thể đạt được tại giao điểm của “hiện tại”. “Sự giải thoát không nằm ở ngày mai mà cũng không có ở ngày hôm qua. Tôi dám quyết rằng chỉ có hiện tại, hiện tại ngay

bây giờ đây, mới chứa đựng tất cả sự vật. (Krishnamurti).

Nếu ta không tìm thấy sự giải thoát ngay trong những sinh hoạt hiện tại, thì không bao giờ ta được giải thoát cả, người xưa có câu: “Sinh tiền bất tri thiên đường lộ, tử hậu nan ly địa ngục môn” (Con người ngay khi còn sống - tức là hiện tại - mà không tìm ra con đường đi đến Thiên đường, thì sau khi chết khó rời được cửa địa ngục).



Phong Cách Sống

Lê Tấn Tài

Cuộc đời con người có thể ví như một ngày mới, khi chúng ta khóc chào đời vào buổi sáng sớm, và khi đêm buông xuống, đó cũng là dấu hiệu cho thấy cuộc hành trình đang tiến gần tới hồi kết. Khi hoàng hôn buông rơi, chúng ta đã bước vào tuổi xế chiều, và có lẽ, điều quan trọng nhất không phải là những thành tựu hay danh tiếng, mà là ý nghĩa thực sự của cuộc sống.

Chỉ có một khác biệt duy nhất giữa một ngày tươi đẹp và một ngày tồi tệ, đó chính là thái độ của chúng ta. Tựa như hoa dại, hãy học cách tồn tại trong mọi tình huống khắc nghiệt, thậm chí khi mọi người cho rằng chúng ta không thể. Sân khấu cuộc đời đôi khi tương tự như trên sân khấu thật. Những thử thách bất ngờ đòi hỏi khả năng thích ứng của con người, khả năng đó được tích lũy từ kinh nghiệm sống. Chỉ khi đã trải qua biến động mới biết được sự yên bình của sóng và gió lặng. Chỉ khi đã trải qua những khó khăn và nguy hiểm mới đích thực hiểu được giá trị của sự an lành.

Trong hành trình cuộc sống, mỗi người phải đối mặt với nhiều lựa chọn. Khi đứng trước quyết định, chúng ta thường băn khoăn và đắn đo, không biết lựa chọn nào là đúng. Thực tế, thế giới này có những người bình thường và cũng có những người đặc biệt. Phần lớn chúng ta đều là những

người bình thường, sống một cuộc sống đơn giản. Nhưng nếu chúng ta có thể truyền cảm hứng cho người khác và cùng phát triển bản thân, cuộc sống đó sẽ không còn là cuộc sống bình thường nữa.

Sự nghiệp không yêu cầu chúng ta phải đạt tới đỉnh cao, chỉ cần có những thành tựu là đủ. Tiền bạc không cần phải dư dả, miễn là ta sử dụng hết trong cuộc sống, đủ để chi tiêu. Bạn bè không cần phải luôn đồng hành bên cạnh như hình với bóng, chỉ cần chúng ta nhớ và nghĩ về nhau là đủ. Con cái không cần nhiều hay ít, miễn là chúng hiếu thảo là đủ. Tuổi thọ không cần đạt đến con số trăm, chỉ cần sống mỗi ngày khỏe mạnh là đủ!

Hãy mở rộng lòng với những người xung quanh. Khi mọi người còn sống, chúng ta thường tưởng rằng thời gian còn dư dả, cơ hội còn nhiều, chúng ta dễ dàng bị cuốn vào những rối ren hàng ngày, mà quên lãng họ đi. Cả những người thông minh lẫn người xinh đẹp đều có một điểm chung: tưởng rằng mọi thứ sẽ mãi mãi như vậy, nhưng thực tế, cuộc sống lại là phép trừ, mỗi lần gặp nhau, chúng ta lại mất đi một lần. Hãy trân trọng những khoảnh khắc vui vẻ và gắn kết với gia đình, bạn bè, và những người yêu thương. Cuộc sống cao quý khi chúng ta tập trung vào những điều quan trọng, tận hưởng từng khoảnh khắc. Đừng để công việc, những căng thẳng và những vấn đề nhỏ nhặt che mờ đi ý nghĩa của cuộc sống.

Đời người giống như một gói hợp đồng toàn diện, chứa đựng niềm vui, nỗi buồn, hạnh phúc và khổ đau... Tất cả điều này gộp chung với nhau, không thể tách riêng từng phần được. Sự bình yên thực sự bắt nguồn từ bên trong, và điều quan trọng là học cách tạo bình yên cho tâm hồn mình. Thay vì dựa vào những yếu tố bên ngoài để tạo nên niềm hạnh phúc, chúng ta nên tìm hiểu và làm việc với chính bản thân mình.

Quy Luật Cuộc Sống

Lê Tấn Tài



Cuộc sống là một hành trình đa dạng và phong phú, mỗi người đều có cách sống riêng biệt và trải nghiệm khác nhau. Cuộc sống không chỉ là những khoảnh khắc lớn, mà còn là những chi tiết nhỏ bé hàng ngày, những cảm xúc và những mối quan hệ xung quanh chúng ta. Nhiều người thường cảm thấy bất mãn với cuộc sống hiện tại đầy rẫy những khó khăn, gian truân

và giả dối, nhưng sự chân thành và tình thương vẫn luôn tồn tại. Trên đường đời, khi gặp khó khăn, không ai quan tâm, nhưng khi thành công, mọi người tìm đến. Chỉ khi gặp khó khăn mới biết ai là người thật sự tốt. Cuộc sống giống như một hợp đồng kết hợp niềm vui, nỗi buồn, hạnh phúc và đau khổ trong một gói không thể chia lẻ, và cũng không phải là cuộc chiến với người khác, mà là một cuộc đua không ngừng với bản thân. “Hãy bước chậm lại giữa thế giới vội vã.”

Con người sinh ra có một cái miệng để nói và hai cái tai để nghe, nhưng không phải lúc nào cũng sẵn lòng nghe và nói một cách công bằng. Nếu có người nói xấu chúng ta, đừng buồn. Hãy nhớ rằng “Chó sủa, người qua đường vẫn đi.” Khi chúng ta ném bùn vào người khác, có thể trúng, có thể không, nhưng tay chúng ta đã bị vấy bùn. Khi ai đó cố ý làm tổn thương chúng ta, thì họ cũng đã phải trả giá cho hành động đó.

Hiếu lắm thường sinh ra từ những điều nhỏ bé, và lưỡi dao của người khác thường tạo ra những rắc rối lớn. Đối mặt với hiếu lắm, chúng ta cần giảm tự ái và thay đổi cách tiếp cận thay vì đe dọa mối quan hệ. Thậm chí, chúng ta có thể để người khác hiếu lắm, để họ tìm ra câu trả lời theo cách của họ.

Nếu ai đó quá mãi mê sống trong quá khứ, họ sẽ phải đối mặt với hậu quả đắng cay trong tương lai. Không nên phí thời gian hối tiếc về quá khứ không thể thay đổi hoặc than vãn về sự thay đổi phiến toái, bởi sự thay đổi là điều tất yếu của cuộc sống. “Chúng ta chỉ sống một lần.” Hãy nhớ rằng mỗi vết thương qua đi đều là một bước tiến gần hơn đến sự trưởng thành. Khi trưởng thành, con người ít khi giải thích. Cuộc sống ví như một cuốn sách, nơi người lười biếng vội lật qua các trang, trong khi người khôn ngoan lại dành

thời gian để đọc và suy ngẫm. Khi cuộc sống trở nên phức tạp, hãy đơn giản hóa nó. Hành động có ý nghĩa hơn cả lời nói. Không phải mọi vết thương đều rỉ máu. Và không phải không chảy máu là không cảm thấy đau.

Thời điểm đáng sợ nhất luôn luôn là ngay trước khi chúng ta bắt đầu. Sau đó, mọi thứ nhất định sẽ tốt đẹp hơn. Những ai đã trải qua những thời kỳ khó khăn mới thấu hiểu giá trị của bình an, và những ai đã trải qua đói khát mới mới trân trọng từng bữa cơm.

Không ai sinh ra hoàn hảo, nhưng khi chúng ta hiểu biết, chịu đựng và hy sinh cho nhau, tình yêu mới thực sự bền vững. Quần áo có thể vá, nhà cửa có thể sửa chữa, nhưng khi trái tim bị tổn thương, thì khó mà khôi phục. Để yêu thương nhau, chúng ta cần hiểu biết lẫn nhau. Để hiểu biết lẫn nhau, chúng ta cần tin tưởng nhau. Và để tin tưởng nhau, chúng ta phải luôn chân thành với nhau.

Làm người không nên lợi dụng người khác. Những gì chúng ta có thể đạt được chỉ là vật chất, nhưng nhân cách của chúng ta mới thực sự quan trọng. Sự khác biệt giữa con người không nằm ở địa vị, trình độ hay tiền bạc, mà nằm ở cách họ sống. Không nên xây dựng mối quan hệ dựa trên sự giàu nghèo. Trên đời có những người, dù ít ỏi, nhưng vẫn sẵn lòng hy sinh vì người khác. Trong cuộc hành trình, chắc chắn chúng ta sẽ gặp gỡ những người mới, không hề ngờ tới. Đôi khi, những mối quan hệ không ngờ tới lại trở nên mạnh mẽ và gắn bó. Chúng ta cần học cách đánh giá con người. Khi kết bạn với người tốt, như đi trong sương, không làm ướt áo nhưng cảm thấy mát mẻ, chơi với người xấu như đi giữa rừng gươm, không bị thương nhưng luôn lo sợ.

Bình yên, một khái niệm dễ nói nhưng lại mất cả một đời

để hiểu và tìm kiếm. Sống bình yên, không lo âu là một cách để chăm sóc tâm hồn chúng ta, giống như chăm sóc những chiếc cây. Đừng chỉ tập trung vào việc cung cấp đủ nước, mà còn cần phải trò chuyện và gần gũi với chúng. Niềm vui thường đến khi chúng ta không mong đợi. Hạnh phúc thường đến khi chúng ta giảm bớt đòi hỏi. Nếu mục tiêu là mặt trời, chúng ta sẽ không còn thấy bóng tối. Nếu mục tiêu là mặt trăng, thậm chí khi lạc lối, chúng ta vẫn sẽ lạc giữa vô vàn vì sao.

Cuộc sống đích thị là một cuộc hành trình với sự biến đổi không ngừng. Trong cuộc sống này, có vô vàn quy luật, nhưng một trong những quy luật cốt lõi nhất chính là luật nhân quả. Để hiểu và áp dụng nó, chúng ta cần phải có đủ thời gian, công sức và tích lũy kinh nghiệm. Mặc dù không phải lúc nào cũng có thể áp dụng tuyệt đối trong mọi tình huống, nhưng chúng vẫn được xem là những nguyên tắc hữu ích để tham khảo và áp dụng vào cuộc sống hàng ngày. Hơn nữa, việc tận hưởng từng khoảnh khắc là điều cực kỳ quan trọng. Đó là chìa khóa để chúng ta thấu hiểu và trải nghiệm cuộc sống một cách đầy đủ và sâu sắc nhất. Chỉ khi chúng ta biết trân trọng những khoảnh khắc nhỏ bé đời thường, chúng ta mới thực sự cảm nhận được sự đầy đủ và ý nghĩa của cuộc sống.

Vượt Khó

Lê Tấn Tài



Vượt khó là một quá trình đầy thách thức nhưng cũng đầy ý nghĩa và học hỏi. Điều quan trọng cần kiên nhẫn, quyết tâm và sẵn lòng học hỏi từ mọi trở ngại.

Mỗi người trong chúng ta đều trải qua những trải nghiệm mà dường như khiến chúng ta luôn thay đổi, như việc vượt qua một ngưỡng cửa và nhận ra rằng chúng ta đã đánh mất

một phần của chính mình với một sự tiếc nuối nào đó. Có thể đó là sự ngây thơ ban đầu hoặc niềm tin mù quáng vào hạnh phúc vĩnh cửu của cuộc sống. Trong quá trình phát triển cá nhân, có người nói rằng con người được tái sinh hai lần. Lần đầu tiên là khi chúng ta ra đời vào thế giới này, và lần thứ hai là khi chúng ta phải đối mặt với những đau khổ và tổn thương. Những thách thức đó thúc đẩy chúng ta tiến lên phía trước, phát triển khả năng cảm xúc, hoàn thiện bản thân và khả năng phục hồi. Nhà văn nữ người Anh Mary Shelley có viết: “Chúng ta tiến bước mà không có niềm vui trong mê cung cá nhân của mình, cho đến khi đột nhiên, chúng ta tìm thấy manh mối dẫn chúng ta đến thiên đường ngay giữa mớ rối ren đó.”

Nữ bác sĩ phẫu thuật và chuyên gia về tâm thần Rafaela Santo tại đại học Complutense ở Madrid (Tây Ban Nha) nổi tiếng với công trình nghiên cứu và phát triển lý thuyết về sự kiên cường. Sự kiên cường, theo bà, là khả năng phục hồi sau những trải nghiệm tiêu cực hoặc khó khăn và khả năng phát triển cá nhân qua những thách thức đó. Lý thuyết của bà nhấn mạnh tới việc nhận ra và tăng cường sức mạnh nội tâm, kỹ năng giải quyết vấn đề, và duy trì tính lạc quan trong điều kiện khó khăn. Bà cho rằng, thông qua việc nhận thức và chấp nhận cảm xúc của bản thân, mọi người có thể học cách điều chỉnh hành vi và suy nghĩ của mình để đối mặt và vượt qua nghịch cảnh. Bà cũng khuyến khích việc xây dựng một mạng lưới hỗ trợ xã hội mạnh mẽ, bao gồm bạn bè, gia đình và chuyên gia hỗ trợ khi cần, như một phần quan trọng của quá trình phát triển sự kiên cường.

Bộ não chúng ta được tạo ra một cách kỳ diệu để tự tìm ra sự tồn tại và vượt qua cảm xúc tiêu cực, biến điểm yếu thành điểm mạnh. Nhờ đó, chúng ta học cách tìm ra lối thoát trong

mê cung của cuộc sống cá nhân. Cho dù đối mặt với mất mát hay đau khổ, chúng ta luôn có sự lựa chọn cách tiếp cận và giải quyết vấn đề. Nhận thức được con đường phải đi không đủ, chúng ta cần áp dụng sự hiểu biết đó vào hành động để bước tiếp.

Qua những trải nghiệm đó, chúng ta tự xây dựng hình ảnh về bản thân, khám phá giá trị, phẩm chất và điểm yếu của mình. Đối mặt và học hỏi từ những khó khăn giúp chúng ta trở nên chúng ta trở nên mạnh mẽ hơn và chuẩn bị cho những thử thách tiếp theo.

Trong hành trình này, sự hỗ trợ và lòng tin từ người khác và từ chính bản thân vô cùng quan trọng. Chúng giúp chúng ta vượt qua khó khăn và tiếp tục cuộc hành trình của mình. Dù cuộc sống có thể đầy rẫy những khó khăn, mỗi thách thức cũng là một cơ hội để chúng ta trở nên mạnh mẽ hơn. Chúng ta không chỉ là những người sống sót qua các biến cố, mà còn là những người học hỏi và phát triển từ mỗi trải nghiệm. Đôi khi, cuộc sống mang đến những “cú đấm” mạnh mẽ, giống như những vết bầm sâu, và bộ não của chúng ta cảm nhận được mỗi nỗi đau ấy một cách sâu sắc. Chẳng hạn, một cuộc chia tay có thể gây ra những phản ứng mạnh mẽ trong những khu vực của não liên quan đến cảm giác đau thể xác, tương tự như khi ta cảm thấy bị bỏng. Ngạn ngữ phương Đông nhắc nhở chúng ta rằng, cây tre càng cao thì càng mềm dẻo và bền vững. Vậy, điều gì làm nên giá trị của việc giữ vững trạng thái này? Nếu không được xử lý một cách phù hợp, các trải nghiệm về mất mát, chia ly, hay sốc tâm lý có thể khiến não bộ chúng ta chìm vào trạng thái căng thẳng lâu dài, gây nên sự phân rã bản thân. Để giảm thiểu ảnh hưởng của những trải nghiệm này, chúng ta có thể áp dụng ba chiến lược đơn giản:

Sự khôn ngoan từ cây tre: Học cách phát triển nhanh chóng và linh hoạt như tre, tăng cường khả năng chống chịu và phục hồi trước nghịch cảnh.

Hãy như đất sét: Đất sét có khả năng chịu nén và chịu kéo, có độ bền và độ co giãn cao. Luôn thích nghi với sự thay đổi, không ngại biến đổi để vượt qua thách thức.

Tinh thần của con sói: Con sói biết kẻ săn mồi và tự vệ, là biểu tượng của sức mạnh, bản năng sinh tồn, sự nhạy bén và sẵn lòng chiến đấu. Làm theo hành vi của sói giúp chúng ta đối mặt với những thách thức phức tạp.

Áp dụng những chiến lược này giúp chúng ta mạnh mẽ và linh hoạt hơn trước cuộc sống và các thử thách của nó. Dù ót cay đến đâu, nó vẫn được ăn cả vỏ, nhưng chuối ngọt thì lại thường bị lột vỏ ra trước khi ăn. Đó là một trong những quy luật tự nhiên mà chúng ta không thể phủ nhận. Vì vậy, dù đã từng vấp ngã, chúng ta vẫn nên tiếp tục bước đi, và dù đã từng thất vọng, hãy vẫn giữ hy vọng, dù nước mắt từng rơi, vẫn mỉm cười. Cuộc đời giống như một chuyến xe, người lên, người xuống, và có những người chỉ đi qua. Có cười, có khóc, có lúc im lặng và buồn bã.

Bài Học Cuộc Sống

Lê Tấn Tài



Khi vào tuổi xế chiều, chúng ta cần học cách buông bỏ những lo lắng và áp lực không cần thiết để tập trung chăm sóc bản thân nhiều hơn. Khi tâm hồn tĩnh lặng và trái tim rộng mở, chúng ta sẽ cảm thấy nhẹ nhàng và thanh thản hơn. Điều này không chỉ mang lại hạnh phúc cho chính mình mà còn lan tỏa đến những người xung quanh. Việc chăm sóc tinh thần và nuôi dưỡng sự bình an trong tâm hồn chính là chìa khóa để sống an yên và hạnh phúc trong chặng đường còn lại của cuộc đời. Giá trị của sự yên tĩnh và bình thản trong nội tâm trở nên quan trọng hơn bao giờ hết. Những điều từng khiến chúng ta

phấn khích, náo nhiệt có thể không còn thu hút nữa. Thay vào đó, chúng ta bắt đầu tìm kiếm sự cân bằng và tĩnh lặng trong cuộc sống, bởi vì hạnh phúc thật sự không nằm ở những thứ bên ngoài mà chính là trong sự an yên của tâm hồn. Dù sống trong giàu sang hay nghèo khó, khi tâm hồn bình lặng, chúng ta dễ dàng đối mặt với mọi khó khăn, thử thách và biết trân trọng những niềm vui giản dị trong cuộc sống. Đó mới chính là hạnh phúc đích thực mà ai cũng tìm kiếm.

Khi bị người khác hiểu lầm hoặc đối mặt với những tranh luận không cần thiết, hãy chọn sự im lặng. Im lặng thực sự là một sức mạnh lớn trong những tình huống như vậy. Việc im lặng không chỉ giúp giữ bình tĩnh mà còn ngăn chặn vấn đề trở nên phức tạp hơn. Trong cuộc sống, đúng hay sai thường phụ thuộc vào góc nhìn và trải nghiệm của mỗi người, và có những lúc mọi lời giải thích đều trở nên vô nghĩa. Im lặng không có nghĩa là yếu đuối hay chấp nhận thất bại, mà là cách để bảo vệ tâm hồn, giữ gìn sự bình an và tránh lãng phí năng lượng vào những điều không cần thiết. Đôi khi, sự im lặng chính là câu trả lời mạnh mẽ nhất, vì nó cho thấy chúng ta đủ thông minh để không bị cuốn vào những tranh cãi vô bổ. Trong cuộc sống, chúng ta không thể tránh khỏi những mâu thuẫn và bất đồng. Điều quan trọng là biết cách giải quyết và buông bỏ. Việc xin lỗi và chấp nhận lỗi lầm không làm giảm giá trị của chúng ta, mà ngược lại, nó thể hiện sự trưởng thành và lòng bao dung. Khi cảm thấy căng thẳng, chúng ta có thể làm những việc nhẹ nhàng như lau nhà, dọn dẹp để giúp tâm trạng thoải mái hơn.

Chúng ta có khả năng nói, nhưng thường dùng lời lẽ để xúc phạm người khác. Trong khi đó, người câm chỉ mong ước có thể nói những lời yêu thương đến những người họ yêu quý. Chúng ta có hai tai để nghe, nhưng lại ít khi lắng

nghe những điều tốt đẹp. Trong khi người điếc chỉ khao khát được nghe và hiểu những gì mọi người nói. Chúng ta giàu có, nhưng lại tiêu xài hoang phí. Trong khi người nghèo chỉ ước ao có một bát cơm no. Chúng ta có nhiều thời gian, nhưng lại không biết trân trọng nó. Trong khi người đang cận kề cái chết chỉ mong muốn thời gian trôi chậm lại. Tóm lại, chúng ta thường dễ quên đi giá trị của những điều cơ bản như khả năng nói, nghe, và có đủ tiền bạc, thời gian. Những người kém may mắn hơn lại ước ao có được những điều đơn giản mà chúng ta thường xem nhẹ.

Lòng biết ơn là một trong những phẩm chất quan trọng giúp chúng ta sống một cuộc đời ý nghĩa hơn. Mỗi người đều mang ơn sự nuôi dưỡng của thiên nhiên và vạn vật, vì chúng ta hiểu rằng mọi thứ đều có sự đóng góp từ nhiều phía. Không ai có thể tự mình tạo dựng nên mọi vật. Khi trân trọng những gì mà chúng ta nhận được từ thiên nhiên, con người và thế giới xung quanh, cuộc sống của chúng ta trở nên phong phú hơn. Sự biết ơn không chỉ mang lại niềm vui cho bản thân mà còn lan tỏa năng lượng tích cực đến những người xung quanh. Khi sống với lòng cảm ơn chân thành, chúng ta cảm thấy mình được kết nối sâu sắc hơn với thế giới và tạo ra nhiều giá trị hơn.

Cuộc sống có thể đầy rẫy những khó khăn, nhưng nếu chúng ta biết trân trọng và tận hưởng những gì mình đang có, chúng ta sẽ tìm thấy niềm vui và hạnh phúc. Điều này nhắc nhở rằng mỗi khoảnh khắc, mỗi mối quan hệ, và mỗi cơ hội đều quý giá. Đừng lãng phí, dù là vật chất hay tình cảm, thời gian hay lòng biết ơn. Sống vui vẻ không chỉ xuất phát từ việc có nhiều mà còn từ sự hài lòng với những gì mình có, cùng với lòng chia sẻ và cảm thông với những người xung quanh.



Nghĩ Về Cuộc Sống

Lê Tấn Tài

Cuộc sống thường được ví như một hành trình dài, nơi mỗi người đều trải qua những cung bậc cảm xúc và thử thách riêng. Có lúc, chúng ta thấy cuộc sống thật tươi đẹp, tràn đầy hy vọng và ý nghĩa. Nhưng cũng có những thời điểm khó khăn, buồn bã, và cảm thấy mất phương hướng.

Sự khác biệt và tương đồng giữa quan niệm về cuộc sống xưa và nay của phương Đông và phương Tây không chỉ phản ánh sự đa dạng văn hóa mà còn cho thấy những giá trị chung mà con người ở mọi nơi đều hướng tới. Nhiều người cho rằng, trong cuộc sống hiện đại, con người dễ bị cuốn vào vòng xoáy của công việc, tiêu dùng và hưởng thụ, dẫn đến việc bỏ qua những tiêu chuẩn đạo đức, giá trị văn hóa, tinh thần truyền thống. Việc hiểu và tôn trọng những khác biệt này có thể giúp chúng ta xây dựng một thế giới hòa bình và hài hòa hơn.

Quan niệm về cuộc sống theo triết lý hiện đại có nhiều khía cạnh phong phú và đa dạng, phản ánh sự phát triển tư duy con người qua các thời kỳ.

Chủ nghĩa hiện sinh (Existentialism), với những đại diện

như Jean-Paul Sartre và Albert Camus, nhấn mạnh sự tự do và trách nhiệm cá nhân. Theo họ, cuộc sống không có ý nghĩa cố định và mỗi người phải tự tạo ra ý nghĩa cho cuộc sống của mình thông qua hành động và lựa chọn cá nhân.

Chủ nghĩa hậu hiện đại (Postmodernism), với những tư tưởng của Michel Foucault và Jacques Derrida, thách thức các quan niệm truyền thống về sự thật và thực tại. Họ cho rằng cuộc sống là một chuỗi các diễn giải và không có một sự thật tuyệt đối nào. Mọi thứ đều phụ thuộc vào ngữ cảnh và quan điểm cá nhân.

Tâm lý học tích cực (Positive Psychology), do Martin Seligman khởi xướng, tập trung vào việc tìm kiếm hạnh phúc và sự thịnh vượng. Theo quan điểm này, cuộc sống có thể trở nên ý nghĩa và hạnh phúc hơn thông qua việc phát triển các phẩm chất tích cực như lòng biết ơn, sự lạc quan và tình yêu thương.

Chủ nghĩa nhân văn (Humanism), với những tư tưởng của Carl Rogers và Abraham Maslow, nhấn mạnh sự phát triển cá nhân và tiềm năng con người. Họ cho rằng mỗi người đều có khả năng tự hoàn thiện và đạt được sự thỏa mãn trong cuộc sống thông qua việc phát triển bản thân và tìm kiếm ý nghĩa.

Triết lý sinh thái (Ecophilosophy) nhấn mạnh mối quan hệ giữa con người và môi trường tự nhiên. Theo quan điểm này, cuộc đời có ý nghĩa khi con người sống hài hòa với thiên nhiên và bảo vệ môi trường. Triết lý này khuyến khích sự bền vững và trách nhiệm đối với hành tinh.

Các quan niệm này khuyến khích con người tự do khám phá, phát triển bản thân và sống một cuộc đời có ý nghĩa. Hầu hết các chủ nghĩa hiện đại có một số điểm tương đồng, mặc dù chúng xuất phát từ những nền tảng triết lý khác nhau.

- Tôn trọng sự đa dạng của con người và các nền văn hóa, chấp nhận nhiều quan điểm và cách nhìn khác nhau về thế giới, chấp nhận các giá trị và niềm tin khác nhau.

- Đề cao vai trò và sự phát triển cá nhân trong việc tạo ra ý nghĩa và hiểu biết về thế giới. Mỗi người có quyền tự do diễn giải và hiểu thế giới theo cách riêng của mình.

- Khám phá ý nghĩa của cuộc sống thông qua việc phát triển bản thân và xây dựng các mối quan hệ xã hội. Ý nghĩa không phải là một khái niệm cố định, mà là một quá trình liên tục được cá nhân và xã hội tạo ra và làm mới.

Quan niệm Đông phương về cuộc sống phần lớn ảnh hưởng tư tưởng Lão Trang và Phật giáo, nhấn mạnh sự vô thường và sự cần thiết của việc sống hài hòa với tự nhiên. Tuy nhiên, Lão Tử cho rằng cuộc sống là một phần của Đạo, nguyên lý vũ trụ bao trùm tất cả. Sống theo Đạo là sống một cách tự nhiên, không cưỡng cầu, chấp nhận sự thay đổi và vô thường của cuộc đời, đồng thời tập trung vào sự đơn giản và thực hành vô vi. Phật giáo nhấn mạnh việc giải thoát khỏi khổ đau thông qua giác ngộ và thực hành đạo đức. Đặc biệt, Kinh Bát Nhã Ba La Mật cho rằng cuộc sống là vô thường, và thực tại mà chúng ta cảm nhận chỉ là ảo giác, tương tự như một giấc mơ. Trong Kinh Kim Cang, một trong những kinh điển quan trọng của Phật giáo Đại thừa, có đoạn: “Tất cả các pháp hữu vi như giấc mộng, như ảo ảnh.” Điều này có nghĩa rằng những hiện tượng vật chất và tinh thần mà chúng ta nhận thức chỉ là tạm thời và không có bản chất bền vững, giống như hình ảnh trong giấc mơ. Mọi hiện tượng trong cuộc sống đều vô ngã (không có cái tôi cố định), và sự giác ngộ chính là việc vượt qua những ảo tưởng của cuộc sống để nhận ra bản chất chân thật của thực tại.

- Quan niệm Đông phương nhấn mạnh tính vô thường của cuộc sống, rằng mọi thứ đều thay đổi, không có gì là vĩnh cửu, và tất cả các hiện tượng đều vô thường, không có bản chất cố định (vô ngã).

- Đề cao nguyên tắc “vô vi”, tức là hành động mà không ép buộc, không can thiệp quá mức vào tự nhiên và cuộc sống. Khuyến khích sống một cách tự nhiên, không bị ràng buộc bởi những dục vọng và tham ái.

- Cả hai nền triết lý đều hướng đến sự giải thoát khỏi khổ đau. Lão Tử tìm kiếm sự hài hòa và bình yên thông qua việc sống theo Đạo, trong khi Phật giáo nhấn mạnh việc đạt đến giác ngộ và giải thoát khỏi luân hồi sinh tử.

- Sống đơn giản và khiêm tốn, tránh xa những tham vọng và dục vọng. Sự đơn giản và khiêm tốn là con đường dẫn đến sự bình yên và hạnh phúc.

- Mọi thứ đều là tương đối và không có gì là tuyệt đối. Khái niệm “tính không” trong Phật giáo cho rằng tất cả các hiện tượng đều không có bản chất thực sự và không có tự tính cố định.

- Nhấn mạnh việc sống hài hòa với tự nhiên, hòa hợp với Đạo, không can thiệp vào dòng chảy tự nhiên của cuộc sống.

Những quan niệm này cho thấy rằng, dù có sự khác biệt về tư tưởng và phương pháp, cả Lão Tử và Phật giáo đều hướng đến một cuộc sống hài hòa, bình yên, giải thoát khỏi khổ đau, khuyến khích con người sống tự nhiên, chấp nhận sự thay đổi và tìm kiếm sự hài hòa trong cuộc sống.

Nhìn chung, quan niệm Tây phương về cuộc sống đã được nhiều triết gia và nhà tư tưởng sử dụng để phản ánh về bản chất thực tại và sự mơ hồ giữa cái thật và cái ảo. Tư tưởng

này vẫn tiếp tục gây hứng thú và tranh luận trong triết học và cả văn học đương đại.

Plato (Triết học Hy Lạp cổ đại) cho rằng thế giới vật chất là một thế giới ảo ảnh, không thực. Trong “Plato’s Theory of Forms” (Thuyết Lý Tưởng) Plato cho vật chất chỉ là bản sao không hoàn hảo của những ý tưởng lý tưởng (forms) ở thế giới ý niệm. Những gì chúng ta trải nghiệm qua giác quan chỉ là hình bóng của một thực tại cao hơn.

Descartes (Triết học Tây phương hiện đại), trong tác phẩm “Meditations on First Philosophy” (Suy ngẫm về Triết học Độ nhất), đã đặt ra nghi vấn về tính hiện thực của thế giới xung quanh, và đặt câu hỏi liệu những trải nghiệm của chúng ta có thể chỉ là một giấc mơ. Descartes cho rằng chúng ta có thể bị lừa dối bởi các giác quan, nhưng cuối cùng ông kết luận rằng có một điều không thể nghi ngờ là: “Cogito, ergo sum” (Tôi tư duy, vậy tôi tồn tại). Theo đó, ngay cả khi mọi thứ là giấc mơ, sự tồn tại của “cái tôi” tư duy là không thể phủ nhận.

Berkeley (Chủ nghĩa duy tâm), một triết gia của chủ nghĩa duy tâm, cho rằng thực tại chỉ tồn tại trong ý thức của người quan sát. Thế giới vật chất không tồn tại độc lập mà chỉ tồn tại khi được con người cảm nhận. Ý tưởng này gần với quan điểm “đời là một giấc mơ”, vì Berkeley cho rằng tất cả những gì chúng ta trải nghiệm là do tâm trí tạo ra.

Arthur Schopenhauer (Triết học Đức) trong tác phẩm “The World as Will and Representation” (Thế giới như ý chí và biểu hiện), lập luận rằng đời sống và thực tại là biểu hiện của ý chí con người. Ông cho rằng thế giới mà chúng ta thấy chỉ là sự hiện thực hóa của những khát vọng và ý chí bên trong. Do đó, cuộc đời giống như một giấc mơ mà chúng ta

luôn theo đuổi những điều mình mong muốn mà không bao giờ đạt được sự thỏa mãn hoàn toàn.

Nietzsche (Triết học siêu hình), trong một số tác phẩm như “Thus Spoke Zarathustra” (Zarathustra đã nói như thế), cũng đã suy tư về đời sống và hiện thực. Ông cho rằng cuộc đời là một sự diễn đạt, một trò chơi nghệ thuật, trong đó con người không thể phân biệt rạch ròi giữa hiện thực và ảo giác. Ý tưởng “trở thành cái ta” và sống một cách đầy sáng tạo phản ánh sự tồn tại như một vở kịch hoặc một giấc mơ, nơi mỗi cá nhân có thể tự do sáng tạo và định nghĩa bản thân.

Baudrillard (Triết học hậu hiện đại), trong tác phẩm “Simulacra and Simulation” (Giả tượng và Mô phỏng), đã phát triển ý tưởng về thực tại ảo và sự mô phỏng. Ông cho rằng xã hội hiện đại đã bước vào giai đoạn mà chúng ta không còn phân biệt được giữa thực và giả, bởi vì chúng ta sống trong một thế giới được xây dựng từ những biểu tượng và sự mô phỏng, giống như đang sống trong một giấc mơ hoặc ảo giác mà không biết rõ bản chất thực sự.

Tây phương đã khai thác sâu sắc và phong phú ý tưởng “đời là một giấc mơ”. Từ Plato, Nietzsche, đến những vở kịch của Calderón de la Barca hoặc những câu chuyện hiện đại của Kafka và Borges, họ đã sử dụng hình ảnh giấc mơ để khám phá bản chất của cuộc sống, sự vô thường, và tính phi lý của thực tại. Những giấc mơ trong văn chương, triết học, thường là cách để suy ngẫm về sự mơ hồ giữa thực và ảo, cũng như cách con người đối diện với sự phù du của cuộc sống.

Sự khác biệt và tương đồng giữa quan niệm sống của người xưa và người hiện đại phản ánh sự phát triển trong tư duy của con người qua các thời kỳ.

Các triết lý cổ đại nhấn mạnh việc hòa hợp với tự nhiên,

sự bình yên nội tâm và sự phát triển cá nhân. Tâm lý học tích cực và các triết lý hiện đại cũng đề cao tầm quan trọng của việc tìm kiếm hạnh phúc và ý nghĩa trong cuộc sống. Công nghệ hiện đại, như trí tuệ nhân tạo (AI), được sử dụng để nâng cao chất lượng sống và giúp con người đạt được sự thỏa mãn cá nhân. Tương tự, các phong trào bảo vệ môi trường và triết lý sinh thái hiện đại nhấn mạnh sự cần thiết của việc bảo vệ và tôn trọng môi trường tự nhiên.

Ngày xưa, khi công nghệ và khoa học chưa phát triển, cuộc sống chủ yếu dựa vào kinh nghiệm và tri thức truyền thống. Con người tập trung vào việc hiểu biết và sống hài hòa với tự nhiên. Tri thức và thực tại được lý giải thông qua các triết lý và tôn giáo, với sự nhấn mạnh vào trực giác và kinh nghiệm cá nhân. Tính cộng đồng, gia đình và xã hội được đề cao, con người thường đặt lợi ích của gia đình và cộng đồng lên trên lợi ích cá nhân. Tự do cá nhân thường bị giới hạn bởi các quy tắc xã hội và tôn giáo, trong khi trách nhiệm đối với gia đình và xã hội luôn được ưu tiên.

Ngày nay, công nghệ và khoa học đã phát triển vượt bậc, đặc biệt trong thời kỳ công nghiệp và sự bùng nổ của trí tuệ nhân tạo. AI và các công nghệ tiên tiến khác đang thay đổi cách chúng ta sống, làm việc và tương tác với thế giới. Tri thức và thực tại hiện nay được hiểu qua khoa học và công nghệ, với sự nhấn mạnh vào dữ liệu, phân tích và bằng chứng thực nghiệm. Tự do cá nhân được đề cao hơn, mỗi người có quyền tự do theo đuổi ước mơ và mục tiêu cá nhân. Tuy nhiên, trách nhiệm xã hội vẫn giữ vai trò quan trọng, đặc biệt trong bối cảnh toàn cầu hóa và những vấn đề môi trường đang ngày càng cấp bách.

Cuộc sống theo quan niệm của phương Đông và phương

Tây phản ánh sự đa dạng trong cách nhìn nhận và triết lý sống của hai nền văn hóa.

Phương Tây đề cao tính cá nhân, tự do và quyền tự quyết. Con người được khuyến khích phát triển bản thân, theo đuổi ước mơ và mục tiêu riêng. Người phương Tây thường tìm kiếm sự minh bạch và logic trong mọi vấn đề, với tư duy phân tích, lý tính và khoa học. Thời gian được xem là tuyến tính, có điểm bắt đầu và kết thúc rõ ràng, và người phương Tây thường chú trọng đến hiệu quả cùng tiến độ.

Ngược lại, phương Đông đề cao tính cộng đồng, gia đình và xã hội. Con người thường đặt lợi ích của tập thể lên trên lợi ích cá nhân, với tư duy tổng hợp, trực giác và triết lý. Người phương Đông nhìn nhận thế giới như một chỉnh thể thống nhất, luôn tìm kiếm sự hài hòa. Thời gian ở đây được xem là tuần hoàn, không có điểm khởi đầu hay kết thúc rõ ràng, và người phương Đông coi trọng sự kiên nhẫn cũng như các chu kỳ tự nhiên.

Cả hai nền văn hóa đều đề cao việc tìm kiếm sự bình yên và hạnh phúc nội tâm. Dù có thể khác biệt về phương pháp, nhưng mục tiêu cuối cùng vẫn là đạt được sự hài hòa và an lạc trong tâm hồn. Cả phương Đông và phương Tây đều coi trọng các giá trị đạo đức như trung thực, công bằng và nhân ái. Những giá trị này được xem là nền tảng cho một cuộc sống tốt đẹp và một xã hội văn minh. Dù tiếp cận theo những cách khác nhau, cả hai nền văn hóa đều nhấn mạnh tầm quan trọng của việc sống hài hòa với tự nhiên. Phương Đông thường nhấn mạnh sự hòa hợp với thiên nhiên, trong khi phương Tây tập trung vào việc bảo vệ môi trường.

Phần lớn các quan niệm triết học thường ví cuộc sống như một giấc mơ, sự tồn tại của con người chỉ là một ảo ảnh, một

khoảnh khắc thoáng qua trên tấm thảm thời gian vô tận. Điều này ngụ ý rằng những trải nghiệm, niềm vui, nỗi buồn của chúng ta chỉ là những ảo ảnh ngắn ngủi, giống như một giấc mơ mà cuối cùng ai cũng sẽ tỉnh dậy. Cuộc sống mong manh, huyền ảo, như một lời hứa thắm thì về vẻ đẹp và sự kỳ diệu. Nó là một giấc mơ mà chúng ta phải trân trọng và tôn vinh, bởi chỉ khi chấp nhận tính chất thoáng qua của nó, chúng ta mới có thể hiểu được vẻ đẹp thực sự của cuộc sống. Giống như giấc mơ, cuộc sống không thể đoán trước, luôn thay đổi, và đầy những khúc quanh bất ngờ khiến chúng ta ngạc nhiên và thích thú. Nó là một hành trình không có đích đến rõ ràng, một con đường trải dài trước mắt như dòng sông hướng về biển cả.

Mặc dù chúng ta có thể thừa nhận tính chất mơ hồ của cuộc sống, chúng ta cũng cần nhận ra sự thực của nó. Bởi dù có thoáng qua, cuộc sống vẫn quý giá, là món quà mà chúng ta phải nuôi dưỡng và bảo vệ. Hãy ôm lấy giấc mơ này, cuộc sống mong manh và tuyệt đẹp này, và tận dụng tối đa thời gian chúng ta có. Hãy trân trọng từng khoảnh khắc, từng niềm vui, nỗi buồn, và từng trải nghiệm, bởi tất cả đều góp phần tạo nên tấm thảm lớn của sự tồn tại của chúng ta.

Nhìn chung, trong cuộc sống, hạnh phúc vẫn luôn là mục tiêu mà con người hướng tới. Tuy nhiên, hạnh phúc không phải là một trạng thái cố định mà là kết quả của những lựa chọn và thói quen hằng ngày. Hãy dành thời gian mỗi ngày để suy ngẫm về những điều chúng ta biết ơn, từ những điều nhỏ bé cho đến các mối quan hệ có ý nghĩa. Đôi khi, cuộc sống trở nên phức tạp vì những kỳ vọng quá cao hoặc vì chúng ta so sánh bản thân với người khác. Hãy tập trung vào những gì thực sự quan trọng và đơn giản hóa cuộc sống. Điều này có thể bao gồm việc loại bỏ những căng thẳng

không cần thiết. Hạnh phúc thường xuất phát từ những mối quan hệ chân thành và bền vững. Hãy dành thời gian cho gia đình, bạn bè và những người thân yêu, xây dựng mối quan hệ bằng sự chia sẻ, lắng nghe và quan tâm. Sức khỏe tốt là nền tảng của hạnh phúc. Đồng thời, hãy chăm sóc tinh thần bằng cách thiền, yoga hoặc đơn giản là dành thời gian thư giãn và làm những điều mình yêu thích. Những hoạt động mà chúng ta đam mê sẽ giúp cuộc sống thêm phần ý nghĩa. Đặt ra mục tiêu rõ ràng và làm việc để đạt được chúng sẽ mang lại cảm giác thành tựu và sự tự tin. Một trong những nguyên nhân lớn nhất của sự đau khổ là khi chúng ta không chấp nhận bản thân hoặc hoàn cảnh. Hãy học cách yêu thương bản thân, chấp nhận những khuyết điểm của mình và hiểu rằng không ai là hoàn hảo. Điều này giúp giảm bớt lo âu và áp lực. Cố gắng tránh xa những suy nghĩ tiêu cực và những người có ảnh hưởng xấu. Hãy chọn môi trường tích cực, nơi chúng ta có thể cảm thấy an toàn và thoải mái để phát triển. Hạnh phúc thực sự không chỉ đến từ việc chăm sóc bản thân mà còn từ việc giúp đỡ người khác. Những hành động tử tế, dù nhỏ bé, cũng có thể mang lại niềm vui lớn và cảm giác ý nghĩa.

Khi suy ngẫm về cuộc sống, chúng ta có thể nhận ra rằng mọi khoảnh khắc, dù hạnh phúc hay đau khổ, đều mang đến những bài học quý giá. Những thất bại giúp chúng ta trưởng thành, niềm vui làm trái tim ấm áp hơn, và những con người gặp gỡ trên đường đời là những mảnh ghép quan trọng trong câu chuyện cuộc sống của mỗi chúng ta. Điều quan trọng là biết trân trọng từng khoảnh khắc, sống với lòng biết ơn và yêu thương. Dù đôi lúc khó khăn xuất hiện, hãy nhớ rằng sau cơn mưa, trời lại sáng. Mỗi ngày mới là một cơ hội để bắt đầu lại, yêu thương nhiều hơn, và khám phá những điều mới mẻ trong cuộc sống.

Hành Trang Vào Đời

Lê Tấn Tài



Cuộc đời là quá trình tồn tại, trải nghiệm và hoạt động của một người, gồm những thành công, thất bại, niềm vui, nỗi buồn... Mỗi người có cuộc đời riêng, một hành trình riêng, và chịu ảnh hưởng nhiều yếu tố khác nhau như gia đình, môi trường, giáo dục, kinh nghiệm, nhưng yếu tố chính vẫn là quyết định của chính bản thân mình. Mỗi người có một bản sắc, một

cá tính, một tầm nhìn riêng về cuộc sống và mục tiêu của mình. Chúng ta không thể lấy người khác làm tiêu chuẩn để quyết định hướng đi cho cuộc đời mình, vì mỗi người có hàng trăm nghìn dáng vẻ khác nhau, có những giá trị và ước mơ khác nhau, nhìn thấu một người thật rất khó. Đừng bao giờ bước đi trên đường người khác đã đi, bởi vì nó chỉ dẫn chúng ta đến nơi những người khác đã đến. Thay vì dựa theo tiêu chuẩn người khác, chúng ta nên tìm hiểu bản thân mình, khám phá sở thích, đam mê và mục tiêu của bản thân để xây dựng cuộc sống đúng với mong muốn và giá trị của mình. Nhà hiền triết không dạy bất cứ điều gì cho người khác, mà chỉ giúp người ấy tìm ra câu trả lời từ bên trong chính mình.

Chúng ta cần phải học cách yêu thương và chấp nhận bản thân. Chỉ khi làm được điều này, chúng ta mới có thể đối mặt với những thách thức và kẻ thù bên ngoài một cách tự tin và hiệu quả. Nhân sinh như một vũ đài, chưa tới màn chào cảm tạ khán giả, chúng ta sẽ không biết được mình diễn hay tới đâu. Nếu phải đối mặt với những trở ngại, khó khăn trong cuộc sống, chúng ta nên kiên định với mục tiêu của mình, hoa hướng dương vẫn luôn quay về phía mặt trời, dù có bị mưa tạt gió lùa sang hướng khác. Người mà chỉ luôn dựa vào người khác, cuối cùng sẽ bị gục ngã, cho nên, dựa vào ai cũng không bằng dựa vào chính mình. Rất ít người thực sự trải nghiệm cuộc sống, trong khi phần lớn đơn giản chỉ tồn tại qua ngày, hoặc chỉ dựa vào khuôn mặt để sống, mà không biết rằng họ đã sống vật vờ như cái xác chết khô. Hãy tận hưởng cuộc sống, và sống thực sự chứ không phải là cuộc diễn tập. Nếu chúng ta cảm thấy hụt hẫng, lè lết cuộc sống tạm bợ qua ngày, hãy thử tìm kiếm những trải nghiệm mới, đặt mục tiêu và hoàn thành chúng, trân trọng những khoảnh khắc đơn giản trong cuộc sống. Bởi vì đôi khi, những thứ đơn giản nhất lại mang lại niềm vui và ý nghĩa lớn nhất.

Thực tế những thách thức và kẻ thù lớn nhất của chúng ta thường xuất phát từ bên trong chính bản thân mình. Tất cả phiền não, lo lắng hay căng thẳng đều bắt nguồn từ tư duy của chúng ta. Chúng ta thường tự tạo những suy nghĩ tiêu cực, tự hủy hoại, lo lắng quá mức, hoặc cảm giác tự ti... và nếu không thay đổi cách suy nghĩ của mình, thì sẽ không thể giải quyết được những vấn đề này. Cảm xúc là một phần quan trọng của cuộc sống, nhưng đừng để cảm xúc chi phối mình và biến mình thành nô lệ của chúng. Hãy tìm hiểu và nhận ra cảm xúc của mình, hiểu được nguyên nhân và tìm cách giải quyết nó một cách khôn ngoan, tìm kiếm các phương pháp để giảm stress, thực hiện các hoạt động thư giãn như yoga, hoặc tham gia các hoạt động tập thể để giải tỏa căng thẳng, tăng cường sức mạnh bản thân và rèn luyện khả năng tự chủ. Kiểm soát được chúng, chúng ta có thể sống một cuộc sống cân bằng, hạnh phúc và hiệu quả hơn trong mọi lĩnh vực.

Trong cuộc sống, có những người, kể cả người thân thuộc, khiến chúng ta cảm thấy không thoải mái, không hài lòng, hoặc khó chịu. Nếu như chúng ta không thể thay đổi hoặc cải thiện mối quan hệ đó, thì tốt nhất là không dành năng lượng của mình cho họ. Đừng kỳ vọng có bao nhiêu người đối xử tốt với chúng ta. Kỳ thực, nhiều lúc mọi người luôn lãnh đạm vô tình, họ coi các sự việc khác đều không liên quan tới mình. Chúng ta không nên quá chú trọng vào những lời chỉ trích hay phê bình của những người không thích mình, mà hãy tập trung vào những người yêu thương và đánh giá tích cực về bản thân. Theo chỉ dẫn của người khác, mù quáng mà bước về phía trước, có thể bước tiếp theo chúng ta sẽ ngã xuống, cú ngã này sẽ rất đau đớn đó. Điều đáng sợ không phải là người thực sự xấu, mà là người tốt giả tạo. Hãy tìm

kiếm những người có giá trị và tính cách tích cực để xây dựng những mối quan hệ có ý nghĩa cho cuộc sống.

Không ai có thể đi cùng chúng ta suốt cả đời và giúp chúng ta mọi lúc mọi nơi. Thật không may, trong một số trường hợp, chúng ta cảm thấy cô đơn và bị bỏ lại phía sau, đặc biệt trong những thời điểm khó khăn và thử thách. Người cô đơn vì xây tường ngăn lối thay vì xây nhịp bắc cầu. Nên học cách thích ứng với tình trạng này, cũng có nghĩa là học cách tự chăm sóc bản thân và sống một cuộc sống độc lập, để trải nghiệm những điều mới mẻ. Cuộc sống không phải lúc nào cũng đúng và không phải lúc nào cũng sai. Có thời điểm chúng ta phạm sai lầm, nhưng quan trọng là chúng ta phải học từ những sai lầm đó và tiếp tục hành trình của mình. Cuộc đời quá ngắn ngủi, hãy dành thời gian cho những điều quan trọng và ý nghĩa nhất. Bởi vì, thời gian là tài nguyên quý giá nhất mà chúng ta có trong cuộc đời, và nếu chúng ta dành nó cho những điều mà chúng ta cảm thấy khó chịu thì đó là sự lãng phí. Phải nhìn về phía trước và tập trung vào những gì chúng ta có thể làm để cải thiện và hoàn thiện bản thân mình. Người gọt dưa các góc đi rất nhanh, nhưng khi xuống dốc thì sẽ còn lăn được rất xa. Tương lai thuộc về những ai biết tin tưởng vào ước mơ tốt đẹp của mình. Bón ý tưởng hay cho cuộc sống: Nhìn lại đằng sau để có Kinh nghiệm. Nhìn về phía trước để thấy Hy vọng. Nhìn xung quanh để tìm ra Thực tại. Nhìn vào bên trong để tìm thấy chính mình.

Dù có xấu, nhiều nhược điểm đến cỡ nào, vẫn luôn có người yêu thương chúng ta, ngược lại mặc kệ chúng ta tốt đến đâu vẫn luôn có kẻ không ưa chúng ta. Có những biểu hiện xấu xa và hiểm ác ẩn giấu dưới vẻ ngoài xinh đẹp, nhưng đằng sau mỗi một nụ cười có điều gì ẩn giấu? Lẽ nào chẳng

có một tình bạn chân thực, mà chỉ toàn là sự lợi ích? Đừng quên rằng, trong cuộc sống đầy rẫy những thử thách luôn có những người đáng tin cậy và đáng quý mà chúng ta có thể kết nối và chia sẻ những trải nghiệm của mình. Những người mới này sẽ giúp chúng ta tiến xa hơn trên con đường của mình. Một sự thật trong cuộc sống là không ai hoàn hảo và mọi người đều có những ưu và nhược điểm riêng. Điều quan trọng nhất là chúng ta phải luôn giữ trái tim mở rộng và đón nhận những người mới vào cuộc sống của mình. Dù đi bất cứ nơi nào, chúng ta cũng nên đem trái tim của mình theo. Mọi lý luận đều thừa thãi, một nụ cười, một ánh mắt của khách qua đường cũng đủ cho ta ấm lòng. Những điều đơn giản và nhỏ nhất trong cuộc sống có thể đem lại niềm vui và ấm áp cho chúng ta. Đôi khi, một hành động nhỏ từ người khác cũng có thể khiến chúng ta cảm thấy hạnh phúc. Chúng ta cần luôn đón nhận những điều tốt đẹp xảy đến trong cuộc sống và không để những mối lo âu, bận tâm che mờ đi những niềm vui nhỏ bé ấy. Hãy học cách lắng nghe, cơ hội thường khi đến một cách lặng lẽ như một tiếng gõ rất nhẹ. Cần dọn đất trồng hoa trên mảnh vườn của mình hơn là chờ đợi ai đó mang hương sắc đến dâng cho mình.



Hiểu Mình

Lê Tấn Tài

Nhận ra giá trị của bản thân có thể là một thử thách đối với nhiều người. Đôi khi, chúng ta có thể bị ảnh hưởng bởi những suy nghĩ tiêu cực, tự ti hoặc thiếu tự tin về khả năng của chính mình. Tuy nhiên, khi vượt qua những rào cản này, chúng ta có thể đạt được nhiều thành công trong cuộc sống và sẽ tránh được rất nhiều rắc rối. Khi hiểu rõ khả năng của chính mình, chúng ta sẽ phát huy hết tiềm năng của mình, có khả năng giao tiếp và tương tác với người khác một cách tự tin, từ đó thu hút sự tôn trọng và đánh giá cao từ họ. Đừng hiểu nhầm bản thân giống như con rùa không thể chạy nhanh hơn con thỏ trên mặt đất. Khi ở dưới nước, con rùa lại có khả năng bơi nhanh hơn con thỏ. Tương tự, không phải tất cả các con chim đều được gọi là đại bàng. Con quạ có thể bắt chước chim ưng bắt cừu, nhưng móng vuốt của nó lại bị lông cừu quấn lại và rơi xuống.

Mỗi người chúng ta phải tự chịu trách nhiệm, tự tìm kiếm hạnh phúc và bình an. Đừng hy vọng và nhờ người khác giải quyết vấn đề của mình. Chúng ta cần ý thức về sức mạnh và khả năng của chính mình để thay đổi tình huống và tạo nên sự thịnh vượng và niềm vui trong cuộc sống.

Một nông phu đến miếu lạy Phật, cầu bình an cho gia đình.

Sau khi dập đầu vài lần, anh bất ngờ nhìn thấy bên cạnh có một người khác cũng đang cúi lạy. Điều đáng chú ý là người này trông giống hệt bức tượng Phật trên đài cao.

Anh nông phu bối rối và hỏi nhỏ: “Ngài là Phật sao?”

Người kia đáp: “Đúng vậy.”

Anh nông phu ngạc nhiên hơn và tiếp tục hỏi: “Vậy tại sao Ngài vẫn cúi lạy?”

Người kia trả lời: “Bởi vì tôi biết rằng, việc cầu khẩn, nhờ vả hoặc xin xỏ người khác không bằng việc tự cầu cho chính bản thân mình. Chỉ có bản thân mình mới thực sự có thể giúp mình.”

Một người có thể được nhìn theo nhiều cách khác nhau, tùy thuộc vào quan điểm và góc nhìn của người khác.

Một thanh niên tìm đến nhà sư để xin được chỉ dạy: “Thưa đại sư, có người nói tôi là thiên tài, nhưng cũng có người mắng tôi là kẻ ngốc. Xin hỏi đại sư ý kiến thế nào?”

Nhà sư hỏi lại: “Vậy anh đã tự nhìn nhận mình như thế nào?”

Người thanh niên bối rối, không hiểu ý nghĩa của câu hỏi.

Nhà sư tiếp tục: “Hãy tưởng tượng chúng ta là những hạt gạo. Trong mắt người làm bếp, chúng ta trở thành những bát cơm; trong mắt người làm bánh, chúng ta là những chiếc bánh rán; và trong mắt người kinh doanh rượu, chúng ta lại là những chén rượu. Dù chúng ta có hình dạng và vai trò khác nhau, nhưng cơ bản, chúng ta vẫn là gạo. Tương tự, anh vẫn là anh, năng lực và giá trị của anh phụ thuộc vào cách anh tự nhìn nhận bản thân.”

Nhà sư đang truyền đạt một thông điệp quan trọng về giá trị chính bản thân, quan trọng nhất là tự tin vào bản thân,

tìm hiểu và phát triển năng lực của mình một cách tích cực.

Thay đổi cách suy nghĩ và góc nhìn là một cách hiệu quả để khám phá những điều mới mẻ và tốt đẹp trong cuộc sống. Thịnh thoảng, chúng ta có thể bị kẹt trong một quan điểm hoặc suy nghĩ cố định về một vấn đề hoặc một tình huống khó xử. Nhưng nếu chúng ta có thể mở rộng suy nghĩ và thay đổi góc nhìn, chúng ta có thể tìm ra các giải pháp mới và nhìn thấy những khía cạnh tích cực của cuộc sống. Ví dụ, khi đối mặt với một tình huống khó khăn, thay vì tập trung vào những điều tiêu cực và đau đớn, chúng ta có thể tìm cách nhìn vấn đề từ một góc độ khác, nhìn vào những khía cạnh tích cực, tìm kiếm các cơ hội và giải pháp mới. Điều này có thể giúp chúng ta vượt qua khó khăn và phát triển bản thân.

Một thiền sư hỏi người cầu đạo: “Anh cho rằng, một thỏi vàng tốt hay là một đồng bùn lầy tốt hơn đây?”

Người cầu đạo đáp: “Đương nhiên là vàng tốt hơn rồi!”

Thiền sư cười nói: “Nếu như anh là một hạt giống thì sao?”

Nếu như anh là một hạt giống, thì đúng là không thể xác định ngay lập tức một thỏi vàng hay một đồng bùn lầy tốt hơn. Trong một góc nhìn khác, nếu nhìn từ quá trình phát triển và tiềm năng, một đồng bùn lầy cũng có thể là tốt đẹp. Vì hạt giống cần phải rơi vào đất, được cung cấp đủ nước và chất dinh dưỡng, và từ đó nảy mầm, phát triển thành một cây xanh mạnh mẽ.

Từ câu chuyện này, chúng ta có thể thấy rằng sự thay đổi cách suy nghĩ và góc nhìn có thể giúp chúng ta nhận ra rằng những điều mà chúng ta ban đầu cho là tiêu cực hoặc không có giá trị thực sự có.

Trong mỗi con người tồn tại hai mặt thiện và ác. Nhưng điều quan trọng là chúng ta phải có khả năng kiểm soát cả

hai mặt này để đạt được sự cân bằng và hạnh phúc trong cuộc sống.

Khi sự nóng giận mất kiểm soát, thường dẫn đến hành động xấu và có thể gây tổn thương cho người khác. Khi chúng ta không kiểm soát được cảm xúc của mình, dễ dàng mất đi sự tự chủ và khả năng đánh giá đúng sai của tình huống. Điều này dẫn đến hậu quả tiêu cực, thậm chí là đẩy chúng ta vào những tình huống khó khăn, đau đớn và bất hạnh.

Ngược lại, khi mang trong mình thiện niệm và trở về với bản chất ban đầu, chúng ta có thể tạo ra những hành động tốt đẹp và mang lại hạnh phúc cho chính mình và người khác. Tâm trí bình an và tốt đẹp giúp giữ được tầm nhìn rõ ràng hơn, làm cho chúng ta dễ dàng quan sát và tận dụng những cơ hội trong cuộc sống. Khi chúng ta có tâm trí tốt và mang trong mình thiện niệm, chúng ta sẽ thu hút được sự tin tưởng và sự tôn trọng từ người khác, đồng thời cũng tạo ra những mối quan hệ tốt đẹp và vững chắc hơn.

Có một võ sĩ hỏi thiền sư : “Thiên đường và địa ngục có khác nhau không?”

Thiền sư đáp lại: “Anh là ai?”

Võ sĩ trả lời: “Tôi là một võ sĩ. “

Thiền sư nghe xong cười nói: “Một người lỗ mãng như anh sao xứng hỏi ta?”

Võ sĩ tức giận, rút kiếm ra nhằm thiền sư mà chém: “Hãy xem ta giết người!”

Khi thanh kiếm chỉ còn cách đầu thiền sư vài tấc, thiền sư không hoang mang nhẹ nhàng nói: “Đây chính là địa ngục.”

Võ sĩ nghe thế rất ngạc nhiên, nhanh chóng dừng tay. Sau đó dường như ngộ ra, anh vứt bỏ thanh kiếm, chấp hai tay,

cúi đầu quỳ lạy: “Xin cảm ơn sư phụ đã dạy dỗ, xin ngài hãy tha thứ cho sự thô lỗ vừa rồi của tôi.”

Thiền sư mỉm cười nói: “Đây chính là thiên đường.”

Cuộc sống của con người thường trải qua nhiều thử thách và khó khăn đáng kể. Tuy nhiên, với sự kiên nhẫn, nỗ lực và ý chí mạnh mẽ, chúng ta có thể vượt qua những trở ngại này và trở nên mạnh mẽ hơn. Có lúc, chúng ta phải đối mặt với đau khổ và gian khó để trưởng thành và hiểu sâu hơn về cuộc sống. Chúng ta cũng phải học cách sống độc lập và tự tin khi đối mặt với cô đơn, đồng thời nhận trách nhiệm và nhiệm vụ của mình để đạt được mục tiêu và đóng góp cho xã hội. Điều quan trọng là chúng ta không nên từ bỏ hy vọng và luôn tin tưởng vào khả năng của bản thân. Chỉ khi giữ vững niềm tin này, chúng ta mới có thể vượt qua mọi thử thách và khó khăn trong cuộc sống.

Cùng là một tảng đá, một nửa được tạo thành tượng Phật, một nửa trở thành bậc thang. Bậc thang không hiểu tại sao người ta chà đạp lên nó, nhưng lại sùng kính tượng Phật.

Bậc thang hỏi tượng Phật: “Chúng ta đều là đá, tại sao người ta lại chà đạp lên tôi, trong khi người lại được tôn sùng?”

Tượng Phật đáp: “Bởi vì nhà người chỉ trải qua bốn nhát dao để có được hình hài hiện tại, trong khi ta phải trải qua hàng trăm ngàn vết dao đục đẽo, đau đớn vô tận.”

Lúc đó bậc thang im lặng...

Cuộc đời con người cũng thế: chịu được hành hạ, chịu được cô đơn, gánh được trách nhiệm, vác được sứ mệnh, thì cuộc đời mới có giá trị...



Niềm Tin Và Hy Vọng

Lê Tấn Tài

nh Sáng Trong Đêm: Hành Trình Của Niềm Tin Và Hy Vọng

Trong những ngày tháng u tối nhất của kiếp người, khi mọi cánh cửa đường như đã khép lại, khi bóng tối bủa vây tứ phía, chỉ có niềm tin và hy vọng mới có thể giữ con người khỏi vực sâu của tuyệt vọng. Chúng như hai ngọn đèn le lói giữa đêm đen, như mạch nước ngầm chảy dưới lớp đất khô cằn, âm thầm nhưng mãnh liệt, nâng đỡ con người trong hành trình đầy biến động của cuộc đời.

Niềm tin là điểm tựa vững chắc trong tâm hồn mỗi người. Đó không chỉ là tin vào chính mình, mà còn là lòng tin vào những điều thiện lương, vào sự chân thật, vào lòng nhân ái ẩn sâu trong mỗi trái tim, vào những giá trị vĩnh hằng không bao giờ phai nhạt. Người mang trong mình niềm tin là người dẫu có lạc giữa rừng sâu vẫn biết rằng đâu đó có lối về, dẫu giông tố xô ngã vẫn đứng dậy với ánh mắt hướng về phía chân trời. Họ không để nghịch cảnh bẻ gãy ý chí, không để hoài nghi làm lu mờ ánh sáng trong tâm hồn.

Hy vọng là phép màu giữ con người khỏi chìm vào vực

tối của tuyệt vọng. Nó không phải là giấc mơ hảo huyền, mà là ngọn đuốc bền bỉ soi đường, là sức mạnh thôi thúc bước chân tiến về phía trước. Hy vọng khiến con người kiên trì dù bao lần thất bại, mạnh mẽ dù bao lần tổn thương. Đôi khi, chỉ một tia hy vọng mong manh cũng đủ làm bừng sáng một tâm hồn tưởng đã tàn lụi, như hạt mầm bé nhỏ vươn mình xuyên qua lớp đất khô, như ánh rạng đông ửng hồng sau đêm dài tịch mịch.

Niềm tin và hy vọng không phải là những khái niệm xa vời, chúng hiện hữu trong từng mảnh đời bé nhỏ, trong từng câu chuyện của cuộc sống. Đó là người mẹ tần tảo sớm hôm, dành dụm từng đồng để con được cấp sách tới trường, bởi bà tin rằng tri thức sẽ mở ra tương lai tươi sáng cho con bà. Đó là bệnh nhân kiên cường chiến đấu với bệnh tật, vì họ hy vọng một ngày kia sẽ được khỏe mạnh trở lại. Đó là người nghệ sĩ miệt mài sáng tạo dù chẳng mấy ai thấu hiểu, bởi họ tin vào sức mạnh vĩnh cửu của nghệ thuật. Tất cả đều bám víu vào niềm tin và hy vọng như những sợi tơ mỏng manh nhưng bền chắc, giúp họ vượt qua giông tố và sống trọn vẹn ý nghĩa cuộc đời.

Cuộc đời vốn là dòng chảy vô thường, khi êm đềm như tiếng hát ru, khi cuồng nộ như bão tố. Nhưng chỉ cần giữ trong tim ngọn lửa của niềm tin và hy vọng, con người vẫn có thể kiên cường bước tiếp, vẫn tìm thấy ánh sáng giữa muôn trùng tăm tối. Bởi khi ta tin và hy vọng, ta không chỉ thắp sáng chính mình, mà còn lan tỏa nguồn sinh khí ấy đến những người xung quanh - một tia lửa nhỏ cũng đủ xua tan giá lạnh đêm đông, một trái tim ấm nóng cũng có thể sưởi ấm cả nhân gian.

Tương Lai: Trang Giấy Trắng Của Niềm Tin

Giữa những ngày tháng hoang mang của thế giới, khi thiên tai dồn dập, khi chiến tranh và bất công vẫn còn đó, con người không khỏi đôi lúc rơi vào nỗi sợ hãi về một tương lai mịt mờ. Nhưng lịch sử nhân loại đã chứng minh rằng, dẫu qua bao thăng trầm, con người vẫn không ngừng tiến về phía trước.

Đã có thời, nhân loại chìm trong bóng tối của chiến tranh triền miên, vậy mà hôm nay, ta vẫn thấy những bàn tay vươn ra hòa giải. Đã có thời, bệnh tật là án tử không thể tránh, vậy mà y học đã giúp con người vượt qua bao đại dịch. Đã có thời, những đế chế sụp đổ trong hỗn loạn, nhưng rồi những nền văn minh mới lại hồi sinh, mang theo khát vọng tốt đẹp hơn.

Tương lai không phải vực thẳm đen tối, mà là trang giấy trắng tinh khôi, chờ đợi con người viết lên bằng nét bút của lòng dũng cảm, trí tuệ và tình yêu thương. Dù hiện tại có khắc nghiệt đến đâu, ta vẫn có thể thay đổi nó - bằng khoa học, bằng sự chia sẻ, bằng niềm tin vào những giá trị nhân văn.

Hãy cứ tin vào ngày mai tươi sáng, không phải vì ta mù quáng trước hiểm nguy, mà bởi ta biết rằng: con người luôn có khả năng vươn lên từ đống tro tàn. Ngay lúc này, từng hạt giống hy vọng đang được gieo xuống, và rồi một ngày không xa, chúng sẽ đơm hoa, kết trái - như mùa xuân bất tận của tâm hồn.

(Viết sau ngày động đất ở Miền Điện 28/3/2025)



Sống Đời Bình An

Lê Tấn Tài

Có những ngày, ta chợt băng khuâng tự hỏi: Phải chăng hạnh phúc là một bầu trời xanh vô tận, hay chỉ là khoảng lặng nhỏ nơi góc tâm hồn? Hạnh phúc có phải là khi nắm trọn trong tay những gì mình mong ước, hay khi lòng mình không còn những dằn vặt đong đầy vướng bận? Có phải hạnh phúc là đỉnh cao chói lọi phía chân trời, hay ẩn mình trong hơi thở ấm áp của những buổi sớm mai bình dị?

Hạnh phúc, tựa như một làn sương mỏng, không nằm ở điểm đến xa xôi, mà len lỏi trong từng bước chân ta đi. Nó là tiếng thì thầm của thời gian, là nhịp rung tinh khôi của đất trời khi ta sống chậm lại. Một tách trà sớm nghi ngút hương, một cơn gió thoảng qua như lời chào e ấp, một đóa hoa nở bên thềm vội vã khoe sắc – những mảnh ghép tưởng chừng nhỏ bé ấy, nếu lòng ta đủ tĩnh lặng để đón nhận, sẽ hóa thành bản giao hưởng của bình yên. Đừng vội vã chạy theo nhịp đập hối hả của thế gian, cũng đừng mãi mê so đo hơn thiệt, bởi mỗi khoảnh khắc đều mang trong mình vẻ đẹp riêng, như những nốt nhạc lặng thầm tạo nên bản tình ca cuộc đời.

Hãy bớt bỏ những mong cầu, để làm đầy thêm trang sách

biết ơn. Đừng đuổi theo những gì ngoài tầm với, cũng đừng để lòng trĩu nặng bởi những điều chưa đạt được. Hạnh phúc chẳng phải là chiếc bình đầy tràn, mà là ánh sáng dịu dàng tỏa ra từ những gì ta trân quý. Khi biết đủ, lòng sẽ an, bình yên sẽ đến tựa như nắng mai, nhẹ nhàng đánh thức tâm hồn.

Sống, là sống thật với chính mình. Ta sinh ra không phải để trở thành bản sao của ai đó, cũng không phải là bản sao mờ nhạt của những kỳ vọng. Mỗi người là một vì tinh tú riêng biệt, một khúc ca độc đáo, một hành trình không lặp lại. Chỉ khi ta dám là ta, sống đúng với những gì tâm hồn mình khao khát, ta mới thực sự chạm được vào bình yên. như cơn mưa mùa hạ, tưới mát những khát khao cháy bỏng trong tim.

Hãy nuôi dưỡng tâm hồn như chăm sóc một đóa hoa. Đọc một trang sách hay triển miên cảm xúc, lắng nghe một bản nhạc dịu dàng ru hồn vào cõi mộng, ngắm nhìn những vì sao thì thầm trên bầu trời đêm – đó là những món quà giản dị, nhưng đủ sức xoa dịu những vết xước của thời gian.

Rồi sẽ đến lúc, ta học cách buông bỏ. Không phải mọi thứ đều mãi mãi thuộc về ta, cũng như không phải ai cũng cùng ta đến cuối con đường. Có những điều càng giữ chặt, thì càng tựa như cát trong nắm tay, vụn vỡ từng hạt. Hãy để chúng trôi đi nhẹ nhàng, như cánh bèo lững lờ trên sóng, như mây trời lãng du theo gió.

Một đời an nhiên, không thể thiếu đi tình yêu thương. Hãy trao cho nhau những cái ôm khi trái tim còn đập, nói lời chân thành khi đôi môi còn ấm, và yêu thương khi cơ hội vẫn còn đó. Hạnh phúc không chỉ là những gì ta nhận được, mà còn là những gì ta trao đi. Một nụ cười, một cái nắm tay, một lời động viên – đôi khi đó chính là những điều làm nên

ý nghĩa của cuộc đời.

Và rồi, hãy sống đơn giản. Giản dị trong từng suy nghĩ, nhẹ nhàng trong từng lựa chọn. Khi ta không còn đeo bám những gì không thuộc về mình, khi ta không còn tranh giành những thứ phù du, bình yên sẽ đến tự nhiên như hơi thở.

An nhiên không phải là tìm kiếm một bến bờ không sóng gió, mà là giữa biển động, ta vẫn giữ được sự tĩnh lặng trong tim. Hạnh phúc không phải là đợi chờ một viễn cảnh hoàn hảo, mà là dám yêu thương ngay cả khi cuộc đời còn nhiều vết nhăn.

Vậy nên, nếu có thể, hãy sống một đời thật nhẹ nhàng như áng mây thong dong trên bầu trời rộng, như dòng suối lặng lẽ chảy qua những cánh đồng xanh. Nhẹ nhàng, tự tại, và đong đầy. Một cuộc đời bình yên không phải là điều xa xỉ – mà là sự lựa chọn mỗi ngày, của chính ta.

San Jose, đầu xuân 2025



Sống Giản Dị

Lê Tấn Tài

Tìm Về Sự Tĩnh Lặng – Hành Trình Của Một Tâm Hồn Đơn Giản

Giữa nhịp sống hối hả của thời đại, ta chợt khát khao những điều chậm rãi, những khoảnh khắc sâu lắng. Phải chăng hạnh phúc không nằm ở những gì ta gom nhặt, mà ở những gì ta dám buông bỏ? Lối sống giản dị như làn gió mát lành thổi qua tâm hồn những người biết đủ, mang theo triết lý nhẹ nhàng mà thấm đẫm thiên vị: “Ít hơn, nhưng đủ đầy hơn.”

Giản Dị – Không Phải Là Từ Bỏ Mà Là Trở Về

Sống giản dị không phải sự khắc khổ hay nghèo nàn. Đó là nghệ thuật lắng nghe chính mình, gạt bỏ những điều thừa thãi để tâm hồn thanh thoi như mây trời. Một căn phòng ít đồ nhưng rộng mở khoảng trống cho nắng chiếu. Một tách trà nhỏ nhưng đọng đầy hương vị hiện tại. Một cuộc đời không chạy theo vật chất nhưng giàu có những phút giây bình yên.

Người sống giản dị hiểu rằng, hạnh phúc không đo bằng sự sở hữu, mà bằng cách ta trân trọng từng hơi thở. Họ tìm

thấy niềm vui trong tiếng chim buổi sớm, trong trang sách cũ thấm đẫm ký ức, trong nụ cười người thân bên bữa cơm đạm bạc. Họ không cần quá nhiều, vì đã học được cách “thấy đủ trong những gì mình có.”

Buông Bỏ Để Tự Do

Sống giản dị là hành trình buông bỏ – buông bỏ những thứ không cần thiết, những lo âu vô ích, những mối quan hệ gượng ép. Như cây cổ thụ rũ lá già để đón nhận sức sống mới, ta cũng cần dọn dẹp tâm hồn để tìm thấy sự nhẹ nhõm. Khi không còn bị ám ảnh bởi vật chất, ta mới thực sự tự do. Người xưa nói: “Trí tuệ lớn thường giản dị như kẻ khờ, âm thanh lớn ẩn trong tĩnh lặng”. Giản dị chính là sự khôn ngoan của những tâm hồn biết mình cần gì và đủ dũng cảm để từ chối những gì không thuộc về mình.

Giản Dị Trong Từng Khoảnh Khắc

Có những hạnh phúc giản đơn đến nao lòng:

Một buổi sáng không vội vã, bên khung cửa nhỏ với tách cà phê đắng nhẹ.

Một chiều mưa lất phất, lật từng trang sách cũ thơm mùi giấy.

Một đêm đông, hai bàn tay ấm áp nắm lấy nhau mà chẳng cần lời hoa mỹ.

Giản dị không phải sống thiếu thốn, mà là sống tinh thức. Khi ta biết đủ, vạn vật quanh ta bỗng trở nên đẹp đẽ lạ thường. Một chiếc lá rơi cũng thành thơ, một tiếng cười trẻ thơ cũng đủ làm lòng ấm lại.

Giản Dị Không Phải Là Đơn Diệu

Trong văn chương, câu văn giản dị nhưng sâu lắng thường đọng lại lâu hơn những đoạn tu từ cầu kỳ. Một ly cà phê, một bản nhạc jazz, khoảng lặng giữa hai người... cũng đủ làm thành câu chuyện. Giản dị là khi ngôn từ không che giấu ý tưởng, mà lùi lại để cảm xúc và trực giác lên tiếng.

Đó là:

Mái hiên cũ rêu phong, nơi nắng rơi không vội.

Chiếc bàn gỗ mộc với tách trà và quyển sách gấp dở.

Đôi chân trần trên nền đất ẩm, bước đi thong dong.

Một người ngồi yên lặng, nhưng thấu hiểu chính mình và thế giới.

Kết Luận

Giữa thế giới luôn thúc giục ta phải có thêm, lối sống giản dị như lời thì thầm dịu dàng: Hãy dừng lại, hít thở và tận hưởng những gì đang có. Bởi hạnh phúc thực sự không nằm ở những gì ta tích trữ, mà ở những khoảnh khắc ta sống trọn vẹn. Như Lão Tử đã dạy: “Biết đủ là đủ, biết dừng là dừng”. Có lẽ, bí quyết của một đời an yên chính là ở hai chữ “giản dị” ấy.



Chân Nhân

Lê Tấn Tài

Trang Tử, một trong những đại biểu tiêu biểu nhất của Đạo gia trong triết học cổ đại Trung Hoa, đã khắc họa hình tượng Chân Nhân như một mẫu người lý tưởng—người đạt đến sự hòa hợp tuyệt đối với Đạo. Chân Nhân là biểu tượng của giác ngộ, tự do nội tâm và cuộc sống thuận theo tự nhiên. Dưới đây là những đặc điểm nổi bật của mẫu người này theo tư tưởng của Trang Tử:

Chân Nhân – Hành Trình Trở Về Với Tự Nhiên

Trong dòng chảy miên viễn của tư tưởng phương Đông, Trang Tử hiện lên như một làn gió nhẹ, dẫn con người trở về với sự đơn sơ nguyên thủy của đất trời. Giữa vòng xoáy danh lợi và những toan tính nhân sinh, ông đã vẽ nên hình ảnh một con người lý tưởng – Chân Nhân – không phải để ngưỡng vọng từ xa, mà như một lời nhắc nhở thầm thì: hạnh phúc đích thực nằm trong sự buông bỏ.

Sống Như Mây Trôi, Nước Chảy

Chân Nhân của Trang Tử không gò mình trong khuôn khổ, cũng chẳng chống lại dòng chảy của đời sống. Họ tựa như cánh chim lượn giữa trời cao, không để lại dấu vết; như

dòng sông miệt mài trôi ra biển lớn, chẳng vướng bận đôi bờ. Với họ, sống không phải là một cuộc tranh đoạt, mà là sự hòa điệu với nhịp thở của vũ trụ.

Trang Tử kể rằng, có người từng hỏi một ông lão đang vui đùa dưới suối:

“Sao cụ lại hạnh phúc đến thế?”

Ông cười đáp:

“Ta chẳng biết mình là bướm mơ thấy mình là người, hay là người mơ thấy mình là bướm.” Chân Nhân cũng như thế – sống trong sự vô tư, không phân biệt giữa ta và người, mộng và thực, không bị ràng buộc bởi bất kỳ khái niệm hay giới hạn nào của thế gian.

Tâm An Nhiên Giữa Cuồng Phong

Đời người vốn lắm bão giông, nhưng Chân Nhân không hề sợ hãi, bởi họ đã thấu triệt quy luật “vật cùng tất biến” – mọi thứ rồi cũng tan đi như mây khói. Người thường ưu tư về được mất, nhưng Chân Nhân xem sinh tử chỉ như ngày và đêm tiếp nối. Trong thiên Đại Tông Sư, Trang Tử viết: “Chân Nhân ngủ không mộng寐, thức không ưu phiền, ăn không cầu vị ngon.” Họ giống như mặt hồ mùa thu – có gợn sóng cũng chỉ là thoáng qua, rồi lại trở về tĩnh lặng. Ngoại cảnh không thể khuấy động nội tâm đã an nhiên.

Buông Bỏ Để Thực Sự Tự Do

Khác với Nho gia đề cao lễ nghi và tu thân theo khuôn mẫu, Trang Tử xem mọi quy tắc như những xiềng xích vô hình. Chân Nhân không cần “tu” để trở thành ai cả – họ chỉ sống thuận theo bản tính nguyên sơ, như cỏ cây vươn mình đón nắng, như chim hót không cần ai nghe. Chính khi thôi cố gắng trở thành bậc thánh, con người mới thực sự gần hơn với Đạo.

Một hình ảnh đẹp đẽ mà Trang Tử để lại là cảnh “người say ngã xe không bị thương” – vì kẻ say không biết sợ, thân thể thả lỏng nên va chạm cũng hóa nhẹ nhàng. Chân Nhân cũng vậy – nhờ buông bỏ mọi ràng buộc, họ đi qua cuộc đời như một giấc mộng êm đềm, không vướng mắc, không trụ lại.

Kết: Về Với Cội Nguồn

Chân Nhân không phải là bậc siêu phàm, mà là hình ảnh phản chiếu phần tinh khôi nhất trong mỗi chúng ta – đứa trẻ vô tư lự chưa từng bị danh lợi vấy bẩn, cánh én tung bay giữa trời xuân. Trang Tử gửi gắm một thông điệp giản dị mà sâu xa: hạnh phúc không nằm ở việc gom góp thêm điều gì, mà ở chỗ dám buông bỏ để trở về với nhịp sống nguyên sơ của đất trời.

Như dòng sông miệt mài chảy về biển lớn, có lẽ kiếp người cũng chỉ là hành trình tìm lại sự an nhiên đã đánh mất. Và Chân Nhân – chính là người đã dừng lại giữa dòng đời hối hả, mỉm cười ngắm hoa cỏ nở bên đường.

MỘT SỐ GIAI THOẠI VỀ CHÂN NHÂN

Chim Bằng Và Ngư Ông

Phương Bắc bằng giá, có loài chim Bằng khổng lồ, sải cánh dài ba ngàn dặm. Mỗi lần vỗ cánh là trời đất rung chuyển. Một hôm, chim Bằng bay về phương Nam, vượt qua biển Bắc Minh, mang theo cuồng phong xoáy động đất trời.

Cùng khi ấy, nơi một làng chài nhỏ bên bờ Nam Minh, có lão ngư ông sống cuộc đời an nhàn, ngày ngày giăng lưới, tối tối ngắm mây trôi. Khi chim Bằng bay lướt ngang qua, một đứa trẻ trong làng ngược nhìn, rồi hỏi:

“Con chim ấy là gì, mà bay cao đến thế?”

Ngư ông nói: “Chim Bằng bay cao vì không vướng bận chuyện thế gian, bay xa vì tâm hồn rộng lớn như trời xanh.”

Đứa trẻ hỏi: “Sao con người không bay được như chim Bằng?”

Ngư ông mỉm cười:

“Người cũng có thể “tiêu dao” (sống tự tại), nhưng chẳng cần bay lên trời. Chỉ cần tâm không ràng buộc, lòng không hệ lụy. Như ta đây, gắp ngay cá vào lưới thì ăn, không thì ngồi ngắm sóng nước. Mưa đến thì mặc áo toi, nắng lên thì vá lưới. Không oán, không cầu, chỉ thuận theo trời đất mà sống.”

Đứa trẻ nghe xong, chưa hiểu hết. Chim Bằng lúc ấy đã khuất vào tầng mây xa. Trên bãi cát lặng gió, lão ngư lại ung dung vá lưới, giữa tiếng sóng rì rào và ánh chiều nghiêng nhẹ nhẹ.

Hành Trình Tan Vào Vũ Trụ

Trong một đêm tĩnh lặng trên sông, đứa trẻ nằm cạnh ngư ông, thao thức về giấc mơ hóa thành chiếc lá bay. Ngư ông bảo: “Bay không nhất thiết phải là chim. Lá cũng bay. Mây cũng bay. Cá cũng bay trong nước. Người cũng bay, nếu không vướng nặng điều gì.”

Khi đứa trẻ thú nhận mình mang theo quá nhiều điều – giấc mơ, nỗi buồn, ước vọng – ngư ông bảo: “Vậy thì cháu phải đi thôi.”

Theo lời chỉ dẫn, đứa trẻ bước vào hành trình qua ba thế giới kỳ lạ: thế giới của những chiếc lá biết nói, nơi mỗi chiếc lá kể vòng đời mình, như một lời tâm sự về sự đổi thay

và tuần hoàn tự nhiên; thế giới của những dòng sông trôi ngược, nơi nước chảy về nguồn, mang theo ký ức, nhắc con người trân trọng quá khứ; và thế giới của những chiếc gương tâm hồn, nơi gương phản chiếu nội tâm, giúp người ta buông bỏ định kiến để nhận ra bản chất thật của mình.

Cuối hành trình, đứa trẻ trở về trong sự nhẹ nhàng và thanh thản, buông bỏ cái ‘ta’ riêng biệt để hòa mình vào vũ trụ, nhận ra rằng tồn tại là sự hợp nhất với vạn vật.

Chàng Trai Và Đạo Sĩ

Một chàng trai lang thang khắp nơi, trải qua bao thăng trầm: buôn bán, học đạo, thất tình, vinh nhục. Một ngày nọ, trên đường tránh rét, chàng ghé vào một am tranh trong rừng trúc, gặp một đạo sĩ già. Chàng kể lại chuyện chim Bàng và lời dạy “tiêu dao” của Trang Tử, rồi thở dài: dù đã cố gắng sống nhẹ lòng, nhưng vẫn chưa tìm được sự an nhiên.

Đạo sĩ hỏi:

“Chim Bàng cần trời rộng, cá cần nước sâu. Vậy người cần gì để tự tại?”

Chàng ngẫm nghĩ một lúc, rồi đáp:

“Có lẽ... một nơi bình yên?”

Đạo sĩ bật cười:

“Lầm rồi. Phải quên mình là chim, là cá, là người. Khi không còn phân biệt giữa đi hay ở, thì ở đâu cũng là tiêu dao.”

Chàng băn khoăn:

“Nhưng nếu quên mình là người, thì sống để làm gì?”

Đạo sĩ không đáp, chỉ đưa cho chàng một củ khoai nướng, nói:

“Để ăn khoai. Rảnh thì ngồi ngắm mây bay.”

Chàng nghe xong, bật cười như đứa trẻ. Ngoài trời, mưa rơi lất phất, suối reo róc rách, lửa trong bếp nổ lách tách, hòa vào tiếng cười nhẹ như gió. Chim Bằng đã bay xa tận chân trời, nhưng con người đầu cần bay, chỉ cần ngồi yên... để gió tự thổi vào lòng.

Tiếng Cười Trên Đỉnh Non

Thời nhà Triệu, ở vùng núi Ngũ Lĩnh, có một đạo sĩ. Không ai biết ông từ đâu đến, cũng chẳng rõ bao nhiêu tuổi. Dân làng chỉ thấy mỗi sáng sớm, ông ra bên suối, ngồi yên như đá, rồi bật cười vang giữa mây núi.

Có kẻ tò mò hỏi:

“Sao ông cười mỗi sáng, trong khi chẳng có gì đáng cười?”

Ông đáp:

“Ta không cười bằng miệng, ta cười bằng cái cười của trời đất. Cây cỏ mọc, chim bay, suối chảy, lửa cháy — mỗi thứ đều làm tròn phận sự, không tranh giành, không ép buộc. Chỉ có con người là tự trói mình vào lưới. Cười như thế, chẳng phải vui hơn sao?”

Làng bên có viên quan nhỏ, nghe danh ông, sai lính mời về phủ giảng Đạo. Ông lắc đầu từ chối:

“Cá sống dưới nước, đâu cần lên cạn dạy cá khô cách bơi? Đạo không thể giảng, chỉ có thể sống.”

Quan tức giận, sai người đến bắt. Khi tới chòi lá, chỉ thấy chiếc áo vải treo lơ lửng trên cành, đạo sĩ đã biến mất. Kề bảo thấy ông hóa hạc trắng bay về non cao, người nói ông xuống biển, lại có kẻ khẳng khẳng rằng ông thành cụ già chèo thuyền trên sông.

Nhiều năm sau, có lũ khách lạc giữa sương núi, gặp ông lão đun nước bên vách đá. Hỏi đường xong, khách thờ dài:

“Cõi đời khổ não, sống mà như chết chưa chôn!”

Ông lão mỉm cười, dâng bát trà:

“Người đi trong sương, tưởng lạc lối, nhưng sương cũng là nước, mà nước nào chẳng về biển? Đường nào chẳng là đường về? Khổ là vì người gọi nó là khổ. Nếu xem khổ như mây trôi, thì khổ cũng chỉ là gió thoảng.”

Nói đoạn, ông lão chớp mắt biến mất, chỉ để lại vết chân in sâu vào đá, như dấu hạc điểm trời.

Vua Cầu Trường Sinh

Vua Triệu Chiêu Vương, tuy đã già, vẫn khát khao trường sinh để giữ ngai vàng. Nghe đồn có một đạo sĩ ẩn cư trên núi Ngũ Lĩnh, biết thuật trường sinh đã sống nhiều năm mà dung mạo vẫn thanh xuân, cả đời chưa từng bước chân xuống núi, chỉ ăn rau rừng uống nước suối.

Vua sai sứ thần mang ngọc quý, vàng bạc, gấm vóc đến mời cho bằng được.

Đạo sĩ chỉ đáp:

“Ta không cần vàng, chẳng nhận ngọc. Nếu vua người muốn gặp, hãy tự đến đây, mang theo một nắm đất.”

Vua nghĩ mãi không hiểu, nhưng vì ham sống, rốt cuộc bỏ qua tính kiêu ngạo, thân chinh lên núi, mang theo... một nắm đất.

Lúc đến nơi, thấy đạo sĩ đang hong áo dưới nắng, vua quỳ xuống, dâng nắm đất và nói:

“Trẫm đến cầu bí quyết trường sinh. Muốn sống lâu để giữ nước, dạy dân, và nhìn thiên hạ thái bình lâu hơn một đời.”

Đạo sĩ nhìn vua một lúc, khẽ mỉm cười: “Vua mang đất đến, đã hiểu đạo rồi đấy.”

Vua kinh ngạc: “Trẫm nào hiểu gì?”

Đạo sĩ đáp:

“Đất là thứ ai cũng giẫm lên. Nhưng cũng là nơi chôn nhau cắt rốn, là chốn lúa mọc, là điểm trở về cuối cùng. Vua biết mang đất đến, tức là đã cảm trong tay cả sự sống lẫn cái chết.”

Đạo sĩ chỉ vào dòng suối trước mặt, bảo:

“Suối chảy mãi, nhưng có giọt nước nào tồn tại vĩnh viễn đâu?”

Rồi ông nói tiếp:

“Trường sinh không phải là sống mãi, mà là không sợ chết. Kẻ sợ chết thì ngày nào cũng hấp hối. Kẻ chẳng sợ gì, thì từng khắc đều là bất tử.”

Vua thở dài: “Nhưng trẫm còn quá nhiều việc chưa làm...”

Đạo sĩ mỉm cười:

“Vậy thì hãy sống như người sắp chết — vì chỉ khi ấy mới thực sự sống.”

Vua nghe xong, cúi đầu rất lâu, rồi không nói thêm gì nữa. Hôm sau, ông trở về cung, không ra lệnh tìm thuốc trường sinh nữa, cũng chẳng truy cầu thuật tiên.

Cuộc Tranh Luận Trên Đỉnh Mây

Thanh Dạ là một nho sĩ trẻ, tinh thông kinh điển, am hiểu âm dương ngũ hành. Ông nổi danh là người “thông thiên đạt địa”, luận đâu trúng đó, nói xuôi thành ngược, biện nghịch hóa thuận.

Một hôm, đọc được một câu trong cổ thư:

“Không phân âm dương, chẳng luận ngũ hành, chỉ cười mà Đạo tự vận hành.”

Ông bật cười khẩy:

“Không biết âm dương, lấy gì phân thuận nghịch? Không luận ngũ hành, sao hiểu sinh tử? Chắc là kẻ nói gió thành Đạo!”

Quyết tìm hiểu thực hư, Thanh Dạ lên núi Ngũ Lĩnh, tìm gặp đạo sĩ ẩn cư. Trên đỉnh núi mây phủ, ông thấy một lão giả đầu trần chân đất, ngồi bên con mèo mun ngủ vùi trong sương sớm.

Không vòng vo, Thanh Dạ hỏi:

“Âm dương là gốc, ngũ hành là thể. Tu Đạo mà phủ nhận căn bản, chẳng phải mù lòa giữa ban ngày sao?”

Lão giả không đáp, chỉ vẽ một vòng tròn trên đất:

“Âm hay dương?”

“Dương! Hình tròn là động, động thuộc dương!”

Lão vẽ lại bằng nước trà, rồi đổ nước lên cỏ:

“Còn đây?”

“Âm. Không hình dạng, tức là tĩnh.”

Lão bật cười:

“Chỉ với đất và nước, người đã đảo lộn âm dương theo cách nhìn. Dừng lời luận Đạo, nhưng Đạo vốn vô ngôn. Nếu thật thấu hiểu âm dương, đã chẳng cần hỏi ta.”

Thanh Dạ vẫn chưa phục:

“Không phân biệt, làm sao hành xử? Mưa thì che, lửa thì dập, chẳng phải thuận theo âm dương sao?”

Lão xoa đầu mèo:

“Mèo thấy mưa thì trốn, gặp lửa thì tránh, có cần hiểu âm dương? Người đắc Đạo cũng thế – hành mà không luận.”

Một cơn thoáng qua, một chiếc lá rơi nhẹ lên vai áo Thanh Dạ. Lão nhìn trời, mỉm cười:

“Người đang tranh cãi với chiếc lá về cách nó rơi. Nhưng nó rụng vì gió, không phải vì lời.”

Thanh Dạ lặng thinh, ngồi xuống bên lão và con mèo, cùng ngắm ánh nắng len qua kẽ đá, không còn gì để nói.

Kiểm Khách Bên Hồ Tĩnh Lặng

Loạt lạc tràn về Trung Vực, máu chảy khắp thôn làng. Trong dòng người chạy nạn có Lộ Vô Tâm – một kiếm khách từng chém trăm tướng, giết ngàn quân, nhưng đêm đêm vẫn không thoát được ác mộng máu và ánh mắt oan hồn.

Một buổi chiều, y lạc đến chân Ngũ Lĩnh. Khát lá, đói cồn cào, y trông thấy một cụ già tóc bạc đang nướng cá bên hồ phẳng lặng như gương. Chim trời đậu quanh cụ không chút sợ hãi, khiến Lộ Vô Tâm kinh ngạc – cả đời y chỉ quen cảnh chim muông kinh hoảng khi thấy bóng người..

Cụ già ngẩng lên, nói chậm rãi: “Mắt người mang kiếm, lòng người cầm dao – chim bay vì sợ. Nhưng nơi này... chẳng có gì để sợ.”

Một con chim sẻ nhảy lên vai cụ, “...chẳng có gì để sợ.”

Lộ Vô Tâm lập tức nhận ra đây là một vị đạo sĩ huyền thoại mà bao người đồn đãi, liền quỳ xuống cầu xin được rửa sạch những ngày đẫm máu.

Cụ già ném con cá xuống hồ, nước gợn sóng rồi lại phẳng lặng: “Tay không dơ, nước không đục. Tâm loạn mới thấy máu trên kiếm. Người giết người vì lý tưởng của kẻ mạnh,

Mạnh - yếu, giết - bị giết... đều là hai mặt của đồng tiền chưa đúc xong.”

“Vậy con phải làm sao?”

“Ngồi xuống. Nhìn nước. Đừng nghĩ.”

Lộ Vô Tâm nghe lời, ngồi yên suốt bảy ngày đêm. Khi trăng tròn treo cao, có kẻ lữ hành đi ngang qua thấy một người nằm ngủ bên hồ, nét mặt nhẹ tênh như mây trời. Thanh kiếm bạc vút trong đám cỏ tranh, đã phủ đầy rêu xanh.

Người Mẹ Dưới Tán Bông Giấy

Một chiều xuân lát phát mưa bụi, bà Lâm – người mẹ góa bụa, áo trắng tang tóc – lặng lẽ bước lên núi Ngũ Lĩnh. Trong tay bà là gói khăn nhỏ, bên trong có nén nhang khô và nhúm tóc con trai – đứa bé đã mất vì sốt rét khi mới sáu tuổi.

Bà dừng lại trước túp lều đơn sơ, nơi người ta đồn đạo sĩ ẩn cư ở đây có thể gọi hồn người chết. Giọng bà nghẹn lại: “Xin ông... cho tôi gặp lại con tôi, chỉ một lần thôi, dù chỉ là trong mộng.”

Đạo sĩ nhìn bà một lúc lâu rồi hỏi: “Nếu ta gọi hồn nó về... bà có dám buông tay để nó đi không?” Bà Lâm bật khóc: “Tôi chỉ muốn nhìn nó lần cuối...”

Ông dẫn bà ra sau lều, dưới gốc bông giấy già rực hoa đỏ như lửa. Chỉ vào cây, ông nói: “Con bà không ở trong đất, cũng chẳng ở trong gió. Nó ở trong nỗi đau bà đang giữ. Đó không phải tình thương, mà là xiềng xích.”

Bà Lâm òa khóc, ôm lấy gốc cây. Đạo sĩ nhặt một chiếc lá khô, trao cho bà: “Nếu thật lòng muốn con siêu thoát, hãy đốt nó.”

Bà run rẩy châm nhang, đốt chiếc lá. Khói bay lên, hòa

vào hoa bông giấy đang rụng theo gió – đỏ như máu, mà nhẹ như hơi thở trẻ thơ.

Đêm đó, bà ngủ quên dưới gốc cây. Trong mơ, bà thấy con trai chạy giữa đồng cỏ, quay lại cười, vẫy tay chào như lời từ biệt.

Sáng hôm sau, bà gói lại nén nhang, nhưng không giữ nhúm tóc của con. Thay vào đó, bà ép một cánh hoa bông giấy vào trang sách – kỷ vật của sự buông bỏ.

Lá Hóa Mây

Liễu Diệp, một sĩ phu về hưu, lên núi Lĩnh tìm một đạo sĩ ẩn cư nổi tiếng. Khi đến am cỏ vào lúc hoàng hôn, ông ngồi nghỉ, rót rượu uống một mình. Bỗng một giọng nói nhẹ vang lên từ sau lưng:

“Rượu ngon đấy. Nhưng uống một mình dễ say.”

Liễu Diệp không ngoảnh lại, chỉ giờ chén mời. Một ông lão hiện ra tựa bóng ma từ làn sương, áo vải thô, mắt sáng như sao. Ông không ngồi mà đứng tựa vào thân tùng già, hỏi:

“Người tìm ta để hỏi bí quyết trường sinh?”

Liễu Diệp đáp:

“Không. Ta đến để hỏi về cái chết.”

Ông lão nhặt chiếc lá vàng rơi dưới chân, nâng lên trước ánh hoàng hôn:

“Lá này xanh tươi mùa xuân, úa vàng mùa thu, rụng xuống là hết một kiếp. Nhưng ai dám bảo nó đã chết?”

“Nếu không chết, sao không thấy hồi sinh?” - Liễu Diệp chất vấn.

Ông lão xòe bàn tay, chiếc lá theo gió bay đi:

“Nó chỉ trở về với đất mẹ. Cái chết là cuộc hành trình. Kẻ nào đứng yên một chỗ mới thật sự chưa từng sống.”

Liễu Diệp trầm ngâm hồi lâu, rồi hỏi:

“Thế... tiên sinh có bao giờ sợ chết?”

Ông lão đáp, giọng như tiếng gió thoảng:

“Có. Nên ta mới học cách chết cho trọn vẹn.” Nói rồi, ông nhắm mắt, hai tay buông thõng như cánh chim trời. Một trận gió mạnh nổi lên, thân thể ông hóa thành muôn chiếc lá vàng cuốn theo gió, tan vào mây bạc.

Lá rơi đầy sân, mỗi chiếc một vè. Ông lão không tránh né cái chết, mà hòa nhập vào nó – đó có lẽ là đạo trường sinh đích thực.



Hiện Sinh **Và Tỉnh Thức**

Lê Tấn Tài

Có những khoảnh khắc rất nhỏ — như khi ta chờ đèn đỏ giữa dòng xe tấp nập, hay lúc một mình trong quán quen buổi chiều mưa — bất chợt, một câu hỏi vang lên: Rốt cuộc, mình đang sống kiểu gì? Ở giữa một thế giới ngày càng nhanh hơn, ồn hơn, tiện lợi hơn, con người tưởng chừng được giải phóng, nhưng lại dần đánh mất sự kết nối với chính bản thân. Chúng ta biết cách chạm vào mọi thứ, trừ chính tâm hồn mình.

Bài viết này là một nỗ lực nhỏ để nhìn lại: giữa hiện sinh và Đạo học, giữa dấn thân và buông bỏ, liệu có một cách sống nào thật hơn, sâu hơn — để ta không chỉ tồn tại, mà thực sự hiện hữu?

*C*ó những sớm mai lạnh lẽ và êm đềm, khi ánh mặt trời vừa chạm khung cửa, Cuộc sống vẫn thế – bầu trời vẫn cao, gió vẫn thổi qua hàng cây quen thuộc, tiếng xe máy của người hàng xóm vẫn lặp lại mỗi sáng như một bản nhạc cũ, ta chợt tự hỏi: “Mình đang sống như thế nào đây?” Giữa bao khuôn mẫu và vô vàn lựa chọn, con người bắt đầu mệt mỏi vì chính cuộc đời của mình. Từ thuở bước chân vào thế gian, con người đã là

một ẩn số chưa có lời giải. Ta lớn lên trong những khuôn phép, học cách sống từ cha mẹ, nhà trường, xã hội — rồi một ngày, khi ánh mắt vô tình chạm vào bóng tối trong chính tâm hồn mình, ta chợt giật mình nhận ra: không ai có thể sống thay ta, cũng chẳng ai thực sự hiểu ta đang kiếm tìm điều gì trong kiếp người hữu hạn này.

Lúc ấy, hiện sinh và tỉnh thức hiện ra như hai cách sống: một bên là dẫn thân và chọn lựa, một bên là buông nhẹ và trở về. Không đối lập, không loại trừ — chỉ là hai nhịp đập trong cùng một trái tim đang đi tìm một đời sống thật hơn, sâu hơn.

Con người hiện đại không thiếu tự do, nhưng lại thiếu một chỗ để đứng giữa tự do ấy. Khi mọi thứ đều có thể lựa chọn — nghề nghiệp, lối sống, tình yêu, niềm tin — ta lại hoang mang không biết điều gì là thật, điều gì thực sự thuộc về mình.

Nhưng cũng chính trong sự tỉnh thức sâu hơn, con người nhận ra rằng: không phải điều gì cũng cần nắm giữ, không phải giá trị nào cũng cần tự mình tạo ra. Đôi khi, sống không phải là viết thêm, mà là gạch bớt. Không phải là định nghĩa bản thân, mà là buông dần những điều không còn là mình.

Đó là khởi đầu của hành trình đi vào vực thẳm tâm hồn - nơi không ai làm chứng, nơi những lời chỉ dạy xưa kia chỉ còn là tiếng vọng mờ nhạt. Ở đó, người ta buộc phải đối diện với điều mà triết học hiện sinh gọi là “sự hiện hữu trần trụi” — không lý tưởng, không cứu cánh, không yên tâm. Chỉ có một cái tôi trơ trọi, đứng giữa ngã tư lựa chọn. Sống thế nào? Là ai? Vì ai? Tất cả đều không có đáp án sẵn.

Triết học hiện sinh gọi đó là “tự do tuyệt đối” - một tự do

khiến người ta choáng váng, bởi nó đi kèm gánh nặng trách nhiệm tuyệt đối. Không thượng đế nào định đoạt số phận ta, không có chân lý tiên nghiệm nào đợi chờ phía trước. Ta phải lựa chọn, phải hành động, phải tự mình tạo ra ý nghĩa cho chính đời mình, ngay cả khi đối diện với sự phi lý của kiếp người, khi mọi giá trị cũ đã tan vỡ dưới ánh sáng lạnh lùng của thời đại.

Như lời Sartre: “Con người bị kết án phải tự do”. Nghe như một nghịch lý đắng cay: tự do - khát vọng ngàn đời - lại trở thành bản án chung thẩm, không thể kháng cáo. Nhưng thử hỏi, có gì kinh khiếp hơn việc mỗi chúng ta phải hoàn toàn chịu trách nhiệm về chính cuộc đời mình? Không thể đổ lỗi cho định mệnh, càng không thể núp bóng đám đông. Mỗi quyết định là một nhát đục khắc sâu vào phiến đá số phận, không thể nào xóa nhòa. Hiện sinh thúc ta đứng dậy, bước đi, làm chủ đời mình.

Thế nhưng, từ phương Đông, một giọng nói khác vọng về — nhẹ như gió lướt mặt hồ, trong như tiếng chuông chiều ngân xa: “Đạo khả đạo, phi thường đạo.” Sự sống vốn không cần định nghĩa. Đạo không hình tướng, không tên gọi. Mọi nỗ lực truy tìm ý nghĩa, mọi toan tính đặt tên, chỉ như những cành khô chắn ngang dòng sông đang chảy. Đó là tỉnh thức. Tỉnh thức mời ta ngồi xuống, trở về, và nhận ra rằng: ta vẫn hiện hữu, chưa từng mất mát. Đạo học — nhẹ như sương khói, mỏng manh như ánh trăng xuyên qua kẽ lá — thì thầm lời giản dị: “Đừng tìm, đừng đặt tên. Hãy buông ra.”

Buông không phải là từ bỏ, mà là trở về. Trở về với cái tự nhiên vô danh đã có mặt trước cả ngôn từ, trước cả cái tôi. Đạo chẳng ở đâu xa. Nó hiển lộ trong một chiếc lá rơi,

một dòng nước trôi, một hơi thở tự nhiên không cần gắng sức. Sống, đâu cần ép buộc. Hạnh phúc, nào phải rượt đuổi. Trang Tử mỉm cười giữa trời đất vô biên, ngồi gầy đàn gió mà lòng thanh thoi. Ông kể chuyện mộng Hồ Điệp – mơ mình hóa bướm, tỉnh lại chẳng biết là người mộng bướm, hay bướm mộng người. Ấy là cách ông nói rằng, sống mà còn phân biệt quá rạch ròi giữa thực và mộng, giữa có và không, thì chưa sống trọn với Đạo.

Giữa hai tiếng gọi – một của tự do trong trách nhiệm, một của buông bỏ trong hòa điệu – con người thời đại bị giằng xé. Họ khát khao vươn lên như một bản thể độc lập, dám lựa chọn và gánh vác hậu quả, nhưng cũng thêm khát một nơi an trú, nơi họ có thể buông gánh nặng bản ngã, như con thuyền buông mái giữa hồ thu tĩnh lặng.

Có lẽ, đời người không nằm trọn trong một bên nào. Nó như chiếc cầu tre lơ lửng giữa hai thế giới – bên này là triết lý hiện sinh với những lựa chọn đầy tính cá nhân, bên kia là minh triết Đạo học với lẽ thuận tự nhiên. Trên cây cầu ấy, ta bước đi chập chững nhưng tinh táo. Có lúc cần vững vàng tiến tới bằng nghị lực sắt đá, bằng quyết tâm làm lại từ đầu. Có khi lại phải biết dừng chân, quay về nội tâm, thấu hiểu rằng không phải mọi thứ đều nằm trong tầm kiểm soát.

Giữa hai con đường – một đòi hỏi sự đấu tranh không ngừng nghỉ, một khuyên ta buông mình theo cuộc sống căng như dây đàn nguyệt. Nhưng chính sự căng thẳng ấy làm nên khúc nhạc đời. Có khoảnh khắc ta đối diện nỗi cô đơn tột cùng của kẻ lữ hành giữa sa mạc mênh mông, không bóng người qua lại, không dấu chỉ phương hướng. Lại có khi, ta chỉ cần ngồi khép mắt dưới tán cổ thụ, lắng nghe tiếng gió

thì thăm với lá, và bỗng thấy tâm hồn lắng dịu mà chẳng cần biện giải.

Triết học hiện sinh rèn cho ta dũng khí sống, Đạo học dạy ta nghệ thuật sống. Một bên như ngọn đuốc rực cháy, một bên tựa dòng suối mát lành. Khi ta biết để lửa soi đường mà không bị đốt cháy, để nước tưới mát mà không bị nhấn chìm – ấy chính là lúc con người thực sự bước đi trên mặt đất này: tự do mà không lạc lối, buông bỏ mà không buông xuôi.

Như thế, con người hiện đại tồn tại trong thế song trùng: vừa là chủ thể hành động quyết liệt, vừa là chứng nhân tĩnh lặng. Sống vừa là viết nên cuộc đời, vừa là để cuộc đời viết đời mình.

Và từ sự tương chừng đối nghịch ấy, ta khám phá một lối đi dung hòa: lối đi giữa hai bờ sống — nơi mà tự do không còn là gánh nặng, và buông bỏ không còn là trốn chạy, mà cả hai cùng dẫn đến một trạng thái thư thái hiếm hoi: được tồn tại trọn vẹn như chính mình, giữa thế giới muôn vẻ không lặp lại.

Nhịp sống hiện đại đầy xô lệch và thúc giục; phố xá ngày một đông, mà lòng người lại chật chội hơn bao giờ hết. Ta sống giữa vô vàn lựa chọn, nhưng lại hoang mang hơn cả thuở chưa có gì. Chúng ta có thể làm việc xuyên lục địa, kết nối tức thì khắp địa cầu, nhưng lại bất lực trước chính mình khi màn hình tắt đi. Người ta hăm hở dạy nhau cách thành đạt, cách gây ấn tượng, cách vượt mặt đối thủ — nhưng ít ai dừng lại để hỏi: Sống để làm gì? Sống cho ai?

Giữa dòng đời cuộn cuộn ấy, có người tìm đến hiện sinh như một lời thức tỉnh: hãy tỉnh táo mà lựa chọn cuộc đời của chính mình. Lại có người quay về với Đạo học, để được nhắc

rằng: không phải điều gì cũng cần nắm giữ — đôi khi, sống giản dị, nhẹ nhàng, là đủ.

Có lẽ, ta không cần chọn một bên. Điều quan trọng hơn là biết lắng nghe cả hai tiếng gọi ấy trong lòng. Khi cần quyết đoán, ta bước đi như kẻ hiện sinh — tự do, can đảm. Khi cần buông bỏ, ta lui về như người theo Đạo — tĩnh lặng, vững vàng. Và trong nhịp điệu ấy, cuộc sống hiện đại không còn là guồng quay mỏi mệt, mà trở thành một khoảng lặng tĩnh thức — nơi con người, dẫu giữa phồn hoa ồn ào, vẫn có thể hiện hữu một cách sâu sắc, chân thực và tự do như dòng nước ngầm lặng lẽ nhưng bền bỉ. .

Lặng Giữa Lưng Trời

Lê Tấn Tài



Với phong cách huyền ảo, thêm chất thiền vị, “Lặng giữa lưng trời” phản ánh sự tĩnh tại, mơ hồ mà vẫn sâu thẳm — tựa tiếng chuông ngân vang trong cõi hư không. hòa quyện giữa không gian và thời gian, như một cánh chim vươn lên giữa bầu trời vô hạn. Bài viết gợi cảm giác siêu thực, mộng mị — như bước qua một cõi khác. gắn kết hình ảnh chim Bàng tiêu dao với chiều sâu triết lý về cái “tôi” vượt thoát, đồng thời phảng phất một chút buồn dịu — như dư vang của một giấc mộng chưa tàn.

Tiêu Dao Du

Trang Tử viết Nam Hoa Kinh bằng mực của gió, nét chữ bay lên thành cánh chim. Tiêu Dao Du (Chương 1) không

phải là chương sách để đọc, mà là tấm gương soi vào cõi vô ngôn – nơi triết lý hóa thân thành thơ, nơi tinh thần vẫy vùng thoát khỏi lồng ngôn ngữ.

Văn chương Trang Tử là thứ ánh sáng dịu từ mặt trăng thứ hai—không chói chang, không hùng biện, chỉ lặng lẽ như tiếng nước chảy dưới chân cầu. Đọc Tiêu Dao Du, người ta như nghe tiếng chuông vọng từ cõi hư vô: “Dư ba của ngôn từ nằm ở khoảng lặng sau câu chữ.”

Chữ “tiêu dao” (tự do tự tại) của ông không phải là sự trốn chạy cuộc đời, mà là tư thế ung dung của kẻ đứng ngoài mọi dòng trong đục — chân không dính bùn, lòng không vướng bụi. Đó là cái nhìn của mây trôi qua khe núi, của cánh chim vượt biển không để lại dấu chân. Hình tượng “đại bàng vỗ cánh chín vạn dặm” không phải là một sự cường điệu văn chương, mà là dấu ấn của tâm hồn — một vũ trụ thu nhỏ trong đôi cánh mở ra vô tận.

Cánh Chim Vượt Biển

“Biển Bắc có con cá, tên là Côn. Cá Côn lớn không biết mấy nghìn dặm. Nó hóa ra chim, tên là Bằng. Chim Bằng lưng rộng không biết mấy nghìn dặm, khi bay lên, cánh như mây trời phủ kín. Nó vỗ cánh bay lên, sóng nước dội cả ba ngàn dặm...Con chim sẽ cười chim Bằng: “Ta vỗ cánh vài thước, bay từ cảnh này sang cảnh kia, sao phải nhọc bay cao bay xa như thế?” (Theo Nguyễn Duy Cần)

Chim Bằng không đáp. Tiếng cười của loài chim nhỏ rơi xuống như hạt bụi, tan vào biển cả. Sự chuyển hóa ấy là ẩn dụ cho hành trình “phá vây” của kẻ sĩ: từ thân phận cá chép ao tù, vượt lên làm chim hạc đầu đàn. Không phải để được ngưỡng vọng, mà để thấy mình nhỏ bé hơn cả cơn

gió, để biết trời đất rộng đến nhường nào khi đôi cánh chạm vào vô cùng.

Đạo Của Kẻ Tiêu Dao

Người đời thường nhạo báng những gì vượt tầm hiểu biết – như kẻ ngồi đáy giếng bàn chuyện biển Đông, như ve sầu mùa hạ chẳng tin có băng giá. Chim Bằng mang thông điệp ngược lại: muốn thấy chân trời mới, phải dám rời bỏ bờ cũ.

Nhưng Trang Tử không dạy ta trở thành chim lớn. Ông chỉ gợi mở một lối sống:

Biết mình là cá, thì đừng tranh giành chỗ nước cạn.

Biết mình là chim, thì đừng sợ hãi trước gió bão.

Biết mình là Đạo, thì chẳng cần phân biệt cá hay chim.

Bay Như Mây Trôi

Chim Bằng không có điểm đến. Nó bay như mây trôi, nước chảy – không vì mục đích, mà vì bản tính. Cái đẹp ấy tựa hoa nở trên vách đá: chẳng cần ai ngắm, vẫn cứ thơm.

Chiều tà, bóng chim in lên biển thành dấu hỏi, rồi hóa dấu chấm khi mặt trời lặn. Lũ sè ríu rít về tổ, mặt trời nuốt chửng mọi câu chuyện vào biển vĩnh hằng. Trên đỉnh gió mù, cánh chim đơn độc vỗ cánh xuyên mùa – không bay để đến, chỉ đơn thuần là bay.

Dưới kia, chim nhỏ hỏi: “Bay cao thế làm gì? Đời này ăn mấy hạt thóc là cùng!”

Chim Bằng im lặng. Nó thì thầm với gió – thứ ngôn ngữ chỉ mây trời thấu hiểu. Không khinh, không chê, nó tiếp tục xé mây lên tầng thứ bảy – nơi tiếng phán xét rơi vào hư vô.

Nó sống bằng thứ gió không tên, thứ gió thổi từ nơi ý niệm rã rời thành khói. Một mình giữa càn khôn, nó chẳng cô độc, bởi đã bỏ lại sau lưng mọi ồn ào của “ý nghĩa”.

Hành Trình Không Lời

Người xưa nói: “Chỉ khi bóng tối tan, ánh sáng mới hiển lộ.” Chim Bằng vốn là cá Côn lặn sâu dưới đáy tịch liêu. Một ngày, khi lòng không còn gợn sóng, nó buông mình theo dòng nước ngược, hóa thành loài chim của trời cao.

Nó chẳng kể lại hành trình ấy, vì chẳng ai hỏi, cũng chẳng có kẻ đủ tĩnh lặng để nghe. Đời chuộng âm vang, mấy ai bước vào cõi tịch mịch? Nhưng chim Bằng biết: chốn không tên, không tiếng, mới là nơi sự sống trọn vẹn.

Chiều buông, bóng chim nghiêng trên sóng. Chẳng ai thấy, chỉ vầng mây cuối trời khẽ động.

Đạo Ẩn Trong Vô Nghĩa

Có lẽ, ý nghĩa của Tiêu Dao Du chính là sự vô nghĩa của mọi ý nghĩa. Như cánh chim kia, bay không phải để chứng minh điều gì, mà chỉ để thể nghiệm sự tồn tại thuần khiết – một kiếp sống không ràng buộc, không định nghĩa, không cần ai hiểu.

“Cánh chim đã qua, trời xanh không dấu vết, nhưng biển cả vẫn lặng lẽ ghi lại hành trình bằng những con sóng màu nhiệm...”

Đó mới chính là Đạo.

Dưới Đáy Sông Hào

Lê Tấn Tài

Mùa xuân, sông Hào nước trong như gương. Mặt nước mỏng manh như tấm lụa bạc phơi mình dưới bầu trời, phản chiếu những đám mây trôi lững lờ và vô số vòng tròn nhỏ xíu do lũ cá con tạo ra. Một cây cầu gỗ cong cong vắt qua đôi bờ vắng lặng, chỉ còn tiếng gió thì thầm và bóng hai người dạo bước bên bờ sông Hào, chậm chậm bước qua.

Trang Chu đi trước. Áo vải thô phát phơ trong gió, bước chân ông nhẹ như hơi thở của đất, không để lại dấu vết nào ngoài cái bóng mờ in trên mặt nước. Ông bước như một giấc mơ xưa còn sót lại giữa cõi đời náo động. Huệ Tử theo sau, nét mặt cau có, đôi lông mày nhíu lại như đang sẵn sàng chất vấn những điều phi lý trên đời.

Trang Tử và Huệ Tử đứng nhìn dòng nước lững lờ. Cá bơi tung tăng, đuôi khua ánh sáng, thân lấp loáng giữa dòng trôi miên viễn. Trang Tử dừng lại, tay áo chấp sau lưng, nhìn xuống làn nước mỉm cười:

— Cá vui đấy, thông dong biết bao.

Huệ Tử khựng lại. Ông đã quen với những câu nói kỳ lạ của bạn mình, nhưng lần này, lời ấy như một chiếc lá khô rơi



xuống mặt hồ tĩnh lặng, gợn lên những vòng sóng nghi hoặc.

— Ông đâu phải cá, sao biết cá vui?

Trang Chu không đáp ngay. Ông cúi người, nhìn xuống làn nước, nơi bóng hai người chập chờn hòa lẫn vào sóng gợn. Bóng ông mờ nhòa, như sắp tan vào cái mênh mang của trời đất. Một lúc sau, ông mới khẽ nói, giọng nhẹ như gió thoảng:

— Ông đâu phải tôi, sao biết tôi không biết cá vui?

Một cơn gió thoảng qua. Cây cầu khẽ rung rinh, như bật cười nhẹ trước cuộc đối thoại vô thường. Dưới kia, đàn cá vẫn bơi lội vô tư, chẳng hay biết mình đang trở thành tâm điểm của một cuộc tranh luận của hai người ở trên kia.

Huệ Tử im lặng. Không phải vì bị thuyết phục, mà vì trong khoảnh khắc ấy, ông chợt nhận ra: họ không còn bàn về cá nữa. Họ đang nói về cái vực thẳm giữa con người với nhau – như cây cầu bắc ngang dòng nước, tưởng gần mà xa, tưởng nối liền nhưng kỳ thực chỉ là ảo ảnh của sự thông hiểu nhau.

Đêm ấy, Huệ Tử ngồi bên chiếc đèn dầu. Ngọn lửa nhỏ lay động theo từng hơi thở của gió. Ông nhìn vào ánh lửa và chợt nhớ đến giấc mộng hóa bướm của Trang Chu – một giấc mộng mỏng manh như cánh bướm chạm vào thời gian, khiến người ta không còn phân biệt được đâu là thực, đâu là mộng.

Còn Trang Chu, ông đã rời cây cầu từ lúc nào. Ông lang thang qua cánh đồng hoang, lắng nghe tiếng ếch kêu trong đêm, hít thở mùi đất ẩm sau cơn mưa, và chẳng nghĩ ngợi gì. Với ông, đời sống không cần phải lý giải. Chỉ cần trôi theo từng khoảnh khắc – như cá bơi trong nước, như gió luồn qua kẽ lá, như kẻ mộng du không cần tỉnh giấc.

Sáng hôm sau, sông Hào vẫn lấp lánh dưới nắng. Đàn cá vẫn bơi lội tung tăng. Hay ít nhất, trong mắt một người không còn phân biệt giữa cái biết và cái không biết, thì chúng vẫn cứ vui – vui trong cái vô tư của tạo hóa, trong sự im lặng của dòng sông, và trong cái không lời giữa con người với nhau. Một ngày nào đó, khi trí tuệ dừng lại để lắng nghe, có lẽ ta cũng sẽ nghe thấy tiếng cá đang vui.

Tĩnh Lặng Dưới Trăng

Lê Tấn Tài



DẪN NHẬP

Có những câu chuyện không cần dài, tựa làn gió thoảng qua, để lại chút se lạnh trong tâm tưởng. Có những triết lý không cần bàn luận, chỉ cần để chúng lặng yên trong lòng, như ánh trăng soi giữa mặt hồ tĩnh lặng. Những mẩu chuyện

nhỏ trong bài này không tham vọng giải mã cuộc đời. Chúng chỉ là những vệt mực loang trên trang giấy trắng, viết lên từ nền im lặng, mong ai đọc đến, sẽ gặp lại chính mình – ở một khoảnh khắc đã bỏ quên.

CHIẾC CỐC

Trên kệ gỗ mòn theo thời gian, một chiếc cốc thủy tinh lấp lánh trong ánh sớm mai. Thiền sư dùng nó mỗi ngày, rót trà nhạt như rót sự tĩnh lặng vào lòng. Thế nhưng, ông vẫn thường nói: “Chiếc cốc này đã vỡ rồi.”

Có người thắc mắc, ông mỉm cười giải thích: “Bởi ta biết vạn vật đều vô thường. Khi chiếc cốc rơi xuống tan vỡ, lòng ta không xao động. Bởi ngay từ lúc này, ta đã buông bỏ nó rồi.”

SOCRATES

Một học trò tìm đến Socrates và hỏi:

“Thưa thầy, con muốn học tri thức. Xin thầy chỉ dạy cho con!”

Socrates im lặng. Ông đứng dậy, dắt cậu ta ra bờ sông, rồi bất ngờ túm lấy đầu cậu, ấn mạnh xuống nước. Cậu học trò vùng vẫy, giãy dụa, đến khi gần như nghẹt thở mới được thả ra.

Socrates chậm rãi hỏi:

“Lúc đó, con khao khát điều gì nhất?”

“Không khí... thưa thầy...” – giọng cậu đứt quãng.

Socrates mỉm cười, ánh mắt sâu như đáy sông:

“Khi con khao khát tri thức như đã khao khát không khí, lúc ấy con sẽ học được.”

CON VOI

Một nhóm người mù được dẫn đến khám phá hình dáng một con voi bằng xúc giác. Người đầu tiên sờ vào vòi voi liền reo lên:

“Voi giống hệt một con rắn khổng lồ!”

Người thứ hai ôm lấy chân voi, lắc đầu phản bác:

“Không đúng! Nó rõ ràng là một cái cột tròn!”

Người thứ ba nắm chặt tai voi, khẳng định:

“Theo tôi, nó chẳng khác nào chiếc quạt nan lớn!”

Trong khi đó, người chạm vào lưng voi quả quyết:

“Tất cả đều sai cả! Voi rõ ràng là một bức tường vững chãi!”

Họ tranh cãi không ngừng, ai nấy đều kiên quyết cho rằng mình đúng. Mỗi người chỉ tiếp xúc với một bộ phận, nhưng lại tưởng mình đã nắm được toàn thể.

Con voi vẫn lặng im đứng đó, không một lời biện giải.

VIÊN NGỌC

Một người ăn xin ngồi bên vệ đường suốt bao năm tháng. Ông chìa tay nhận từng đồng lẻ của khách qua đường, sống qua ngày trong sự nghèo khó.

Một ngày nọ, một vị đạo sĩ đi ngang qua. Dừng chân nhìn người hành khất, rồi nói:

— Dưới chỗ ngồi của ông có một viên ngọc quý.

Người ăn xin ngỡ vực. Nhưng khi đào thử lên, ông thấy một viên ngọc lấp lánh chôn vùi trong đất. Nó đã ở đó từ lâu, chỉ là ông chưa bao giờ nghĩ đến việc tìm kiếm.

Đời người cũng vậy. Ta mãi miết đi tìm bình an, trí tuệ, hạnh phúc... như thể chúng ở tận chân trời xa thẳm. Nhưng biết đâu, những điều quý giá ấy vẫn luôn ở ngay dưới chỗ ta ngồi — lặng lẽ, không cần phô trương.

LÃO TỬ

Khi Lão Tử quyết định rời kinh thành, người gác cổng đã đứng chờ sẵn nơi cổng thành. Vị đạo sĩ già nói với vẻ trầm tư:

“Ta không thể ở lại đây nữa, vì những gì ta biết đã không còn đủ để ta dạy.”

Người gác cổng vội hỏi:

“Thưa thầy, trước khi đi, Thầy có lời nào muốn để lại cho chúng tôi không?”

Lão Tử dừng bước. Một nụ cười thoáng hiện trên gương mặt phong sương của ông trước khi đáp: “Biết đủ là đủ. Không biết đủ, dẫu có cả thiên hạ vẫn thấy thiếu.”

Nói rồi, ông ung dung bước qua cổng thành, thông dong như đám mây trôi về chân trời xa thẳm.

Người gác cổng đứng lặng nhìn theo, tự hỏi liệu mình đã hiểu hết những gì vừa nghe.

BÁT NƯỚC

Một đệ tử đến gặp Đức Phật, bực bực với vẻ bất an:

“Bạch Thế Tôn, tâm con như cơn lốc, chẳng thể nào an trú. Xin Ngài chỉ dạy cách tu tập?”

Đức Phật không đáp, chỉ nhẹ nhàng múc một bát nước ao, rồi dùng ngón tay khuấy mạnh. Nước vẫn đục ngầu.

“Đây chính là tâm người.”

Ngài đặt bát nước xuống đất, im lặng quan sát. Dòng nước đục dần lắng xuống, hạt bùn chìm dần, cho đến khi mặt nước trở nên tĩnh lặng, trong vắt đến nỗi có thể nhìn thấy cả đáy bát.

Đức Phật mỉm cười hiền từ:

“Khi ngừng khuấy động, nước tự trong. Tâm người cũng vậy. Đừng cố gắng, đừng xao động. Chỉ cần lặng yên mà quan sát.”

DIOGENES

Alexander Đại đế, vị hoàng đế quyền uy nhất thời bấy giờ, đích thân đến gặp Diogenes – nhà hiền triết sống trong một chiếc thùng gỗ cũ kỹ. Với vẻ tự tin pha lẫn kiêu hãnh, nhà vua nói:

“Trẫm là đế vương, có thể ban cho khanh bất cứ thứ gì khanh muốn.”

Diogenes, đang nằm dài phơi mình dưới nắng, chậm rãi đưa tay chỉ về phía Alexander:

“Vậy xin bệ hạ vui lòng tránh sang một bên. Ngài đang che mắt ánh nắng của tôi.”

Thay vì nổi giận, Alexander bật cười sảng khoái. Trước khi quay đi, ông thốt một câu khiến hậu thế phải suy ngẫm:

“Nếu không phải là Alexander, ta nguyện được làm Diogenes.”

Alexander vô cùng khâm phục lối sống tự do, độc lập và trí tuệ của Diogenes – một con người tuy nghèo về vật chất nhưng giàu có về tinh thần, sống ung dung và không bị ràng buộc bởi bất kỳ ai hay điều gì.

CÂY TRE

Cây sồi cao lớn, rần rỏi, nhìn cây tre cười khinh khinh:

– Mày yếu ớt quá, chẳng đáng mặt cây cỏ!

Cây tre vẫn im lặng, không đáp lại.

Bão ập đến. Gió giật dữ dội, cây sồi kiêu hãnh bị bật gốc, đổ gục xuống đất. Trong khi đó, cây tre mềm mại cúi mình theo chiều gió, rồi khi bão qua, lại nhẹ nhàng vươn thẳng lên trời.

THỢ MỘC

Người thợ mộc già đi ngang qua gốc cây cổ thụ xù xì. Ông dừng lại nhìn rồi bước đi, chẳng buồn vung rìu. Người học trò ngạc nhiên hỏi:

“Thưa thầy, sao không đốn cây này?”

Ông thợ mỉm cười:

“Gỗ nó cong queo, vân xấu, chẳng làm được cột nhà vững chãi, cũng chẳng đẽo nổi bàn ghế tử tế. Một thứ gỗ vô dụng!”

Rồi ông chỉ tay lên tán cây rậm rịt:

“Nhưng chính sự “vô dụng” ấy lại là phúc. Chẳng ai muốn đốn nên nó sống trăm năm.”

Có những thứ không phù hợp với tiêu chuẩn thông thường, nhưng lại giữ được sự nguyên vẹn của mình.

LỜI KẾT

Những câu chuyện trong bài này không giải nghĩa thế giới. Chúng chỉ là một chấm lặng, như dấu phẩy giữa dòng chữ, để người đọc tạm dừng, thở một hơi thật sâu, và nhìn

lại chính mình. Trong nhịp sống ồn ã, những câu hỏi lớn thường không cần lời đáp. Chúng chỉ cần một khoảng lặng để ngân vang – như tiếng gõ nhẹ vào vách đêm, như ánh trăng rơi xuống mặt hồ, không làm gợn nước.

Và rồi, ta chợt hiểu:

Tĩnh lặng không phải là điều đối lập với sống. Tĩnh lặng là một cách sống.



Ao Quê

Lê Tấn Tài

N gày xưa ấy, làng quê hầu như không mấy nhà là không có một cái ao. Ao muôn hình, muôn vẻ, ao trước nhà, bên hông nhà, sau nhà, ao lớn, ao nhỏ, ao liền với vườn cây, ao nuôi bèo thả cá.

Người dân khai phá lập nghiệp, việc đầu tiên là đào cái ao. Phía trên đất toi xóp, đắp làm vườn, phía dưới đất sét đắp nền nhà. Khi đào vừa đủ sâu, nguồn nước bắt đầu xuất hiện. Sau cơn mưa, ao nhanh chóng là nơi thoát nước, mùn bã, côn trùng tích tụ theo mưa tràn xuống ao làm môi cho cá. Hết mưa, ao là nơi chứa và cung cấp nước cho dân quê.

Từ nhà nhìn ra là vườn cây, tiếp đến là ao cá, vườn rau, xa xa ruộng lúa xanh rì, phong thủy hữu tình. Ao giúp cho dân quê tắm giặt, rửa ráy hàng ngày, tưới vườn rau nhỏ... Ngày trước thịt cá hiếm hoi, ao chính là nguồn thức ăn cho dân quê. Tầng đáy bùn, lươn, chạch, ốc... sinh sôi tự nhiên, tầng nước phía trên nuôi dưỡng tôm tép, cá đồng...khi cần, đặt vó là có ngay. Mặt ao thả bèo nuôi heo, thả bè rau muống. Ven bờ cấy thêm dọc mùng, khoai nước, ếch nhái tìm đến trú ngụ, chi cần hươ cái vọt là được bữa ăn ngon. Phía trên là

giàn mướp, bầu, bí, che mát cho ao.

Dân quê có thói quen trồng xung quanh bờ ao nhiều loại cây trái. Nào dứa, ổi, khế, sung... Điều thích nhất cho mấy đứa nhỏ tha hồ leo trèo, đu mình hái những quả ổi thơm vàng đung đưa trước gió. Hương ổi, hương na bay quện theo gió tràn qua cả mặt ao. Cây khế lặng lẽ in bóng bên bờ ao, chỉ cần vịn nhẹ một cành lòa xòa trước mặt thôi, những quả khế chín vàng ươm căng mọng rơi đầy trên bờ ao.

Ao thoảng hương cau, hanh hanh nắng vàng trộn lẫn màu vàng nhẹ của giàn hoa mướp, màu trắng trắng của hoa bầu, màu tím sậm của hoa khế. Chuồn chuồn, ong, bướm... bay qua, bay lại, trên giàn bầu, giàn mướp. Mặt ao sóng sánh ánh trắng khuya, lung linh phản chiếu những điểm sáng li ti của muôn ngàn vì sao trên bầu trời cao vợi vợi.

Những ngày nóng bức, hoàng hôn lấp lóa những tia nắng cuối ngày, lũ trẻ vẫn còn nhảy tùm tùm xuống ao tắm mát. Đêm mưa, vắng nghe những tiếng ếch nhái uênh oang. Mưa to, nước ngập vườn, lũ trẻ lòng vui như mở hội kêu réo bắt cá lội quần chân người.

Ao quê còn gắn liền với nhiều loại rau: rau diếp cá xanh non, rau húng thơm nồng, húng lủi lá nhỏ thông dài, rau răm xanh sẫm, hành xanh lục, họ hoa trắng, ngò gai thơm hắc, rau quế cay cay, rau ngót, mồng tơi, dền, dùng cho món canh đậm bạc, rau cần mang dáng dấp cần cù của người nông dân, thân trắng muốt, lá mềm mại, rễ từng chùm, phủ kín mặt ao. Những luống rau xanh, dền đỏ, tía tô ...tạo nên một bức tranh đầy màu sắc. Mùa rau cần đi qua cũng là lúc những đợt mưa xuân lát phát, bóng dáng Tết đang về với thôn làng. Mỗi năm một lần, cái ao nhà cũng biết chờ Tết. Việc đồng áng tạm xong, nhà nhà chuẩn bị tát ao, bắt cá.

Cảnh tát ao ăn Tết khó phai mờ trong ký ức tuổi thơ.

Bốn mùa, ao quê đầy cạn nhưng không mất đi tình nghĩa xóm làng. Ao quê là chứng nhân một thời thăng trầm buồn vui lẫn lộn, một thời của Tú Xương:

“Bỗng nghe tiếng ếch bên tai,

Giật mình cứ ngỡ tiếng ai gọi đờ”

Miền quê thuở trước còn những cái ao làng, là đầm rừng xưa tạo thành như một chiếc ao khơi, là nơi lưu giữ những kỷ niệm sâu đậm của dân quê. Ao làng sạch, nước trong veo, có nhiều hoa súng, quanh bờ có những hàng dừa thẳng tắp, lũy tre xanh cong mình, nghiêng bóng xuống mặt ao. Mùa xuân, ao làng êm đềm trong mưa bụi mênh mang, mùa hè rực rỡ hoa súng tím, súng hồng, lấp lánh những cánh chuồn chuồn, từng đàn cá lượn lơ, đớp lăng quăng, rong rêu, mùa thu ao mơ màng gợn sóng lăn tăn dưới ngọn gió heo may, mùa đông ao lặng lẽ suy tư như một nỗi niềm.

Ao nhà phần lớn có chiếc cầu ao, đơn giản chỉ là vài ba cây tre hay cây cau già ghép lại, một đầu dựa vào bờ ao, một đầu ghềch lên một cái nạng tre cắm sâu xuống đáy ao. Ai lớn lên từ miền quê, sẽ không quên hình ảnh chiếc cầu bé nhỏ của một thời đầu trần, chân đất. Cầu ao như trôi giữa rừng hoa và rau, mở ra với sóng nước, lấp lánh ánh trắng, lấp lánh giọt nắng, lúng búng tiếng cá đớp mồi, lấm tấm chùm hoa lộc, hoa khế, lao xao bóng tre. Dưới ao những bông hoa súng đỏ hồng, bông rau nhút vàng tươi, bông lục bình phơn phớt tím.

Cầu ao nằm êm ả, là nơi đám trẻ tập bơi, ngụp lặn giỡn nước, là nơi những bà mẹ mỗi sáng giặt đồ, chiều giặt rau, lấy nước tưới cho luống rau, hàng cà, các cô gái đi cấy về

chao chân rửa đôi quang gánh mạ.

Thấp thoáng ai đó bên bờ dâm bụi, dưới ánh trắng xanh dịu, những mối tình đầu vương vấn, chớm nở từ những chiếc cầu ao.

*“ Cầu ao ván yếu gập ghềnh,
Chân lần tay dắt chung tình đi qua.” (Ca dao)*

Cũng như cây đa, bến nước, mái đình, cầu ao là một phần trong hình bóng quê hương, một khoảng êm đềm của khung trời tuổi dại khờ, một góc nhỏ sâu lắng trong nỗi nhớ quê nhà. Lòng người tha hương băng khuâng mơ màng chợt nhớ cái ao quê ngầy nào giăng giăng sương mờ khói phủ. Ao quê, ao của những người quê chất phác thật thà, lam lũ. Ao chứa đựng ân tình, chia sẻ bao nỗi nhọc nhằn, nơi người dân quê gửi gắm biết bao tâm tư.

*“Nhà em ở cạnh cầu ao,
Chàng đi xuôi ngược, chàng vào nghỉ chân.
Chàng ngồi chàng nghỉ ngoài sân
Cơm thì lữ bữa, canh cần nấu sùng” (Ca dao)*

Tre Trúc Làng Quê

Lê Tấn Tài



Tre trúc rất quen thuộc ở vùng quê Việt Nam, được trồng sau nhà, ngoài ngõ, lối đi, vv... Tre thuộc nhóm thực vật thân gỗ, rễ chùm, bên trong rỗng, phân thành nhiều đốt, trên thân tre có các mấu mắt. Tre là vật liệu phổ thông nhất được sử dụng làm mọi vật dụng trong nhà, dụng cụ nhà nông...

Trúc thân nhỏ, lá nhỏ và thưa hơn tre, mọc thành các bụi rậm. Trúc có dáng đẹp, nhỏ nên được dùng làm cây cảnh.

Trúc cũng được ứng dụng rất nhiều vào việc trang trí nội thất, ngoại thất.

Ngày nay, tre - trúc được thiết kế cho những khu vườn, hàng rào, làm tiểu cảnh cho không gian ngôi nhà thêm sinh động, tươi mát, hài hòa với thiên nhiên.

Vẻ đẹp tre trúc nổi bật ở thần thái - cái đẹp về tinh thần. Tre trúc thân cứng, nhưng bên trong lại rỗng, theo Thiên đó là hư tâm hay tâm vô sở hữu, trống rỗng, không thay đổi, không tạp loạn, không hư hoại. Tre trúc mềm mại thân thương, nghiêng mình kéo kẹt reo vui theo chiều gió, mùa đông giá rét vẫn tươi cảnh, xanh lá. Vì thế, tre trúc được xếp vào bộ ba “Tuế hàn tam hữu” (ba người bạn tri kỷ trong mùa đông giá rét) tức Tùng - Trúc - Mai, ba giống cây vẫn xanh tươi khi mùa đông tới, tượng trưng cho khí tiết thanh cao, lúc khó khăn gian khổ vẫn luôn bên cạnh nhau. Cốt cách của tre trúc cũng được người xưa miêu tả: “Đất nghèo vẫn sống thẳng ngay, Phì nhiêu vẫn dáng vóc gầy thanh tao”, cao mà không kiêu, thấp mà không hèn, trường xuân, vững vàng, chắc chắn, chịu được bão tố phong ba mà không hề lay chuyển. Trúc được ví như người quân tử, có sức sống mãnh liệt nhưng cũng rất bình dị, đặt ở đâu cũng sống và đã sống là xanh tốt quanh năm.

Từ cuộc sống, tre trúc đã đi vào hồn người Việt. Trong văn, thơ, nhạc, họa, trong truyền thuyết, truyện cổ tích, ca dao, tục ngữ... tre trúc trở thành những hình tượng đẹp đẽ.

Ngõ trúc quanh co xanh non bóng lá, mọc thành một lối đi dài sâu hun hút, là ký ức thăm thẳm, là tuổi thơ dịu dàng. Ngõ trúc ấy luôn có tiếng chim lích chích trong vòm lá xanh um mỗi sáng và thoang thoảng mùi hương thơm mỗi chiều. Ngõ trúc ấy là nơi ẩn nấp cho những trò chơi trốn tìm của trẻ

con và cũng là nơi tránh né làn roi thịnh nộ của ba mẹ. Ngõ trúc ấy là nơi nâng bước chân tuổi thơ vào đời với bao yêu thương, buồn vui, quên nhớ.

*“Xuân qua ngõ trúc thâm thì,
Người qua ngõ trúc nhớ gì hay không...?”*

Những lũy tre bao đời vẫn thâm lặng, khiêm nhường phủ xanh xóm làng. Mất bóng tre xanh thì hồn quê cũng mất, mất một vùng trời bình yên rộn rã tiếng chim. Vẫn còn đâu đây tiếng mẹ ru con bên chõng tre kéo kẹt, mấy con trâu nằm nhoi cỏ dưới bóng tre xanh đầu ngõ. Làm sao quên được hình ảnh đứa trẻ vắt vẻo trên lưng trâu, tiếng sáo tre, sáo trúc bay bổng từng không, đàn cò đậu trên ngọn tre điểm màu trắng trắng... Ôi, thật êm ả và thanh bình xiết bao:

*“Làng tôi có lũy tre xanh,
Có sông Tô Lịch uốn quanh xóm làng.
Bên bờ vải, nhãn, hai hàng,
Dưới sông cá lội từng đàn tung tăng.”*

Từ đôi đũa tre lựa cơm, gấp mắm, trong bữa ăn đầm ấm bên bếp lửa nồng, từ cái kèo, cái cột vững vàng, từng thanh tre, sợi lạt, mỏng manh nhưng dẻo dai, chắc chắn buộc trên mái nhà, đến chiếc đòn gánh oằn vai mẹ, cong cong hai đầu, tre làm cán cuốc, cán cày cho cha vỡ đất, tre làm rá, rổ, nong, nia, làm chõng, làm phen, tre bắc giàn cho dây mướp, dây bầu, tre làm gậy chống đỡ tuổi già, tre bắc nhịp cầu đôi lứa... sao mà thương nhớ nghẹn ngào, khôn nguôi:

*“Ngó lên núc lạt mái nhà.
Bao nhiêu núc lạt nhớ ông bà bấy nhiêu”*

Thời gian qua con cái lớn lên xa dần vòng tay che chở của

cha mẹ, xa lũy tre làng êm đềm, xa người quê chân lấm tay bùn, lòng người tha hương nường nấu tìm lại chút hơi ấm quê hương lúc bước chân còn mông lung giữa xứ lạ, nghe tiếng gió hú thấy sao như tiếng thở dài của người lạc mất quê xưa và chợt thấy ngô trúc mỗi ngày thắc thỏm, sâu hơn trong bước đi khắp khiêng của người dân quê. Làng quê bây giờ thừa dần bóng tre xanh. Những ngô tre làng trên lối đi bùn đất với nỗi niềm đông cũ, rả rích mưa phùn, lùi dần vào thuở xa xưa. Người dân bây giờ quen dần với những công trình bê tông cốt sắt mọc lên san sát không còn chỗ cho tre trúc. Rồi đây, không xa nữa, con cháu chúng ta có lẽ không còn nhìn thấy hình ảnh lũy tre, khóm trúc ngày nào!

Huyền Thoại Tình Yêu

Lê Tấn Tài



Khi bước vào thế giới thơ văn, chúng ta không chỉ suy ngẫm những chiều sâu và đa diện của nhân sinh, mà còn bị cuốn hút bởi những câu chuyện tình bất hủ. Tình yêu, từ lãng mạn đến bi kịch, từ đơn phương đến vĩnh cửu, luôn hiện hữu như một dòng chảy mãnh liệt xuyên suốt mọi thời đại và nền văn hóa. Nó không chỉ là cảm xúc nguyên thủy và sâu sắc nhất của con người, mà còn là nguồn cảm hứng bất tận trong

văn chương, soi chiếu những khía cạnh phong phú và phức tạp của tâm hồn.

Tình yêu trong văn chương là tấm gương muôn màu của nhân sinh. Có lúc, nó mãnh liệt như sóng vỗ, nhưng cũng có khi lặng lẽ, u tịch như màn đêm. Nó là chiếc gương soi, phản chiếu những tầng sâu kín trong tâm hồn, đồng thời gợi mở những bối cảnh văn hóa, xã hội nơi tác phẩm ra đời. Không chỉ dừng lại ở những cung bậc thăng hoa, các câu chuyện tình còn khắc họa nỗi đau sâu sắc, những xung đột nội tâm, và đôi khi là những bi kịch vượt ngoài khả năng chịu đựng của con người.

Trong một thế giới nơi mà quyền lực, định kiến và rào cản xã hội thống trị, tình yêu chân thành thường bị đặt trước những thử thách khắc nghiệt. Nhưng chính những thử thách đó lại khẳng định sức mạnh của tình yêu. Từ “Thằng gù lưng nhà thờ Đức Bà” của Victor Hugo đến “Romeo và Juliet” của Shakespeare, từ “Kiêu hãnh và định kiến” của Jane Austen đến “Đồi gió hú” của Emily Brontë, hay “Đại gia Gatsby” của F. Scott Fitzgerald và “Truyện Kiều” của Nguyễn Du, tình yêu được tái hiện qua những sắc thái trọn vẹn về niềm vui, nỗi đau, hy sinh và số phận.

Văn chương còn lý tưởng hóa tình yêu, nơi cảm xúc được đẩy lên đỉnh cao, vượt qua mọi ranh giới của hiện thực. Nó xóa nhòa khoảng cách về không gian, thời gian và giai cấp xã hội, kết nối những tâm hồn cô đơn, và trở thành nguồn động lực mạnh mẽ giúp con người vượt qua nghịch cảnh. Thế nhưng, tình yêu cũng không tránh khỏi những “ảo ảnh” – những cảm xúc tô hồng, kỳ vọng viển vông, hoặc những nỗi đau âm ỉ khi mối quan hệ không như mong đợi.

Tựu trung, tình yêu là một tấm gương đa diện, phản chiếu

không chỉ vẽ đẹp mà cả những góc khuất của nhân sinh. Qua các câu chuyện tình, văn chương không chỉ làm rung động trái tim người đọc, mà còn gửi gắm những triết lý sâu sắc về tình yêu và cuộc đời – nơi niềm hạnh phúc và nỗi đau luôn song hành, vẽ nên bức tranh bất tận của kiếp người.

Hai câu chuyện tình của Orpheus và Trương Chi là minh chứng cho vẻ đẹp lẫn nỗi đau bất tận của cảm xúc. Dù xuất phát từ những bối cảnh văn hóa khác nhau, tình yêu trong cả hai câu chuyện đều có một đặc điểm chung: mãnh liệt, chân thành, nhưng đầy bi kịch và bất lực trước định mệnh.

Sử thi Hy Lạp mở ra một trang thần thoại huyền bí, nơi tồn tại những câu chuyện tình vượt thời gian. Ngày xưa, từ vạn nghìn năm trước, có một chuyện tình kỳ diệu. Orpheus, một nhạc sĩ và thi sĩ tài ba, được ban tặng tài năng chơi đàn lyre tuyệt diệu, đến mức làm say đắm muôn loài. Tiếng đàn của chàng không chỉ làm rung động lòng người, mà còn khiến dòng sông ngừng chảy, núi non cúi mình, và muông thú ngừng cất tiếng.

Orpheus yêu nàng Eurydice, một thiếu nữ xinh đẹp và dịu dàng. Tình yêu của họ như khúc nhạc du dương, êm dịu, tràn đầy hạnh phúc. Nhưng định mệnh khắc nghiệt không cho phép điều đó kéo dài. Một ngày kia, khi Eurydice dạo bước trong rừng, nàng bị rắn cắn và qua đời. Sự ra đi bất ngờ của nàng để lại trong Orpheus nỗi đau tột cùng. Tuy nhiên, tình yêu mạnh mẽ của chàng không khuất phục trước cái chết. Không thể chịu đựng nỗi mất mát, Orpheus quyết định xuống âm phủ để tìm cách đưa Eurydice trở lại.

Tiếng đàn lyre và giọng ca đau thương của chàng vang lên, chạm đến cả các vị thần nơi âm phủ. Những giai điệu

bi ai lan tỏa khắp chốn địa ngục, khiến nước sông Styx gợn sóng, gãi lái đồ rơi lệ, và con chó ba đầu dữ tợn cũng trở nên mềm lòng. Khấp cỏi âm ti, không ai có thể ngăn cản tiếng đàn thấm đẫm khát khao và nỗi đau của Orpheus. Âm nhạc ấy chạm đến những linh hồn cô độc, lay động cả thần linh.

Orpheus kể về nỗi đau mất đi Eurydice và khát khao được đoàn tụ với nàng. Hades, vua Địa Phủ, dù là vị thần lạnh lùng, cũng không thể cưỡng lại sự chân thành trong tiếng đàn của chàng. Cuối cùng, Hades đồng ý để Eurydice trở lại dương thế, nhưng đặt ra một điều kiện: Orpheus không được ngoái nhìn nàng trước khi cả hai bước qua ranh giới giữa sự sống và cái chết. Nếu chàng thất bại, nàng sẽ mãi biến mất.

Thử thách ấy không chỉ đòi hỏi tình yêu mà còn cả lòng tin và sự kiên nhẫn. Thế nhưng, chính vào khoảnh khắc cuối cùng, vì ngoái nhìn Eurydice trong nỗi bất an, hình ảnh nàng Eurydice mờ dần... mờ dần, rồi biến mất, Orpheus đã đánh mất nàng mãi mãi. Eurydice tan biến, để lại chàng trong nỗi cô đơn và tuyệt vọng.

Tình yêu của Orpheus là biểu tượng của sự hy sinh cao cả, vượt qua cả sống chết, nhưng đồng thời cũng thể hiện tính mong manh và dễ tổn thương trước thử thách của số phận. Khoảnh khắc chàng quay đầu lại là minh chứng mạnh mẽ cho sự phức tạp của tình yêu và con người, đồng thời khắc họa rõ nét sự mong manh và bất định trong lòng tin. Nó nhắc nhở rằng tình yêu cần sự tin tưởng, kiên nhẫn, và đôi khi là khả năng chấp nhận giới hạn không thể vượt qua. Dẫu vậy, ngay trong đau khổ và mất mát, tình yêu vẫn là nguồn cảm hứng và vẻ đẹp vĩnh hằng.

Dù Eurydice tan biến, nỗi đau và tình yêu của Orpheus

vẫn sống mãi qua tiếng đàn của chàng. Từ đó, tiếng đàn của Orpheus không còn là giai điệu của chiến thắng hay niềm vui đoàn tụ, mà trở thành khúc bi ai, giai điệu chất chứa mất mát và bất lực. Tiếng đàn đã trở thành biểu tượng bất diệt của tình yêu và nghệ thuật – những giá trị cao quý và đẹp đẽ nhất mà con người có thể mang lại cho cuộc đời.

Câu chuyện về Orpheus và Eurydice là một trong những huyền thoại đẹp nhất của Hy Lạp cổ đại, nơi tình yêu và nghệ thuật hòa quyện thành khúc nhạc bất tử, phảng phất nỗi buồn sâu lắng, là ngôn ngữ của tình yêu, hy vọng, và những đau thương khắc sâu trong trái tim.

Việt Nam cũng có câu chuyện xưa đầy thi vị, được nhiều người nhắc đến, mang đầy đủ sắc thái của cuộc sống: giàu nghèo, trai gái, trăng nước, có tình nhưng không có duyên. Đó là một câu chuyện buồn về tình yêu đơn phương, nơi trái tim chân thành của chàng nghệ sĩ nghèo không thể vượt qua ranh giới của định kiến xã hội. Bi kịch ấy là nỗi đau của một tâm hồn nghệ sĩ nhạy cảm, yêu say đắm nhưng bị khước từ bởi những giá trị bề ngoài.

Trương Chi, một chàng trai sống nơi sông nước, nổi danh khắp vùng bởi tiếng sáo da diết, réo rắt như chạm đến tận sâu thẳm tâm hồn con người. Mỗi đêm, khi ánh trăng trải dài trên mặt sông, anh ngồi trên thuyền, thổi sáo, cất tiếng hát đầy cảm xúc. Tiếng sáo ấy vang xa, len lỏi qua từng ngọn sóng, làm cả đất trời lặng yên, khiến ai nghe cũng phải say lòng. Nhưng chính tiếng sáo ấy đã đẩy cuộc đời Trương Chi vào bi kịch khi gặp My Nương, một tiểu thư xinh đẹp, con gái quan lớn, sống trong khuê phòng kín cổng cao tường. Tiếng sáo của Trương Chi, vượt qua mọi rào cản, len lỏi vào tận tư phòng của nàng, khiến nàng xao xuyến, say mê. My Nương

yêu tiếng sáo và tưởng tượng người thổi sáo là một chàng trai khôi ngô tuấn tú, để rồi sinh lòng thương nhớ dù chưa từng gặp mặt. Khi được gặp Trương Chi, My Nương thất vọng trước dung mạo mộc mạc, bình dị của chàng, không giống như hình tượng nàng hằng mơ. Tình yêu tan biến nhanh chóng, nhưng ngược lại, Trương Chi lại yêu nàng say đắm. Sự khước từ phũ phàng của My Nương như nhát dao cứa vào trái tim người nghệ sĩ, đẩy anh vào nỗi đau không thể nguôi.

Trương Chi trở về cuộc sống cô độc trên sông, mang theo tình yêu tuyệt vọng. Nỗi buồn không nguôi bào mòn sức khỏe chàng, để rồi cuối cùng, anh qua đời trong cô đơn. Nhưng tình yêu của Trương Chi không mất đi mà chính trái tim của anh hóa thành viên ngọc kỳ diệu, chứa đựng trọn vẹn nỗi lòng chàng. Viên ngọc ấy, qua tay người thợ, được khắc thành chén trà và lọt vào phủ quan.

Một ngày nọ, khi My Nương rót trà, hình bóng Trương Chi hiện lên trong chén nước, tựa như chiếc thuyền nhỏ lặng lẽ trôi qua, vắng vắng tiếng sáo buồn của những ngày xưa cũ. Tiếng hát của Trương Chi ngân vang trong khuê phòng, êm dịu như ánh trăng lả lướt, rưng rưng trên bầu trời. Âm thanh ấy tựa tiếng mái chèo bịn rịn khua nước khi thuyền tách bến, tựa cơn bão dữ trên suối nguồn, tựa cơn giông tố trên dòng sông. Là ánh nắng xôn xao trên mặt nước, là làn khói mong manh lả lướt trong buổi chiều vàng, là tiếng lá khẽ bay trong làn gió nhẹ, là tiếng người lao xao trên bến sông xưa... Những giai điệu ấy gọi lên trong lòng nàng một nỗi chạnh lòng, day dứt, xót xa và hối tiếc muộn màng. Chỉ đến lúc ấy, nàng mới thấu hiểu tình yêu chân thành và sâu sắc của Trương Chi. Nhưng tất cả đã lùi vào dĩ vãng. Truyện xưa đã cho một cái kết có hậu: My Nương nhỏ lệ xuống trái

tim Trương Chi, để hồn chàng siêu thoát.

Câu chuyện được dẫn dắt một cách nhẹ nhàng, với không gian thơ mộng và lãng mạn nhưng phảng phất nét u buồn. Tình yêu của Trương Chi là một bi kịch xoay quanh định kiến xã hội: chàng yêu bằng cả trái tim, nhưng những rào cản về thân phận và vẻ bề ngoài đã khiến tình yêu ấy mãi mãi không được đáp lại. Trong nỗi đau tuyệt vọng, chàng nghệ sĩ bạc mệnh đã để lại một di sản tinh thần – viên ngọc tượng trưng cho tình yêu bất diệt, khiến người đời mãi khắc ghi và xót xa.

Điều này khẳng định rằng tình yêu chân thành, dù không được đáp lại, vẫn mang trong mình sức sống vĩnh cửu, vượt lên trên ranh giới giữa sự sống và cái chết. Tình yêu ấy không phụ thuộc vào sự thừa nhận, bởi tự thân nó đã chứa đựng giá trị thiêng liêng. Viên ngọc là sự kết tinh của nỗi đau, niềm hy vọng và khát vọng yêu thương, nhắc nhở rằng tình yêu đích thực không bao giờ mất đi, mà mãi mãi để lại dấu ấn trong dòng thời gian. Yêu đến thác mà tình vẫn chưa tan, Trương Chi đã trao đi tất cả tâm hồn mình, dù cạn sức, nhưng không một lời trách móc. Tâm hồn ấy chỉ lặng lẽ và u uất kết thành khối ngọc quý, dâng hiến cho đời. Khi hiện thực khắc nghiệt và những tư duy hẹp hòi khiến tình yêu không thể nảy nở trong thế giới thực, tình yêu ấy hóa thân thành một trạng thái khác, tồn tại trọn vẹn và đẹp đẽ hơn. Đây không chỉ là một hình ảnh đẹp trong huyền thoại, mà còn là biểu tượng cho giá trị bất diệt của tình yêu chân thành, nghệ thuật và ký ức.

Chuyện tình Trương Chi là sự tương phản sâu sắc giữa vẻ đẹp nội tâm và hình thức bên ngoài, phản ánh nỗi đau khi giá trị bên trong bị xem nhẹ. Đồng thời, câu chuyện còn gợi

lên một nỗi buồn man mác về tình yêu không trọn vẹn, để lại dư vị sâu sắc trong lòng người đọc.

Cả hai câu chuyện đều cho thấy tình yêu là một cảm xúc cao đẹp, vượt qua mọi ranh giới về không gian, thời gian, và cả sự sống lẫn cái chết. Tuy nhiên, tình yêu không thể tránh khỏi những bi kịch và thử thách, từ lòng tin, định kiến. Qua đó, cả Orpheus và Trương Chi trở thành biểu tượng của những tâm hồn yêu thương chân thành, nhưng cuối cùng vẫn không thể vượt qua nghịch cảnh. Tình yêu không chỉ là sự mãnh liệt của cảm xúc mà còn là sự thấu hiểu, lòng tin, kể cả chấp nhận sự mất mát.

Bóng Người **Hư Ảo**

Lê Tấn Tài



Dẫn Truyện

*H*uyền thoại về Narcissus là một trong những câu chuyện nổi tiếng nhất của thần thoại Hy Lạp, khắc họa sâu sắc hậu quả của cái tôi khi thiếu vắng sự quan tâm đến cảm xúc của người khác. Chàng trai si mê chính bóng hình mình, để rồi rơi vào cô đơn và tự hủy diệt – phải chăng đó là bi kịch xót xa nhất của người chỉ biết yêu chính mình? Nhà văn Oscar Wilde từng viết lại huyền thoại này như một lời cảnh tỉnh:

“Cái đẹp chỉ có ý nghĩa khi nó giúp Người – chứ không phải Ta – tỏa sáng.”

Cuộc đời vẫn có những người chẳng dám soi gương. Không phải vì khiêm nhường, mà vì sợ phải đối diện với một người xa lạ nhìn lại từ đáy nước. Cúi xuống, bóng hình hiện lên; ngẩng lên, hình bóng vẫn đọng trong mắt. Người đã đi, nhưng hoa bên bờ vẫn nghiêng mình tìm bóng. Nước không giữ chân ai, nhưng ai soi vào cũng đánh mất một phần mình.

Có người hỏi: “Đó là ai?”

Người xưa đáp: “Ảnh nhân hư ảo, do tâm sinh.” (Bóng người là hư ảo, từ tâm mà sinh.)

Và khi mùa thu đến, mặt hồ phủ đầy lá vàng. Bóng hình năm nào tan vào sóng nước, chỉ còn tiếng gió thì thầm một câu hỏi không lời: “Phải chăng yêu chính mình cũng là một cách để đánh mất mình?”

Mỗi người đều giữ một hình ảnh riêng — một hình ảnh phản chiếu mà họ mong muốn thế giới nhìn thấy. Nhưng đó chưa phải là chân ngã, càng không thể là ‘linh hồn’ đích thực theo cách hiểu xưa nay. Người ái kỷ mãi mãi là tù nhân của tấm gương do chính mình tạo ra – nhìn thấy tất cả, nhưng không bao giờ thực sự thấy được chính mình.

Người kể chuyện rừng thường nhắc đến một dòng suối ẩn mình trong thung lũng. Nước ở đó trong vắt đến nỗi không phân biệt được đâu là đáy, đâu là trời. Vào mùa xuân, những cánh hoa rừng rơi xuống mặt nước, chẳng trôi đi, như thể dòng suối muốn giữ lại chút đẹp để ấy cho riêng mình. Người ta đồn rằng nơi ấy từng có chàng trai chết vì si mê...

chính bóng hình mình.

Chàng tên là Narcissus. Mẹ chàng, Liriope, vốn là một tiên nữ từng bị thần sông Cephissus chiếm đoạt. Từ cuộc tình oan nghiệt ấy, bà sinh ra Narcissus — một đứa trẻ đẹp lạ lùng. Lo sợ cho số phận con, Liriope tìm đến nhà tiên tri mù Teiresias để hỏi về tương lai của chàng.

Trong làn sương mỏng buổi sớm, Liriope bế đứa con mới sinh đến hang đá nơi Teiresias ẩn cư. Tiếng nước nhỏ giọt tí tách vang lên giữa không gian tĩnh lặng, ánh sáng nhạt xuyên qua tán lá rừng như lời thì thầm của số mệnh. Bà quỳ xuống, đặt đứa trẻ lên tấm áo choàng cũ, giọng run run cất tiếng:

— Xin người hãy nói, liệu nó có sống đến tuổi trưởng thành?

Teiresias không đáp ngay. Ông nghiêng đầu, đặt bàn tay gầy guộc lên trán đứa bé, đôi mắt mù lòa như đang nhìn xuyên qua lớp thời gian dày đặc. Ông khẽ nói:

— Nó sẽ sống lâu... miễn là không bao giờ nhìn thấy khuôn mặt của chính mình.

Liriope rùng mình. Lời tiên tri khiến bà hoảng sợ — liệu con trai bà cũng sẽ yêu trong khổ đau như bà từng yêu năm nào? Từ ngày đó, bà khấn nguyện thần linh cho Narcissus lớn lên trong một thế giới không gương soi, không hình bóng, không lời khen chê. Chỉ có rừng già làm bạn, khe suối làm thầy. Và thời gian — kẻ duy nhất được chứng kiến vẻ đẹp thực sự của chàng.

Narcissus lớn lên trong sự ẩn dật giữa đại ngàn, xa lánh mọi mặt hồ, dòng suối, những tấm gương lấp lánh. Liriope kể cho chàng nghe bao chuyện về thế giới rộng lớn, nhưng luôn cẩn trọng giấu đi một điều: chàng không bao giờ được

biết rằng mình mang một dung mạo tuyệt mỹ đến nhường nào.

Chàng thiếu niên bước qua tuổi thanh xuân với vẻ đẹp kiêu sa đến mê hoặc, tựa đóa hoa chưa từng trải qua mưa gió. Những ánh mắt đổ dồn về phía chàng, như những cành liễu nghiêng mình soi bóng xuống dòng sông – thế nhưng dòng sông ấy vẫn lặng lẽ trôi, chẳng một lần ngoảnh lại. Chàng không yêu ai, không phải vì trái tim lạnh giá, mà bởi sâu trong tâm khảm, chàng chưa từng biết khuôn mặt mình ra sao. Những lời tán tụng chẳng đủ để vẽ nên một chân dung sống động. Chàng chỉ là tiếng vọng của người khác, là vẻ đẹp được nghe kể, chứ chưa bao giờ thực sự thấy mình trong chính tầm mắt mình. Và cũng vì thế, chàng vẫn còn nguyên vẹn sự vô tư trong trắng.

Nhưng cái đẹp, dầu có bị giấu kín, vẫn tỏa ra như hương hoa của một loài chưa từng có tên. Những cô gái rừng, những con nai, cả những vì sao buổi sớm... đều tìm đến bên chàng, nhưng chàng chỉ lặng im như mang trong mình một lời thề từ thuở xa xưa. Mỗi lần ai đó tỏ lòng, chàng đều cúi đầu từ chối – không phải bằng kiêu hãnh, mà bằng một nỗi buồn không tên.

Vẻ đẹp của Narcissus đã khiến nàng Echo thâm thương trộm nhớ. Nhưng mãi mãi Echo chỉ có thể yêu Narcissus trong lặng lẽ, bởi chàng luôn tỏ ra lạnh lùng lãnh đạm, chàng sẽ không bao giờ đáp lại tấm chân tình của nàng. Echo đau khổ, ẩn mình trong núi rừng, thân xác tan biến, chỉ còn tiếng vọng (echo) văng vẳng mãi.

Mùa hạ năm ấy, trời hạn hán kéo dài. Những con suối cạn dần, chỉ trừ một dòng duy nhất – dòng suối cuối rừng, nơi chưa từng ai dám bước tới. Người ta đồn rằng, đó là tấm

gương của thế giới bên kia. Ai soi vào, sẽ thấy điều mà cả đời mình trốn tránh.

Narcissus, vì cơn khát dày vò, cuối cùng đã tìm đến dòng suối.

Chàng cúi xuống định uống, nhưng nước quá trong, làm chàng ngẩn người. Dưới làn nước, một gương mặt hiện ra - không phải người lạ, mà là một chàng trai đẹp mê hồn. Đôi mắt ấy như biết đau, đôi môi ấy như từng cười. Ánh mắt ấy, nụ cười ấy, là ai? Là người yêu ta, hay chính là ta?

Trong khoảnh khắc ấy, ý thức về bản thân của Narcissus bừng tỉnh - không phải để sống, mà để rơi vào cơn say không lối thoát. Chàng lùi lại, rồi tiến tới. Gương mặt kia cũng làm y như vậy. Chàng thử mỉm cười, cau mày, nhắm mắt. Bóng hình dưới nước lặp lại từng cử chỉ, không sai một chút nào. Chàng hỏi vọng xuống nước: “Người là ai?” Chỉ có gợn sóng xao động trả lời.

Chàng yêu điên cuồng hình bóng ấy, khao khát nó đến tận cùng, nhưng mỗi lần chạm tay vào, làn nước lại xao động, tan biến khuôn mặt như giấc mộng vỡ tan. Thế là chàng ngồi bên bờ suối, mắt dán chặt vào ảo ảnh của chính mình.

Ngày hôm sau, người ta thấy chàng vẫn ngồi đó, mắt không rời mặt nước. Đêm xuống, chàng vẫn ngồi, như chờ đợi một cuộc hẹn không lời. Không ăn, không ngủ, không nói năng gì nữa. Chỉ nhìn. Nhìn mãi.

Khi mùa thu tới, chàng biến mất. Nơi chàng gục xuống mọc lên một đóa hoa trắng muốt với nhụy vàng, hương thơm dịu dàng, luôn nghiêng mình soi bóng nước. Gió thổi qua, hoa không rụng. Mưa đổ xuống, hoa không trôi. Cứ đứng đó, như vẫn lắng nghe câu hỏi năm nào: “Người là ai?” - mãi mãi không có lời đáp. Những nàng tiên trong rừng thấy hoa luôn cúi đầu ngắm bóng mình dưới nước, bèn gọi đó là hoa Thủy

Tiên (Narcissus).

Narcissus không chết vì yêu chính mình. Chàng chết vì không thể vượt qua được bản ngã của chính mình.

Hậu Truyện

Có người đọc chuyện Narcissus như một ngụ ngôn về cái tôi - rằng yêu chính mình quá mức sẽ dẫn đến ảo vọng, để rồi gục ngã trước một hình bóng vĩnh viễn không bao giờ đáp lại. Nhưng còn một cách hiểu khác: Narcissus không chết vì yêu bản thân, mà vì lần đầu nhìn thấy chính mình và không thể rời mắt khỏi điều ấy.

Chúng ta thường sống mà như chưa từng thực sự thấy mặt mình. Dưới lớp lớp vai trò, khát vọng, trách nhiệm và mong cầu - có một khuôn mặt thâm lặng vẫn đợi chờ ta cúi xuống để nhận ra. Nhưng nhìn thấy nó là một sự đánh đổi: ta không còn có thể trở về với sự an ổn của mê lầm xưa cũ, với dòng đời cuốn trôi vô định. Tự nhận thức, như lưỡi dao sắc ngọt, vừa mở ra cánh cửa giác ngộ, vừa cắt đứt những nhịp sống thường nhật.

Theo tinh thần hiện sinh, con người là hữu thể bị ném vào thế giới - phải tự tìm ra ý nghĩa cho sự tồn tại của mình. Nhưng trong cái nhìn Đạo học, sự tự tri ấy không nhất thiết dẫn đến bi kịch. Người thấu hiểu mình là ai sẽ không cần xác nhận điều đó qua tiếng nói người khác. Họ có thể soi vào dòng suối - không để yêu, cũng chẳng để chết - mà chỉ để thấy vạn vật đều là tấm gương phản chiếu. Khi ấy, cái tôi hòa tan vào dòng nước. Và đóa hoa kia không còn là nắm mồi, mà trở thành dấu tích: có kẻ đã từng vượt qua chính mình, để lại đóa hoa trắng tinh khôi lặng yên.

Trăng Soi Đá Mộng

Lê Tấn Tài



Mỗi chiều, bên bờ sông cũ, tiếng hát của Đông Linh lại ngân lên như tơ trời rơi xuống mặt nước. Chàng hát rong nghèo khó, nhưng giọng ca trong trẻo như suối nguồn. Những khúc nhạc không lời ấy chẳng dành riêng cho ai, chỉ là tiếng lòng gửi vào gió, như một cách náu giữ chút bình yên mong manh.

Bên kia sông, trong lầu son gác tía, Nguyệt Thủy – tiểu thư áo lụa mềm – một chiều tình cờ mở cửa sổ, nghe vẳng tiếng ca. Một giai điệu không lời chạm vào tim nàng, đánh thức mùa xuân đã ngủ quên tự thuở nào. Từ đó, nàng không còn tha thiết gì với gấm lụa, chỉ lặng lẽ ngồi bên khung cửa, mắt đắm đắm nhìn về phía bờ sông mờ sương, lòng mong một điều không dám gọi tên.

Đông Linh cũng không hề hay biết rằng, tiếng hát của mình đã trở thành sợi tơ buộc lấy trái tim người.

Họ gặp nhau trong một chiều thu, khi Nguyệt Thủy lên đưa thuyền sang bờ bên kia. Ánh mắt họ chạm nhau – và trái tim họ cũng thế. Nhưng tình yêu ấy như bọt nước giữa dòng: đẹp đẽ mà mong manh. Gia đình quyền quý ngăn cấm, Đông Linh lặng lẽ ra đi, mang theo cơn mưa mùa hạ và một trái tim tan vỡ.

Rồi một ngày, người ta tìm thấy chàng nằm bên gốc liễu già, đôi mắt khép lại như đang lắng nghe một khúc ca xa xăm. Trong ngực chàng lấp lánh một viên ngọc lạ – trong suốt mà mờ đục, như giọt sương sắp tan. Nguyệt Thủy cầm lấy viên ngọc, thấy bóng mình lay động trong đó, hòa cùng hình bóng mờ ảo của chàng trai năm nào.

Người ta nói, có những tình yêu sinh ra để không thành – như sương khói giữa trời. Nhưng cũng có những tiếng hát, một khi đã chạm đến trái tim người khác, thì không bao giờ tắt đi, dù chỉ còn là dư vang trong một viên ngọc lạnh.

Viên ngọc ấy – kỷ vật cuối cùng của một người đã hát bằng tim mình – Nguyệt Thủy cất giữ trong hộp gỗ trầm hương, đặt trên án thờ giữa phòng. Mỗi đêm, nàng lại soi vào, như tìm kiếm một giấc mộng đã mất. Có khi, nàng nghe vẳng tiếng hát từ ngọc – không thành lời, chỉ là âm vang

mỏng manh của một trái tim đã ngừng đập.

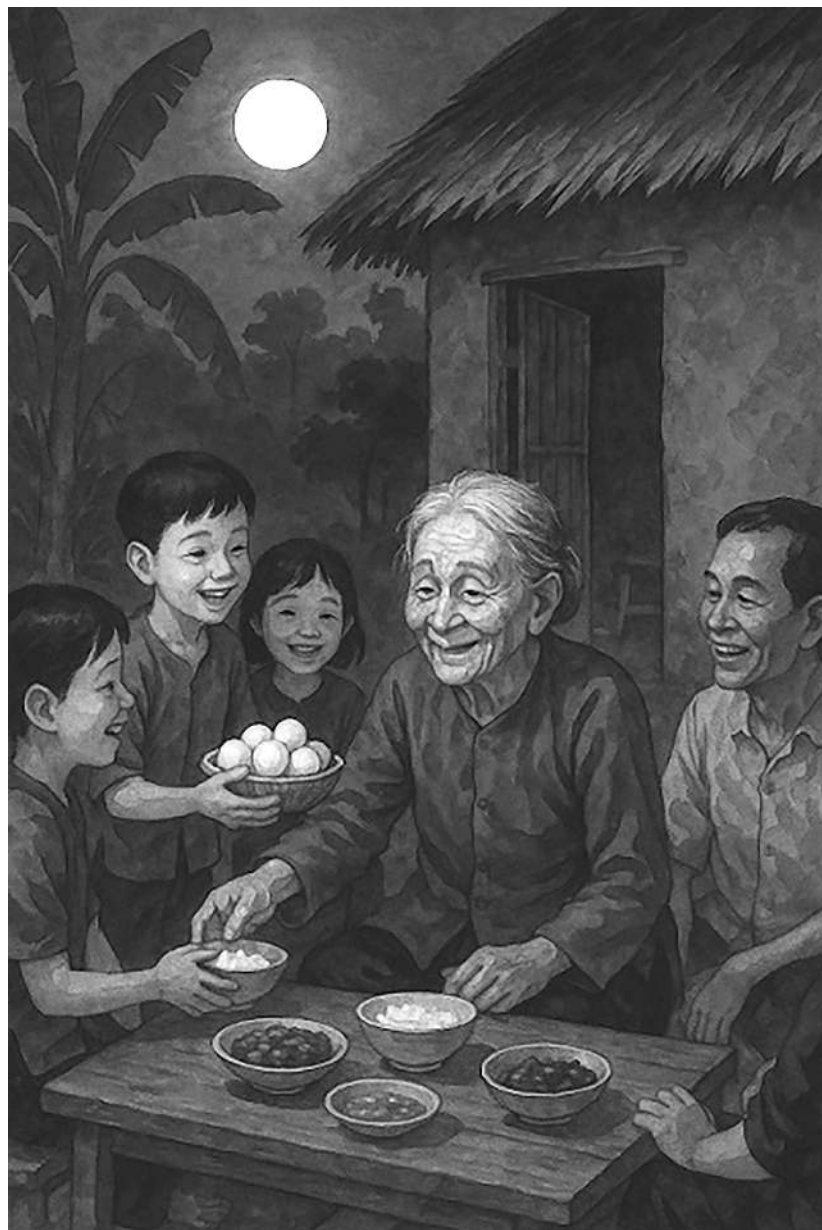
Thời gian trôi. Nguyệt Thủy từ bỏ cung son, sống lặng lẽ bên hồ sen. Người đời bảo nàng hóa điên vì tương tư, nhưng chỉ nàng biết: mình đang bước vào một thế giới khác – nơi sự sống và cái chết chỉ là hai bờ sông, nơi tiếng hát và im lặng cùng chung một nhịp thở.

Một đêm trăng rằm, nàng ngồi dưới gốc bồ đề già, bên hồ. Trong khoảnh khắc, viên ngọc rơi khỏi tay, chìm xuống nước mà không ai hay. Mặt hồ gợn sóng, rồi lặng đi như chưa từng lay động. Nguyệt Thủy nhìn theo, không một tiếng kêu. Khi mặt hồ phẳng lặng trở lại, nàng mỉm cười – lần đầu tiên sau bao năm.

Sáng hôm sau, người ta tìm thấy nàng nằm dưới gốc bồ đề, đôi mắt khép lại như đang ngủ, áo lụa trắng phủ đầy ánh trăng. Trên đồi cao – nơi an nghỉ của nàng – mỗi đêm trăng lại hiện hình một thiếu nữ ngồi bên mép hồ, tóc xõa dài, gương mặt mờ ảo như sương khói.

Còn nơi mộ Đông Linh, một khối đá kỳ lạ mọc lên, hình dáng như người ôm đàn, đầu cúi xuống. Ánh trăng chiếu vào, đá phát ra thứ ánh sáng dịu êm, như tiếng hát còn vương trong đá. Người đời gọi đó là “Đá Đông Linh” và “Trăng Nguyệt Thủy”. Họ bảo: chàng hóa đá để giữ tiếng ca cho đời, nàng hóa trăng để giữ lấy lặng im cho kẻ hát rong. Một người dưới đất, một người trên trời – chẳng thể chạm tay, nhưng mỗi đêm, đá vẫn ngẩng đầu nhìn trăng, trăng vẫn soi xuống đá bằng ánh sáng dịu dàng không lời.

Tình yêu ấy không cần hẹn thề, không cần chung một mái nhà. Nó đã trở thành vĩnh cửu – như tiếng hát và lặng im, như trăng và đá, như dòng sông muôn đời vẫn chảy, mang theo những câu chuyện không bao giờ cũ.



Bữa Tiệc **Cúng Rằm**

Lê Tấn Tài

Tôi về quê nội đúng ngày rằm tháng Giêng. Trời nắng chang chang, mấy cây chùm ruột trước ngõ trụi lá, gốc còn lưa thưa mấy vệt tro nhang từ hồi mừng Một. Dì Sáu, người coi nhà giùm, thấy tôi liền buông một câu vừa mừng vừa trách:

— Ủa, bữa nay cậu Hai nhớ đường về rồi hả?

Tôi gật đầu, cười gượng. Trong lòng chột dâng lên cảm giác lạ, như bước vào một bóng hình xưa cũ, nơi mọi thứ đã từng thân thuộc mà giờ đây sao ngỡ ngàng quá.

Trưa đó, tôi phụ dì bày mâm cúng. Nào cá lóc kho tộ, dưa giá, trứng vịt hầm nước dừa, chè đậu ván... Dì Sáu vừa xới cơm vừa nói:

— Rằm lớn mà, phải có nổi thịt kho mới đúng điệu chớ. Tết qua rồi nhưng mà cái vía đất đai ông bà còn quanh quẩn đây, mình phải giữ lòng cho ấm.

Chiều đến, cả xóm tụ lại nhà cúng rằm. Mâm cơm đủ món: canh chua cá linh, thịt kho trứng, dưa giá, bánh tét... Dì Sáu thấp nhang, vái trời vái đất, khấn lẩm rằm:

— Cầu cho trong ngoài yên ổn, mưa thuận gió hòa, đưa nào đi xa cũng mạnh giỏi bình an...

Giữa làn khói nhang mờ ảo, tôi chợt thấy bóng Mợ Tư Lự thấp thoáng ngoài góc vườn. Mợ ngồi co ro bên gốc măng cầu, dáng người bé nhỏ như cái bóng bị bỏ quên. Mợ từng là người giúp việc cho nhà tôi hồi xưa. Có thời, mợ hay bông tôi đi dạo, dạy tôi bắt cá lia thia, chẻ củi, xếp lá dừa. Mợ nghèo, góa chồng, không con, sống nhờ lòng thương của bà con lối xóm.

Mấy năm trước, người ta đồn mợ bị “xui”, hễ ai tới gần là gặp chuyện không may. Người thì sẩy thai, kẻ thì trúng gió, có người làm ăn lỗ lã. Thế là cả xóm xa lánh, không ai dám nhờ mợ quét lá hay nấu nướng nữa. Có lần mợ ngồi bán mấy bó rau muống trước cổng đình, người ta đi ngang hất đổ mà chẳng thèm nói tiếng xin lỗi.

— Mợ Tư kìa dì Sáu... Sao mợ ngồi ngoài đó vậy?

Dì Sáu né ánh mắt tôi, đáp khẽ:

— Kệ bà đi cậu... Ngày rằm mà, người mang xui xẻo đâu nên vô mâm cúng...

Tôi chết sững. Mâm cơm đầy ắp, tiếng cười nói rộn ràng, khói nhang ngào ngạt. Còn ngoài kia, một con người run rẩy giữa chiều, lặng lẽ như tàn nhang rơi.

Lúc đó, tôi thấy Mợ Tư Lự lom khom đứng ngoài hàng rào, tay ôm rổ rau muống, mắt nhìn vào rồi lại cúi xuống. Mợ đứng đó rất lâu, như chờ một tiếng gọi, nhưng chẳng ai gọi.

Tôi quay sang dì Sáu:

— Mợ Tư kìa dì. Sao mình không kêu mợ vô ăn chung?

Dì Sáu cắn môi:

— Ờ... cũng tính rủ, mà sợ bà con dị nghị. Người ta nói mợ xui lắm, hễ lại gần là mang họa.

Tôi cười buồn:

— Còn tui thì nhớ hồi nhỏ mợ hay bồng tui đi tắm sông, chè trái bần cho tui ăn chơi... Giờ mợ đứng ngoài như người đứng.

Nói rồi, tôi bước ra:

— Mợ Tư ơi, vô ăn cơm với tụi con đi mợ! Coi bộ mợ đói lắm rồi nè!

Mợ run run:

— Ờ... có được không con? Tao sợ... người ta không ưa...

Tôi nắm tay mợ kéo vào, nói lớn cho cả xóm nghe:

— Mợ Tư là người nhà của tui. Bữa cơm rằm mà không có mợ là tui ăn không ngon.

Cả bàn im lặng một chút. Rồi dì Sáu nhanh nhẩu:

— Mợ Tư ngồi đây đi, tui múc chén chè nóng cho mợ nè. Rằm tháng Giêng mà, ai cũng cần miếng ngọt để quên chuyện buồn.

Thằng Tí con chị Tám còn gấp cho mợ miếng trứng vịt kho, nói:

— Mợ ăn đi, trứng này ngon lắm!

Mợ Tư vừa ăn vừa khóc, nước mắt rơi xuống chén cơm chan nước cá. Bữa đó, lần đầu tiên sau bao năm, mợ được ngồi ăn chung với cả xóm mà không bị xua đuổi.

Từ đó, người ta dần quên chuyện “xui xẻo” ngày xưa. Mợ lại ra chợ bán rau, lũ trẻ con chạy theo đòi mợ kể chuyện ma. Có khi người ta nhờ mợ trông con, nấu giùm nồi cháo, nhổ tóc sâu...

Lần sau về quê, tôi ghé chùa đầu làng, thấy mợ đang xắt củ cải muối nấu cơm cho mấy đứa nhỏ mồ côi. Gió chiều thổi

bay tà áo nâu sồn, mợ quay lại, cười:

— Cậu Hai đó hả? Về ăn cơm không? Có nồi canh chua rau nhút mới nấu, ngon lắm nè!

Tôi chỉ biết gặt đầu, rồi ngồi xuống, lòng nhẹ như khói bếp chiều quê.

Bữa cúng rằm năm ấy, cả xóm không chỉ cúng trời đất. Họ đã học lại cách nhìn nhau bằng ánh mắt thương yêu, chứ không phải qua lời đồn đại mơ hồ.

Chuyến Xe Ôm

Lê Tấn Tài



*T*rời vừa sập tối, ánh nắng sót lại quệt nhẹ lên mấy nóc nhà cao tầng. Chú xe ôm quẹo vô con hẻm nhỏ, thấy ông già đứng kế bên chiếc xe đạp cà tàng, sợi xích đứt lủng lẳng. Ông không có vẻ gì gấp gáp, không bấm điện thoại, không réo gọi ai, cứ đứng đó tỉnh bơ như thời người ta còn quen ngoắc xe ngoài đường.

Ông mặc bộ đồ thun bạc màu, tay xách cái túi vải cũ mềm, mắt ngó xa xăm. Chú xe ôm tấp vô, cười cười bắt chuyện:

– Bác đi đâu dzậy?

– Chở tui qua Tân Định – Đa Kao nghen, lâu rồi chưa tạt ngang bên đó.

Chú xe ôm liếc nhìn ông kỹ hơn – người gì mà ốm nhom nhưng cặp mắt còn sáng rỡ, như đang kiểm lại một cái gì đó cũ kỹ, bỏ quên đâu đó trong khói bụi phố xá hiện nay.

Sài Gòn giờ khác dữ lắm. Quán xá lâu đời mất tiêu, đường xưa nhỏ xíu giờ mở rộng ra. Xe vừa chạy, ông già thùng thẳng kể:

– Hồi đó Sài Gòn tối xuống đâu có sáng choang như bây giờ. Đèn đường thì leo lét, bảng hiệu chẳng có cái nào loè loẹt. Gần đầu Cầu Kiệu, mé tay phải, có tiệm tạp hoá của thằng bạn già tui – giờ bày bán điện thoại. Phía bên trái, dưới chân Cầu Kiệu có hẻm bán chó, kèm theo một đội chuyên săn bắt chó.

– Rồi tới Xóm Chùa, đầu hẻm bên phải là cái chỗ mài dao kéo, tông-đơ đủ kiểu, kế bên là tiệm bánh cuốn Thanh Trì... giờ chắc chẳng còn ai nhớ, chiều nào cũng có bà già ngồi bán bánh cam. Ai cũng biết mặt, giờ mất tiêu. Nằm đối diện là Hăng Sáo Công Ty, rồi tới trường Việt Nam Học Đường...

Chạy ngang mấy khúc đường quen, ông già lâu lâu chỉ tay, giọng rề rề:

– Hồi đó chỗ này quán bún bò nổi tiếng lắm, khách đông muốn ngập thờ. Giờ ngó lại, trời đất ơi, thành ra tiệm iPhone bóng loáng.

– Còn con đường này hồi xưa nhỏ xíu, hai bên toàn nhà mái tôn với mấy cái nhà cấp bốn, giờ nhìn đâu cũng thấy chung cư.

Tới khúc Trần Quang Khải, ông bật cười:

– Khúc này nè, hồi xưa có tiệm hớt tóc nhỏ xíu, dân cả xóm vô đó vừa hớt vừa tán dóc, chuyện trên trời dưới đất. Rồi tới rạp Văn Hoa – một thời “sang chảnh” khỏi chê, có máy lạnh à ghen, màn ảnh bự tổ bố mà vé rẻ rẻ. Phim hay là xếp hàng dài từ trong ra tới xóm Vạn Chài luôn. Giờ rạp đâu còn, mất tiêu rồi. Kế bên có quán cà phê Văn Hoa, tui hay ghé tụ lại, kêu mỗi người ly đá chanh, ngồi cười nói tới quên trời quên đất...

Xe dừng đèn đỏ. Ông già thấy một quán nước cũ kỹ nép bên mấy cửa tiệm hiện đại, mắt bỗng sáng lên:

– Chú ơi, tắt vô cái quán đó giùm tui ghen. Tui muốn coi cái ly đá chanh bây giờ có còn giống hồi trước hông...

Hai người ghé lại. Ông già ngồi xuống, cười móm mém:

– Hồi đó tui hay ngồi đây với bà... Bà mất lâu rồi... mà cái quán vẫn còn, y chang như hồi đó...

Ông kêu một ly đá chanh. Bưng ly nước lên, ông nhấp một ngụm, rồi im lặng mấy giây. Cái vị xưa như ùa về, mằn mặn, giòn ngọt.

– Ủa... Giữa bao nhiêu đổi thay, còn giữ được chút gì đó cũ kỹ cũng đủ ấm lòng rồi.

Lên xe chạy tiếp, ông già nói nhỏ, như nói với chính mình:

– Mọi thứ đổi khác, mà hình như... mình vẫn tìm lại được cái mình cần. Không phải cái gì mất đi cũng là mất hết.

Chú xe ôm lúc đó mới ngộ ra: Sài Gòn có khác đi, có hiện đại cỡ nào, thì ký ức vẫn còn nguyên trong lòng người ta. Chỉ cần một góc phố cũ, một ly nước chanh, cũng đủ kéo nguyên một trời kỷ niệm trở lại...

Ông già quay sang hỏi:

– Chú thấy Sài Gòn giờ lạ lắm phải hông?

Chú xe ôm cười cười, gãi đầu:

– Lạ thì có lạ... nhưng mà lạ kiểu như đứa nhỏ lớn lên á bác. Nó thay đổi, nhưng mình nhìn kỹ vẫn nhận ra nó.

Tối nơi, ông già đứng trước con hẻm nhỏ – cái hẻm gắn với cả tuổi thơ của ông ta. Gió lùa nhẹ, mang theo chút hơi Sài Gòn cũ mèm.

– Cảm ơn chú nghe. Chuyến xe này hổng phải chỉ đưa tui về chỗ cũ đâu... mà còn nhắc tui nhớ: có mấy thứ tưởng mất rồi, thiệt ra vẫn còn đó. Quan trọng là mình có chịu nhìn kỹ lại không thôi.

Chú xe ôm gật đầu. Nhìn theo bóng ông già khuất dần trong con hẻm nhỏ, chú nổ máy, lẩn vô dòng người đông nghẹt – ai nấy đều mang theo trong tim một Sài Gòn của riêng mình. Không ai giống ai. Nhưng ai cũng thương.

Tiếng Rao Trên Phố Ngủ Quên

Lê Tấn Tài



Sài Gòn, ba giờ sáng.

*T*rời chưa kịp sáng hẳn, cũng chưa đủ tối để gọi là đêm khuya. Những bóng đèn vàng nhạt treo lủng lẳng dưới mái chợ cũ tựa vầng trăng mờ, lặng lẽ soi vào những mảnh đời âm thầm dưới lớp bụi thời gian.

Hẻm số Bảy cắt ngang đường Trần Văn Khê vẫn còn vương mùi mỡ chiên và khói than từ những gánh hàng đêm. Ở đó, bà Tư bán cháo trắng hột vịt muối, ông Ba hủ tiếu gõ, và chị Hạnh với giọng rao khàn đều đều:

— Bánh mì nóng đây... ai ăn bánh mì hông...

Tiếng rao vọng qua từng khe tường, chạm vào những căn gác gỗ cũ kỹ, rồi chìm dần vào giấc ngủ chập chờn của phố thị. Có người mơ hồ nghe thấy, trở mình, rồi lại thiếp đi, để tiếng rao ấy hóa thành nhịp thở của thành phố — nơi có kẻ thức, kẻ mơ, và kẻ chờ sáng.

Chị Hạnh ngoài ba mươi, dáng người nhỏ nhắn, gương mặt sạm màu nắng gió. Chiếc xe gỗ cũ kỹ lăn bánh trên mặt đường, tiếng kéo kẹt như lời than cùng cuộc mưu sinh. Mười năm ròng, chị gắn bó với góc hẻm này. Chồng bỏ đi, con gái gửi về quê, chị ở lại với chiếc xe bánh mì và một ước mơ chưa bao giờ thành hình. Đêm nào cũng vậy, chị bán đến khi trời hừng sáng mới dám ngồi xuống ghế nhựa, nhấm nháp ly cà phê đá nguội ở quán chú Bảy.

Quán chú Bảy không bằng hiệu, chỉ có chiếc bàn gỗ lỏng chỏng, vài ghế nhựa, và chiếc radio lúc kêu, lúc im bật. Mỗi ly cà phê là một khoảng lặng. Khách của chú toàn những phận đời đêm — anh xe ôm, cô bán vé số, người nhặt ve chai, gã nhạc công thất thế...

— Đêm nay trời oi, chắc mưa sắp đến... — chú lẩm bẩm, rót thêm cà phê vào ly chị Hạnh.

Chị cười mệt mỏi, ánh mắt dờ dẫm hướng về phía chợ. Trong làn khói thuốc của chú Bảy, khu chợ cũ hiện lên như bức tranh phai màu. Những sạp hàng phủ bạt, gánh rau co ro trong gió, và bóng người đàn ông co mình dưới mái hiên — bác Tám, làm ruộng ở Cà Mau, giờ kiếm sống bằng nghề

lượm chai. Đêm đêm, bác viết thơ lên miếng bìa cứng:

“Sài Gòn ngủ dưới tiếng rao / Ai mưu sinh giữa chiêm bao
loài người?”

Có hôm chị Hạnh dúm vào tay bác ổ bánh mì. Bác không ăn, mà gói lại cẩn thận, đợi đứa bé bán kẹo đi qua. “Người lớn nhận được, con nít đói thì khổ,” bác nói.

Tiếng rao của chị rồi cũng tan vào ánh sáng nhợt nhạt cuối đêm. Khu chợ sẽ thức dậy trong tiếng sạp hàng kéo lê, tiếng cười giòn tan, tiếng còi xe chen chúc. Nhưng khi đêm về, tất cả lại trở về vị trí cũ: quán cà phê không tên, người đàn bà bán bánh mì, bác Tám với bài thơ dang dở, và tiếng rao mỏng manh như lời nguyện cầu giữa thành phố thao thức.

Sài Gòn, có những giấc mơ chẳng bao giờ chạm đến giường. Chúng lang thang trong đêm, nuôi mình bằng tiếng rao đói no.

Trời sáng dần, mây mỏng lãng đãng trôi qua mái chợ.

Chị Hạnh thu dọn xe, tay áo chùi vội giọt mồ hôi, mắt nhìn xa xăm về cuối hẻm — không phải chờ khách, cũng chẳng đợi bình minh. Có lẽ chị đang tìm lại giấc mơ nào đó, bị bỏ quên giữa phố phường.

— Mai chị còn bán không? — cô bé bán vé số líu ríu hỏi.

Chị khựng lại, rồi gật đầu:

— Ừ, còn. Nhớ ghé sớm, chị dành ổ ngon cho.

Cô bé cười, biến mất sau góc phố như nét vẽ mờ trên nền trời rạng sáng. Ở quán cóc, chú Bảy vặn to radio. Bản tin sáng sớm lẫn với tiếng chim sẻ líu ríu trên dây điện.

Một cơn gió thoảng qua, mùi cà phê rang quện với mùi bánh mì nguội lạnh, cùng tiếng rao cuối cùng vang lên như

nốt trầm khép lại bản nhạc đêm:

— Bánh mì nóng đây... ai ăn bánh mì hông...

Xa xa, tiếng guốc ai khê lóc cóc rồi tan dần giữa ngã tư đầy bụi sáng..

Ở một góc đường khác, ai đó cũng vừa thức dậy, cũng đang chuẩn bị một tiếng rao mới — cho đêm sau, cho một ngày chưa biết sẽ ra sao.

Và Sài Gòn lại bắt đầu — từ những mảnh đời như thế.

Hương Vị Nhà Quê

Lê Tấn Tài



Chiều cuối năm, gió từ sông thổi về mang theo mùi thơm khô và khói bếp. Ông Ba Lợi ngồi trước hiên nhà, tay run run cầm chén trà nóng. Bên cạnh ông là Tú – đứa cháu nội mới về từ Sài Gòn.

“Ông nội, sao nhà mình nghèo vậy mà Tết nào ông cũng cố nấu canh chua cá bông lau?”

Ông Ba cười móm mém:

“Vì đó là nồi canh đầu tiên đời nội được ăn trong dịp Tết năm nội lên mười.”

Hồi ấy, nhà ông nghèo rớt mồng tơi. Mẹ ông bán mặt cho đất bán lưng cho trời, cha thì theo ghe đi đánh cá xa. Tết năm đó, bà mua được khúc cá bông lau tươi roi rói ở chợ huyện, nấu thành nồi canh chua với me, bạc hà, cà chua, thơm, bông súng và lá ngò om. Cái vị chua thanh của me, ngọt dịu của cá, thơm ngát của rau hòa quyện trong khói bếp rơm ấy theo ông suốt mấy chục năm trời. Nó không chỉ là món ăn, mà là hình ảnh má còng lưng bên bếp lửa, là tiếng cười giòn tan của chị Hai, là cái tết tay yêu thương khi ông lén húp canh trước bữa cơm.

Năm mười lăm tuổi, ông theo ba đi đốt đồng, lần đầu được nếm món cá lóc nướng trui. Chẳng có gì ngoài con cá vừa bắt dưới mương, làm sạch rồi xiên que tre, vùi vào đồng rơm khô đang cháy. Mùi cá cháy khét khét, da bong ra, thịt trắng phau chảy mỡ. Ăn kèm muối ớt, rau rừng và chút nước mắm, ngon đến khó tả. “Khói rơm và mùi cá nướng trui là cả một miền quê thu nhỏ.”

Đến ngày cưới, mẹ vợ ông làm mâm bánh xèo to như cái nia. Lớp vỏ ngoài giòn rụm, nhân đầy ắp tôm đất, giá hẹ và thịt ba chỉ thái mỏng. Ông vẫn nhớ như in lần đầu lóng ngóng gói bánh bằng lá cải bẹ xanh, tay run làm rơi cả miếng, cả nhà vợ cười nghiêng ngả.

“Rót bánh thì được, đừng để rót vợ nghe con!”

Từ đó, mỗi khi ăn bánh xèo, ông lại nhớ về buổi ra mắt bố vợ năm nào, nhớ vị nước mắm chua ngọt, nhớ ánh mắt người vợ giờ đã thành di ảnh trên bàn thờ.

Tết nào ông cũng tự tay gói bánh tét, dù đôi tay run rẩy vẫn cầm cùi thức đêm canh lửa. Cháu nội thắc mắc sao không mua ngoài chợ cho tiện, ông chỉ khẽ cười:

“Bánh tét là cái cơ để cả nhà quây quần, kể chuyện đời xưa. Không phải để ăn cho no, mà để nhớ cho đầy.”

Ngày hôm kia, ông dắt cháu Tú đi chợ quê, chỉ cho nó từng món: dưa món trắng muối, củ kiệu ngâm chua ngọt, thịt kho trứng ừng vàng trong nước dừa – những thứ bọn trẻ bây giờ chỉ thấy qua màn hình. Ông kể từng câu chuyện nhỏ: bữa cơm chiều năm xưa phải ăn củ kiệu trộn đường vì nhà hết đồ mặn, hay lần đầu được cắn miếng thịt kho béo ngậy do má nấu bằng nước dừa xiêm – trái dừa chính tay ông treo hái.

Chiều nay, Tú bưng lên đĩa bánh ít trần mà nói học làm theo lời ông dạy. Bột nếp dẻo thơm, nhân đậu xanh ngọt dịu, thơm mùi lá chuối.

“Con thấy ngon, mà sao ông lại rơm rớm nước mắt?”

Ông không đáp. Ông nhìn đĩa bánh, nghe trong gió chiều vắng tiếng cười đùa của một thời xa lắc. Mỗi món ăn là một nốt nhạc ký ức, là hương vị chất ra từ yêu thương, khốn khó và hạnh phúc lẫn lộn. Cả miền quê nghèo ông gắn bó mấy chục năm – giờ thu gọn trong mùi thơm bình dị ấy.

“Mai mốt ông có mất đi, con đừng để lạc mất mùi quê, ghen Tú.”

Tú gật đầu, chậm rãi nhai thêm miếng bánh, như nuốt vào lòng một phần ông nội – vị ngọt bùi của miền Nam, vị ký ức, và vị tình thân vẫn còn mãi.

Rồi ông kể về đêm đầu lên Sài Gòn, những ngày đói mòn đói mỏi với tô hủ tiếu gõ.

“Hủ tiếu gõ...” – ông nhắm mắt lại – “là món ăn của những đêm mưa sinh thấm đẫm mồ hôi.”

Năm mươi tám tuổi, ông lên phố, ở trọ căn gác xép tôn nóng như thiêu. Ban ngày làm phụ hồ, tối về bụng đói cồn cào. Hủ tiếu gõ khi ấy rẻ như bèo – nước lèo ngọt từ xương heo, sợi bánh dai mềm, điểm vài miếng thịt, tóp mỡ giòn, rau hẹ xanh mượt, chan nước mắm ớt tỏi cay xè. Cái âm thanh “cốc, cốc” của người bán gõ nhịp trên thành xe như tiếng gọi cứu đói trong đêm. Ông nói:

“Nghe tiếng gõ là nhớ lại cái thời khốn khó nhưng dầu có chết cũng chẳng bao giờ bỏ xứ.”

Rồi đến mùi mắm kho, cháo lòng, chuối nếp nướng, chè bà ba...

Mỗi món là một người: mắm kho là má, cháo lòng là nội, chuối nếp là bà Sáu hàng xóm, chè bà ba là vợ. Mỗi hương vị là một thời: cá linh mùa nước nổi là tuổi thơ, cháo lòng đậm nước mắm là ngày tang, chuối nếp thơm lừng là lễ hội, chè ngọt bùi là giỗ kỵ.

Mùa nước nổi, cá linh, cá sặc lội đầy đồng. Má ông chọn từng con tươi nhất, ủ mắm trong lu sành. Đến khi mắm chín, bà đem kho với thịt ba rọi cắt vuông, tép đồng còn nhảy tanh tách, cà tím bung mềm. Múc ra tô lớn, ăn kèm rau đồng: bông súng giòn, rau đắng mát, bắp chuối trắng ngần. Cả xóm quây quần bên nồi mắm kho, chan nước mắm thơm vào bát cơm nguội cũng thành bữa no nê.

“Mắm kho là để ăn chung, hổng ai ăn một mình. Nó dạy mình sống có xóm giềng.”

Rồi nồi cháo lòng - món ăn gắn với ngày tiễn biệt bà nội. Ba ngày tang lễ, người lớn bận lo hương khói, ông - mới mười

hai tuổi - được giao đi mua cháo về cúng. Tô cháo trắng ngần điểm huyết đỏ tươi, lòng non mềm, gan bù, thêm ít rau húng quế, ngò gai, chan nước mắm gừng.

“Ăn mà nước mắt rơi không phải vì cay, mà vì nhớ mùi trâu bà nội nhai.” - Ông kể, bàn tay nhăn nheo khế vuốt mép như còn nghe hơi ấm từ bát cháo năm xưa.

Chuối nếp nướng là món ăn vặt của bà Sáu đầu đình. Mỗi lần lễ hội, bà gói chuối xiêm chín trong lớp nếp dẻo trắng phau, bọc lá chuối xanh, rồi nướng trên than hồng. Nướng vàng rộm. Mùi thơm lan khắp sân đình.

Thuở nhỏ, ông mê món đó đến nỗi đi bắt ốc đổi lấy từng nắm nếp.

Năm hai mươi tuổi trở về, quán xưa còn đó nhưng chỉ thấy cô con gái bà Sáu đứng bán. Ông cầm miếng chuối nếp vàng ruộm, cắn một miếng - vị ngọt thơm vẫn y nguyên như thuở biết yêu quê mình qua một món ăn bình dị.

Cuối cùng là chè bà ba - thứ chè của những buổi cúng giỗ.

Khoai môn tím bở, khoai lang vàng ngọt, bột báng trắng trong, tất cả chìm trong nước cốt dừa béo ngậy. Mỗi lần múc chè, ông lại thấy hình ảnh má mình khăn vải trước bàn thờ, giọt nước mắt lăn dài theo muống chè nóng hổi.

“Ăn một miếng chè, nhớ một đời người.”

Tí nghe mà mắt cứ tròn xoe. Nó tưởng quê chỉ có ruộng đồng mênh mông với mấy con trâu lững thững, nào ngờ còn ẩn chứa cả một kho tàng ký ức - mỗi món ăn là một trang sử sống động. Từ ngọn rau muống chấm mắm đến miếng cá lóc nướng trui, từ sợi bún trắng ngần đến chén chè bà ba ngọt lịm... tất cả đều thấm đẫm hồn quê, gói ghém cả một thời lam lũ mà chan chứa tình người.

“Vậy mai này lớn lên, cháu có chịu về quê không?” - ông hỏi khẽ, giọng như chùng xuống. Tú không ngần ngại:

“Dạ vâng! Con sẽ về để cùng ông nướng cá trui dưới bóng dừa, học cách gói bánh tét sao cho thật chặt tay... Và nhất là để kể lại cho con cháu mình nghe về những câu chuyện này.”

Ông Ba nhìn đứa cháu nội, nụ cười móm mém nở trên gương mặt nhăn nheo. Trong ánh nắng chiều chênh chếch, ông chợt thấy hiện về hình ảnh má già lưng còng bèn bếp lửa, tiếng rao hủ tiếu gõ vắng vắng đêm khuya, mùi mắm kho thơm lừng giữa mùa nước nổi - tất cả vẫn sống động như thuở nào, in sâu trong tim và trên đầu lưỡi.

Ghe Cưới Mắc Cạn

Lê Tấn Tài



Ở Cồn Lá Dừa, hễ nghe tin có đám cưới là cả xóm rần rần như hội. Mà đám cưới thằng Tâm, con trai bác Tư Cò - tay chèo nổi tiếng, bắt nước mát tay - thì càng náo nhiệt hơn. Bà con xì xào: “Nó cưới con Hai Mến bên rạch Ba Chắt, xa tới hai tiếng rưỡi chèo ghe. Thương nhau từ thuở còn cắp sách tới trường mà mãi tới giờ mới nên nghĩa vợ chồng. Hai họ cũng quen biết nhau rồi.” Ờ, mà thương nhau chưa đủ đâu, phải vượt qua cái khoảng

cách giàu nghèo nữa. Nhà con Mến làm nghề muối cá, còn nhà thằng Tâm chạy ghe mướn. Nghe đâu hồi đầu cũng có chút trắc trở. Nhưng rồi... trời xuôi đất khiến, tới tuổi phải dựng vợ gả chồng thôi. Dân xóm nói vui: “Rước dâu đường sông là vậy đó, khó hơn đi bộ. Nhưng có tình thật lòng thì trăm khúc sông cũng không ngăn nổi cái duyên trời se.”

Ở xứ này, đám cưới đâu phải chuyện riêng của hai họ, mà là ngày hội chung của cả xóm, cả ấp. Từ hôm dựng rạp, nấu nướng tới lúc dọn dẹp, bà con ai nấy đều xắn tay vô phụ, coi như việc nhà mình vậy.

Mấy ông, mấy chú lo dựng rạp, căng bạt, kê bàn ghế. Còn mấy má, mấy dì tùm tùm trong gian bếp lớn phía sau, thức từ sáng sớm tinh mơ để nấu nướng. Người xắt rau, người làm cá, người nêm nếm – ồn ào, rôm rả như chợ vỡ.

Tụi nhỏ thì chạy lăng xăng, khiêng ly, lau bàn. Đám thanh niên thì đứng đón khách, dắt xe. Chẳng cần ai phân công, việc nào cũng xuôi chèo mát mái, bởi cái tình làng nghĩa xóm đã ngấm vô máu thịt dân miền Tây từ đời nào không biết.

Ngày cưới không chỉ là ngày vui của đôi trẻ, mà còn là dịp để bà con gặp nhau, trà nước chuyện trò. Biết bao mối tình khác cũng nảy nở từ mấy cái đám cưới đậm chất quê này.

Xong tiệc, người dọn bàn, người xách nước, người gom chén đĩa đi rửa, chẳng ai than thở gì. Mấy ông lớn tuổi ngồi nhâm nhi trà, chép miệng: “Tình làng nghĩa xóm bây giờ còn được vậy là quý lắm rồi, bà con ơi!”

Ngộ cái là thằng Tâm chẳng thèm cưới kiểu xe hoa, mà bằng ghe! Ồ, đám rước dâu bằng ghe! Y như trong tuồng cải lương ngày xưa vậy đó. Sáng sớm hôm rước dâu, tiếng chèo khua nước bì bõm vang khắp khúc sông. Trời còn chưa

rạng, bác Tư Cò đã lụi bại sai mấy đứa cháu rửa ghe, trải chiếu hoa, dựng dù đỏ. Đám thanh niên trong xóm thì hò hực khuôn đàn loa kéo kéo, rước luôn thầy đồn ca tài tử – chú Sáu Đồn, tay chân run run nhưng giọng vọng cổ vẫn ngọt lịm như mía lùi.

Ghe chính do bác Tư Cò cầm lái, sau lưng là cả đoàn ghe nhỏ chở bạn bè, bà con xóm giềng. Ai nấy diện đồ đẹp, có bà còn đội nón lá gắn hoa giấy đỏ chói. Cô Tư Hường – bên xóm Chài – ôm nguyên cái loa kéo kéo, vừa hát vừa khóc. Khóc vì nhớ hồi thằng Tâm còn nhỏ, hay trốn ngủ trưa để mò qua nhà cô hái trộm khế, giờ đã lớn khôn, nay đã có vợ...

Bác Tư Cò – cha thằng Tâm – tay chèo điệu nghệ cầm chèo ghe chính.. Còn chú Sáu Đồn thì ngồi chễm chệ trên mũi ghe, ôm cây đàn kìm, hể nghe tiếng khóc là gảy liền bản “Lý Bốn Mùa” cho thêm phần tình tứ.

Phía sau, chú Ba Dải hăng hái chỉ huy đội ghe hoa. Ghe ra giữa dòng, trời trong xanh, cò trắng bay thành đàn, ai nấy cười nói rôm rả. Mùi nước sông lẫn với hương hoa dại, tiếng đồn ca hòa cùng sóng vỗ, khiến cả khúc sông như sống dậy – ngày thằng Tâm rước được con Hai Mến về làm dâu xóm Cồn.

Nhưng rồi chuyện không may xảy ra.

Bữa đó nước ròng sớm. Khi đoàn ghe còn cách nhà gái một khúc sông, bỗng “ục ục”... mắc cạn ngay giữa vàm Kênh Dứa!

Trời đất quý thần ơi! Nguyên đoàn ghe nằm ụ như cá nục phơi lưới. Nước rút để lộ bãi bùn nhão nhoẹt, cỏ năng mọc tua tủa như tóc rối. Ghe lớn nhỏ đều mắc cạn, chẳng nhúc nhích được tí nào.

Chú Ba Dái - người nhỏ con mà giọng sang sảng, la lên:

“Thôi chết cha rồi! Ghe mắc cạn! Coi chừng mất mặt với bên sui gia!”

Bác Tư Cò buông chèo, phóng xuống bùn, miệng cảm rằm:

“Cái con nước khốn khiếp này, năm nào cũng vậy, mà sao hôm nay nó hành mình dữ vậy không biết!”

Cả đám nhốn nháo:

“Nước rút lẹ quá! Ghe chở quà cưới cũng dính luôn rồi!” - chú Ba Dái nhảy ùm xuống bùn.

“Trời đất! Ông Tư không coi con nước hay sao?” - bà cô già ngồi mép ghe thét lên.

“Tui có coi mà! Ai dè hôm nay nó rút sớm hơn mọi khi!” - bác Tư Cò quăng chèo, lội bì bõm.

Sáu Đồn ngồi trên ghe, nhìn xuống mà tim muốn rớt ra ngoài. Đám thanh niên ào xuống phụ đẩy ghe. Quần áo xốc xếch, chân tay lấm lem bùn đất, nhưng chẳng ai kêu ca.

Trên ghe, thằng Tèo - bạn thân chú rể - chột khuỷu tay thằng Dũng, thì thào:

“Ê mày, con Tuyết có đi không vậy?”

Dũng liếc sang ghe bên, thấy cô gái ngồi im lìm giữa đám đông ồn ào. Đó là Tuyết - người yêu cũ của Tâm, chia tay ba năm trước vì “môn đăng hộ đối” không xứng.

Lạ thay, khi ghe mắc cạn, chính Tuyết là người đầu tiên nhảy xuống bùn. Cô lặn lẹ đẩy ghe, không một lời than vãn, như thể đang chôn chặt quá khứ dưới lớp bùn non.

“Tụi bây đừng lo! Để tao về kêu thêm ghe nhỏ ra phụ!” - thằng Tèo hét lên rồi lội ngược về xóm.

Tin ghe rước dâu bị mắc cạn lan về xóm. Chưa đầy nửa giờ, cả chục ghe nhỏ của bà con ùa ra tiếp viện. Có ghe chở chiếu, có ghe mang áo quần thay vì đồ cưới đã lấm lem bùn đất. Cô Ba Bảnh - gánh nước mướn - nói như đinh đóng cột:

“Đám cưới mà không mắc cạn, không trục trặc, thì đêch phải đám cưới miền Tây rồi!”

Nhờ sức người, sức làng, đoàn ghe dần thoát khỏi bãi bùn. Khi vào tới bến nhà gái, ai nấy ướt mem, lấm lem nhưng mặt mày hớn hờ. Bà Bảy Lựu - đã ngoài bảy mươi - vẫn hăng hái chèo ghe, miệng hò vang:

“Ai ơi đừng để duyên chìm dưới nước,

Chị em ta gầy dựng mối tơ duyên...”

Cả khúc sông như reo vui cùng đám cưới. Cái ngày thẳng Tầm rước được con Hai Mến về, trở thành kỷ niệm khó quên nhất vùng - đám cưới mắc cạn giữa dòng!

Cuối cùng, đoàn ghe cưới cũng tấp được vào bến nhà gái. Dù trễ gần cả tiếng đồng hồ, ai nấy mặt mày hớn hờ, lưng quần áo dính đầy bùn đất, nhưng cả họ nhà gái chẳng những không phiền mà còn xúc động nghẹn ngào.

Lễ rước dâu diễn ra trong niềm vui rộn rã. Chú rể Tầm vừa đỡ cô dâu xuống ghe, vừa lí nhí: “Xin lỗi em ghen... ai dè rước em mà suýt chìm ghe luôn!”

Hai Mến cười tươi, nhìn đám bùn dính đầy gấu áo dài:

“Chùng nào anh còn dám lội bùn vì em, thì em còn theo anh tới cùng...”

Cô dâu nước mắt lưng tròng, siết chặt tay chú rể:

“Em hổng ngờ rước em mà cả xóm anh phải lội bùn tới đây...”

Phía sau, Tuyết lặng lẽ quay đi, bước xuống ghe. Chân vừa chạm mạn, cô suýt trượt té thì có bàn tay ai đỡ đỡ lấy. Là thằng Dũng - mặt mày lấm lem bùn đất nhưng nụ cười bên lên:

“Coi chừng trượt nữa là té vô đời tui luôn đó nghen!”

Đêm đó, tiệc cưới dưới rạp bên sông rộn ràng tiếng cười. Ánh đèn màu phản chiếu lung linh trên mặt nước. Người ta ăn uống, hát ca, kể lại chuyện “ghe cưới mắc cạn” như một huyền thoại mới của làng.

Chú Sáu Đồn - tay ca cải lương dạo - chót đêm tiệc bằng câu vọng cổ đầy tình nghĩa:

“Ghe mắc cạn giữa dòng đầu bằng duyên mắc nợ

Nhờ nghĩa xóm tình quê, đẩy hoài cũng tới bến trăm năm...”

Rồi ngân nga kết thúc:

“Chớ lo ghe mắc cạn giữa dòng

Khi tình người còn sâu hơn sông lớn...”

Dưới ánh đèn dầu và tiếng loa kẻo kéo rộn ràng, cả xóm cùng nâng ly chúc phúc. Câu chuyện đám cưới “đẩy bằng tay” ấy trở thành giai thoại - một đám cưới không cần máy móc, không cần ca-nô, chỉ cần nghĩa xóm tình làng và... một ít bùn để thử thách lòng người.

Vài năm sau, chú Sáu Đồn có dịp ghé lại Cồn Lá Dừa. Nhà bác Tư Cò giờ khang trang lắm, nền gạch, mái ngói đỏ chói, bếp núc xây kiên cố. Còn nhà thằng Tâm - con Hai Mến thì khấm khá hẳn, có đứa con trai bụ bẫm tên cu Bin, trắng trẻo như bánh ít, cứ đòi ôm cây đòn của chú không chịu buông ra.

Tâm rót trà mời chú, cười hề hề:

“Nhờ cái bữa ghe mắc cạn năm ấy mà tui cưới được vợ đáng hoàng. Giờ sống tử tế, con cái đề huề.”

Nghe nó nói mà lòng chú ấm hơn cả ly trà nóng.

Con Tuyết - người xưa của Tâm - giờ cùng thằng Dũng, bạn thân Tâm, mở quán cà phê bên rạch Ba Chắt, đặt tên là “Quán Bến Ghe”. Trong quán treo đầy hình cũ, có cả tấm chú Sáu ngồi đờn hồi tóc còn đen nhánh.

Tuyết đưa chú ly cà phê, hỏi khẽ:

“Chú Sáu còn nhớ đám cưới mắc cạ không?”

Chú gật đầu:

“Nhớ chớ. Nhớ như nhớ một khúc vọng cổ, dù đứt dây rồi mà lòng vẫn ngân theo.”

Tuyết cười mà đôi mắt xa xăm. Trong bếp, thằng Dũng đang lật vỉ bánh xèo, miệng huýt sáo điệu Nam Xuân. Chú Sáu trầm nghĩ: “Ồ, người ta không lấy được người mình thương, nhưng thương được người mình lấy, thì cũng là phước rồi.”

Về đến nhà, Sáu Đờn lấy cây đờn cũ xuống, gảy vài khúc. Dây đứt nhưng vẫn cứ đờn. Như cái đám cưới năm nào - mắc cạ giữa dòng, nhưng cuối cùng ai cũng tới được bến bờ. Giờ già rồi, ngón tay chai cứng không còn đờn hay được nữa, nhưng trong lòng vẫn ngân nga giai điệu ngày xưa. Cái ngày mà một đám cưới tưởng thất bại... lại trở thành kỷ niệm đẹp nhất xứ này.

Tụi trẻ cưới nhau đâu phải vì ghe xuôi mái chèo, mà bởi giữa dòng nước ngược, còn có người sẵn sàng lội xuống, chịu dính bùn cùng mình. Đó mới thật là nghĩa, là tình.

Cho nên mấy chú đừng sợ mắc cạ.

Miễn có người chịu cùng mình lội bùn... thì thế nào cũng tới bến.



Pho Tượng Thiếu Nữ

Lê Tấn Tài

T huở xưa, ở một làng ven rừng, có người tiểu phu hiền lành, ngày ngày lên núi đốn củi mưu sinh. Một hôm, anh tìm thấy một khúc gỗ quý trong khe đá, vân sắc như mây, mùi thơm ngát như trầm. Anh mừng rỡ đem về, nhưng chẳng biết dùng làm gì, bèn dựng tạm nơi góc nhà, định bụng khi nào cần thì đem bán cho xưởng mộc.

Ít lâu sau, có một nhà điêu khắc lữ hành đi ngang, vừa trông thấy khúc gỗ mắt sáng lên vì thích thú, miệng tấm tắc không ngớt:

— Này anh, khúc gỗ này quý lắm! Nếu tạc thành một pho tượng thiếu nữ, hẳn sẽ đẹp lắm! Anh tiểu phu cười thật thà:

— Ủ thì... ông thích thì cứ làm. Nhưng nhớ trả tiền cho tôi là được.

Nhà điêu khắc vui vẻ, cúi người cảm tạ rồi bắt tay vào việc. Chẳng bao lâu, dưới bàn tay tài hoa, khúc gỗ trở thành một pho tượng thiếu nữ, thướt tha và duyên dáng như tiên giáng trần.

Lại có một họa sĩ tình cờ đi ngang, thấy tượng thì trầm trồ:

— Nét thì có rồi, nhưng nếu điểm thêm màu sắc thì càng tuyệt!

Nhà điêu khắc gặt đầu, họa sĩ bèn cầm cọ, tô son điểm phấn, làm cho gò má ửng hồng, mắt ngài sáng. Không lâu sau, một thợ may ghé qua, vừa nhìn tượng đã kêu lên:

— Mỹ nhân mà trần truồng sao nên! Phải có xiêm y mới tôn vẻ kiều diễm!

Nói rồi, người ấy may cho tượng một bộ y phục óng ánh, gắn thêm mái tóc óng ả, khiến người người qua lại đều dừng chân chiêm ngưỡng, khen ngợi không ngớt. Nhưng dù có đẹp đến đâu, pho tượng ấy vẫn chỉ là gỗ câm nín, vô hồn.

Cho tới khi một đạo sĩ râu tóc bạc phơ đi ngang qua, nhìn tượng rồi khẽ thở dài:

— Ai ai cũng chỉ lo điểm tô hình dáng, mà quên mất điều hệ trọng nhất: linh hồn.

Mọi người ngơ ngác:

— Linh hồn? Một khúc gỗ làm sao có được?

Đạo sĩ không đáp, chỉ khẽ vung tay, niệm vài câu chú, rồi thổi một luồng khí huyền diệu vào giữa trán pho tượng. Lập tức, đôi mắt tượng chớp nhẹ, miệng nhoẻn cười, bước chân uyển chuyển. Một thiếu nữ sống động như người thật hiện ra trước mắt mọi người.

Tiểu phu reo lên:

— Nàng là của tôi! Gỗ do tôi tìm được!

Nhà điêu khắc cãi:

— Không có tôi, nàng chỉ là khúc củi vô danh!

Họa sĩ gắt:

— Nếu không có màu sắc, nàng có khác gì ma gỗ?

Thợ may la lớn:

— Chính y phục của tôi mới khiến nàng trở nên cao sang!

Đạo sĩ chỉ mỉm cười, thông thả nói:

— Tất cả đều chỉ là vật ngoài thân. Chính linh hồn mới làm nên một con người.

Thế là ai cũng cho mình là chủ nhân nàng, đưa nhau đến công đường nhờ quan xử.

Quan phủ vốn là một kẻ mê sắc, ngồi trên ghế cao, nghe xong câu chuyện, liền phán:

— Gỗ là tiểu phu, hình là điêu khắc, màu là họa sĩ, áo là thợ may. Nhưng linh hồn là của đạo sĩ. Vậy nàng thuộc về ông ta!

Thế rồi, khi ánh mắt quan chạm phải nàng, tim bỗng đập rộn ràng. Giọng nàng ngân lên như tiếng tơ đồng, khiến quan mê mẩn. Đêm về, quan nằm trần trọc, mộng mị bóng hình nàng, ăn không ngon, ngủ chẳng yên. Cuối cùng, quan đành cho triệu đạo sĩ tới.

— Bỏn quan muốn người thu lấy linh hồn của nàng! — Quan nghiêng răng gằn giọng. — Từ ngày gặp nàng, ta chẳng còn được yên ổn. Sắc đẹp ấy chính là tai họa!

Đạo sĩ cúi đầu thờ dài:

— Linh hồn đâu phải phẩm vật để cất vào hộp hay giấu trong rương. Nếu quan sợ nàng, thà buông tha còn hơn giam giữ.

Quan trợn mắt giận dữ:

— Người dám cãi lệnh? Được! Hãy để xác nàng ở lại, nhưng hồn phải mang đi cho khuất mắt ta! Đạo sĩ im lặng thi lễ:

— Nếu đó là ý quan...

Nói rồi , ông lảng lạng lui ra. Pho tượng vẫn còn nguyên đó — đường nét mỹ miều, dáng vẻ đầy đặn, nhưng đôi mắt đã thôi lay động, nụ cười tắt ngấm, chỉ còn lớp sơn son thếp vàng lộng lẫy nhưng lạnh lẽo vô cùng.

Quan đem nàng về phủ, đặt trong phòng riêng, ngày đêm ôm ấp, thủ thi tâm tình. Nhưng nàng chỉ im thin thít, không cười, không đáp. Quan phát điên, đập phá đồ đạc, gào thét thảm thiết:

— Sao nàng không yêu ta? Sao nàng nở lạnh nhạt?

Nhưng pho tượng vẫn bất động như khúc gỗ — bởi kỳ thực, nó chỉ là gỗ.

Nhiều năm sau, quan suy sụp cả tinh thần lẫn thể xác. Thiên hạ đồn rằng, ông chết trong cơn mê sảng, miệng vẫn khắc khoải gọi tên nàng — pho tượng đã mất hồn.

Còn đạo sĩ, chẳng ai rõ ông về nơi nao. Kẻ bảo ông lên non tĩnh tâm, người thì nói ông hóa khói trời. Nhưng tất cả đều nhớ như in lời ông từng nói:

“Thân có thể đẹp như hoa, lời có thể ngọt như mật, áo có thể lộng lẫy như gấm thêu, nhưng nếu không có hồn, tất cả chỉ là hư ảnh. Thế gian lắm kẻ mang xác biết đi — mà mấy ai giữ được hồn nguyên vẹn?”

Nhánh Sông Không Tên

Lê Tấn Tài



Tôi trở lại nhánh sông ấy vào một ngày cuối thu, khi gió lùa qua những tán bần nghe như tiếng thở dài của người đã khuất. Tiếng cá quẫy “tôm” dưới lòng xuống làm tôi giật mình. Nhìn xuống, chỉ thấy bóng mình loang lổ giữa dòng nước đen. Chiếc nón lá cũ của má—vật duy nhất tôi mang theo từ thành phố—bất chợt rơi xuống, trôi lênh bênh rồi chìm ngấm. “Để nó

đi,” tôi nghĩ, không với theo. Con lạch nhỏ trước mặt cứ thế mở ra như một vết thương cũ chưa từng khép lại.

Chiếc xuồng máy cũ khua nhẹ mặt nước, rẽ vào một nhánh sông nhỏ mà tôi không còn nhớ tên. Gió chiều thổi qua. Hai bên bờ, những tán bần xòa ra, xanh thẫm, như thể chưa từng bị chặt đốn. Cành lá vươn dài như những cánh tay gầy guộc, muốn níu giữ ai đó quay về. Mùi phù sa quyến với mùi mục rã của lá cây và thời gian.

Tôi về đây không phải để tìm ai. Chỉ là một chuyến đi vô định, sau khi mọi thứ nơi thành phố đã trôi khỏi tay tôi như một vốc nước. Má mắt đã bốn năm. Bốn năm, nhưng tôi vẫn còn nghe tiếng bà ho khan trong giấc ngủ, vẫn thấy bóng bà đứng cuối hành lang, tay cầm chiếc quạt nan đã gãy. Căn chòi năm xưa nghe nói đã sập. Người ta bảo một trận lũ lớn đã cuốn trôi tất cả, nhưng tôi không tin. Tôi biết, nơi này chưa bao giờ buông tha những gì nó đã nuốt vào.

Nhưng khi xuồng quẹo qua khúc ngoặt, tôi thấy nó — cái mái tôn cũ màu gỉ sét — vẫn nằm đó, giữa đám bông súng nở trắng một khoảng trời. Những cánh hoa mỏng manh rung rinh như những ngọn nến ma, thấp sáng cả một vùng nước đen.

Tôi tấp xuồng lại, bước lên bờ. Đất dưới chân mềm nhũn. Cửa không khóa. Trong nhà không có ai. Nhưng vẫn còn hơi người — thứ hơi ẩm kỳ lạ không thể ngủi, nhưng cảm nhận được nơi lòng bàn tay, khi chạm vào vách. Những ngón tay tôi lướt qua lớp bụi mỏng, và bất chợt, tôi thấy lạnh. Trên chiếc bàn nhỏ, có một ly trà còn ấm ấm và một cuốn sổ tay. Nấp ly hơi nghiêng, như thể ai đó vừa đặt xuống rồi vội vã quay đi. Trang đầu tiên ghi một dòng chữ:

“Ai quay lại cũng sẽ gặp chính mình.”

Tôi tưởng như có ai đó vừa rời khỏi căn nhà này chỉ năm

phút trước. Hoặc năm năm. Hoặc chưa từng rời đi.

Ngoài sân, một đứa trẻ đang đứng giữa nắng. Da nó ngăm đen, đầu đội chiếc nón rách, tay cầm con cá nhỏ còn giấy giũa. Con cá mở mang tròn xoe, như thể đang cố nói điều gì.

Tôi ngồi xuống bậc thềm, cách nó một khoảng. Nắng trưa đổ vàng nhưng không ấm, rọi lên mặt nước, tạo thành những vệt sáng lăn tăn, như những ngón tay vô hình đang gõ nhẹ lên sông.

— Cháu ở đâu? — tôi hỏi.

Nó không trả lời ngay. Rồi chậm rãi đưa tay chỉ về phía con sông.

— Dưới đó. Hồi xưa nhà cháu bị nước cuốn. Bà nói: “Chỗ nào có cây gòn mọc lại là chỗ mình từng sống.”

Nó ngừng một chút, rồi nói tiếp:

— Ở đây có cây gòn.

Tôi quay lại nhìn — đúng là phía sau căn chòi có một cây gòn cao, bông trắng bay lả tả như tro tàn trong bếp. Nhưng tôi không nhớ nó từng có ở đây. Hoặc có thể tôi đã quên.

— Cháu tên gì?

— Không có tên. Má cháu chưa kịp đặt. Chú cứ gọi cháu là... “Nhớ” cũng được.

Tôi giật mình. Cái tên vang lên như tiếng ai thì thầm trong giấc mơ cũ, như tiếng má gọi tôi mỗi chiều.

Tôi định hỏi thêm, nhưng nó đã quay đi, bước về phía sau nhà. Tiếng chân không phát ra âm thanh, như thể nó chỉ là một cái bóng. Tôi nghe lá xào xạc, rồi lặng mất.

Tôi đi theo.

Không thấy ai.

Chỉ có hàng cây, một cái võng mục treo lủng lẳng giữa hai cột gỗ đã xiêu. Một đôi dép con nít, một chiếc gậy quai, như thể đứa bé vừa giật mình bỏ chạy. Một tấm hình ó màu dán trên vách — tôi nhận ra mình trong đó, hồi nhỏ, đứng cạnh má, và... một đứa bé lạ mặt, mắt đen sâu hoắm, miệng cười không có răng.

Tôi không nhớ mình đã ở đó bao lâu. Khi trời sụp tối, tôi xuống xuống, nổ máy. Tiếng máy rú lên. Tôi không quay đầu lại. Nhưng trong gương chiếu hậu, tôi thấy căn chòi sáng đèn. Có tiếng ru khe khẽ vọng ra từ phía cây gòn. Giọng hát ấy tôi biết quá rõ — đó là giọng của má.

Và một đứa bé đứng đó, vẫy tay chào, miệng mỉm cười.

Tôi vẫy tay lại, rồi chợt nhận ra:

Tôi không biết mình đang chào ai — nó, hay tôi năm xưa, hay một phần ký ức đã chết từ lâu.

Khi xuống rời xa bến cũ, tôi không dám ngoái nhìn lần cuối. Nhưng đúng khoảnh khắc ấy, trong gương chiếu hậu, hiện lên một hình ảnh rõ ràng đến lạ: một đứa trẻ đang đứng bên bờ, tay vẫy chào. Không phải đứa bé khi nãy — mà chính là tôi thuở ấu thơ.

Mặt nước trước mũi xuống khe gợn sóng, và lần này, khi cúi xuống, tôi thấy rõ hai khuôn mặt: một già nua, mỗi một; một ngây thơ, trong trẻo — cùng tan loãng vào dòng nước đục ngầu. Một làn nước bắn lên, ướt đẫm vai áo, lạnh buốt. Và kỳ lạ thay, giữa lớp sóng đục ấy, chiếc nón lá của mẹ tôi bỗng trôi lên, trôi về phía tôi như một lời mời gọi cuối cùng. Nhưng lần này, sông không trả lại thứ gì còn nguyên vẹn — chiếc nón phủ đầy rong rêu. Nhánh sông không tên ấy giờ đây đã hóa thành dòng chảy của thời gian, mãi mãi giữ lại phần đời tôi đã đánh mất.



Mục Lục

1. Lời Tựa.....	1
2. Ván Cờ Trăm Năm	3
3. Ngày Mặt Trời Nổi Giận	9
4. Tết Thiên	19
5. Thần Thiện Và Thần Ác.....	23
6. Cậu Bé Chia Sẻ Ánh Sáng	27
7. Bộ Não Robot	33
8. Món Quà Lễ Tạ Ơn	45
9. Phép Mầu Giáng Sinh.....	49
10. Ánh Hào Quang Cuối Ngày	53
11. Ánh Lửa Cuối Đêm Rừng	67
12. Đốm Lửa Giữa Rừng U Minh	73
13. Xóm Rạch Bần.....	79
14. Mũi Dao Cuối Cùng.....	87
15. Bằng Khen Vàng.....	91
16. Người Mơ Giấc Bướm	99
17. Chuyện Học Trò	105
18. Người Giữ Lửa	115
19. Bồng Bênh Trên Dòng Cù Long	121
20. Trà Chiều Lạc Dương	133
21. Khổng Tử Gặp Đạo Chích.....	139
22. Người Gõ Chuông Trong Rừng Kỳ Sơn	143

23. Bữa Tiệc Của Các Triết Gia.....	151
24. Một Ngày Ở Bến Sông.....	161
25. Bánh Tét Bà Bảy.....	175
26. Chuyến Đò Cuối.....	179
27. Tiệm Ảnh Hết Phim.....	187
28. Dưới Mái Tôn Cũ.....	191
29. Chiếc Đồng Hồ Cổ.....	195
30. Tro Bếp.....	199
31. Lò Rèn Cuối Xóm.....	203
32. Những Giọt Sương.....	209
33. Tân Niên Cảm Tác.....	213
34. Chuyện Ngày Xưa.....	219
35. Đường Về Thiên Thai.....	223
36. Viết Cho Bạn Già.....	227
37. Dòng Đời.....	233
38. Một Chút Thoáng Qua.....	235
39. Cô Đơn.....	239
40. Bọt Biển.....	243
41. Sao Đêm.....	247
42. Hương Cau Mùa Xưa.....	255
43. Nhớ Tết.....	259
44. Ước Mơ.....	263
45. Chiếc Cầu Vòng.....	267
46. Những Cơn Mưa.....	271
47. Những Giọt Nước.....	277
48. Những Giọt Nước Mắt.....	283
49. Mùa Xuân Vĩnh Cửu.....	287
50. Giọt Nắng.....	295
51. Hạt Chuối Bô Đề.....	301
52. Ký Ưc Ngày Mưa.....	305

53. Sống Bình An	307
54. Đi Tìm Hạnh Phúc	313
55. Sống Thực Với Hiện Tại	321
56. Phong Cách Sống	327
57. Quy Luật Cuộc Sống	329
58. Vượt Khó	333
59. Bài Học Cuộc Sống	337
60. Nghĩ Về Cuộc Sống	341
61. Hành Trang Vào Đời.....	351
62. Hiểu Mình.....	357
63. Niềm Tin Và Hy Vọng	363
64. Sống Đời Bình An.....	367
65. Sống Giản Dị	371
66. Chân Nhân	375
67. Hiện Sinh Và Tỉnh Thức	389
68. Lặng Giữa Lưng Trời	395
69. Dưới Đáy Sông Hào.....	399
70. Tĩnh Lặng Dưới Trăng.....	403
71. Ao Quê	411
72. Tre Trúc Làng Quê.....	415
73. Huyền Thoại Tình Yêu.....	419
74. Bóng Người Hư Ảo.....	427
75. Trăng Soi Đá Mộng.....	433
76. Bữa Tiệc Cúng Rằm	437
77. Chuyến Xe Ôm	441
78. Tiếng Rao Trên Phố Ngủ Quên.....	445
79. Hương Vị Nhà Quê.....	449
80. Ghe Cưỡi Mắc Cạn.....	455
81. Pho Tượng Thiếu Nữ.....	463
82. Nhánh Sông Không Tên.....	467

